



CHINH PHỤC CHÂN TRỜI MỚI
Ngân Hàng Xanh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018




Chinh phục chân trời mới
bền vững
Ngân hàng Xanh

MỤC LỤC

01	trang 04	05	trang 88
GIỚI THIỆU CHUNG		BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
02	trang 32	06	trang 94
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN		QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
03	trang 52	07	trang 166
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2018		PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	
04	trang 72	08	trang 180
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC		BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018	





Hướng đến **bền vững** Chinh phục tương lai

HDBank hướng đến mục tiêu ngân hàng xanh và xa hơn nữa là ngân hàng bền vững. Qua đó góp phần vào các hoạt động kinh tế, xã hội giảm thiểu tác động môi trường cho tương lai.

GIỚI THIỆU CHUNG

06

THÔNGIỆP CỦA
CỔ ĐÔNG LỚN - PHÓ CHỦ
TỊCH THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

08

THÔNGIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ

10

THÔNGIỆP CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC

12

TẦM NHÌN / SỨ MỆNH /
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

14

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT,
BAN ĐIỀU HÀNH

20

CƠ CẤU BỘ MÁY
QUẢN LÝ CỦA HDBANK

22

NHỮNG DẤU ẤN VÀ
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

30

CÁC CHỈ TIÊU
HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2018

THÔNG điệp CỦA CỔ ĐÔNG LỚN - PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cào đón một mùa Đại hội cổ đông mới đầy lạc quan và hứa hẹn, 2019 đánh dấu chặng đường hình thành và phát triển của HDBank bước sang năm thứ 30. Hành trình ấy khởi đầu từ thập niên 90 của thế kỷ trước, khi HDBank như một mầm xanh, đầy sức sống được gieo trên cánh đồng hoang sơ, rộng mở của thị trường tài chính - ngân hàng Việt Nam. Có cơ hội để vươn cành, tỏa lá trong không gian và chiếm lĩnh các đỉnh cao, Mầm xanh ấy đồng thời đã đối diện bao thách thức của môi trường kinh tế trong nước còn khó khăn thời đổi mới lẫn bối cảnh quốc tế đầy biến động. Gần một phần ba thế kỷ, HDBank từng ngày được nuôi dưỡng, chăm chút bởi những đôi bàn tay và khối óc đầy bản lĩnh, tầm nhìn xa rộng, uyển chuyển, linh hoạt trước mọi thay đổi của thị trường, vẫn luôn kiên định với khát vọng xây dựng ngân hàng hàng đầu về bán lẻ - tiêu dùng - SME, để đóng góp lớn nhất cho sự phát triển đất nước.

Trên hành trình 30 năm chinh phục thị trường, HDBank luôn hướng đến phát triển bền vững, gắn kết với cộng đồng trong nỗ lực mang lại những lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác, tập thể đại gia đình cán bộ nhân viên HDBank. Một trong những định hướng thể hiện triết lý “ngân hàng xanh” của HDBank trong chặng đường 2018 - 2019, bao gồm các giá trị cốt lõi, lấy khách hàng làm trọng tâm, nhất quán và linh hoạt, hiệu quả và sáng tạo, trung thực và trách nhiệm.

Hành trình “Ra khơi” của HDBank ở 2018 được tiếp nối ở năm 2019, khởi đầu rực rỡ cùng khát vọng thực thi các mục tiêu lớn trong kế hoạch 5 năm 2017 - 2021. Trên nền tảng đã được dựng xây của gần 30 năm phát triển và đặc biệt của 10 năm tăng trưởng vượt bậc tới 20 lần so với trước, trong đó gần nhất có giai đoạn 2011-2016 với các thương vụ M&A tiên phong để mở rộng và hoàn chỉnh các lợi thế đặc quyền, con tàu HDBank đã tiếp tục chinh phục thành công chân trời mới - chân trời “ngân hàng xanh”. Đồng nghĩa rằng HDBank giờ đây là một hệ thống tận tâm, gắn kết, quan hệ thân thiết, hòa hợp, tạo dựng và mang đến các giá trị xanh, bền vững cho mọi thành phần, cho sự phát triển của hệ thống ngân hàng đến của cả nền kinh tế. HDBank lựa chọn tiếp cận và phục vụ khách hàng trong hệ sinh thái xanh rộng lớn bao gồm ngân hàng - tài chính - bán lẻ - tiêu dùng - hàng không, với các sản phẩm, dịch vụ được thiết kế phù hợp từng nhóm đối tượng, từng chuỗi giá trị, đáp ứng nhu cầu người dùng theo khu vực địa lý, đặc điểm ngành nghề, mức thu nhập và nhân khẩu học. Những nỗ lực “xanh hóa” chất lượng hoạt động cùng sự đầu tư bài bản cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ vào sản phẩm, dịch vụ của HDBank, đi trước, đón đầu công nghệ 4.0 trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng đã và đang mang đến những trải nghiệm hài lòng, tin cậy nhất trên toàn thị trường.

Nhìn lại hải trình dài rộng, tăng tốc mạnh mẽ của HDBank sau gần 30 năm qua, chúng ta vui mừng, tự hào khi “mầm xanh” ngày nào phát triển thành cây cao, tỏa đầy bóng mát, là một trong những trụ cột của ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam. Chỉ tính riêng 10 năm từ 2008 - 2018, quy mô tổng tài sản của HDBank đã tăng hơn 22 lần, đạt 216.057 tỷ đồng. HDBank tham gia tích cực, hiệu quả vào quá trình tái cơ cấu ngành và được vinh danh là “Ngân hàng có chiến lược M&A tốt nhất thập kỷ”. Năng lực và kinh nghiệm M&A của HDBank ngày nay đã trở thành lợi thế đặc biệt, riêng có để ngân hàng luôn sẵn sàng nắm bắt mọi cơ hội tạo tiền đề đột phá hơn nữa, mở rộng hơn nữa quy mô, sức mạnh tài chính, tầm ảnh hưởng, phát huy tối đa khả năng phục vụ khách hàng hiện hữu và tương lai. Qua đó, cùng đóng góp cho sự phát triển bền vững của hệ thống, của ngành.

Uy tín và vị thế thị trường của HDBank không chỉ được khẳng định trong nước, đã vươn tầm trên thị trường quốc tế. HDBank được cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's xếp hạng tín nhiệm ở mức B1 với triển vọng Ổn định. Cổ phiếu HDB của HDBank sau khi niêm yết trên thị trường đã mang lại giá trị tăng trưởng cho nhà đầu tư, được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng ở mức gần tối đa tỷ lệ sở hữu theo quy định, với sự tham gia nắm giữ của nhiều tổ chức, định chế hàng đầu và của các quỹ đầu tư thuộc Chính phủ nước ngoài, khẳng định niềm tin và lợi ích cổ đông HDBank, đồng thời gia tăng sức hút, góp phần vào sự phát triển thị trường vốn Việt Nam.

HDBank hướng tới năm 2019 với quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu được dự báo còn nhiều thách thức tiềm ẩn, bao gồm rủi ro từ chiến tranh thương mại, Brexit và Mỹ tăng lãi suất, HDBank tin tưởng rằng với năng lực và bản lĩnh của đội ngũ lãnh đạo, sự ủng hộ của khách hàng, đối tác, cổ đông và người lao động, HDBank sẽ tiếp tục là “ngân hàng xanh” phát triển đột phá, bền vững, luôn thành công trên hành trình chinh phục những chân trời mới, những kỳ tích mới.

Thay mặt Nhà sáng lập - Cổ đông lớn



**Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

“Với năng lực và bản lĩnh của đội ngũ lãnh đạo, sự ủng hộ của khách hàng, đối tác, cổ đông và người lao động, HDBank sẽ tiếp tục là “ngân hàng xanh” phát triển đột phá, bền vững, luôn thành công trên hành trình chinh phục những chân trời mới, những kỳ tích mới.”

**Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng Quản trị
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
LÊ THỊ BĂNG TÂM

“Sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Nhà đầu tư là động lực để chúng ta tiếp tục hành trình chinh phục chân trời mới, hướng đến tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng.”

Thân gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên HDBank,

Năm 2018, kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều chỉ tiêu quan trọng. Thị trường tài chính - ngân hàng có nhiều tín hiệu tích cực như kết quả kinh doanh khởi sắc, thanh khoản hệ thống được đảm bảo, lãi suất và tỷ giá ổn định, nền tảng tài chính tiếp tục được củng cố, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Thị trường chứng khoán cũng tăng trưởng vượt bậc về quy mô với giá trị vốn hóa đạt khoảng 75% GDP.

Cùng với những thành tựu chung của nền kinh tế, năm 2018 đã chứng kiến sự trưởng thành và phát triển mạnh mẽ của HDBank trong hoạt động kinh doanh. Vị thế của HDBank không ngừng được nâng cao và nằm trong TOP đầu các ngân hàng hoạt động hiệu quả, thể hiện sức mạnh tài chính và uy tín vượt trội. Ngày 05/01/2018, HDBank niêm yết thành công cổ phiếu HDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn thị trường chứng khoán có nhiều biến động, cổ phiếu HDB vẫn luôn ổn định, được giới đầu tư trong nước cũng như quốc tế quan tâm, tin tưởng và được đánh giá nằm trong TOP 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất thị trường.

Năm 2018 ghi nhận hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh của HDBank có những tăng trưởng đáng kể so với năm 2017:

- Tổng tài sản đạt 216.057 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2017;
- Tổng huy động đạt 186.722 tỷ đồng, tăng 9,5% so với năm 2017;
- Tổng dư nợ tín dụng đạt 129.624 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2017;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 4.005 tỷ đồng, tăng 65,7% so với năm 2017;
- Hệ số sinh lời trên tài sản bình quân (ROAA) và hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) lần lượt đạt 1,6% và 20,3%;
- Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ HDBank được kiểm soát chặt ở mức 1,1% - thuộc nhóm thấp nhất toàn ngành.

Cùng với kết quả vượt trội trong hoạt động kinh doanh, đến cuối năm 2018, HDBank đã hoàn thành mục tiêu:

- Triển khai các phương án nhằm gia tăng quy mô vốn, tài sản, nâng cao năng lực tài chính, quản trị rủi ro của Ngân hàng;
- Hoạt động đầu tư vốn và phát triển dịch vụ ngân hàng thông qua việc sử dụng mối liên kết với các công ty thành viên, các đối tác lớn (Vietjet Air, các Tập đoàn doanh nghiệp trong nước, các đối tác nước ngoài), mang lại những lợi ích đáng kể cho HDBank;
- Công tác ứng dụng công nghệ vào quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng được đẩy mạnh.

Những thành quả này đạt được là nhờ vào sự quyết tâm, nỗ lực to lớn của toàn thể lãnh đạo và 13.992 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống HDBank, với mạng lưới hoạt động 285 điểm giao dịch ngân hàng và 13.825 điểm giao dịch tài chính trên khắp cả nước cùng sự hỗ trợ của hơn 6.000 cổ đông trong và ngoài nước, đặc biệt là sự tin tưởng của gần 7 triệu khách hàng.

Thương hiệu, uy tín và hình ảnh của HDBank không ngừng được nâng cao. Điều đó được minh chứng thông qua các danh hiệu, giải thưởng uy tín được các tổ chức trong nước và quốc tế bình chọn và trao tặng như “Ngân hàng Bán lẻ Tiêu biểu năm 2018”, “Ngân hàng có Dịch vụ Quản lý tiền mặt tốt nhất 2018”, “Doanh nghiệp Quản lý tốt nhất”,... Đặc biệt, tổ chức đánh giá tín nhiệm hàng đầu thế giới Moody’s trong năm 2018 đã nâng bậc xếp hạng tín nhiệm của HDBank lên mức B1 với triển vọng Ổn định.

Năm 2019 là năm thứ 3 trên hành trình thực hiện chiến lược 5 năm 2017 – 2021 của HDBank với các mục tiêu, nhiệm vụ được Hội đồng Quản trị đặt ra:

- Hoàn thành công việc liên quan đến áp dụng các mô hình Quản lý rủi ro hiện đại, đổi mới công nghệ;
- Triển khai áp dụng Basel II vào công tác Quản trị rủi ro ngân hàng tiệm cận thông lệ quốc tế;
- Tiếp tục nghiên cứu, thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh của HDBank, đa dạng hóa nguồn vốn huy động, tái cấu trúc cơ cấu tài sản nhằm gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời.

Để đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ này, Hội đồng Quản trị mong muốn toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên HDBank tiếp tục nỗ lực, đoàn kết, cùng nhau làm tốt các công tác, chức năng của mình trong hệ thống, vì thương hiệu HDBank tầm vóc và ngày càng lớn mạnh cùng một hệ thống tài chính - ngân hàng cạnh tranh cùng thị trường khu vực.

Sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Khách hàng, Quý Cổ đông, Nhà đầu tư là động lực để chúng ta tiếp tục hành trình chinh phục chân trời mới, hướng đến tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị HDBank

Chủ tịch Hội đồng Quản trị **LÊ THỊ BĂNG TÂM**

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU ĐẶNG

Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, HDBank định hướng trở thành “Ngân hàng xanh” trong mọi hoạt động, mang đến lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động.

Thưa Quý khách hàng, Quý cổ đông, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên HDBank,

Năm 2018 là năm thứ 2 HDBank hoàn thành nhiệm vụ trên chặng đường của kế hoạch 5 năm 2017 - 2021, với nhiều dấu ấn góp phần nâng cao vị thế của HDBank. Cùng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, đồng lòng quyết tâm của Ban lãnh đạo và tập thể Cán bộ nhân viên và đặc biệt là sự tin tưởng của cổ đông, sự hài lòng của khách hàng đã tạo nên những cột mốc lớn trong năm 2018 và tạo đà cho những bước đi mới, phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2019.

Với mục tiêu HDBank trở thành ngân hàng thương mại thuộc top dẫn đầu tại Việt Nam và hiện diện tại khu vực Đông Nam Á, cuối năm 2018, HDBank ghi nhận kết quả lợi nhuận trước thuế đạt 4.005 tỷ đồng, tăng 65,7% so với năm 2017 và hoàn thành 101,8% kế hoạch đã cam kết với nhà đầu tư và cổ đông. Hệ thống mạng lưới trải rộng với 285 điểm giao dịch ngân hàng và 13.825 điểm giao dịch tài chính, đưa HDBank đến gần hơn với mọi người dân, đặc biệt là cư dân tại các khu vực còn khó khăn trong việc tiếp cận các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, giúp họ phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống.

Trong gần 30 năm hình thành và phát triển, sự cống hiến của gần 14.000 cán bộ nhân viên HDBank đã tạo nên sức mạnh cho HDBank - ngân hàng TOP đầu trên thị trường. Đứng trước xu thế hội nhập và các cơ hội, thách thức mở ra từ kỷ nguyên số đến làn sóng số hóa tài chính - ngân hàng, chúng ta càng cần có nhiều hơn những suy nghĩ và hành động đổi mới quyết liệt, để mang đến các thành tựu mới như đã ghi nhận trong năm 2018. Bên cạnh việc đa dạng hóa sản phẩm thì chất lượng dịch vụ và sự tiện lợi, cảm giác an toàn trong mọi trải nghiệm của khách hàng trên các kênh tương tác luôn được HDBank chú trọng. HDBank đã và đang tích cực ứng dụng công nghệ tiên tiến vào công tác quản trị, đảm bảo các chỉ số đáp ứng tốt yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Hưởng ứng chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, HDBank định hướng trở thành “Ngân hàng xanh” trong mọi hoạt động, mang đến lợi ích cao nhất cho khách hàng, cổ đông, đối tác và người lao động. Ngân hàng đẩy mạnh các sản phẩm hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động thân thiện với môi trường, tài trợ các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và năng lượng tái tạo, vừa tạo nền tảng phát triển bền vững của chính ngân hàng, vừa mang đến sự ảnh hưởng trực tiếp đến các cộng đồng kinh tế, lĩnh vực kinh doanh theo hướng thúc đẩy kinh tế xanh và sáng tạo.

Luôn tận tâm đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng, hàng năm, HDBank thực hiện nhiều chương trình trách nhiệm xã hội thiết thực với sự đóng góp của cán bộ nhân viên HDBank nhằm san sẻ khó khăn với những hộ gia đình nghèo, người già neo đơn, trẻ em mồ côi, khuyết tật và những hoàn cảnh kém may mắn.

Khép lại một năm tăng trưởng ấn tượng, ngân hàng xanh HDBank đặt mình trước những dự báo về cơ hội và môi trường kinh doanh còn nhiều chuyển động phía trước. Chúng ta dự báo kinh tế và ngành tài chính - ngân hàng Việt Nam dù tiếp tục hưởng lợi từ nền tảng vĩ mô ổn định và chính sách tiền tệ linh hoạt, hiệu quả, từ nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp của Chính Phủ, vẫn có khả năng chịu tác động bất lợi nhất định từ những biến động trên thị trường tài chính, tiền tệ và thương mại quốc tế. Dù vậy, HDBank tự tin hướng đến năm 2019 với các mục tiêu:

- Thứ nhất, tăng trưởng hiệu quả, lợi nhuận và các chỉ số tài chính đạt theo chiến lược và cam kết với nhà đầu tư;
- Thứ hai, phát triển sản phẩm, dịch vụ đặc trưng HDBank, khai thác khách hàng trong hệ sinh thái, phát triển tín dụng xanh;
- Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tốt chất lượng tín dụng;
- Thứ tư, phát triển mạnh mẽ dịch vụ ngân hàng điện tử và từng bước chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số hiện đại, bắt nhịp cùng xu hướng quốc tế và cuộc cách mạng công nghệ 4.0; đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ;
- Thứ năm, đẩy mạnh thương hiệu HDBank trên thị trường Tài chính - Ngân hàng trong nước và quốc tế.

Quyết tâm thực hiện đồng bộ các mục tiêu trên, tôi tin tưởng năm 2019 HDBank sẽ tiếp tục bứt phá, khẳng định vị thế Ngân hàng hàng đầu trong nền kinh tế Việt Nam và khu vực.

Tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của cổ đông và nhà đầu tư, sự hài lòng và đồng hành của khách hàng cùng HDBank. Tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới để cùng HDBank gặt hái những thành tựu, đỉnh cao mới.

Thay mặt Ban Điều hành HDBank



Tổng Giám đốc **NGUYỄN HỮU ĐẶNG**

I TÂM NHÌN

Trở thành một tập đoàn tài chính hàng đầu với cốt lõi là Ngân hàng thương mại thuộc top dẫn đầu tại Việt Nam, có sản phẩm và dịch vụ khách hàng vượt trội, mạng lưới quốc tế, hoạt động hiệu quả và có thương hiệu được các khách hàng tự hào tin dùng.

I SỬ MỆNH

Đối với khách hàng

HDBank cam kết mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng bằng các giải pháp tài chính trọn gói và sáng tạo, đáp ứng được nhu cầu đa dạng và luôn thay đổi dựa trên sự thấu hiểu khách hàng.

Đối với nhân viên

HDBank tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thú vị và có mức đãi ngộ xứng đáng giúp nhân viên có thể học hỏi, sáng tạo và cống hiến để cùng thành đạt về sự nghiệp.

Đối với đối tác

HDBank cam kết tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và các đối tác nhờ tăng trưởng mạnh và bền vững đi cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả và quản lý rủi ro chặt chẽ.

I GIÁ TRỊ CỐT LÕI

▶ TRUNG THỰC VÀ TRÁCH NHIỆM

HDBank là một tập thể đáng tin cậy, trung thực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

▶ KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

HDBank luôn coi khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của ngân hàng và luôn phấn đấu đáp ứng tốt nhất những mong đợi của khách hàng.

▶ NHẤT QUÁN VÀ LINH HOẠT

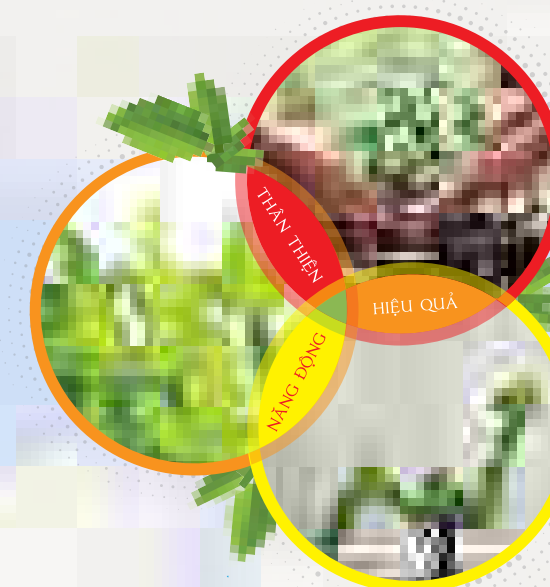
HDBank hiểu rõ mục tiêu của mình và nhất quán trong việc theo đuổi các mục tiêu đó. Trong hành động, chúng tôi luôn năng động và linh hoạt để đạt được mục tiêu đã đề ra.

▶ HIỆU QUẢ VÀ SÁNG TẠO

HDBank không ngừng học hỏi, sáng tạo và tự hoàn thiện để hoạt động hiệu quả và vượt trội trong việc phục vụ khách hàng.

▶ CHUYÊN NGHIỆP VÀ HỢP TÁC

HDBank làm việc và ứng xử một cách chuyên nghiệp. HDBank chia sẻ và hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và đối tác dựa trên sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.



Hội đồng Quản trị



Hội đồng Quản trị của HDBank gồm chín (09) thành viên

- | | | | | | | | | |
|--|--|---|---|---|---|--|--|--|
| Bà LÊ THỊ BĂNG TÂM
Chủ tịch Hội đồng
Quản trị | Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Phó Chủ tịch Thường trực | Ông NGUYỄN THÀNH ĐÔ
Phó Chủ tịch, Thành viên
Hội đồng Quản trị độc lập | Ông LÝ VINH QUANG
Thành viên Hội đồng
Quản trị độc lập | Ông LƯU ĐỨC KHÁNH
Phó Chủ tịch
Hội đồng Quản trị | Bà NGUYỄN THỊ TÂM
Thành viên Hội đồng
Quản trị | Ông NGUYỄN HỮU ĐẶNG
Thành viên Hội đồng
Quản trị, Tổng Giám đốc | Ông CHU VIỆT CƯỜNG
Thành viên Hội đồng
Quản trị | Ông LIM PENG KHOON
Thành viên Hội đồng
Quản trị |
|--|--|---|---|---|---|--|--|--|

Ban Kiểm soát



Ban Kiểm soát hiện tại của HDBank
gồm ba (03) thành viên

Bà NGUYỄN THỊ TÍCH
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông ĐÀO DUY TƯỜNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà NGUYỄN THỊ PHỤNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Điều hành



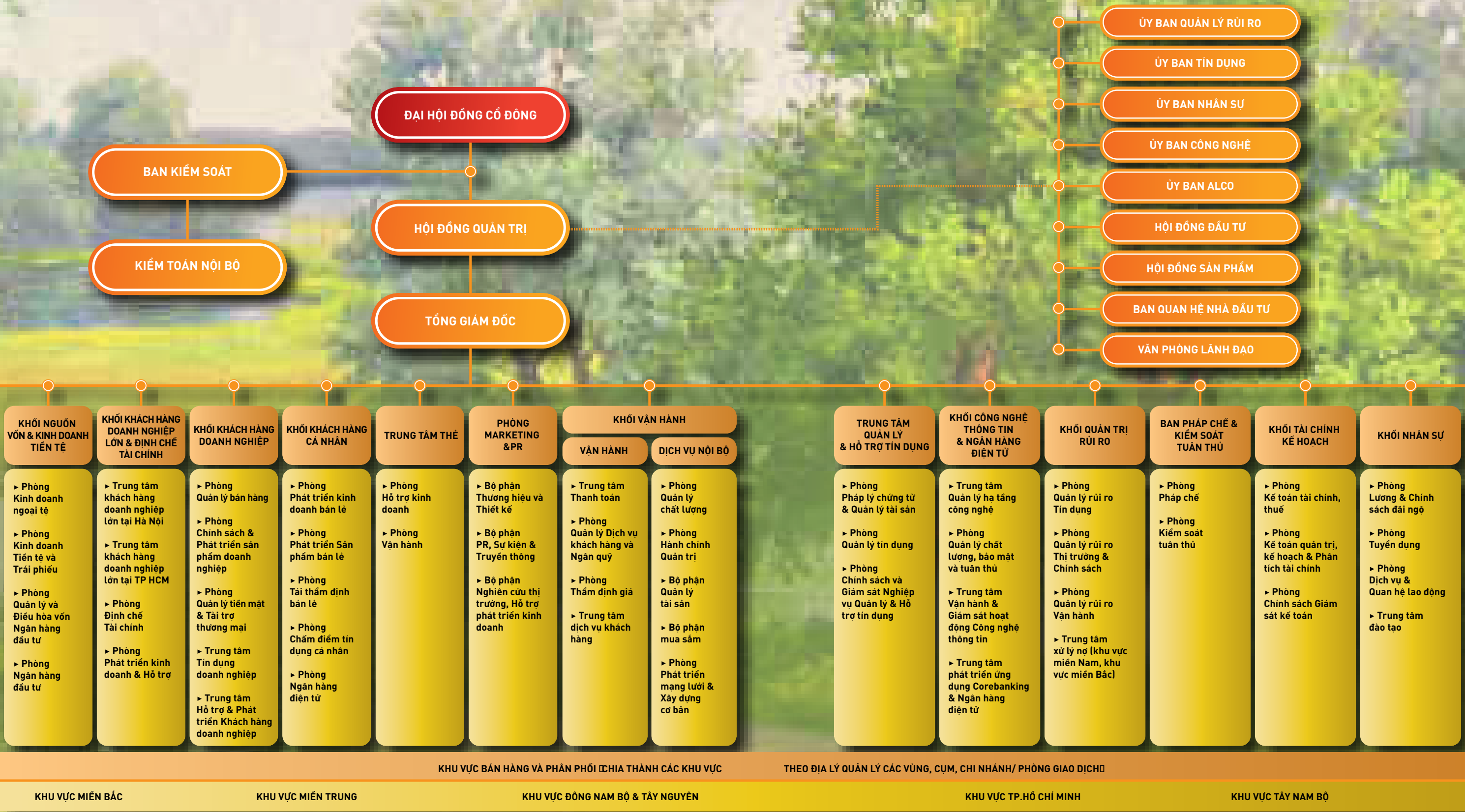
Ban Điều hành hiện tại của HDBank gồm mười ba (13) thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1 Ông NGUYỄN HỮU ĐẶNG | Tổng Giám đốc |
| 2 Bà NGUYỄN ĐOÀN DUY ÁI | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Bà PHAN THỊ TRÂM ANH | Giám đốc Khối Vận hành |

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| 4 Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 Ông TRẦN QUỐC ANH | Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân |
| 6 Ông TRẦN HOÀI NAM | Phó Tổng Giám đốc |
| 7 Bà HỒ ĐẶNG HOÀNG QUYÊN | Kế Toán Trưởng |
| 8 Ông NGUYỄN MINH ĐỨC | Phó Tổng Giám đốc |

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 9 Ông LÊ THÀNH TRUNG | Phó Tổng Giám đốc |
| 10 Ông LÊ THANH TÙNG | Phó Tổng Giám đốc |
| 11 Ông PHẠM QUỐC THANH | Phó Tổng Giám đốc |
| 12 Ông PHẠM VĂN ĐẦU | Giám đốc Tài chính |
| 13 Ông TRẦN THÁI HOÀ | Phó Tổng Giám đốc |

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA HDBANK



NHỮNG ĐẦU ẮN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



1

CỔ PHIẾU HDBANK ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA MẠNH NHẤT NGÀNH NGÂN HÀNG NĂM 2018, ĐƯỢC CHỌN VÀO DANH MỤC VN30

Sáng ngày 05/01/2018, gần 981 triệu cổ phiếu của HDBank (mã chứng khoán "HDB") đã chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và nhanh chóng đưa Ngân hàng vào top 20 doanh nghiệp có giá trị vốn hóa lớn nhất. Đặc biệt, kết thúc năm 2018, HDB là mã cổ phiếu ngân hàng được các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhiều nhất, với khối lượng mua ròng đạt hơn 52 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị giao dịch hơn 2.330 tỷ đồng. Đồng thời, HDB cũng là một trong 4 cổ phiếu được HOSE bổ sung vào danh mục VN30 trong kỳ xét duyệt tháng 01/2019, đánh dấu HDB chính thức vào Top 30 cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản tốt nhất.

2

MOODY'S NÂNG BẬC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA HDBANK LÊN B1

**Moody's
INVESTORS SERVICE**

Tháng 10/2018, Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service đã công bố nâng bậc xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ) và xếp hạng nhà phát hành dài hạn của HDBank lên mức B1 với triển vọng xếp hạng duy trì mức Ổn định. Đồng thời, Moody's đã nâng bậc xếp hạng tín nhiệm cơ sở (BCA) và xếp hạng BCA sau điều chỉnh của HDBank lên thêm một bậc; mức xếp hạng Rủi ro Đối tác dài hạn (CRR) và Đánh giá Rủi ro Đối tác của Ngân hàng được Moody's tiếp tục ấn định ở mức B1.

Việc được Moody's nâng bậc xếp hạng tín nhiệm lên B1, chỉ thấp hơn một bậc so với xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam đã khẳng định năng lực tài chính, quản trị rủi ro và hiệu quả kinh doanh của HDBank tiệm cận với các chuẩn mực đánh giá khắt khe nhất của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

3

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ

Năm 2018, HDBank đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 4.005 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay và tăng 65,7% so với năm 2017. Tổng thu nhập hoạt động đạt 9.440 tỷ đồng, tăng 25,8%. Các hệ số khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROAE) và khả năng sinh lời trên tài sản (ROAA) đều cao hơn năm 2017, đạt lần lượt 20,3% và 1,6% - thuộc top dẫn đầu toàn ngành.

Quy mô tài sản của HDBank đến 31/12/2018 đạt 216.057 tỷ đồng, tăng trưởng 14,1% so với năm 2017. Tổng huy động đạt 186.722 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tăng 14,0% lên 16.828 tỷ đồng và đã sẵn sàng đáp ứng tiêu chuẩn Basel II khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

4

HDBANK DÀNH 17.000 TỶ ĐỒNG TÍN DỤNG XANH HỖ TRỢ CÁC DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Năm 2018 đánh dấu một năm đặc biệt tích cực của HDBank trong thúc đẩy và tài trợ các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển năng lượng xanh, thân thiện với môi trường. Cụ thể, Ngân hàng đã công bố dành gói tín dụng 10.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi để tài trợ cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch trên cả nước.

Đồng hành với doanh nghiệp thúc đẩy ứng dụng các công nghệ 4.0 vào phát triển nông nghiệp, HDBank đồng thời cũng dành gần 7.000 tỷ đồng cho các dự án năng lượng mặt trời. Bên cạnh các dự án lớn dành cho các doanh nghiệp, ngân hàng cũng dành gói tín dụng ưu đãi cho các hộ gia đình và doanh nghiệp có nhu cầu lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời tại gia đình và cơ sở sản xuất để phục vụ nhu cầu điện sinh hoạt và sản xuất kinh doanh.

Các gói tín dụng xanh nêu trên không chỉ hỗ trợ tích cực cho chủ trương của Chính phủ trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất nông nghiệp và chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, mà còn một lần nữa khẳng định hình ảnh của HDBank – một Ngân hàng xanh, luôn hướng đến sự phát triển an toàn, bền vững và vì lợi ích chung của cộng đồng.





5

HDBANK ĐƯỢC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ BỘ TÀI CHÍNH CHỌN PHỤC VỤ 9 DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA

Năm 2018, HDBank là một trong số ít ngân hàng thương mại cổ phần được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn làm ngân hàng phục vụ cho 2 dự án sử dụng vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) với tổng trị giá 250 triệu USD do Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ. Với 2 dự án mới này, HDBank đã được giao làm Cơ quan cho vay lại và là Ngân hàng phục vụ tại 9 dự án sử dụng vốn ODA từ WB, ADB, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và nhiều cơ quan hỗ trợ phát triển uy tín hay Chính phủ các quốc gia, với tổng trị giá vốn quản lý tương đương 750 triệu USD.

Việc HDBank nhiều năm liên được Chính phủ và Bộ Tài chính lựa chọn tham gia hỗ trợ các dự án sử dụng nguồn vốn ODA đã khẳng định sự tin tưởng của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đối với Ngân hàng. Đồng thời, thành công này giúp nâng cao vị thế và uy tín thương hiệu HDBank trong hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế, là minh chứng cho cam kết và nỗ lực của HDBank trong việc đem lại lợi ích cao nhất cho cộng đồng, xã hội, phục vụ sự phát triển của đất nước.

6

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CỦA HDBANK VƯỢN TẦM QUỐC TẾ

Năm 2018, HDBank đã lần đầu giành giải thưởng Ngân hàng có Dịch vụ Quản lý Tiền mặt tốt nhất Châu Á - Thái Bình Dương do tổ chức Euromoney trao tặng. Giải thưởng này không chỉ ghi nhận những nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên HDBank thời gian qua, mà còn giúp khẳng định chất lượng dịch vụ quản lý tiền mặt của HDBank đã tiệm cận chuẩn mực dịch vụ tốt nhất trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Quản lý tiền mặt là một trong những sản phẩm thế mạnh của HDBank, hướng tới đối tượng khách hàng doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa & nhỏ. Với các giải pháp công nghệ hiện đại, hiệu quả, được thiết kế phù hợp với từng nhóm khách hàng, dịch vụ quản lý tiền mặt của HDBank giúp khách hàng gia tăng hiệu quả quản lý dòng tiền, tiết kiệm chi phí tài chính, rút ngắn thời gian giao dịch và giảm thiểu rủi ro. Đến nay, rất nhiều doanh nghiệp lớn như Vietjet Air, Vinamilk, Coca Cola Việt Nam,... đã và đang tin tưởng sử dụng dịch vụ quản lý tiền mặt của HDBank.



7

HDBANK BỘI THU GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Năm 2018, HDBank tiếp tục được vinh danh, đánh giá cao và nhận nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước. Những giải thưởng tiêu biểu là: Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng, Báo cáo thường niên HDBank 2017 đạt giải Bạch kim - Giải thưởng cao nhất trong cuộc thi Vision Award do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Mỹ (LACP) tổ chức, HDBank có Dịch vụ thanh toán quốc tế xuất sắc toàn cầu do Ngân hàng J.P Morgan Chase trao tặng, Doanh nghiệp có chiến lược M&A tiêu biểu nhất của Thập kỷ (2009 - 2018) và Thương vụ IPO tiêu biểu do Báo Đầu tư bình chọn,...

Nhiều giải thưởng vinh danh và ghi nhận HDBank ở góc độ thương hiệu, điều kiện việc làm và nghề nghiệp lý tưởng cũng được các tổ chức quốc tế khảo sát, đánh giá để trao tặng HDBank. Nổi bật là giải "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á năm 2018" do Tổ chức HR Asia bình chọn, Top 40 thương hiệu công ty giá trị nhất Việt Nam do Tạp chí Forbes bình chọn, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) cũng vinh danh HDBank với giải Ngân hàng Bán lẻ Tiêu biểu năm 2018,...



8

HDBANK GIỮ VỮNG VỊ THẾ SỐ 1 THỊ TRƯỜNG VỀ HỆ THỐNG ĐIỂM GIAO DỊCH NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH TIÊU DÙNG

Năm 2018, HDBank đã mở mới 40 phòng giao dịch và 5 chi nhánh trên cả nước, hoàn tất kế hoạch phát triển mạng lưới được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt năm 2018, nâng hệ thống giao dịch của HDBank lên 285 điểm. Đáng chú ý là hầu hết các điểm giao dịch mới này đều được Ngân hàng mở tại các đô thị loại hai và khu vực nông thôn - nơi người dân chưa có nhiều điều kiện tiếp cận với các dịch vụ tài chính, ngân hàng hiện đại. Bên cạnh đó, công ty tài chính tiêu dùng HD SAISON cũng đã mở mới 2.323 điểm giao dịch tài chính tiêu dùng, củng cố vị thế dẫn đầu thị trường về mạng lưới với 13.825 điểm giao dịch.



ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỂ THAO VIỆT NAM

Với mong ước đưa Việt Nam ra gần hơn với thế giới và đưa thế giới đến với Việt Nam, kể từ 2011, HDBank đồng hành cùng Giải Cờ vua Quốc tế HDBank - Giải cờ duy nhất tại Việt Nam có quy mô, chất lượng tầm châu lục. Sau 7 năm đăng cai tại Thành phố Hồ Chí Minh và gây được tiếng vang trên làng cờ thế giới, Giải Cờ vua Quốc tế HDBank 2018 lần đầu tiên được tổ chức tại thủ đô Hà Nội đã thu hút số lượng kỳ thủ đông nhất từ trước đến nay với 271 kỳ thủ đến từ 21 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, Giải có 125 kỳ thủ quốc tế đến từ các cường quốc cờ vua như: Nga, Đức, Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Ukraine, Indonesia, Philippines,... Giải Cờ vua Quốc tế HDBank 2018 vinh dự đón Chủ tịch liên đoàn Cờ vua Thế giới (FIDE) đến thăm dự. Giải cũng giành được sự quan tâm đặc biệt của Phó Thủ tướng Việt Nam - ông Vũ Đức Đam.

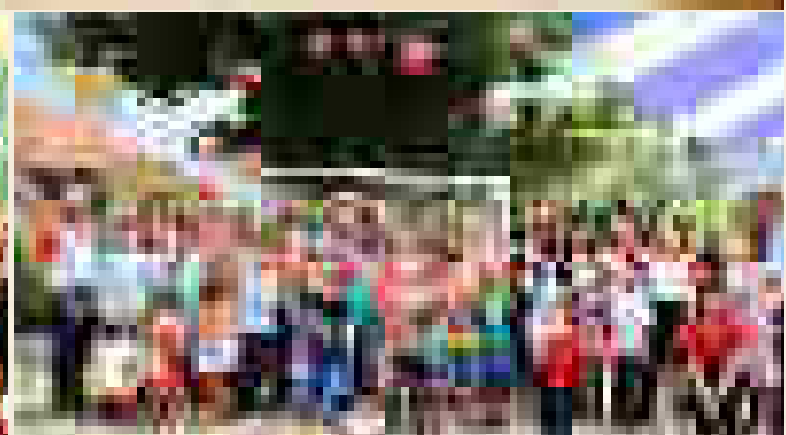
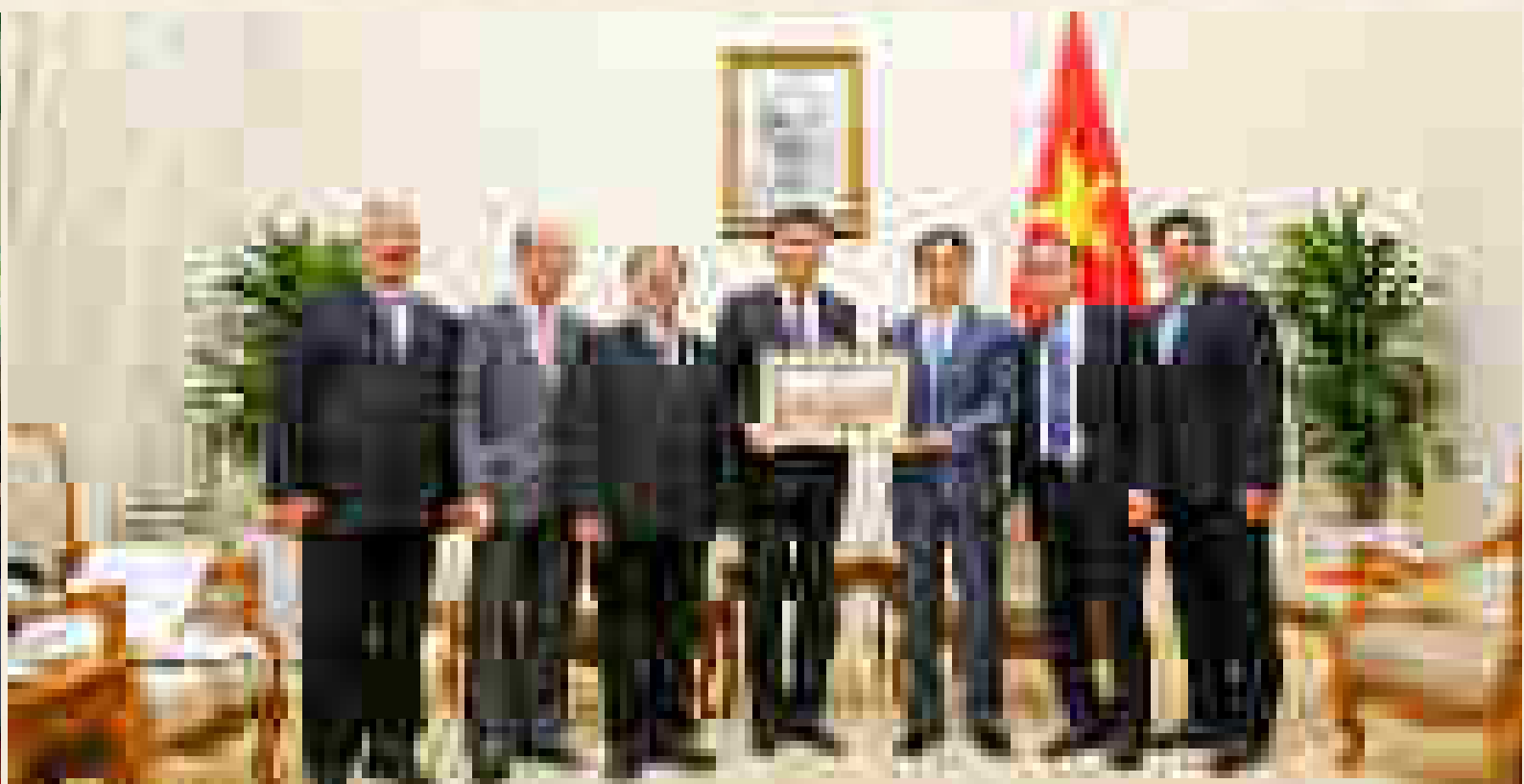
Ngoài cờ vua, 2018 là năm thứ hai HDBank là Nhà tài trợ kim cương cho hai giải Bóng đá trong nhà lớn nhất Việt Nam: Giải Futsal HDBank Vô địch Quốc gia và Giải Futsal HDBank Cup Quốc gia. Với việc sát cánh cùng các mùa giải Futsal, HDBank đã góp phần vào việc phát triển bộ môn thể thao phù hợp với thể chất người Việt Nam, bồi dưỡng những tài năng bóng đá về cả thể lực lẫn kỹ năng, giúp đội tuyển Việt Nam vươn ra đấu trường quốc tế.



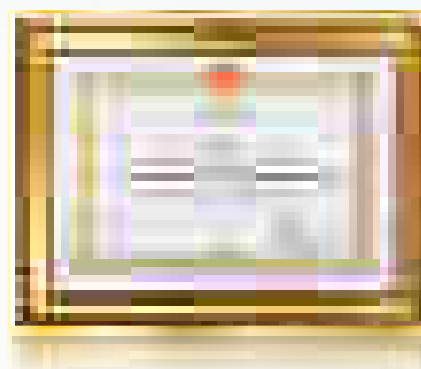
HÀNH TRÌNH CHẤP CÁNH YÊU THƯƠNG

Từ nhiều năm nay, hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng đã là nét văn hóa doanh nghiệp mà HDBank luôn duy trì và thúc đẩy, nhằm lan tỏa tinh thần nhân văn sâu sắc tới mỗi cán bộ nhân viên Ngân hàng cũng như toàn xã hội. Năm 2018, HDBank tiếp tục đồng hành cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP. HCM thực hiện 1.000 ca phẫu thuật mắt miễn phí cho bệnh nhân đục thủy tinh thể có hoàn cảnh khó khăn. Ngân hàng cũng đã trao tặng 7.000 thẻ bảo hiểm y tế cho Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh và Quỹ vì người nghèo Thành phố Hồ

Chí Minh cùng 1.000 suất học cho Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam nhằm hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, chấp cánh khát vọng học tập của các em học sinh nghèo. Bên cạnh đó, HDBank cũng thường xuyên tổ chức các chuyến thăm và tặng quà cho người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc đời sống tinh thần cho trẻ em tại các trung tâm bảo trợ xã hội và hỗ trợ xây dựng cầu, nhà tình thương tại nhiều địa phương trên khắp cả nước.



NHỮNG DẤU ẤN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng



Cờ thi đua Chính phủ



Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dành cho 03 đơn vị



Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước dành cho 54 tập thể



Doanh nghiệp có chiến lược M & A tiêu biểu Nhất của Thập kỷ (2009- 2018)



Thương vụ IPO tiêu biểu năm 2017 - 2018



Top 100 giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2018



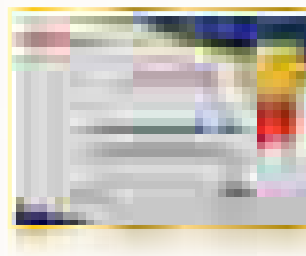
Top 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam do tạp chí Forbes bình chọn



Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2017 do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng



Ngân hàng phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng



Ngân hàng bán lẻ và tài chính tiêu dùng tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng



Ngân hàng bán lẻ Việt Nam tiêu biểu 2018 do Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam và Tổ chức Dữ liệu quốc tế IDG trao tặng

Moody's
INVESTORS SERVICE

Moody's nâng bậc tín nhiệm của HDBank lên B1



Top 8 Ngân hàng mạnh nhất Việt Nam; Top 500 Ngân hàng mạnh nhất Châu Á Thái Bình Dương

J.P.Morgan

Giải MT202 STP Award, ghi nhận tỷ lệ xử lý điện thanh toán quốc tế của HDBank đạt chuẩn xuất sắc toàn cầu



Doanh nghiệp quản lý tốt nhất



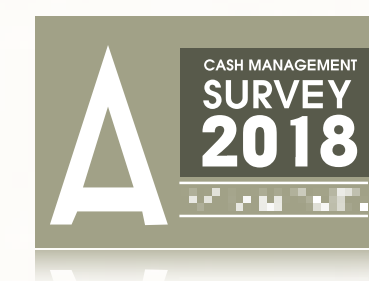
Dịch vụ Quản lý tiền mặt tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương



Dịch vụ Tài trợ Thương mại tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2017



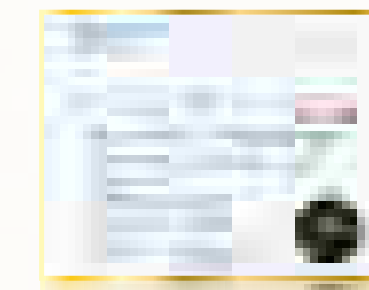
Dịch vụ Quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam (2011 - 2018)



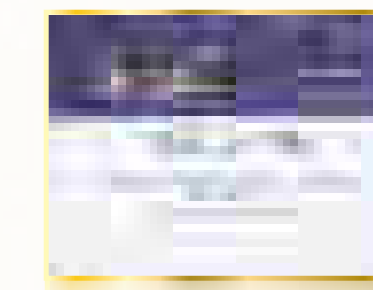
Dịch vụ Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam



Nơi làm việc tốt nhất Châu Á do HR Asia bình chọn



Giải Bạch kim Báo cáo thường niên 2018 của Hiệp hội các chuyên gia truyền thông Mỹ (LACP)



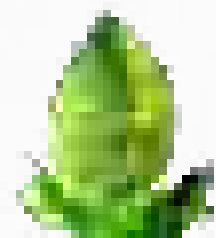
Giải Bạc Báo cáo thường niên 2018 do Mercomm Inc. bình chọn

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2018

Năm 2018 vừa qua, HDBank đạt được những thành tựu và kết quả kinh doanh rất khả quan. Để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh và phát triển bền vững. Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên HDBank đã quyết tâm vượt qua khó khăn, phát huy tốt vai trò và nhiệm vụ nhằm "cam kết lợi ích cao nhất" cho khách hàng với các sản phẩm, dịch vụ đa dạng, tiện lợi và hiện đại.

CHỈ TIÊU 2018

TỔNG TÀI SẢN



216.057 tỷ đồng

Tăng trưởng: 14,1%

TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ



3.202 tỷ đồng

Tăng trưởng: 63,8%

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG



9.440 tỷ đồng

Tăng trưởng: 25,8%

ROAE



20,3%

Tăng trưởng: 28,1%

VỐN CHỦ SỞ HỮU



16.828 tỷ đồng

Tăng trưởng: 14,0%

NPL

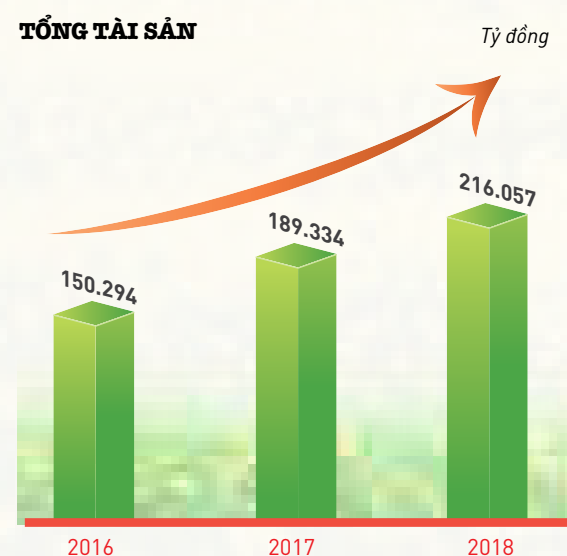


1,1%

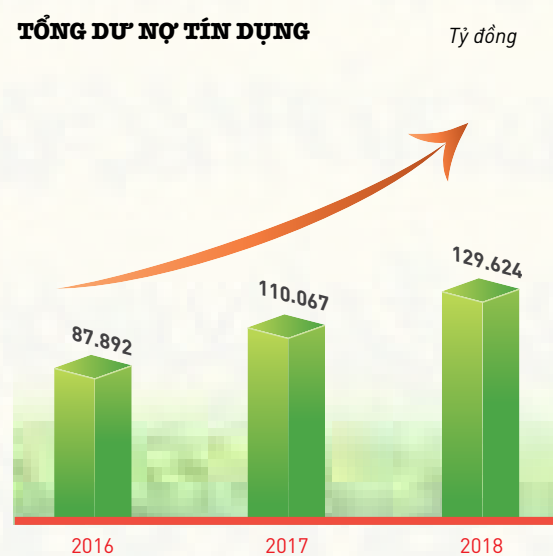
Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ của HDBank

TĂNG TRƯỞNG QUA CÁC NĂM 2016 – 2018

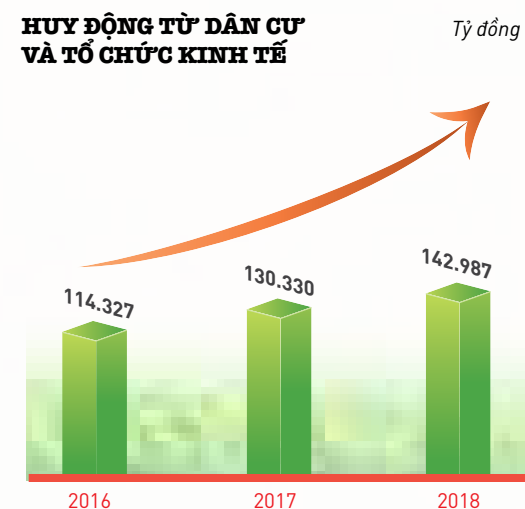
TỔNG TÀI SẢN



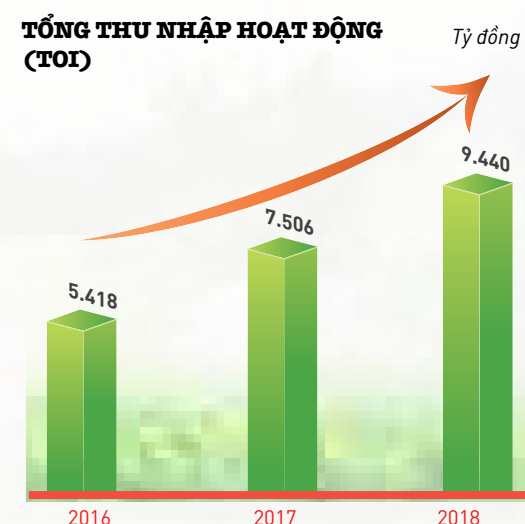
TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG



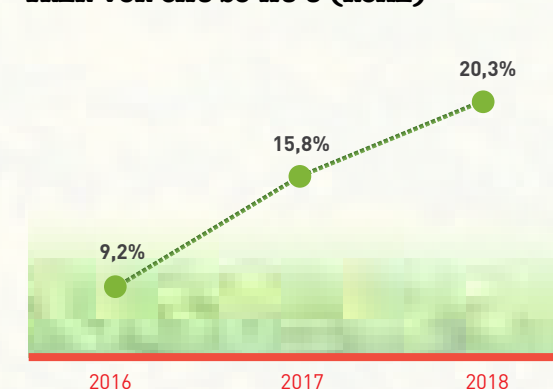
HUY ĐỘNG TỪ DÂN CƯ VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ



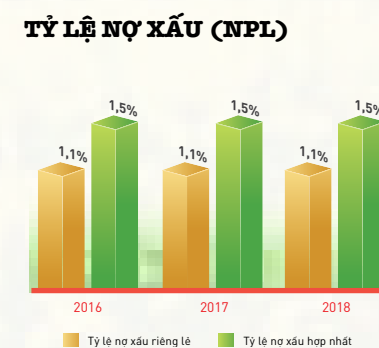
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG (TOI)



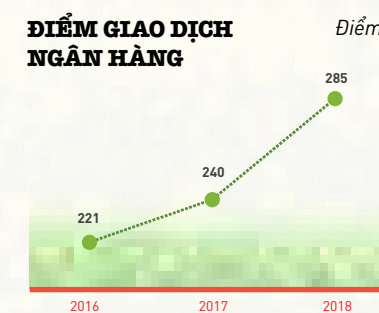
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROAE)



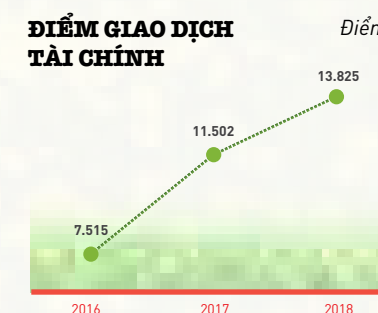
TỶ LỆ NỢ XẤU (NPL)



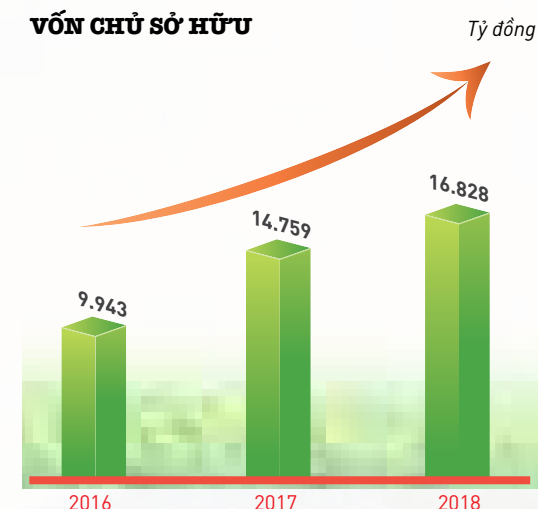
ĐIỂM GIAO DỊCH NGÂN HÀNG



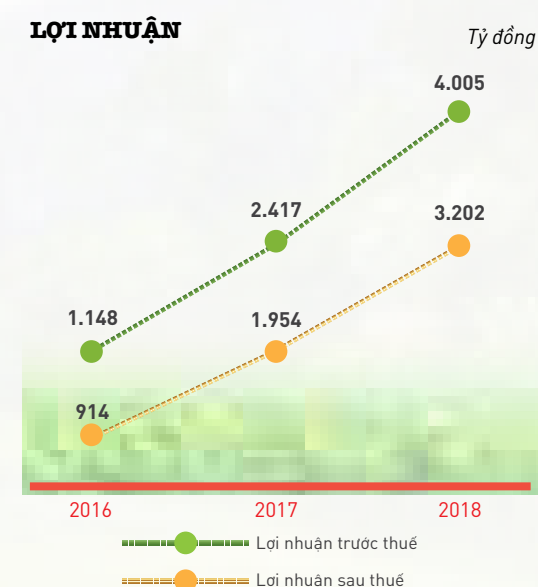
ĐIỂM GIAO DỊCH TÀI CHÍNH



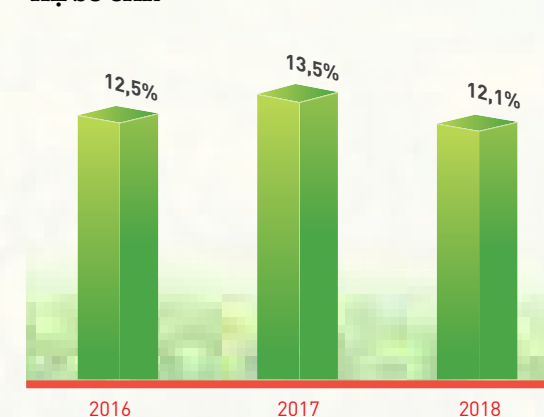
VỐN CHỦ SỞ HỮU



LỢI NHUẬN



HỆ SỐ CAR





Bứt phá **Vườn Xa** *Dâng trào khát vọng*

Mở ra một chương mới phát triển, ngân hàng xanh không những là mục tiêu của HDBank, mà còn là chủ trương Quốc gia về Tăng trưởng xanh một cách rộng khắp, toàn diện và góp phần tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng tăng trưởng bền vững.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

34

TỔNG QUAN

36

QUÁ TRÌNH
TĂNG TRƯỞNG
ẤN TƯỢNG

38

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH VÀ
PHÁT TRIỂN

40

NGÀNH NGHỀ
KINH DOANH CHÍNH VÀ
ĐỊA BÀN KINH DOANH

42

MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH, CƠ HỘI
VÀ THÁCH THỨC

46

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN

TỔNG QUAN VỀ HDBANK

Tên Doanh nghiệp:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên tiếng Anh:	HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
Tên viết tắt:	HDBank
Giấy CN ĐKDN:	Số 0300608092 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và thay đổi lần thứ 26 ngày 11/12/2017
Vốn điều lệ hiện tại:	9.809 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu:	16.828 tỷ đồng
Trụ sở chính:	Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	(84-28) 6291 5916
Fax:	(84-28) 6291 5901
Website:	www.hdbank.com.vn
Giấy phép hoạt động:	Số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992
Logo:	 <p>HDBank Cam kết lợi ích cao nhất</p>
Mã cổ phiếu:	HDB
Nơi niêm yết cổ phiếu:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT THUỘC HDBANK

Stt	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty con	
	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (AMC HDBank)	100%
	Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON (HD SAISON)	50%
2	Công ty liên kết	
	HDBank không có công ty liên kết	

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (AMC HDBank)

Địa chỉ:	Tầng 3-4, Tòa nhà 519 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ:	150 tỷ đồng
Lịch sử hình thành:	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (AMC HDBank) tiền thân là công ty con thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13/01/2011 với số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng và đến tháng 08/2011 tăng lên thành 150 tỷ đồng. Sau khi hoàn tất việc sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á từ tháng 11/2013, AMC HDBank trở thành Công ty con của HDBank và chuyển trụ sở từ Biên Hòa, Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11/2014.
Sản phẩm dịch vụ:	Chủ động xử lý các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các hình thức: Tự tổ chức bán công khai trên thị trường, bán qua trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, bán cho công ty mua bán nợ của nhà nước theo quy chế mua, bán nợ. Mua bán nợ tổn động của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

Công ty tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON (HD SAISON)

Địa chỉ:	Tầng 8-9-10, Tòa Nhà Gilimex, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ:	1.400 tỷ đồng
Lịch sử hình thành:	HD SAISON là Công ty Tài chính tiêu dùng. Tiền thân Công ty có tên gọi tắt là SGVF, thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Société Générale. Sau khi được HDBank mua lại, SGVF đổi tên thành HDFinance. Đến tháng 3/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay.
Quy mô:	13.825 điểm giao dịch tài chính tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc.
Sản phẩm dịch vụ:	HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm: Cho vay để mua trả góp hàng điện máy, xe máy, xe tải nhẹ, du lịch và cho khách hàng thân thiết vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng cá nhân.

QUÁ TRÌNH TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG

Số lượng Chi nhánh và Phòng giao dịch



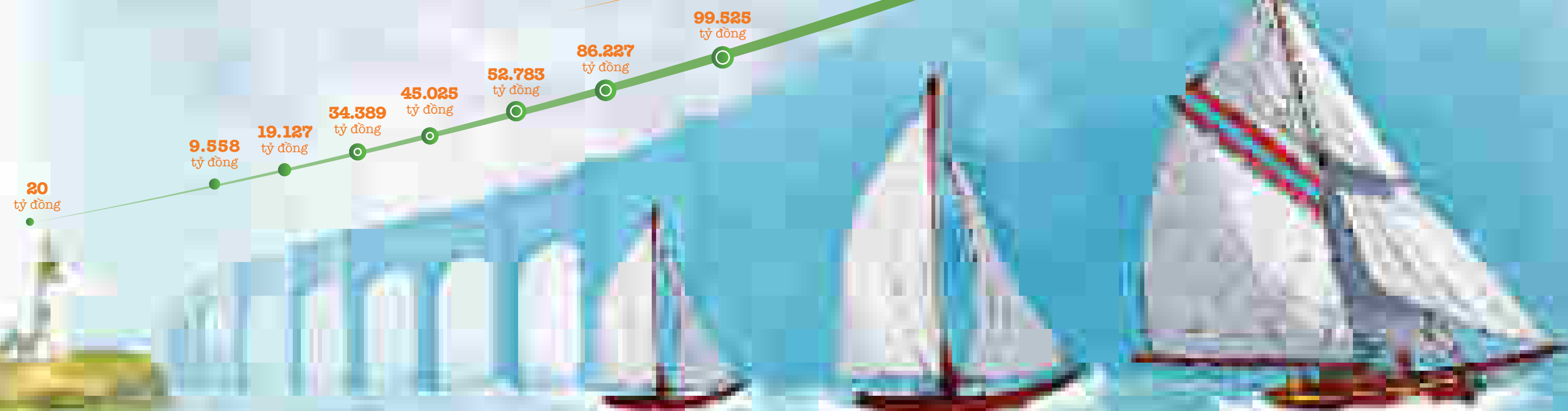
TỔNG TÀI SẢN

9,3 tỷ USD | **20** tỷ USD

31/12/2018

2021

TỔNG TÀI SẢN CỦA HDBANK TĂNG TRƯỞNG HƠN 22 LẦN TRONG 10 NĂM QUA



1989

Thành lập với tên gọi Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

2008

2009

2010

2011

Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM

2012

2013

- Mua lại SGVF
- Nhận sáp nhập DaiA Bank Société Générale Viet Finance (SGVF) là công ty con của Société Générale

2014

2015

Hợp tác với Credit Saison phát triển mảng Tài chính Tiêu dùng

2016

Được Moody's xếp hạng tín nhiệm lần đầu mức B2

2017

IPO thành công và được phê duyệt niêm yết cổ phiếu HDB tại HOSE

2018

Được Moody's nâng bậc xếp hạng tín nhiệm lên B1. Cổ phiếu chính thức được giao dịch trên HOSE và nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất.

GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SAU IPO

Nguồn: Dữ liệu Công ty.
Ghi chú: Năm 2013, HDBank mua lại 100% vốn cổ phần của Công ty TNHH Tài chính Societe Generale Việt Nam (SGVF) thuộc Tập đoàn Société Générale (Cộng hòa Pháp) - một trong ba công ty tài chính tiêu dùng lớn nhất tại Việt Nam để trở thành công ty con của HDBank đặt tên là HDFinance. Năm 2013, DaiA Bank đã có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, với vốn điều lệ là 3.100 tỷ đồng. Qua việc sáp nhập với DaiA Bank, HDBank tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng và trở thành một trong 10 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Những cột mốc phát triển quan trọng

1989

HDBank được thành lập theo Quyết định số 47/QĐ-UB ngày 11/02/1989 với tên gọi Ngân hàng Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh

1992

HDBank nhận giấy phép hoạt động số 0019/NHGP ngày 06/06/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5 tỷ đồng.

2010

HDBank tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng theo công văn số 6554/NHNN-TTGSNH ngày 27/08/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Cũng trong năm 2010, HDBank thực hiện việc phát hành thẻ và cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.

2011

Ngày 19/09/2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp quyết định chấp thuận sửa đổi tên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh thành "Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh".

HDBank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2013

HDBank mua lại 100% vốn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Tài chính Việt - Societe Generale (SGVF) của Tập đoàn Soci t  G n rale (Cộng hòa Pháp) - một trong ba công ty tài chính lớn nhất trên thị trường cho vay tiêu dùng ở Việt Nam để trở thành công ty con của HDBank mang tên HDFinance.

Sáp nhập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Á (DaiABank) vào HDBank, tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng. DaiABank là ngân hàng có bề dày 20 năm hoạt động, vốn điều lệ là 3.100 tỷ đồng. Thông qua việc sáp nhập DaiABank vào HDBank, HDBank tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ VND, tổng tài sản gần 90.000 tỷ VND và trở thành 1 trong 10 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

2015

HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit SAISON Co., Ltd. (Nhật Bản) và 1% vốn điều lệ cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và đổi tên thành HD SAISON.

2016

HDBank được Moody's xếp hạng tín nhiệm tiền gửi dài hạn ở mức B2 với triển vọng ổn định.

2017

Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 8.829 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để chia cổ tức 7% và cổ phiếu thưởng 2% cho cổ đông hiện hữu.

Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 9.810 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

IPO thành công và được phê duyệt niêm yết cổ phiếu HDB tại HOSE.

2018

Niêm yết trên HOSE và nằm trong nhóm 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE.

Moody's công bố nâng bậc xếp hạng tiền gửi dài hạn (nội và ngoại tệ), xếp hạng rủi ro đối tác (CRR) và đánh giá rủi ro đối tác (CRA) của HDBank lên B1, triển vọng Ổn định.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 02 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06 tháng 06 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, phát hành Thẻ tín dụng, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ tài chính ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

HDBank có 01 Hội sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 Văn phòng đại diện tại Hà Nội và 283 Chi nhánh, Phòng giao dịch trải rộng trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Mạng lưới hoạt động phân bố rộng khắp giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh thành phố trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân vay tiêu dùng đến các hộ gia đình sản xuất kinh doanh và các tổ chức, doanh nghiệp, các tập đoàn.

Vị trí địa lý	Số lượng Chi nhánh / Phòng giao dịch
Thành phố Hồ Chí Minh	61 <i>bao gồm Hội sở chính</i>
Hà Nội	57 <i>bao gồm Văn phòng đại diện miền Bắc</i>
Miền Bắc	32
Miền Trung	35
Đông Nam Bộ - Tây Nguyên	65
Tây Nam Bộ	35

Miền Bắc
32

Hà Nội
57

Đông Nam Bộ -
Tây Nguyên
65

Miền Trung
35

35
Tây Nam Bộ

Thành phố
Hồ Chí Minh
61

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

1. CƠ HỘI THÁCH THỨC

a) Cơ hội:

- Môi trường kinh doanh được cải thiện dẫn đến sự cải thiện hồ sơ tín dụng, chất lượng tài sản và khả năng sinh lời của các ngân hàng. Hệ số tín nhiệm được cải thiện giúp tiết giảm chi phí huy động vốn khi tiếp cận thị trường vốn trong nước và quốc tế. Môi trường đầu tư được cải thiện giúp tăng khả năng mở rộng tổng cầu tín dụng và năng lực trả nợ của các doanh nghiệp.
- Tiếp tục bùng nổ số doanh nghiệp đăng ký và thành lập mới, doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, sự vượt trội trong thu hút FDI,... là kết quả của sự cải thiện cả về ổn định vĩ mô, xử lý nợ xấu và coi trọng hơn khu vực kinh tế tư nhân. Nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục phát triển mạnh mẽ; tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đang lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.
- Việt Nam được đánh giá là một trong số ít quốc gia an toàn nhất thế giới và đang trở thành một trong những lựa chọn của người nước ngoài tới du lịch, sống và làm việc.
- Hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và tham gia CPTPP nói riêng đã mở ra cho các ngân hàng Việt Nam cơ hội tiếp cận thị trường ở nước ngoài. Mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo các cam kết song phương và đa phương sẽ là điều kiện tốt để thu hút đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực tài chính, đồng thời công nghệ ngân hàng, các kỹ năng quản lý tiên tiến được các ngân hàng trong nước tiếp thu thông qua sự liên kết hợp tác kinh doanh. Sự tham gia điều hành, quản trị các nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng trong nước giúp cải thiện nhanh chóng trình độ quản trị kinh doanh ở các ngân hàng trong nước. Bối cảnh này tạo điều kiện để các ngân hàng Việt Nam trở nên năng động hơn.
- Vấn đề tăng vốn là áp lực rất lớn đối với các ngân hàng trong năm 2019 khi Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng với những yêu cầu khắt khe hơn theo chuẩn Basel II sẽ chính thức có hiệu lực vào đầu năm 2020. Đó là động lực để các ngân hàng quyết tâm tăng vốn, nhất là các ngân hàng yếu kém.
- Khi tín dụng ngày càng được kiểm soát chặt chẽ hơn, để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng lợi nhuận, các ngân hàng buộc phải tiết giảm chi phí hoạt động, giảm thiểu nhân lực, đồng thời đẩy mạnh các dịch vụ thu phí.
- Sự cạnh tranh của hệ thống ngân hàng ngày càng gay gắt, đặc biệt là các ngân hàng nước ngoài với tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, bên cạnh thế mạnh về chất lượng phục vụ và đa dạng dịch vụ sẽ thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và không nhỏ các doanh nghiệp, cá nhân trong nước.
- Áp lực về nguồn nhân lực chất lượng cao là các chuyên gia tài chính có bằng cấp quốc tế được coi là yếu tố then chốt để đáp ứng yêu cầu khắt khe của hội nhập. Vấn đề chảy máu chất xám và thu hút cũng như giữ chân nhân tài là những thử thách cho cả hệ thống.
- Cơ cấu tài sản chưa hợp lý và chất lượng tài sản thấp của các ngân hàng thương mại Việt Nam là một thách thức trong việc đảm bảo thanh khoản và an toàn hoạt động ngân hàng.
- Hạ tầng công nghệ và hệ thống thanh toán của các ngân hàng của Việt Nam mặc dù đang từng bước được nâng cấp nhưng do năng lực tài chính hạn chế nên chưa thể đáp ứng so với yêu cầu hội nhập, đặc biệt là năng lực quản trị công nghệ so với tiêu chuẩn Basel II.

b) Thách thức:

- Những biến động bất thường từ thị trường tài chính toàn cầu xuất phát từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và lộ trình thắt chặt tiền tệ của FED sẽ khiến tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, theo đó cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ nếu tình hình kinh tế thế giới xấu đi. Việc FED tăng lãi suất có thể đẩy đồng USD tăng giá.

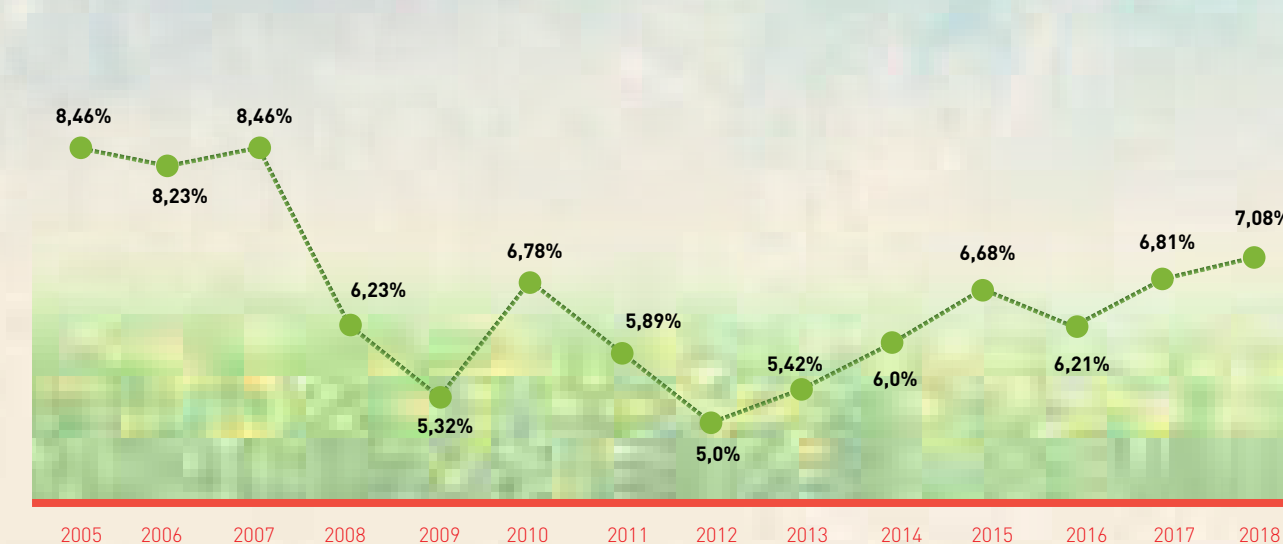
2. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng bởi một hoặc nhiều rủi ro được đề cập dưới đây.

a) Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP): Là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các lĩnh vực thuộc nền kinh tế và có tác động lớn đến chu kỳ tăng trưởng của ngành ngân hàng. Trong những năm gần đây, theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tăng lần lượt là 5,98% năm 2014; 6,68% năm 2015; 6,21% năm 2016 và 6,81% năm 2017. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế đạt 7,08%, vượt xa mục tiêu do Quốc hội đề ra (6,7%).

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2018

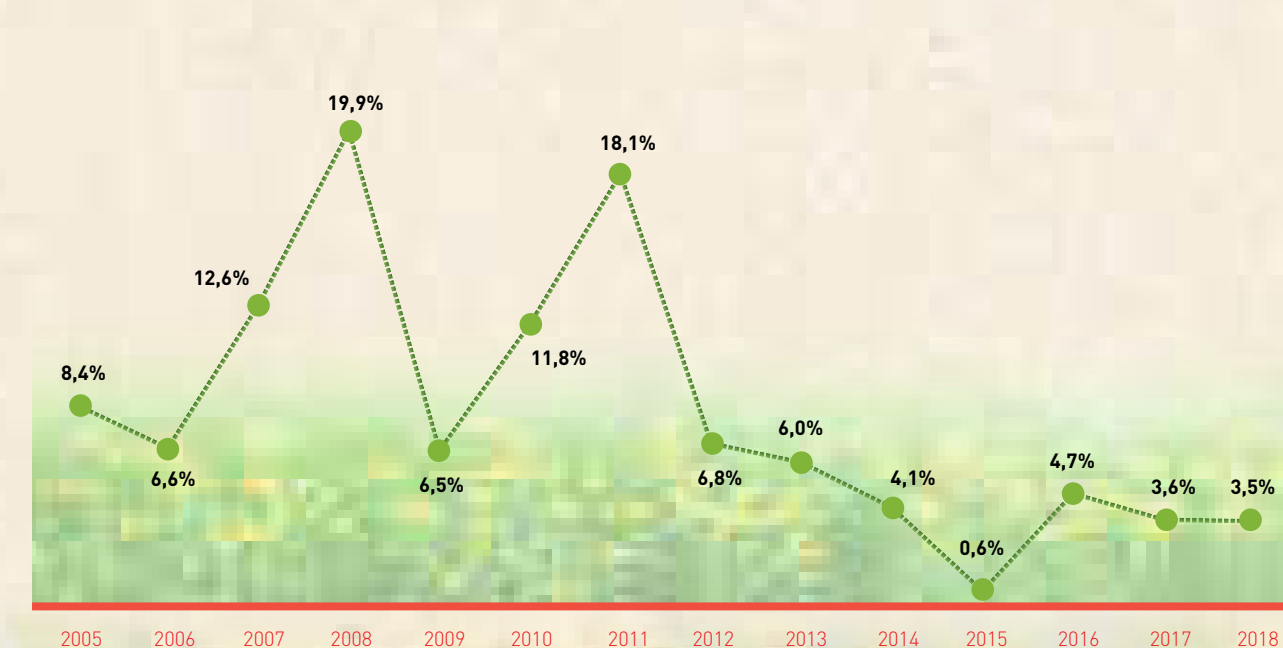


Nguồn: Tổng cục thống kê

Lạm phát

Chính phủ đã điều hành chính sách kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát đã giảm từ mức 6,84% năm 2012 xuống còn 0,63% năm 2015 và 4,74% năm 2016. Lạm phát thấp là dấu hiệu tích cực để Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng. Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng CPI được kiểm soát ở mức dưới 4,0% do Quốc hội đề ra, cụ thể tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. Năm 2018, theo chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu của năm trước với sự chủ động, đồng bộ và linh hoạt, góp phần quan trọng trong kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý trong đó tiếp tục giữ vững chỉ số CPI ở mức 3,54%.

Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2018



Nguồn: Tổng cục thống kê

b) Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất huy động, lãi suất cho vay thay đổi theo thị trường và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng quản lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

c) Rủi ro về tín dụng

Để phòng chống rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro tín dụng bao gồm:

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu Quan hệ Khách hàng – Thẩm định – Phê duyệt – Giải ngân – Quản lý và Xử lý nợ.
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể.
- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng.
- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề, hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh ... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.

d) Rủi ro về ngoại hối

Để phòng chống rủi ro về ngoại hối, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua ba khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở chính, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Phòng kinh doanh ngoại hối tại Hội sở chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành ban hành các chỉ tiêu chiến lược cho rủi ro ngoại hối phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss)...

e) Rủi ro thanh khoản

HDBank quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Hội đồng ALCO, phòng quản lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ hạn nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả nhất đồng thời hạn chế rủi ro thanh khoản. HDBank luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước.

HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

f) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Để phòng chống rủi ro này, HDBank áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh/cam kết cấp tín dụng.

g) Rủi ro về luật pháp

Để phòng chống rủi ro này, Phòng Pháp chế thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới/thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, các Trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. Ngân hàng cũng xây dựng hệ thống mẫu biểu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

h) Rủi ro hoạt động

Để hạn chế rủi ro trên, HDBank đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: Chủ động rà soát hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm rủi ro (RCSA); Tổ chức thu thập sự cố đã xảy ra và rút kinh nghiệm phòng chống (LDC); Xây dựng các Chỉ số rủi ro chính để giám sát các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn (KRI); Xây dựng các kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục để sẵn sàng ứng phó những tình huống khẩn cấp (BCP); Tổ chức giám sát các hoạt động đáng ngờ để phát hiện sai sót, gian lận nếu có (SAM).

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

i) Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu HDBank khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Ngân hàng quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, chuẩn mực hóa hoạt động quản trị Ngân hàng và tăng tính minh bạch.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu HDBank sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế, hoạt động của Ngân hàng, cũng như các thay đổi về luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường.

k) Rủi ro khác

Rủi ro phát triển bền vững là các tác động có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống HDBank và các công ty con. Các tác động của môi trường, xã hội đối với HDBank và ngược lại các tác động từ hoạt động kinh doanh của HDBank với môi trường xã hội. HDBank thực hiện quản lý rủi ro này bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng, giám sát theo dõi định kỳ tại Ngân hàng, thực hiện quản lý bằng các quy trình, thủ tục, quy chế.

Ngoài ra, một số rủi ro mang tính bất khả kháng cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố,... Ngân hàng đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng v.v...

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn đến năm 2021, HDBank đạt vị thế trong top dẫn đầu hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam và có hiện diện tại khu vực Đông Nam Á với sự liên kết toàn cầu, cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội; công tác quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp được thực hiện thận trọng theo các chuẩn mực quốc tế tốt nhất; phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng; tăng cường áp dụng công nghệ nhằm tăng năng suất, hiệu quả, chất lượng dịch vụ để trở thành một trong những ngân hàng đi đầu trong ứng dụng công nghệ ngân hàng hiện đại.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn - Tiếp tục hành trình chinh phục chân trời mới

Trong năm 2018, HDBank cơ bản hoàn thành những mục tiêu lớn trong Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 – 2021 như thực hiện IPO bán cổ phiếu cho Nhà đầu tư nước ngoài và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nâng cao hiệu quả hoạt động, duy trì chất lượng tài sản vượt trội và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số. HDBank cũng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về nguyên tắc việc nhận sáp nhập một ngân hàng thương mại cổ phần khác vào HDBank. Sau sáp nhập HDBank sẽ đạt được những bước phát triển đột phá mới. Trong thời gian tới, Ngân hàng sẽ tiếp tục kiên định triển khai các kế hoạch hoạt động nhằm hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược đã đề ra.

1. Tập trung phát triển phân khúc khách hàng bán lẻ, SME và tài chính tiêu dùng.

Chiến lược của HDBank là trở thành ngân hàng dẫn đầu trong cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng cho phân khúc khách hàng SME và bán lẻ. Trong 5 năm qua Ngân

hàng đã gặt hái những thành công đáng tự hào khi đạt tốc độ phát triển cao và bền vững, đồng thời duy trì chất lượng tài sản tốt nhất toàn ngành. Trong những năm tới, HDBank dự kiến tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao thông qua khai thác hệ sinh thái khách hàng đặc quyền với hơn 30 triệu khách hàng của HDBank, HD SAISON và Vietjet Air. Bên cạnh đó, ngân hàng còn có mối liên kết chặt chẽ với các đối tác hàng đầu thị trường như, Vinamilk – nhà sản xuất và phân phối các sản phẩm sữa có thị phần số 1 Việt Nam, Petrolimex – tập đoàn bán lẻ xăng dầu lớn nhất, Saigon Coop – hệ thống siêu thị bán lẻ hàng đầu, v.v. Mỗi chuỗi giá trị này sở hữu hàng triệu khách hàng tiềm năng, bao gồm doanh nghiệp SME, hộ kinh doanh và cá nhân có nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

Đối với mảng tài chính tiêu dùng HD SAISON tiếp tục chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả với các sản phẩm chủ lực tập trung vào cho vay mua hàng tiêu dùng (POS loan) và cho vay khách hàng hiện hữu đã có lịch sử thanh toán tốt. Bên cạnh các sản phẩm truyền thống, HD SAISON đã, đang và sẽ tiên phong xây dựng và phát triển các sản phẩm cho vay mua hàng hóa dạng thức mới như cho vay học nghề, cho vay mua xe đạp điện, cho vay hỗ trợ các

dịch vụ nha khoa, cho vay mua vật liệu xây dựng nhà ở. Mạng lưới bán hàng của HD SAISON sẽ vẫn được mở rộng trên toàn quốc hướng đến phục vụ các vùng sâu vùng xa nơi mà tài chính tiêu dùng vẫn chưa phổ biến, nhằm duy trì vị thế là công ty dẫn đầu trên thị trường về Kênh phân phối đồng thời hỗ trợ đắc lực cho việc mở rộng cơ sở khách hàng mới từ các điểm bán mới này. Định hướng chiến lược của HD SAISON là tiến tới tận dụng công nghệ cao để tự động hóa phần lớn các hoạt động, từ kinh doanh cho đến vận hành, nhằm giúp giảm thiểu chi phí hoạt động và gia tăng sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ.

2. Không ngừng gia tăng thị phần thông qua việc phát triển hệ thống mạng lưới và cơ sở khách hàng

Tích cực gia tăng thị phần là định hướng xuyên suốt của HDBank đã được triển khai quyết liệt, hiệu quả trong thời gian qua và dự kiến sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới. Theo đó, Ngân hàng đang tích cực phát triển hệ thống mạng lưới điểm giao dịch ngân hàng, tài chính tiêu dùng để tăng cường khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng hiện hữu, thu hút khách hàng mới và mở rộng cơ sở khách hàng. Mục tiêu đến năm 2021, HDBank sẽ sở hữu 400 chi nhánh và phòng giao dịch, phục vụ 15 triệu khách hàng. Trong năm 2018, Ngân hàng đã mở thêm 45 chi nhánh và phòng giao dịch, nâng quy mô mạng lưới chi nhánh/phòng giao dịch lên 285 điểm. Số lượng điểm giao dịch tài chính tiêu dùng đạt 13.825. Hầu hết các điểm giao dịch được mở mới tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa nơi người dân chưa có nhiều điều kiện tiếp cận các sản phẩm tài chính, ngân hàng hiện đại.

3. Mở rộng cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng

Phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng có tính tiện ích cao, phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng nhóm khách hàng là một trong những chiến lược quan trọng của HDBank nhằm gia tăng số lượng sản phẩm, dịch vụ mỗi khách hàng sử dụng, qua đó giúp tăng thu phí dịch vụ, tăng tỷ lệ CASA và tăng doanh thu từ mỗi khách hàng.

Ngân hàng cũng định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ vào phát triển và cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng. Hiện HDBank, HD SAISON và Vietjet đang cùng phối hợp xây dựng giải pháp ví điện tử cùng chương trình tích điểm dành cho khách hàng trong hệ sinh thái. Với dịch vụ ví điện tử này, khách hàng của Vietjet dù đang mở tài khoản tại bất kỳ ngân hàng nào có thể dễ dàng chuyển tiền vào ví điện tử để thực hiện thanh toán vé máy bay trực tuyến và tích điểm thưởng. Trong tương lai, dịch vụ ví điện tử này sẽ tiếp tục được mở rộng, đem đến cho người dùng thêm nhiều tiện ích hiện đại.

Nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng và luôn không ngừng phát triển của khách hàng, HD SAISON dự kiến sẽ triển khai thêm sản phẩm thẻ tín dụng, với sự hỗ trợ về kỹ thuật và chuyên môn của cổ đông chiến lược Credit Saison - nhà phát hành Thẻ tín dụng hàng đầu ở Nhật Bản. HD SAISON cũng sẽ triển khai sản phẩm cho vay mua vé máy bay với Viet Jet Air, trên cơ sở độc quyền hợp tác và sẽ là lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam với hình thức kết hợp độc đáo này, để phát triển

cơ sở khách hàng cho HD SAISON và gia tăng thêm tiện ích cho gần 30 triệu lượt khách hàng cá nhân bay với Viet Jet Air.

Đặc biệt trong năm 2018, HDBank đã lần đầu giới thiệu các chương trình tín dụng xanh, với nhiều gói tín dụng ưu đãi dành cho các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao và phát triển nông thôn. Các chương trình này đã đem lại hiệu quả tích cực không chỉ về mặt tài chính mà còn có ý nghĩa lớn về mặt xã hội, phát triển bền vững, khẳng định cam kết của HDBank trong đồng hành cùng sự phát triển của đất nước.

4. Nâng cao năng lực vốn

Năm 2018 đã đánh dấu thành công rực rỡ của HDBank trong tiếp cận thị trường vốn quốc tế khi Ngân hàng thực hiện IPO thành công và chào bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Với quy mô huy động vốn gần 300 triệu USD từ các cổ đông nước ngoài, thương vụ IPO của HDBank được Moody's đánh giá là có qui mô lớn thứ hai trong lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam tại thời điểm chào bán. Ngay sau khi cổ phiếu được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch TP.HCM (HOSE), HDBank đã vào top 20 công ty niêm yết có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường. Cũng ngay trong năm 2018, cổ phiếu HDB đã hội đủ điều kiện để gia nhập VN30 – rổ 30 cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản tốt nhất thị trường.

Bên cạnh đó, ngân hàng vinh dự tiếp tục được chỉ định làm Ngân hàng phục vụ, Cơ quan cho vay lại nhiều dự án sử dụng vốn ODA do Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản (JICA) tài trợ. Điều này làm tăng cường hình ảnh của HDBank trên trường quốc tế, khẳng định HDBank đủ tiêu chuẩn tham gia các dự án được tài trợ bởi nguồn vốn ODA.

Trong năm 2019 và các năm tiếp theo, HDBank sẽ nâng cao hơn nữa năng lực vốn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và đảm bảo các chỉ số an toàn vốn ở mức tốt

nhất thị trường. Ngân hàng dự kiến sớm hoàn tất kế hoạch sáp nhập một ngân hàng khác đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về nguyên tắc. HDBank cũng sẽ lựa chọn nhà đầu tư nước ngoài phù hợp để phát hành trái phiếu/trái phiếu chuyển đổi nhằm bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Đồng thời, Ngân hàng sẽ tiếp tục tìm kiếm và tham gia các chương trình cung cấp vốn vay ưu đãi quốc tế, vốn vay chi phí thấp từ các tổ chức như World Bank, ADB, IFC nhằm đa dạng hóa nguồn vốn, giảm chi phí huy động và hỗ trợ hiệu quả hoạt động của khách hàng.

5. Tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế tốt nhất

HDBank quan tâm đến hoạt động quản trị rủi ro và luôn định hướng phải đảm bảo luôn tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật và phù hợp với thông lệ tốt nhất của quốc tế trong mọi hoạt động. Để đáp ứng nhu cầu quản trị rủi ro trong môi trường kinh doanh ngày càng phức tạp, quy mô của ngân hàng ngày càng lớn và đặc biệt là yêu cầu quản lý theo tiêu chuẩn Basel II, HDBank đã đầu tư lớn vào nhân lực, công nghệ và năng lực tổ chức. Trong năm 2019 HDBank sẽ áp dụng và đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn vốn theo Thông tư 41 và tiêu chuẩn Basel II vào hoạt động quản trị rủi ro, nâng tầm năng lực quản trị của ngân hàng và cũng là đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý.

Từ năm 2010 đến nay, HDBank đã liên tục thuê nhiều đơn vị tư vấn nước ngoài hàng đầu để tư vấn xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro như hệ thống xếp hạng tín dụng, hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất... HDBank có kế hoạch tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trên khung cơ bản bao gồm 4 yếu tố: hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và trách nhiệm; hoàn thiện hệ thống chính sách, quy định; hoàn thiện các mô hình đánh giá rủi ro tiên tiến, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ. Hệ thống quản trị rủi ro được hoàn thiện nêu trên sẽ là một nhân tố quan trọng giúp HDBank phòng ngừa tốt hơn mọi loại rủi ro, giảm thiểu tổn thất, đồng thời quản lý hiệu quả nguồn vốn hoạt động, nâng cao hiệu quả, lợi nhuận.

6. Chiến lược chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số:

Với mục tiêu trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại, bắt nhịp cùng những xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế, HDBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số. Ngân hàng đang triển khai nhiều chương trình cụ thể nhằm phát triển kênh giao dịch điện tử, nâng cao trải nghiệm cho người dùng cũng như thiết lập các kết nối mở nhằm hỗ trợ khai thác hệ sinh thái khách hàng. Bên cạnh đó, các chương trình số hóa hoạt động vận hành nhằm nâng cao năng suất và giảm chi phí hoạt động đã ghi nhận những tiến triển đáng ghi nhận. Việc xây dựng đội ngũ nhân lực có tư duy số cũng được lưu ý đặc biệt nhằm chuẩn bị cho những bước đi mạnh mẽ hơn trong việc chuyển đổi ngân hàng số những năm tới.

Trong năm 2018 HDBank đã thực hiện một số mục tiêu chính, với những kết quả bước đầu rất tích cực.

- Phát triển Kênh giao dịch điện tử: Triển khai hệ thống ứng dụng mBanking mới hoàn toàn với việc ứng dụng công nghệ nhận dạng sinh trắc, áp dụng các công nghệ thanh toán hiện đại QRPay, ứng dụng AI, Chatbot.

- Tăng cường khai thác hệ sinh thái thông qua kết nối mở: Triển khai Open ID, Open API giúp HDBank phát triển các kênh kết nối với các đối tác chiến lược một cách dễ dàng và cải thiện hiệu quả trong việc cung cấp tiện ích đến nhiều phân khúc khách hàng hơn.

- Nâng cao tính tiện ích: Bên cạnh việc nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới, HDBank cũng liên tục phát triển các chức năng tiện ích của các kênh giao dịch điện tử để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng trong hoạt động thanh toán số.

- Chuyển đổi khách hàng qua kênh giao dịch số: Ngân hàng đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi nhằm thu hút và hỗ trợ khách hàng dần chuyển đổi việc tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng từ kênh truyền thống sang kênh giao dịch số, kênh giao dịch tự phục vụ. Hiệu quả của các chương trình này trong năm 2018 là rất tích cực, khi tổng số lượng người dùng hệ thống ngân hàng trực tuyến tăng 57% so với năm 2017, trong đó số lượng người dùng trên điện thoại tăng 135%. Số lượng giao dịch trực tuyến cũng tăng 70% so với năm 2017. Đây là những tiến đề quan trọng cho quá trình chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

57%

Tổng số lượng người dùng hệ thống Ngân hàng trực tuyến 2018 tăng 57% so với năm 2017 (trong đó số lượng người dùng trên điện thoại tăng 135%).

70%

Tổng số lượng giao dịch trực tuyến năm 2018 tăng 70% so với năm 2017



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2018

Vun đắp cơ hội
chắp cánh ước mơ

Với HDBank, tín dụng xanh là trao cơ hội để mở rộng kinh doanh và đóng góp giúp nền kinh tế bền vững hơn. Tất cả nhằm hướng đến một môi trường tăng trưởng bền vững.

52

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2018

60

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA CÁC KHỐI NĂM 2018

52

TỔNG QUAN CHUNG KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

68

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA
CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018

TỔNG QUAN CHUNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HDBank kết thúc năm tài chính 2018 với kết quả kinh doanh khả quan, đánh dấu một năm thành công khi niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE và thực hiện đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước. Đây là bước chuyển mình khá thuận lợi để HDBank tích cực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn triển khai chiến lược 5 năm 2017 - 2021.

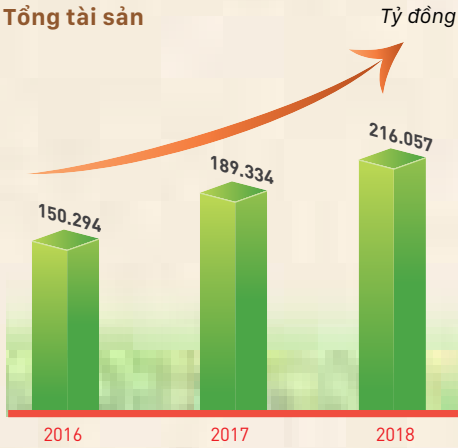


ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2017	2018	2018/2017 (+/-)
Tổng tài sản	150.294	189.334	216.057	14,1%
Vốn chủ sở hữu	9.943	14.759	16.828	14,0%
Huy động tiền gửi từ dân cư & tổ chức kinh tế	114.327	130.330	142.987	9,7%
Tổng dư nợ	87.892	110.067	129.624	17,8%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	5.418	7.506	9.440	25,8%
Lợi nhuận trước thuế	1.148	2.417	4.005	65,7%
% LNTT/TOI	21,2%	32,2%	42,4%	31,7%
Lợi nhuận sau thuế	914	1.954	3.202	63,8%
% LNST/TOI	16,9%	26,0%	33,9%	30,2%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	9,2%	15,8%	20,3%	28,1%

1. TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản của HDBank đạt 216.057 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2017. Năm 2018, tài sản của HDBank tiếp tục tăng trưởng với cấu trúc bền vững, đóng góp tích cực cho mức tăng trưởng này là sự gia tăng của dư nợ tín dụng với mức tăng 17,8% so với năm 2017 từ 110.067 tỷ đồng lên 129.624 tỷ đồng. Chiến lược tăng trưởng hiệu quả đã giúp HDBank trở thành một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần lớn tại Việt Nam về tổng tài sản.



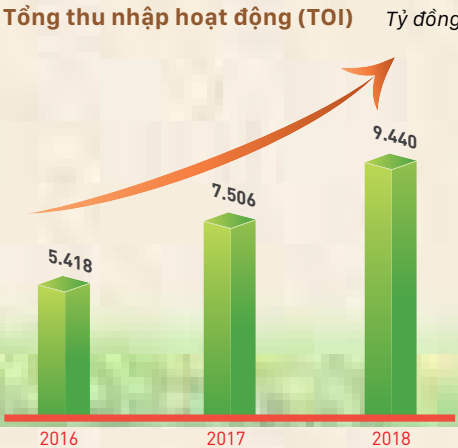
2. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn chủ sở hữu của HDBank đạt 16.828 tỷ đồng, tăng 14,0% so với năm 2017, trong đó vốn điều lệ đạt 9.810 tỷ đồng. Trong năm 2018, HDBank không thực hiện tăng vốn điều lệ, hoàn thành việc chi cổ tức cho cổ đông 13% bằng tiền mặt.



3. TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG (TOI)

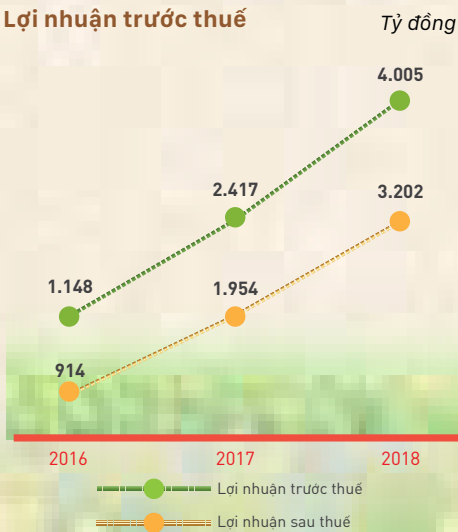
Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của HDBank đạt 9.440 tỷ đồng, tăng 25,8% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng TOI của HDBank đạt cao so với tốc độ tăng trưởng về quy mô là kết quả của việc cải thiện chất lượng tài sản, nguồn vốn huy động được sử dụng hiệu quả. Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất với 81,0% trên tổng TOI nhờ tăng trưởng dư nợ tín dụng 17,8% và kiểm soát tốt chất lượng tín dụng.



4. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Lợi nhuận trước thuế của HDBank đạt 4.005 tỷ đồng, tăng 65,7% so với năm 2017, vượt kế hoạch năm 2018, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của HDBank năm 2018 thuộc top dẫn đầu các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam.

- Thu nhập lãi thuần đạt 7.646 tỷ đồng, tăng 20,5% so với năm 2017, trong đó thu lãi cho vay khách hàng tăng 12,3%, cao hơn mức tăng chi phí trả lãi 6,3%.
- Thu nhập phi lãi đạt 1.795 tỷ đồng, tăng 54,9% so với năm 2017, chủ yếu thu từ các hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh chứng khoán và thu dịch vụ.
- Chi phí hoạt động kiểm soát tốt, tổng chi phí hoạt động năm 2018 chỉ tăng 9,1% so với năm 2017, thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng thu nhập (TOI) 25,8%, nên tỷ lệ chi phí hoạt động trong thu nhập thuần (CIR) năm 2018 đạt 47,0%, giảm so với năm 2017 (CIR năm 2017 đạt 54,3%).
- Chất lượng tín dụng tốt, công tác thu hồi nợ xấu đạt khá nên giảm được tối đa chi phí dự phòng phải trích lập.



5. TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG

Năm 2018, tổng dư nợ tín dụng của HDBank đạt 129.624 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2017. Trong đó, phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và tài chính tiêu dùng chiếm tỷ trọng lần lượt là 41,6%, 45,6%, & 8,7% tổng danh mục cho vay. Cơ cấu dư nợ được cân bằng một cách hợp lý theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước và chiến lược của HDBank, chất lượng nợ xấu được kiểm soát tốt góp phần tăng trưởng và phát triển bền vững cho HDBank.

Bên cạnh việc tăng trưởng các sản phẩm cho vay đặc thù của HDBank, trong năm 2018 HDBank triển khai gói tín dụng 10.000 tỷ đồng dành cho các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch trên cả nước và tài trợ 7.000 tỷ đồng cho các dự án năng lượng sạch – dự án điện mặt trời nổi lưới thuộc quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã khẳng định hình ảnh HDBank – Ngân hàng xanh, luôn hướng đến sự phát triển an toàn, bền vững, hướng đến cộng đồng và vì lợi ích chung của cộng đồng.

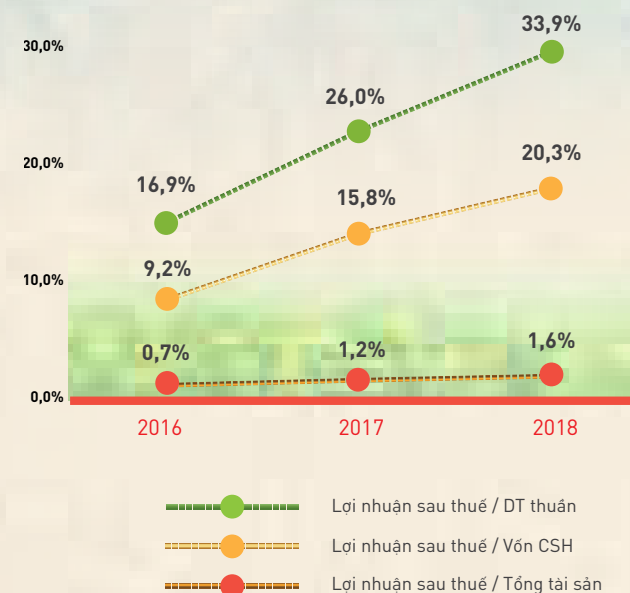
6. HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TỪ DÂN CƯ VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ

Năm 2018, huy động tiền gửi từ dân cư và tổ chức kinh tế của HDBank đạt 142.987 tỷ đồng, tăng 9,7% so với năm 2017. Mức tăng trưởng huy động ở mức tương ứng với tăng trưởng tín dụng nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng vốn của HDBank. Bên cạnh đó, chất lượng sản phẩm của HDBank không ngừng cải tiến, triển khai các sản phẩm mới, sản phẩm tiết kiệm online nhằm tạo sự an toàn và tiện lợi cho khách hàng khi giao dịch với HDBank, đặc biệt là các sản phẩm dành cho phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp với nhiều tiện ích vượt trội và đa dạng các chương trình khuyến mãi như lời tri ân dành cho khách hàng luôn đồng hành cùng sự phát triển của HDBank.

7. CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

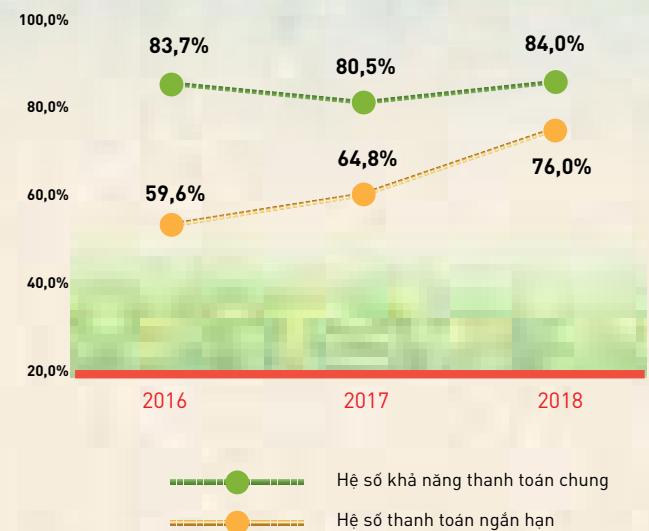
Khả năng sinh lời

Năm 2018, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần (ROS), lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (ROAE), lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản (ROAA) của HDBank tăng trưởng khá so với năm 2017 cho thấy lợi nhuận sau thuế của HDBank tăng trưởng tốt, sử dụng hiệu quả tài sản, vốn góp của cổ đông để tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng.



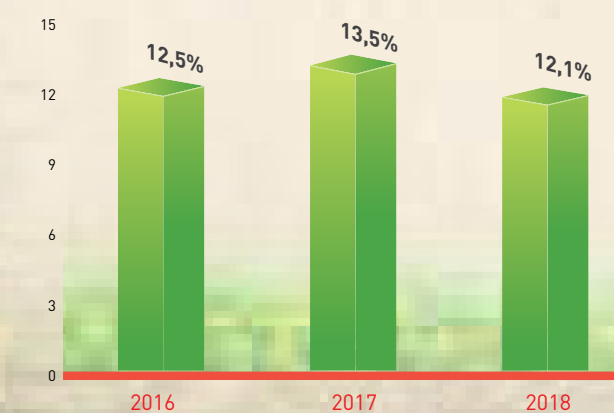
Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của HDBank luôn duy trì ở mức cao, hợp lý ngành với khả năng thanh toán chung đạt 84,0% và hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 76,0%, thể hiện khả năng thanh toán tốt các khoản nợ khi đến hạn, góp phần tạo nên uy tín và sự tin cậy của khách hàng khi giao dịch tại HDBank.



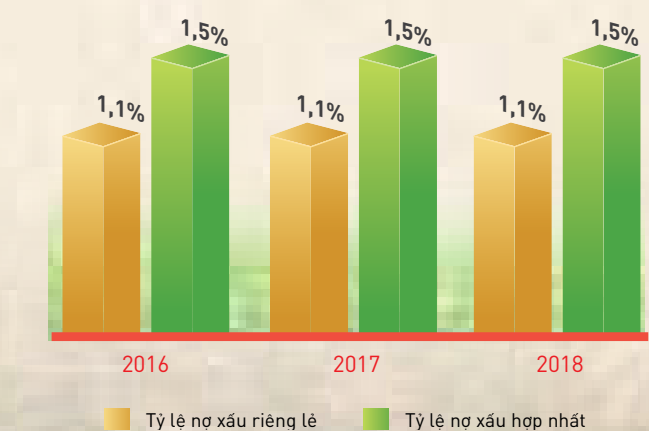
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

Trong năm 2018, HDBank triển khai nhiều biện pháp nhằm cải thiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước và chuẩn bị lộ trình cho việc tính CAR theo Basel II. Cụ thể, tỷ lệ an toàn vốn của HDBank năm 2018 đạt 12,1%, trong đó tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 và cấp 2 lần lượt là 9,3% và 2,8%, cao hơn mức tối thiểu 9% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



Tỷ lệ nợ xấu

Trong năm 2018, HDBank tiếp tục duy trì chất lượng tài sản vượt trội so với toàn ngành, với tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ của ngân hàng mẹ được kiểm soát ở mức 1,1%. Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất cũng ở mức thấp 1,5%. Cùng với định hướng chính sách cấp tín dụng thận trọng, hiệu quả, việc kiểm soát tốt các khoản nợ xấu phát sinh mới và công tác thu hồi nợ đạt kết quả cao đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng tài sản và uy tín của HDBank.



8. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	So với 31/12/2017		Kế hoạch ĐHCĐ 2018
			+/- tỷ đồng	+/-	
Tổng tài sản	189.334	216.057	26.723	14,1%	242.865
Vốn điều lệ	9.810	9.810	-	0,0%	-
Tổng nguồn vốn huy động	170.476	186.722	16.246	9,5%	222.184
Trong đó: Huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế	130.330	142.987	12.657	9,7%	183.279
Dư nợ tín dụng	110.067	129.624	19.557	17,8%	154.510
Trong đó: Dư nợ cho vay khách hàng	104.505	123.132	18.627	17,8%	-
Tỷ lệ nợ xấu	1,5%	1,5%	0,0%		< 2%
Lợi nhuận trước thuế	2.417	4.005	1.588	65,7%	3.933
Lợi nhuận sau thuế	1.954	3.202	1.247	63,8%	3.146
ROAA	1,2%	1,6%	0,4%	37,2%	1,3%
ROAE	15,8%	20,3%	4,4%	28,1%	20,4%
Mạng lưới điểm giao dịch	240 điểm	285 điểm	45 điểm	18,8%	285 điểm

Năm 2018, HDBank hoàn thành và vượt kế hoạch hầu hết các chỉ tiêu hoạt động do Đại hội đồng cổ đông giao về lợi nhuận, hiệu quả sinh lời, chất lượng tài sản, mạng lưới điểm giao dịch. Đối với chỉ tiêu dư nợ tín dụng và huy động, hưởng ứng chủ trương của Chính phủ về kiểm soát tăng trưởng tín dụng nhằm giảm áp lực lạm phát, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, HDBank đã tăng trưởng tín dụng thấp hơn kế hoạch đề ra. Do vậy, HDBank tăng huy động cũng ở mức tương ứng với tăng trưởng tín dụng nhằm đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn. HDBank đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao từ đầu năm, bằng việc tăng thu nhập ngoài lãi, kiểm soát tốt chi phí, chất lượng tín dụng.

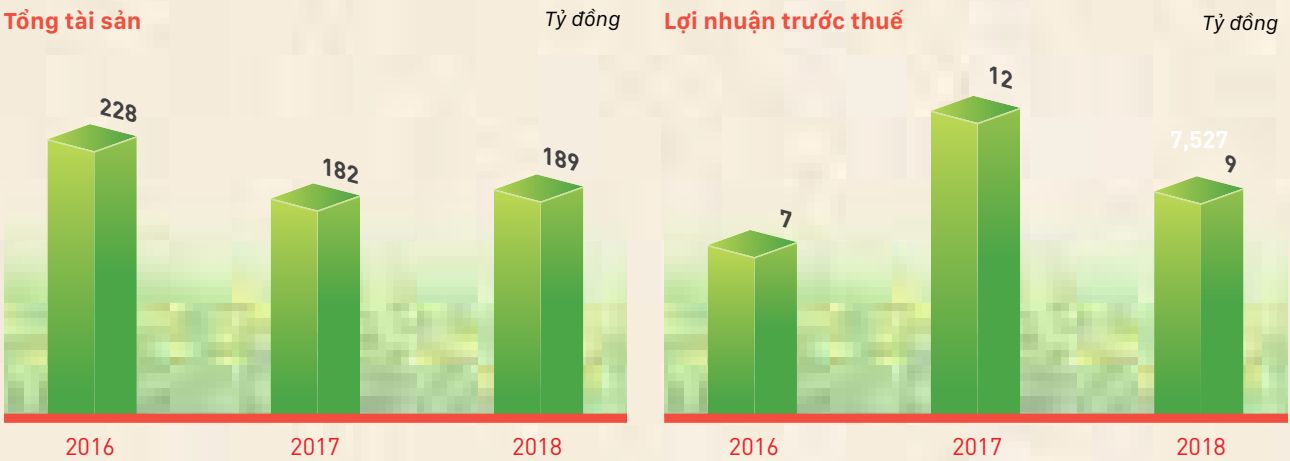
9. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Ngân hàng không thực hiện đầu tư vào các dự án lớn nào ngoại trừ đầu tư tài chính vào các công ty con sau:

TÊN CÔNG TY CON	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ NẮM GIỮ (%)
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Số 3602376446 ngày 13/01/2015	Quản lý Tài sản	100
Công ty tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON	Số 0304990133 ngày 10/04/2015	Tài chính Ngân hàng	50

10. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY CON

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Quản lý Nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh



Công ty tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON

Tính đến ngày 31/12/2018, HD SAISON hiện là công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam với vốn điều lệ 1.400 tỷ đồng, tổng dư nợ cho vay là 10.653 tỷ đồng. HD SAISON tập trung vào sản phẩm cho vay tiêu dùng cá nhân như xe máy, điện thoại, điện máy gia dụng trả góp.... HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt đối với các khách hàng đã sử dụng dịch vụ vay tiêu dùng ở HD SAISON và có lịch sử trả nợ tốt.

Hoạt động cấp tín dụng của HD SAISON được thực hiện thông qua các đơn vị mạng lưới bao gồm 1 Chi nhánh tại Hà Nội và hệ thống 13.825 điểm bán hàng đặt tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC KHỐI NĂM 2018

HOẠT ĐỘNG KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Kiên định với mục tiêu chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, năm 2018 HDBank tiếp tục ghi nhận những bước phát triển mạnh mẽ, khẳng định những đóng góp quan trọng của mảng ngân hàng bán lẻ và Khối Khách hàng cá nhân.

Đối với tín dụng xanh, HDBank chú trọng hỗ trợ tăng gia sản xuất với chi phí hợp lý nhất cho khách hàng vay vốn, thủ tục đơn giản, nhanh gọn và kiểm soát rủi ro tốt. Kết quả đạt được đáng khích lệ khi tỉ lệ nợ xấu mảng bán lẻ < 1% và các con số tăng trưởng ấn tượng.

1. TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG XANH:

Tăng trưởng tín dụng của Khối Khách hàng Cá nhân trong năm 2018 đạt mức cao 32% so với năm 2017, với trọng tâm phát triển cho vay phù hợp định hướng của HDBank, Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ, đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính, ngân hàng đáp ứng nhu cầu khách hàng tại cả khu vực thành thị và nông thôn.

a. Cho vay nông nghiệp: Cho vay nông nghiệp là một trong những sản phẩm chủ lực năm 2018 với mức tăng trưởng cao, đạt 70% so với năm trước. HDBank đã tập trung xây dựng sản phẩm, chương trình đặc thù phù hợp đặc điểm sản xuất nông nghiệp từng địa phương, khuyến khích cho vay đối với khách hàng hoạt động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh cho vay theo chuỗi cung ứng nhằm đem đến lợi ích cao nhất cho người dân đồng thời kiểm soát tốt rủi ro tín dụng. HDBank đã triển khai chương trình hợp tác với công ty cổ phần CP Việt Nam cho nông dân xây dựng chuồng trại chăn nuôi, hợp tác với Tổng công ty Lương thực Miền Nam (Vinafood 2) cho vay người trồng lúa và nhiều chương trình cho vay nông nghiệp, nông thôn khác.

Để người dân tại địa bàn nông thôn có thể tiếp cận nguồn vốn tín dụng dễ dàng, tăng gia sản xuất, HDBank cũng phối hợp triển khai mạnh mẽ các hội thảo tại khu vực nông thôn nhằm cung cấp kiến thức về giải pháp tài chính, kiến thức về kỹ thuật canh tác thông qua sự hợp tác với các đối tác lớn, góp phần thiết thực cải thiện, nâng cao đời sống của người dân tại địa bàn nông thôn.

b. Cho vay kinh doanh: Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tín dụng khách hàng cá nhân, đồng thời duy trì mức tăng trưởng mạnh mẽ so với năm trước. Trong năm 2018, HDBank tiếp tục cải tiến các sản phẩm theo hướng linh hoạt, tối ưu nhằm đáp ứng nhanh chóng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh cá thể. Với lợi thế liên kết chặt chẽ các đơn vị phân phối ngành hàng thực phẩm, thức uống, hàng tiêu dùng, HDBank cũng xây dựng các gói sản phẩm tài chính trọn gói, từ tài trợ thanh toán hàng tiêu dùng, mua sắm máy móc thiết bị, tới mua nguyên nhiên, vật liệu, công nghệ. Nhiều gói sản phẩm được thị trường đón nhận đặc biệt tốt như: Cho vay các cửa hàng bán lẻ thuộc chuỗi phân phối sản phẩm sữa, thực phẩm, hóa mỹ phẩm; cho vay các đại lý phân phối thức ăn chăn nuôi của công ty cổ phần C.P Việt Nam; Cho vay các đại lý phân phối của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Coca Cola Việt Nam...

c. Cho vay mua nhà ở: Năm 2018 dư nợ cho vay mua nhà ở tăng trưởng tốt và đóng góp tích cực vào kết quả chung của mảng bán lẻ. Ngân hàng chú trọng phát triển cho vay người tiêu dùng cuối cùng trong khi hạn chế cho vay đầu cơ, kinh doanh bất động sản, nhờ đó giảm thiểu được rủi ro, đồng thời hỗ trợ hiệu quả người có nhu cầu nhà ở thực sự. Bên cạnh đó, HDBank luôn kết hợp với các chủ đầu tư phát triển dự án xanh, thân thiện môi trường, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

d. Cho vay tiêu dùng: HDBank hỗ trợ khách hàng có nhu cầu vay cho mục đích giáo dục (du học), y tế, du lịch, mua ô tô... nhằm phục vụ mọi mặt nhu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của khách hàng.

e. Các sản phẩm dịch vụ tài chính cá nhân: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. SẢN PHẨM HUY ĐỘNG KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

a. Huy động:

HDBank không đặt mục tiêu giá huy động cao mà tập trung vào chất lượng phục vụ và đa dạng hóa dịch vụ, mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng.

Năm 2018 HDBank chú trọng xây dựng chính sách ưu đãi và đa dạng các sản phẩm tiết kiệm, đặc biệt sản phẩm tiết kiệm trực tuyến. Nhờ đó, trong năm số lượng khách hàng tham gia gửi tiền qua các kênh trực tuyến đã tăng 30%, với số dư tiền gửi trực tuyến tăng 40 % so với năm 2017. Số lượng tài khoản thanh toán của khách hàng cũng tăng 30% so với năm 2017.

Bên cạnh đó, khách hàng của ngân hàng có nhiều sự lựa chọn với những sản phẩm tiết kiệm sinh lời cao như Tiết kiệm Online, tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ, định kỳ, sản phẩm tiết kiệm tích lũy (Gửi góp linh hoạt, Bảo ngân tương lai...). HDBank còn xây dựng các chính sách ưu đãi dành cho khách hàng hiện hữu như "Gửi lại - Lãi cao/ Gắn kết lâu dài - Nhận ngay lãi lớn"; chính sách ưu đãi áp dụng theo độ tuổi khách hàng "Bách niên - Phát tài" với độ tuổi càng cao ưu đãi càng lớn; ưu đãi nhân dịp sinh nhật Khách hàng/sinh nhật HDBank; miễn giảm phí cho khách hàng khi giao dịch.

Tất cả những chương trình trên của HDBank không chỉ nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh mà còn mang lợi ích cao nhất đến với các khách hàng gắn bó lâu dài, vừa nhằm chăm sóc khách hàng hiện hữu đồng thời thu hút khách hàng mới.

b. Dịch vụ Ngân hàng: Phí dịch vụ tăng trưởng 60% so với năm 2017

Được sự tin tưởng của khách hàng, các dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân của HDBank đáp ứng được mọi nhu cầu, thị hiếu, cả về quy cách phục vụ, chất lượng sản phẩm. Dịch vụ thanh toán được mở rộng với công nghệ ứng dụng thanh toán hiện đại, góp phần tăng doanh số phí dịch vụ ngân hàng tăng gần gấp hai lần so với cùng kỳ năm trước.

c. Ngân hàng điện tử và Thẻ:

- Tiện ích Ngân hàng điện tử: Đa dạng, tiện lợi, bảo mật và thông minh

HDBank tự hào cung cấp dịch vụ Ngân hàng điện tử với các tiện ích đầy đủ, cạnh tranh và vượt trội so với thị trường. Dịch vụ ngân hàng điện tử HDBank đem đến cho khách hàng đa dạng các sản phẩm và dịch vụ bán lẻ mới lần truyền thống của ngân hàng như chuyển tiền trong/ngoài hệ thống hệ thống HDBank, chuyển tiền nhanh qua số thẻ, số tài khoản, chuyển tiền định kỳ, chuyển tiền nhận bằng số CMND, thanh toán hóa đơn, gửi tiết kiệm online, tính năng khóa mở thẻ tín dụng giúp khách hàng an toàn khi thất lạc thẻ tín dụng. Ngoài ra, với tính năng khóa mở thanh toán trực tiếp, HDBank mong muốn đem lại sự an tâm cho khách hàng khi giao dịch trực tuyến thẻ, hỗ trợ khách hàng có thể nhanh chóng chủ động khóa Thẻ để ngăn ngừa các rủi ro có khả năng phát sinh.

Hơn nữa, giao dịch trên kênh Ngân hàng điện tử HDBank cũng là một giải pháp hữu hiệu, một trợ thủ đắc lực trong việc kiểm soát tài chính mà không mất nhiều thời gian và công sức, an toàn, hiệu quả.

- Thẻ: Doanh số sử dụng thẻ và số lượng giao dịch thẻ quốc tế tăng 100% so với năm 2017

HDBank đã tích cực phối hợp với các đối tác cung ứng, chuỗi bán lẻ hàng đầu trong lĩnh vực thương mại điện tử như Nguyễn Kim, Lazada, Shopee,... nhằm tạo lợi ích tối đa cho người sử dụng thông qua việc triển khai các chương trình khuyến mại thẻ lớn và thường xuyên suốt năm. HDBank cũng luôn là đơn vị hỗ trợ cập nhật các công nghệ thanh toán hiện đại và xu hướng mới nhất để phục vụ tốt nhất cho khách hàng như triển khai kết nối thanh toán Samsung Pay và liên kết ví GrabPay by Moca.

HOẠT ĐỘNG KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP



Phát triển kinh doanh bền vững gắn với bảo vệ môi trường và thực thi trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội đang trở thành xu hướng phát triển tất yếu của mọi ngân hàng. Tại HDBank, với vai trò của một trong những Khối kinh doanh quan trọng nhất, phục vụ khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), Khối Khách hàng Doanh nghiệp trong năm qua đã có đóng góp quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Trong năm, đã có tổng cộng hơn 33.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ trở thành khách hàng của HDBank, tăng gần 18% so với cùng kỳ năm trước. Quy mô tiền gửi và dư nợ khách hàng SME tăng lần lượt 17,9% và 9,3% so với năm 2017. Thế mạnh của ngân hàng trong việc cung ứng các sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng, chuỗi phân phối tiếp tục được khẳng định, khi có thêm hơn 10 tập đoàn hàng đầu trong nước và quốc tế cùng mạng lưới gần 1.000 doanh nghiệp SME là các nhà phân phối, nhà cung ứng đã trở thành khách hàng của HDBank. Doanh số thanh toán quốc tế của riêng các doanh nghiệp SME đạt 2,6 tỷ USD, tăng gần 100% so với năm trước, hoàn thành 135% kế hoạch được giao. Các chỉ tiêu khác đều tăng trưởng mạnh mẽ.

Đáng chú ý, trong năm HDBank đã gia tăng mạnh mẽ các chương trình tín dụng xanh, tài trợ các dự án phát triển năng lượng tái tạo, khẳng định cam kết nỗ lực cao nhất vì sự phát triển bền vững của cộng đồng, xã hội trên hành trình phát triển của ngân hàng. Trong đó, HDBank đã tài

trợ những dự án năng lượng xanh có quy mô rất lớn như Dự án Điện mặt trời Sao Mai với tổng công suất thiết kế lên đến 210MW, được xây dựng trên diện tích 275 ha. HDBank đã cấp hạn mức tín dụng 1.400 tỷ đồng, tương đương 70% tổng mức đầu tư của dự án này. HDBank cũng là đơn vị hỗ trợ khách hàng thực hiện thương lượng và nhập khẩu toàn bộ máy móc, thiết bị cho hợp đồng EPC của dự án. Ngoài ra, Ngân hàng cũng tài trợ cho hai dự án điện mặt trời khác, một được xây dựng tại Khu kinh tế Nhơn Hội - tỉnh Bình Định, trên diện tích 60 ha với công suất thiết kế 50 MW và một dự án tại tỉnh Ninh Thuận. Tổng hạn mức tín dụng HDBank dành cho các dự án điện mặt trời nêu trên là khoảng 3.000 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, HDBank còn triển khai chương trình tài trợ cho khách hàng doanh nghiệp lắp đặt hệ thống điện mặt trời phục vụ sản xuất, kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiết giảm chi phí năng lượng, đồng thời chung tay cùng xã hội thúc đẩy sự phát triển của năng lượng tái tạo, giảm dần sự lệ thuộc vào các nguồn năng lượng kém thân thiện môi trường như thủy điện hay nhiệt điện.

Đi đôi với hoạt động kinh doanh, Khối Khách hàng Doanh nghiệp cũng có những chương trình cụ thể để xây dựng hình ảnh ngân hàng xanh, hiện đại, thân thiện với môi trường thông qua triển khai các sáng kiến thanh toán không dùng tiền mặt và cắt giảm thủ tục hành chính, gia tăng tiện ích cho khách hàng.

Ngân hàng trực tuyến, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên

- Kết nối thông suốt hệ thống core banking của HDBank với Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải Quan để triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử cho cộng đồng doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể dễ dàng khai báo, nộp thuế online 24/7 (kể cả ngày lễ); tiết kiệm giấy tờ, thời gian, chi phí đi lại.

- Nâng cấp hệ thống Internetbanking (IB), triển khai dịch vụ mở L/C và thanh toán TT qua IB, cho phép các khách hàng doanh nghiệp thực hiện việc mở LC và thanh toán quốc tế ngay tại nhà/văn phòng, không cần tới ngân hàng, tiết kiệm thời gian và tăng tốc độ dịch vụ.

- Chính thức hoàn tất kết nối toàn bộ với 5 Tổng Công ty điện lực để triển khai đầy đủ, toàn bộ các tiện ích thanh toán tiền điện cho doanh nghiệp trên toàn quốc.

- Chính thức triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền nước cho doanh nghiệp với Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai, Công ty CP Cấp nước Đồng Nai. Hiện HDBank đang lên kế hoạch để hợp tác triển khai dịch vụ này với các công ty cấp nước trên toàn quốc.

Tài khoản thanh toán

- Đẩy mạnh triển khai dịch vụ đăng ký trước tài khoản thanh toán cho các doanh nghiệp mới thành lập trên cổng thông tin điện tử của các Sở Kế hoạch Đầu tư trên toàn quốc. Mục tiêu của chương trình là giảm đáng kể thời gian xin cấp phép hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, gián tiếp hỗ trợ quá trình cải cách thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính công. Bên cạnh đó, khi dùng tài khoản thanh toán tại HDBank, doanh nghiệp được hưởng nhiều ưu đãi.

- Ngoài ra, với lượng lớn tài khoản thanh toán hoạt động và sử dụng rất nhiều dịch vụ ngân hàng trực tuyến, mobile banking do HDBank cung cấp như thanh toán hóa đơn, thẻ tín dụng doanh nghiệp, thấu chi, sao kê tài khoản online... đã góp phần không nhỏ giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ,

giảm thời gian và công sức đi lại, tiết kiệm các nguồn lực tự nhiên tiêu tốn qua hoạt động của ngân hàng.

Hỗ trợ các chương trình tài trợ và phát triển cộng đồng

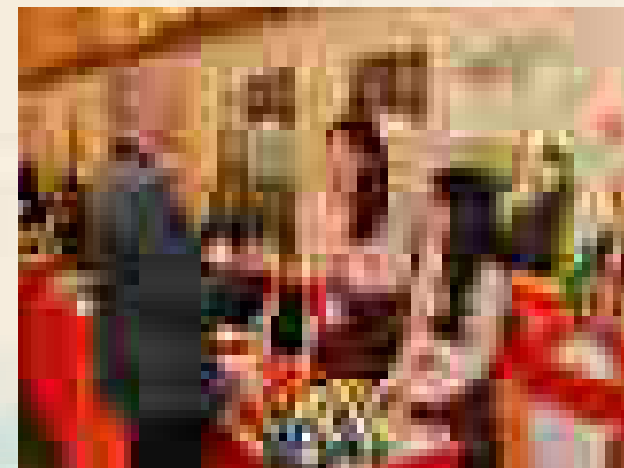
Chương trình Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA đã bước qua năm thứ 9 tại HDBank. Số lượng doanh nghiệp vừa và nhỏ trên khắp cả nước biết đến chương trình và doanh số giải ngân tăng mạnh qua các năm. Chương trình bình ổn thị trường tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh đạt hiệu quả tích cực với năm 2018, HDBank đã giải ngân gần 1000 tỷ cho vay doanh nghiệp trên địa bàn để sản xuất, dự trữ hàng hóa. Các doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng hàng; doanh nghiệp vay trung và dài hạn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nhà xưởng, trang trại, điểm bán... được vay với lãi suất ưu đãi. HDBank tự hào đã góp phần vào công tác bình ổn giá của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, đem lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, đặc biệt là công nhân, lao động nghèo, những hộ gia đình kinh tế khó khăn an sinh.

Tự động hóa các quy trình hoạt động và lưu trữ dữ liệu

HDBank không ngừng cập nhật cải tiến tính năng hệ thống khởi tạo hồ sơ tín dụng đặc biệt đối với khách hàng doanh nghiệp, nhằm đảm bảo hệ thống có thể xử lý nhanh chóng và chính xác các tài liệu liên quan đến hồ sơ vay tại mọi khâu: Từ bước tiếp nhận và khởi tạo tại đơn vị kinh doanh đến khi hồ sơ được chuyển về Trung tâm tái thẩm định, thực hiện giải ngân, lưu trữ và phân phối hồ sơ trong hệ thống.

- Các khách hàng nhà thầu thực hiện các gói thầu thi công xây dựng, M&E, cung cấp thiết bị... có thể sử dụng phần mềm trên website của ngân hàng, để nhập thông tin gói thầu vào phần mềm và dự phóng được hạn mức, dòng tiền và tiến độ giải ngân dự kiến HDBank tài trợ.

- Đặc biệt, trong năm, Khối Khách hàng Doanh nghiệp cũng đã triển khai rất nhiều tiện ích, phần mềm tự động vào công tác nghiệp vụ và báo cáo hàng ngày, nhằm tiết kiệm thời gian, tăng năng suất công việc để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.



HOẠT ĐỘNG KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN VÀ ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH



Tiếp nối thành công năm 2016 và 2017, năm 2018 là một năm khởi sắc đối với Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính (Khối CIB), với tất cả các chỉ tiêu hoạt động đều có bước tăng trưởng vượt trội so với năm 2017. Trong khi đó, điểm nổi bật về quản lý rủi ro của Khối CIB là liên tiếp nhiều năm không phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu.

Thành quả đạt được của Khối CIB đã có những đóng góp quan trọng vào thành công chung của HDBank, khẳng định mạnh mẽ uy tín thương hiệu HDBank ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

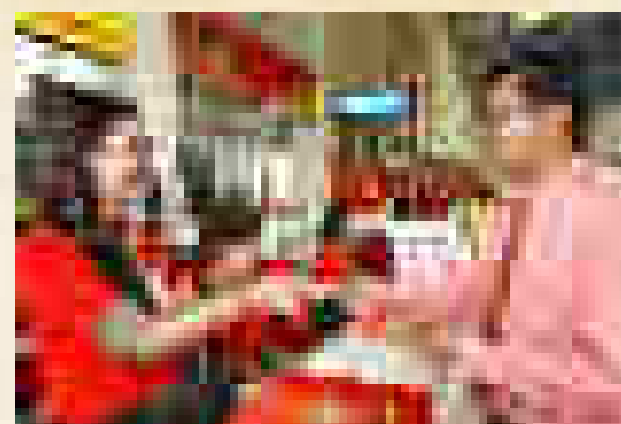
Năm 2018, HDBank tiếp tục là một trong số ít ngân hàng thương mại cổ phần được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lựa chọn làm ngân hàng phục vụ 2 dự án sử dụng vốn ODA quốc tế: (i) Dự án Tiết Kiệm Năng Lượng Cho Ngành Công Nghiệp Việt Nam (Dự Án VEEIE) và (ii) Dự án Hạ Tầng Cơ Bản Cho Sự Phát Triển Toàn Diện Tỉnh Hà Tĩnh (Dự Án BIIG 2) - với tổng vốn vay 250 triệu USD do Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ.

Với việc được chọn phục vụ 2 dự án nêu trên, tổng số các dự án mà HDBank được giao làm Cơ quan Cho vay lại và Ngân hàng Phục vụ đã lên 9 dự án, với tổng trị giá vốn quản lý tương đương 750 triệu USD. Việc HDBank tiếp tục được Chính phủ và Bộ Tài chính lựa chọn giao làm Cơ quan Cho

vay lại các Dự án sử dụng nguồn vốn ODA quốc tế của Ngân hàng Thế giới, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và nhiều cơ quan hỗ trợ phát triển uy tín, Chính phủ các quốc gia,... đã khẳng định sự tin tưởng của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước đối với HDBank, nâng cao vị thế và uy tín thương hiệu của HDBank trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế, đồng thời minh chứng cho cam kết của HDBank trong việc đem lại lợi ích cao nhất cho cộng đồng, xã hội, phục vụ sự phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và các ngân hàng thương mại hàng đầu thế giới như J.P Morgan Chase của Mỹ, ICBC của Trung Quốc, Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ của Nhật, Commerzbank của Đức, ANZ,... tăng cường cấp hạn mức tín dụng cũng như đề xuất mở rộng hợp tác với HDBank trên nhiều lĩnh vực khác như Phát hành Trái phiếu Xanh (Green Bonds), Tài trợ Dự án Xanh (Green Project Financing),... ngoài các hoạt động tài trợ thương mại, thanh toán quốc tế thông thường.

Tất cả những thành công trên đều có dấu ấn đậm nét của Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định Chế Tài Chính với vai trò là những đại sứ thương hiệu, cầu nối giữa HDBank với các tập đoàn, tổng công ty, tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế.



Một số dự án tiêu biểu của Khối CIB trực tiếp tham gia trong năm 2018 bao gồm:

1. Triển khai tài trợ Chuỗi Đại lý vé máy bay Vietjet Air:

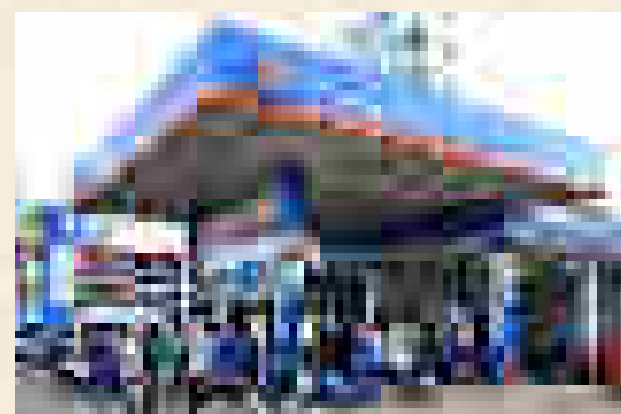
Tiếp theo Dự án tài trợ Chuỗi Đại lý vé máy bay Vietjet Air, năm 2018, Khối CIB phối hợp cùng hệ thống HDBank khởi động triển khai hệ sinh thái khách hàng từ Vietjet Air, tạo tiền đề cho kế hoạch tiếp cận, đồng hành và bán chéo các sản phẩm dịch vụ ngân hàng cho các đối tượng khách hàng đa dạng, phát triển theo sự tăng trưởng của Vietjet Air. Kết quả tăng trưởng về số lượng khách hàng đạt hơn 103% so với kế hoạch đề ra.



2. Đầu mối triển khai nghiên cứu và tham gia vào quá trình xây dựng Chương trình tài trợ Dự án Điện mặt trời cho toàn ngân hàng:

Khối CIB phối hợp với Khối Khách hàng Doanh nghiệp triển khai gói tài trợ cho các dự án năng lượng sạch – dự án điện mặt trời với tổng số vốn lên đến 7.000 tỷ đồng, phục vụ các dự án điện mặt trời nổi lưới thuộc quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

Gói tín dụng dành cho các doanh nghiệp xây lắp hệ thống điện mặt trời trên mái nhà một lần nữa khẳng định hình ảnh HDBank- ngân hàng xanh, luôn thấu hiểu và mong muốn cung cấp cho khách hàng những giải pháp tài chính tốt nhất, đồng thời hướng tới những giá trị bền vững, giúp đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh năng lượng địa phương và quốc gia.



3. Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược giữa HDBank và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex:

Trong năm 2018, Khối CIB được giao làm đơn vị đầu mối trong việc triển khai Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược giữa HDBank và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex.

Trong nhiều năm qua, HDBank đã có những chương trình hợp tác chặt chẽ với các đơn vị thành viên của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex, mang lại kết quả khả quan. Với mục đích tăng cường và mở rộng cơ hội hợp tác cho cả 2 bên, HDBank và Tập đoàn Xăng dầu Việt nam Petrolimex đã tiến hành ký kết Thỏa thuận Hợp tác Chiến lược.

HOẠT ĐỘNG KHỐI NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TIỀN TỆ

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ của HDBank là một trong các khối kinh doanh có hiệu quả cao, đóng góp tích cực vào tổng lợi nhuận của HDBank hàng năm. Chức năng, nhiệm vụ chính của Khối bao gồm: Chịu trách nhiệm quản lý thanh khoản, tham mưu chính sách lãi suất tỷ giá trong quá trình hoạt động hàng ngày cho Tổng Giám đốc và Ủy ban ALCO; đồng thời thực hiện hiện các chức năng kinh doanh nguồn vốn, ngoại hối, giấy tờ có giá và các công cụ nợ trên thị trường tiền tệ, ngoại hối, vốn để tìm kiếm lợi nhuận. Hoạt động kinh doanh tiền tệ và ngoại hối của Khối Nguồn vốn khá tích cực, quy mô giao dịch lớn và có uy tín cao trên thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Hiện HDBank là thành viên của thị trường Trái phiếu Chính phủ sơ cấp và thứ cấp, là một trong những nhà tạo lập thị trường trên thị trường tiền tệ và ngoại hối liên ngân hàng.

Năm 2018 là năm tiếp tục khẳng định sự mở rộng và phát triển của hoạt động quản lý nguồn vốn, kinh doanh tiền tệ và đầu tư. HDBank không ngừng khẳng định vị thế, uy tín trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn; duy trì vai trò chủ động và tích cực trong hoạt động giao dịch về nguồn vốn, đầu tư và kinh doanh tiền tệ. HDBank nằm trong top 10 các thành viên giao dịch Trái phiếu Chính phủ lớn nhất theo kết quả xếp loại của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội năm 2018.

Kết quả hoạt động của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ tiếp tục được duy trì và phát huy mạnh mẽ trong năm 2018, với lợi nhuận kinh doanh vượt so với kế hoạch đề ra. Trong đó không thể không nhắc đến sự đóng góp tích cực từ các mảng hoạt động chính: kinh doanh vốn, kinh doanh ngoại hối và kinh doanh giấy tờ có giá.

Hoạt động quản lý nguồn vốn:

Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tiền tệ thực hiện quản lý toàn bộ nguồn vốn và sử dụng vốn của HDBank, đồng thời thực hiện quản lý và điều hành thanh khoản của toàn hệ thống, đảm bảo khả năng chi trả và khả năng thanh khoản trong suốt quá trình hoạt động của HDBank.

Bên cạnh việc cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, khả năng thanh khoản thì Khối cũng thực hiện việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động khả dụng và nguồn vốn liên ngân hàng để kinh doanh vốn.



HDBank đã vận hành một cách khá hoàn chỉnh và minh bạch cơ chế quản lý vốn tập trung (FTP) giữa Hội sở và các Chi nhánh và giữa Sở kinh doanh và Sở ngân hàng, tạo điều kiện kích thích phát triển kinh doanh và xác định hiệu quả kinh doanh một cách chính xác và công bằng.

Việc cân đối và quản lý nguồn vốn cũng đảm bảo sử dụng nguồn vốn hiệu quả, ưu tiên phát triển tín dụng cho vay khách hàng với lãi suất thấp và nguồn vốn cho các chương trình tín dụng tài trợ cho lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng xanh.

Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng:

Bên cạnh việc quản lý an toàn nguồn vốn, HDBank cũng đã sử dụng và khai thác rất hiệu quả nguồn vốn huy động và nguồn vốn liên ngân hàng để thực hiện kinh doanh nguồn vốn. Không chỉ chú trọng đến việc đa dạng sản phẩm, nghiệp vụ và tăng trưởng về quy mô, thị phần trên thị trường tiền tệ, HDBank còn luôn đảm bảo sự uy tín, hỗ trợ đối tác, cạnh tranh lành mạnh, góp phần điều tiết cung – cầu tiền tệ và sự ổn định trên thị trường liên ngân hàng theo chủ trương chính sách của Ngân hàng Nhà nước. HDBank không sử dụng nguồn vốn liên ngân hàng để cho vay và đầu tư trên thị trường 1, mà chỉ thực hiện cho vay lại trên thị trường 2 và đầu tư vào các tài sản lỏng, thanh khoản cao, đảm bảo an toàn nguồn vốn.



Hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

Trong điều kiện thị trường tiền tệ biến động mạnh, phức tạp do tác động từ thị trường quốc tế, hoạt động kinh doanh ngoại hối của HDBank năm 2018 tập trung vào tận dụng cơ hội song song với việc nâng cao quản lý rủi ro. Nhờ vậy doanh số giao dịch tiếp tục tăng, sản phẩm ngày một đa dạng. Hiệu quả kinh doanh đã tăng trưởng mạnh trong bối cảnh nhu cầu mua bán ngoại tệ của các doanh nghiệp vẫn chưa thật sự cao và cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng về thị phần giao dịch. HDBank đã tích cực duy trì, mở rộng và đa dạng hóa khách hàng, đẩy mạnh kinh doanh tự doanh, mua bán cho khách hàng định chế trên thị trường quốc tế, đồng thời kết hợp chặt chẽ với kinh doanh vốn trong hoạt động bán chéo và tăng cường sản phẩm phái sinh hoán đổi tiền tệ song song với việc chủ động, linh hoạt trong công tác nắm bắt, phân tích thông tin thị trường.

Năm 2018 cũng là năm HDBank tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và ban hành đầy đủ các quy định liên quan, mang lại hiệu quả đáng kể trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng như nâng cao năng lực quản lý và tuân thủ về quản lý rủi ro, quản lý trạng thái ngoại hối.

Đến 31/12/2018, doanh số mua và bán ngoại tệ đạt 22,8 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2017 và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và công cụ phái sinh tiền tệ tăng 107% so với năm 2017.

Hoạt động kinh doanh vàng:

Tuy không còn nhộn nhịp như những năm trước đây nhưng với mạng lưới 116 điểm giao dịch mua bán vàng trải rộng cả nước, HDBank đã góp phần cung cấp, đáp ứng nhu cầu trao đổi và mua bán vàng miếng của khách hàng cũng như ổn định chính sách về vàng của Ngân hàng Nhà nước.

Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán:

Năm 2018 tiếp tục là một năm thành công của hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán, HDBank đã hoạt động rất tích cực trên thị trường sơ cấp và thứ cấp, hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo và chiếm tỷ trọng đáng kể trong kết quả kinh doanh của HDBank, đặc biệt là hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu Chính phủ.

Nhờ việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp, HDBank đã lọt vào top 10 thành viên giao dịch lớn nhất Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội năm 2018. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh của HDBank đã gia tăng mạnh mẽ, đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị trí và uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu doanh nghiệp và chứng khoán vốn cũng đã được cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng trong danh mục đầu tư. Đến 31/12/2018, danh mục trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đạt 25.596 tỷ đồng (giảm 10,6 ngàn tỷ đồng so với năm 2017), danh mục Trái phiếu tổ chức tín dụng đạt 12.337 tỷ đồng (tăng 5.339 tỷ đồng so với năm 2017), danh mục Trái phiếu doanh nghiệp và chứng khoán vốn đạt 8.915 tỷ đồng (tăng 382 tỷ đồng so với năm 2017) và lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư và kinh doanh (bao gồm góp vốn, mua cổ phần) đều tăng tích cực so với năm 2017.

Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán cũng được cơ cấu lại theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, theo đó Ngân hàng tập trung và phát triển kinh doanh chứng khoán nợ (Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu tổ chức tín dụng), sắp xếp và cơ cấu lại hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán vốn theo quy định mới.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

1. Hoạt động Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (AMC HDBank)

a) Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Tình hình hoạt động của AMC HDBank trong năm 2018 đạt hiệu quả với tỷ lệ hoàn thành 109% kế hoạch lợi nhuận, trong đó doanh thu chủ yếu của AMC HDBank đến từ mảng mua bán, cho thuê tài sản, quản lý tòa nhà, khai thác xử lý tài sản từ ủy thác. Ngoài ra, trong năm 2018, AMC HDBank đã chủ động đầu tư, kinh doanh tài sản và bước đầu triển khai hoạt động mua bán nợ làm tiền đề cho việc phát triển trong năm 2019.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Tổng tài sản	228	182	189
Tổng vốn chủ sở hữu	157	166	173
Doanh thu thuần	17	67	12
Lợi nhuận trước thuế	7	12	9
Lợi nhuận sau thuế	6	9	7
Nợ ngắn hạn	41	16	15
Nợ dài hạn	30	-	-

b) Định hướng kinh doanh năm 2019 của AMC HDBank tập trung các mục tiêu chính:

- Đẩy mạnh khai thác tài sản, phát triển thành mảng kinh doanh chủ đạo của Công ty;
- Tận dụng cơ hội đầu tư để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn hoặc các tài sản có lợi nhuận kỳ vọng cao và bền vững trong dài hạn;
- Chuẩn hóa công tác mua bán nợ, phối hợp với các phòng ban hội sở để tham mưu, thẩm định chặt chẽ các khoản nợ dự định mua, bán;
- Đa dạng hóa dịch vụ, kiểm soát tốt chi phí, tối đa hóa lợi nhuận để hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh 2019.

2. Hoạt động công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn HD SAISON (HD SAISON)

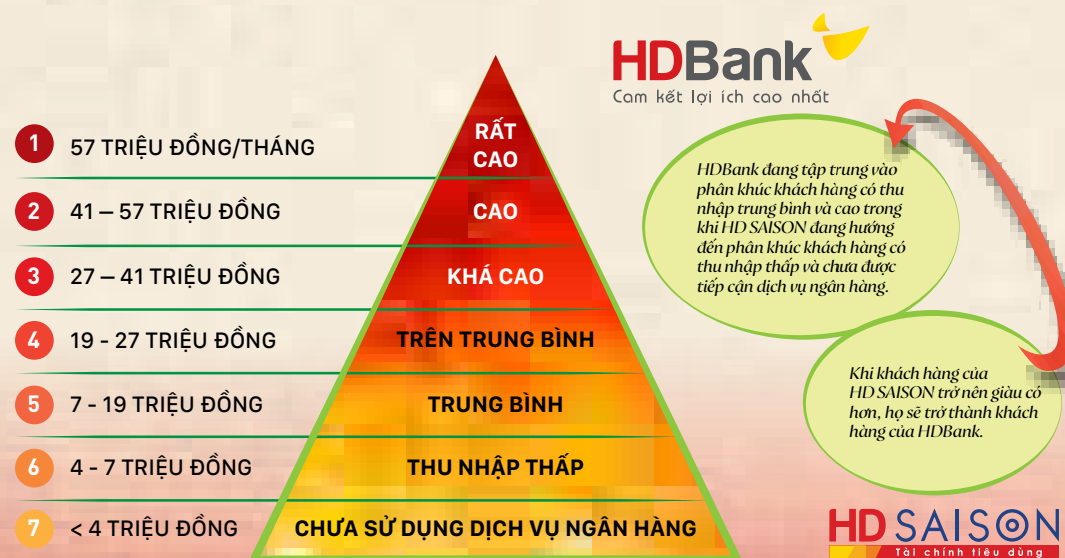
Mô hình hoạt động

Tính đến ngày 31/12/2018, HD SAISON phục vụ hơn 5 triệu khách hàng.

Phân khúc khách hàng mục tiêu của HD SAISON hướng đến nhóm khách hàng chưa được các ngân hàng chú ý và nhóm khách hàng có thu nhập thấp đến trung bình với mức thu nhập hàng tháng là từ 2 - 7 triệu đồng. Hai phân khúc này phần lớn là khách hàng hiện tại của HD SAISON. Khoảng một nửa số khách hàng của HD SAISON dưới 30 tuổi và đang đi làm, nhưng chưa được các ngân hàng phục vụ do các khoản vay của các đối tượng này thường có quy mô nhỏ lẻ và các ngân hàng chưa có hệ thống quản lý hoàn chỉnh cũng như công nghệ có tính chuyên biệt để phục vụ phân khúc này một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng và hiệu quả.

Số lượng khách hàng thu nhập thấp và chưa tiếp cận được ngân hàng chiếm khoảng 83% dân số lao động tại Việt Nam, cho thấy thị trường cho vay tiêu dùng vẫn còn khá hấp dẫn và chưa được khai thác hết. Theo Nielsen, những phân khúc này dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20%, chủ yếu đến từ việc đô thị hóa, tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số.

Nền tảng khách hàng của HD SAISON



Nguồn: HD SAISON

Sản phẩm và dịch vụ chính:

HD SAISON hiện là một trong những công ty tài chính tiêu dùng có thị phần lớn nhất tại Việt Nam tập trung các dòng sản phẩm chính như sau:

- Cho vay mua xe máy ("TW");
- Cho vay mua thiết bị gia dụng ("CD");
- Cho vay bằng tiền mặt cho các khách hàng TW hoặc CD có lịch sử trả nợ tốt.

Tính đến ngày 31/12/2018, danh mục cho vay của HD SAISON bao gồm 42% cho vay xe máy; 24% cho vay thiết bị gia dụng; 32% cho vay tiền mặt và 2% cho vay các sản phẩm mới khác như xe tải và giáo dục. Đối với các khoản vay bằng tiền mặt, không giống như hầu hết các công ty tài chính tiêu dùng khác trên thị trường. HD SAISON tuân theo một tiêu chuẩn nghiêm ngặt về quản lý rủi ro. Cụ thể, HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt đối với khách hàng hiện tại có hồ sơ tín dụng đã được chứng minh có lịch sử trả nợ tốt.

Hiệu quả hoạt động

Hoạt động kinh doanh của HD SAISON qua các năm:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Tổng tài sản	9.862	10.907	12.141
Dư nợ cho vay	8.055	9.449	10.653
Tổng giá trị huy động	7.843	8.380	8.604
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	2.199	2.895	3.477
Lợi nhuận sau thuế	353	416	719
ROAA	4,6%	4,0%	6,2%
ROAE	32,8%	31,8%	38,3%

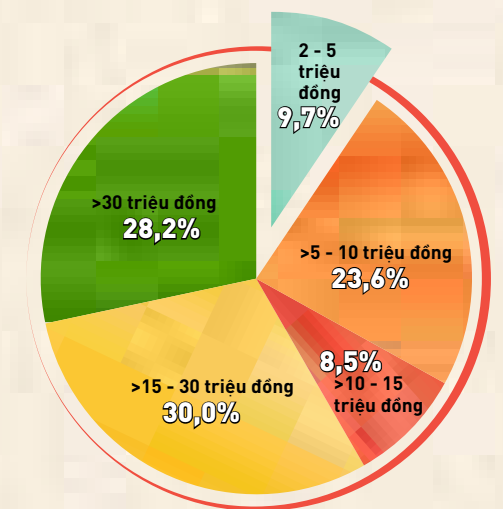
Hoạt động kinh doanh của HD SAISON trong năm 2018 đạt kết quả khả quan với mức tăng trưởng từ thu nhập hoạt động và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 20,1% và 72,78% tương ứng với giá trị tuyệt đối là 3.477 tỷ đồng và 719 tỷ đồng.

HD SAISON đạt được kết quả trên nhờ vào việc đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ cho vay lên đến 12,7%, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt 38,3%, khá cao trong ngành tài chính tiêu dùng. Tỷ lệ nợ xấu của HD SAISON đạt 6,3% thấp so với nhiều công ty tài chính cùng ngành, do ban lãnh đạo công ty xác lập chiến lược phát triển lâu dài và bền vững là không theo đuổi lợi nhuận trước mắt bằng cách hy sinh các nguyên tắc chuẩn mực về quản trị rủi ro tín dụng. Cụ thể, danh mục cho vay của HD SAISON cho thấy sự đa dạng hóa giữa các sản phẩm vay mua xe máy, thiết bị gia dụng và cho vay bằng tiền mặt.

Chiến lược của HD SAISON là phân tán rủi ro giữa các khách hàng, nhằm tăng trưởng cho vay bằng cách tiếp nhận thêm khách hàng thay vì gia tăng khoản vay cho khách hàng hiện hữu. Việc duy trì quy mô khoản vay cho mỗi khách hàng ở mức thấp sẽ làm giảm rủi ro đối với HD SAISON.

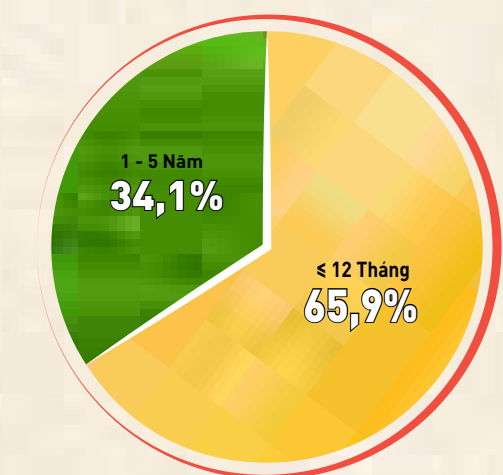
Thêm vào đó, HD SAISON tập trung vào các khoản vay giá trị nhỏ và thời hạn ngắn, phần lớn các khoản vay có giá trị dưới 30 triệu đồng và thời hạn dưới một năm. Việc này giúp Công ty kiểm soát được rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng và giảm thiểu rủi ro tập trung của danh mục cho vay của Công ty. HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt dành các khách hàng hiện hữu có lịch sử thanh toán tốt nhằm đa dạng danh mục cho vay và gia tăng lợi nhuận.

Giá trị khoản vay

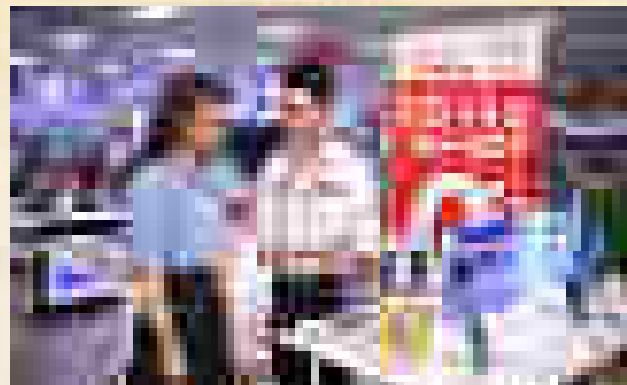


Nguồn: HD SAISON

Thời hạn cho vay



Nguồn: HD SAISON



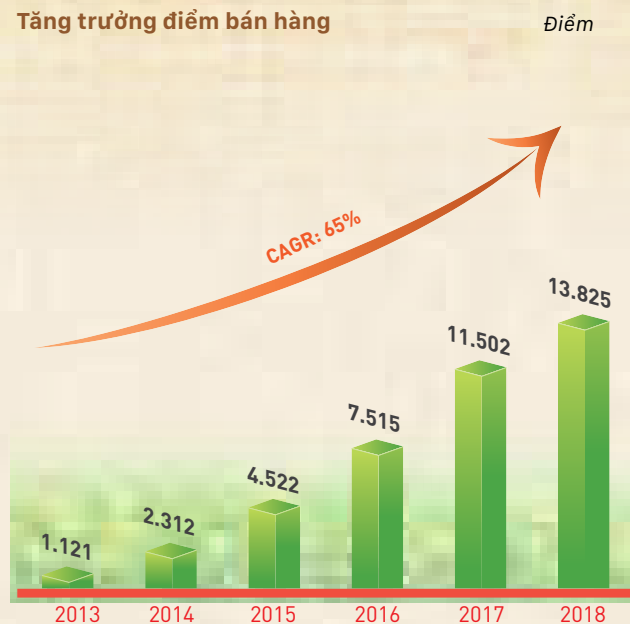
Thị phần

Là một công ty hàng đầu trong ngành tài chính tiêu dùng, HD SAISON có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với các dòng sản phẩm chủ đạo như: Hỗ trợ tài chính mua xe máy, hàng điện máy, cho vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng, mua xe tải, hỗ trợ du lịch, vay mua sản phẩm trực tuyến,...

Mạng lưới phân phối rộng khắp toàn quốc với độ bao phủ lớn là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn của HD SAISON. Mạng lưới phân phối rất quan trọng đối với hoạt động cho vay tiêu dùng vì đa phần công ty tài chính tiêu dùng phục vụ cho những người có thu nhập trung bình thấp và chưa được các ngân hàng chú ý, chủ yếu là công nhân nhà máy, sinh viên học sinh, và người lao động – những đối tượng được chi trả bằng tiền mặt thay vì chuyển khoản. Để tiếp cận được phân khúc khách hàng này thì chính sách tiếp thị tốt nhất là mở rộng các điểm giao dịch tài chính.

Tính đến ngày 31/12/2018, HD SAISON có 13.825 điểm giao dịch tài chính trên 63 tỉnh thành Việt Nam với hơn 5 triệu khách hàng. HD SAISON đứng đầu Việt Nam về mạng lưới điểm giao dịch tài chính và số lượng khách hàng.

Tăng trưởng điểm bán hàng



Vị thế thị trường của HD SAISON thời điểm 31/12/2018

HD SAISON đã phát triển và tăng trưởng các kênh bán hàng thông qua nhân viên bán hàng trực tiếp tại các điểm bán hàng hợp tác với các đối tác kinh doanh. Sắp tới, HD SAISON có kế hoạch tiếp tục thiết lập các kênh phân phối mới bao gồm các sản phẩm thẻ tín dụng đồng thương hiệu và và sản phẩm cho vay trực tuyến mua vé máy bay Vietjet Air. Bên cạnh đó, HD SAISON sẽ chú trọng tối đa hóa doanh thu từ việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm cũng như mở rộng danh mục các sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho người vay, bao gồm những không giới hạn các dòng sản phẩm chăm sóc y tế cho gia đình...



HD SAISON với trách nhiệm xã hội

HD SAISON tạo ra dấu ấn nổi bật trên thị trường không chỉ với vị thế là một trong những công ty tài chính tiêu dùng lớn nhất Việt Nam mà còn bởi những đóng góp tích cực cho xã hội và cộng đồng.

Với tinh thần "Hành động là yêu thương", từ nhiều năm nay, HD SAISON đã tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội thiết thực. Đầu đặn hàng năm, hàng trăm nhân viên HD SAISON nhiệt tình góp mặt trong chương trình "Đi bộ vì nạn nhân chất độc da cam và người khuyết tật nghèo" do Hội Chữ thập Đỏ Thành phố Hồ Chí Minh phát động vào tháng 8, cũng như tham gia giải chạy thường niên "Chạy vì Trái Tim" thông qua Quỹ Nhịp tim Việt Nam để hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim cho bệnh nhi nghèo. Ngày hội "Hiến máu tình nguyện HD SAISON" tại 4 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ đã trở thành sự kiện thường niên không thể thiếu của công ty, mỗi năm tiếp nhận hàng nghìn đơn vị máu từ nhân viên HD SAISON để cứu sống bệnh nhân hiếm nghèo. Bên cạnh đó, HD SAISON đã xây dựng nhà tình nghĩa cho người có công với cách mạng tại Bến Tre và Quảng Bình, trao hơn 300 suất học bổng cho học sinh nghèo hiếu học tại Thành phố Hồ Chí Minh và Cà Mau, giúp đỡ đồng bào gặp thiên tai, bão lũ tại khu vực miền núi phía Bắc và miền Trung, thực hiện chương trình "Chắp cánh ước mơ" trao sinh kế cho các gia đình nghèo,... Riêng chương trình "Chắp cánh ước mơ" do HD SAISON và Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh khởi xướng từ giữa năm 2017 đến nay đã sử dụng hiệu quả số tiền gần một tỷ đồng để hỗ trợ 60 hộ gia đình khó khăn có phương tiện mưu sinh vươn lên thoát nghèo. Kinh phí để HD SAISON duy trì các hoạt động cộng đồng giàu ý nghĩa đều do cán bộ, nhân viên và khách hàng của công ty cùng nhau đóng góp thông qua Quỹ Ước mơ HD SAISON.

HD SAISON khác biệt để thành công

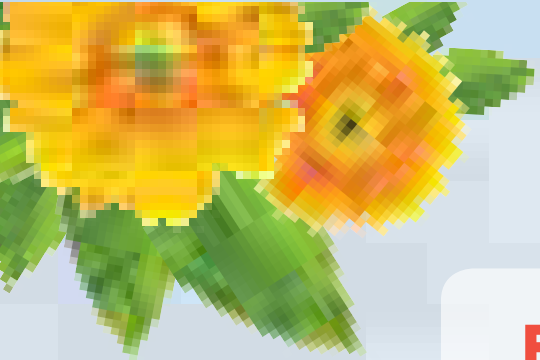
Mỗi công ty tài chính có một mục tiêu phát triển và một hướng đi riêng. Đối với HD SAISON, con đường đi đến thành công được vun đắp bằng sự bền bỉ và nỗ lực không ngừng.

HD SAISON tin rằng nội lực vững chắc, văn hóa trách nhiệm và triết lý kinh doanh đặt khách hàng làm trọng tâm sẽ mang đến thành công lâu dài. Là công ty tài chính tiêu dùng đầu tiên tại Việt Nam, HD SAISON đã xây dựng thành công uy tín và giá trị thương hiệu, tạo ra sự khác biệt trên thị trường tài chính tiêu dùng đang bùng nổ và đầy cạnh tranh.

HD SAISON luôn tiên phong trong việc hỗ trợ khách hàng tại khu vực vùng sâu, vùng xa, địa bàn còn khó khăn về kinh tế, khách hàng là người dân tộc thiểu số có nhu cầu vay vốn để phát triển sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống. Điều này được minh chứng ở mạng lưới bán hàng lớn nhất trong các công ty tài chính của HD SAISON với hơn 13.825 điểm giới thiệu dịch vụ, đã được mở rộng về tất cả trung tâm các huyện trên khắp 63 tỉnh, thành phố. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đào tạo và sử dụng lao động tại địa phương, tạo ra nhiều công ăn việc làm, góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội tại các địa bàn này phát triển.

HD SAISON hiểu rằng nếu công ty tài chính chỉ quan tâm tới lợi nhuận mà nới lỏng các quy định về cho vay và chấp nhận rủi ro cao thì sẽ dẫn đến hệ lụy kép là khách hàng có thể mất khả năng chi trả và nợ xấu của công ty sẽ tăng mạnh. Do đó, tôn chỉ hoạt động của HD SAISON là "cho vay có trách nhiệm", luôn thẩm định kỹ để bảo đảm vay trả góp không trở thành gánh nặng tài chính cho khách hàng mà là một phương thức mua sắm hiện đại. HD SAISON cũng được đánh giá là công ty tài chính rất ít bị khách hàng khiếu nại về việc thu hồi nợ.

Để ghi nhận những nỗ lực không biết mệt mỏi và những lợi ích thiết thực mà doanh nghiệp đem đến cho cộng đồng, HD SAISON đã 4 năm liên tiếp được trao các giải thưởng uy tín: Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) và Thương hiệu mạnh Việt Nam. Trong hai năm 2017 và 2018, HD SAISON cũng được Hội Sở hữu Trí tuệ Việt Nam vinh danh là Nhân hiệu hàng đầu Việt Nam và "Dịch vụ vay trả góp HD SAISON" luôn nằm trong Top 20 dịch vụ Vàng Việt Nam.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

74

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

84

ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG 2019

86

KẾ HOẠCH
KINH DOANH 2019

Kiến toàn **đội ngũ** *Lan tỏa sức mạnh*

Bất cứ một mục tiêu dài hơi nào cũng cần một đội ngũ có tinh thần và ý chí, vượt qua những thách thức của thời cuộc.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VĨ MÔ

Năm 2018, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam tiếp tục chuyển biến tích cực, toàn diện, hoàn thành 12 bộ chỉ tiêu kế hoạch, trong đó có 9 chỉ tiêu vượt kế hoạch. Nhờ sức cầu mạnh trong nước kết hợp với sự năng động của các ngành chế tạo, chế biến theo định hướng xuất khẩu, tăng trưởng kinh tế đạt 7% - mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm gần đây.

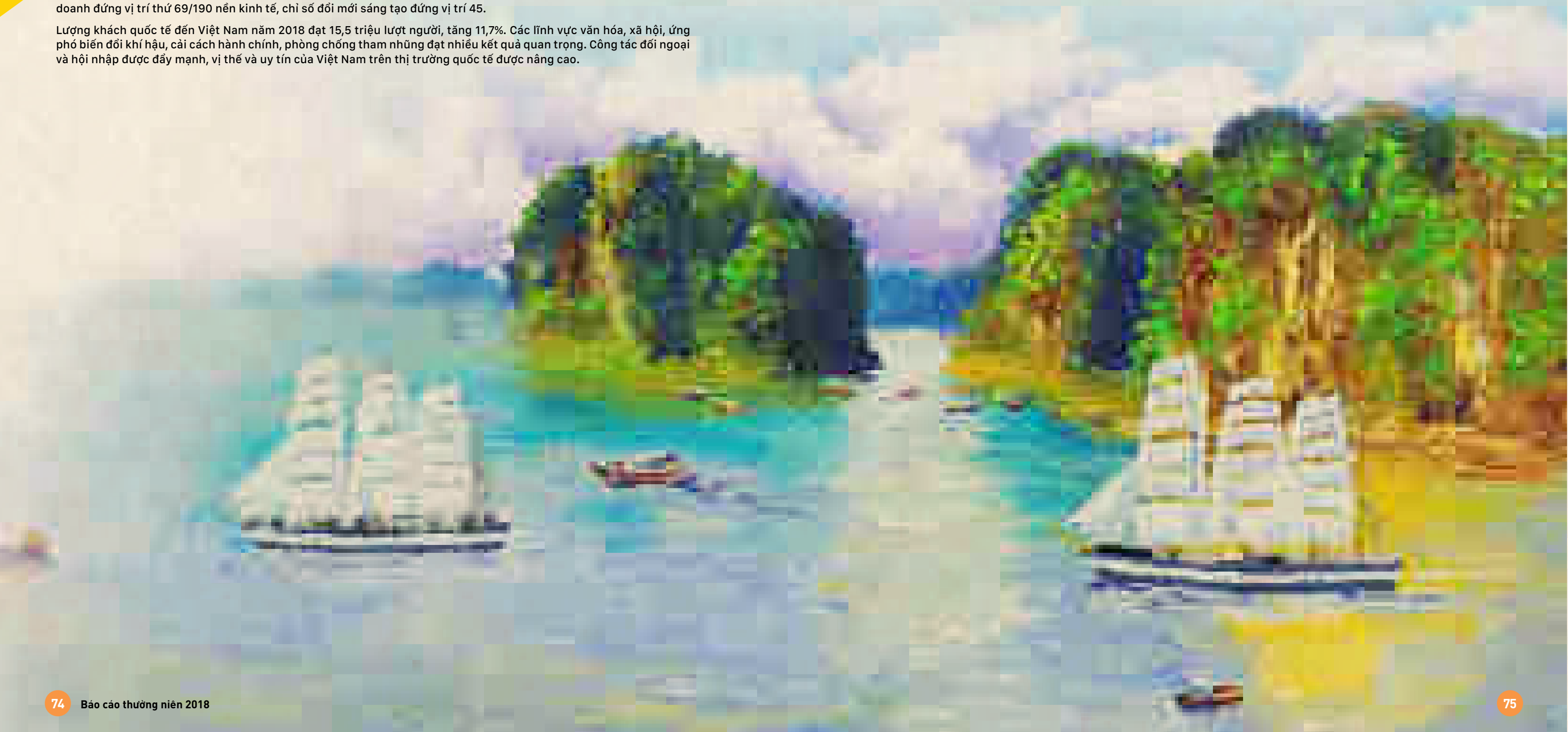
Lạm phát duy trì thấp ở mức dưới 4% do chính sách tiền tệ được thắt chặt, tỷ giá tương đối ổn định. Tổng kim ngạch thương mại Việt Nam tương đương 200% quy mô nền kinh tế, thu hút vốn FDI đạt trên 30 tỷ USD. Dù tăng trưởng cao nhưng Việt Nam vẫn duy trì được ổn định kinh tế vĩ mô với CPI bình quân năm 2018 tăng trên 3,5% so với năm 2017. Thâm hụt ngân sách giảm, thị trường chứng khoán ổn định và đạt mức gần 1.000 điểm, chất lượng môi trường kinh doanh đứng vị trí thứ 69/190 nền kinh tế, chỉ số đổi mới sáng tạo đứng vị trí 45.

Lượng khách quốc tế đến Việt Nam năm 2018 đạt 15,5 triệu lượt người, tăng 11,7%. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, ứng phó biến đổi khí hậu, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng đạt nhiều kết quả quan trọng. Công tác đối ngoại và hội nhập được đẩy mạnh, vị thế và uy tín của Việt Nam trên thị trường quốc tế được nâng cao.

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Trong năm 2018, chính sách tiền tệ được điều hành cẩn trọng, linh hoạt, phối hợp tốt với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Lãi suất được duy trì ở mức thấp, tỷ giá và thị trường vàng được duy trì ổn định. Theo Ngân hàng Nhà nước, tăng trưởng tín dụng 2018 được kiểm soát chặt chẽ ở mức khoảng 14%, ưu tiên tập trung vào cách ngành sản xuất, chế biến chế tạo. Nợ xấu đã giảm mạnh và được kiểm soát ở mức 1,9%.

Trên thị trường dân cư, lãi suất tiền gửi và cho vay đều tăng. Nguyên nhân là do kỳ vọng lạm phát tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới biến động và các tổ chức tín dụng cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong năm 2019 như tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm xuống 40% và chuẩn bị tăng vốn cấp 2 theo Basel II.



ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2016	2017	2018
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	8.100	9.810	9.810
Tổng tài sản có	150.294	189.334	216.057
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	12,5%	13,5%	12,1%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh & Các chỉ số tài chính			
Huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế	114.327	130.330	142.987
Tổng dư nợ tín dụng	87.892	110.067	129.624
Lợi nhuận trước thuế	1.148	2.417	4.005
Lợi nhuận sau thuế	914	1.954	3.202
Tỷ lệ nợ xấu	1,5%	1,5%	1,5%
ROAA	0,7%	1,2%	1,6%
ROAE	9,2%	15,8%	20,3%
LLR	76,5%	73,2%	71,1%
CIR	60,5%	54,3%	47,0%
Khả năng thanh toán chung	83,7%	80,9%	84,0%
Thu nhập lãi / Tổng thu nhập	86,3%	84,6%	81,0%
Thu nhập ngoài lãi / Tổng thu nhập	13,7%	15,4%	19,0%
Thu dịch vụ / Tổng thu nhập	2,2%	2,6%	4,6%

1. TỔNG TÀI SẢN:

Tổng tài sản của HDBank đạt 216.057tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2017.

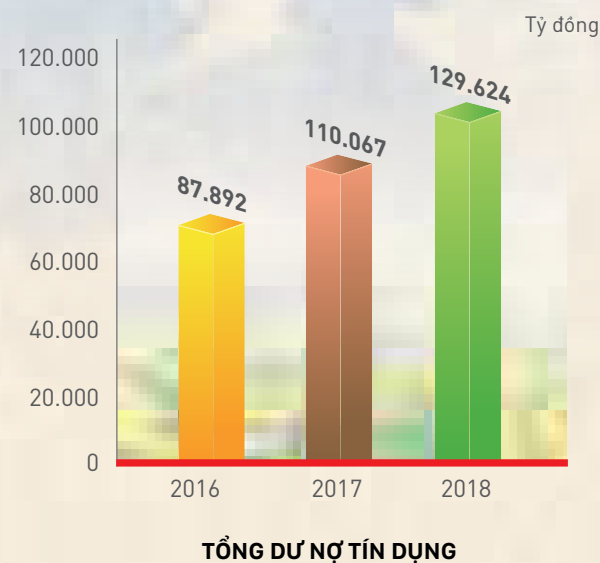
Bên cạnh việc tăng trưởng về quy mô, năm 2018 HDBank tiếp tục duy trì bảng tổng kết tài sản vững mạnh, đảm bảo các tỷ lệ thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và tiệm cận nhanh hơn với chuẩn mực quốc tế. Cụ thể, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) đạt 12,1%, cơ cấu tài sản của HDBank cấu trúc theo hướng bền vững góp phần tăng trưởng và phát triển cho ngân hàng.

2. HUY ĐỘNG VỐN TỪ DÂN CƯ VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ:

Nguồn vốn huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế của HDBank đạt 142.987 tỷ đồng, tăng 9,7% so với năm 2017. Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt nam, phân khúc khách hàng của HDBank chủ yếu tập trung vào khách hàng cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tăng trưởng và phát triển theo đề án “Ngân hàng xanh” của Ngân hàng Nhà nước, bên cạnh việc phát triển các sản phẩm lõi, HDBank triển khai nhiều sản phẩm huy động trực tuyến nhằm mang đến sự đa dạng, tiện lợi cho khách hàng khi giao dịch tại HDBank. Thực hiện phương châm “Cam kết lợi ích cao nhất”, trong năm 2018, HDBank đã triển khai nhiều chương trình ưu đãi thay lời tri ân dành cho khách hàng đồng hành cùng sự phát triển của HDBank và khách hàng mới tiềm năng như Gửi lại - Lãi cao/Gắn kết lâu dài- Nhận ngay lãi lớn, Bách niên – Phát tài, Sinh nhật vàng – Ngân lợi ích, gửi tiền HDBank – trúng ngay SH mode,... đã thu hút sự quan tâm của khách hàng trên khắp cả nước.



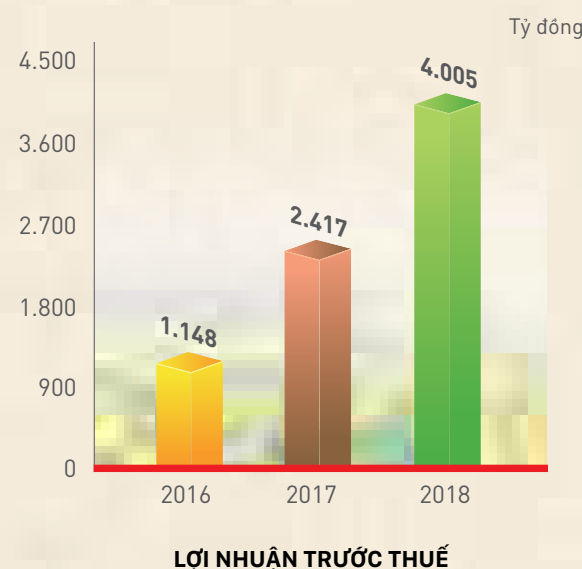


3. DƯ NỢ TÍN DỤNG:

Tổng dư nợ tín dụng của HDBank đạt 129.624 tỷ đồng, tăng 17,8% so với năm 2017. Trong đó, dư nợ khách hàng riêng HDBank chiếm 91,3%, dư nợ HD SAISON chiếm 8,7%.

Thực hiện theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước gồm nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt tín dụng vào các ngành rủi ro như bất động sản, chứng khoán, tiêu dùng,... trong năm 2018, sản phẩm chủ lực của HDBank tập trung chủ yếu vào cho vay nông nghiệp và cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, HDBank triển khai chương trình tài trợ dự án năng lượng mặt trời và tài trợ cho Khách hàng Doanh nghiệp lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà với tổng hạn mức tín dụng đã cấp gần 6.500 tỷ đồng và các chương trình tài trợ vốn giúp ích cộng đồng: chương trình tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn của Cơ quan hợp tác quốc tế JICA, chương trình bình ổn thị trường tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.



4. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ:

Tổng lợi nhuận trước thuế của HDBank đạt 4.005 tỷ đồng, tăng 65,7% so với năm 2017. Tổng thu nhập hoạt động đạt 9.440 tỷ đồng, tăng 25,8% so với năm 2017, trong đó thu nhập từ lãi thuần chiếm 81,0%/tổng thu nhập nhờ tăng trưởng tín dụng và các dịch vụ, thu nhập ngoài lãi chiếm 19,0%/ tổng thu nhập. Bên cạnh đó, nhờ kiểm soát tốt nợ xấu, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động và vận hành đã góp phần tiết giảm chi phí, gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

5. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH, ĐẦU TƯ TRÊN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ VÀ THỊ TRƯỜNG VỐN:

Hoạt động quản lý nguồn vốn và kinh doanh, đầu tư trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn của HDBank trong năm 2018 tiếp tục gặt hái được nhiều thành công. Nguồn vốn và thanh khoản tốt đã tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của HDBank ổn định và an toàn. HDBank là đối tác lớn trong giao dịch nguồn vốn, góp phần nâng cao tính thanh khoản và phát triển thị trường. Hoạt động kinh doanh ngoại hối đã tối ưu được các hạn mức với các đối tác trên thị trường, đặc biệt là các đối tác lớn trên thị trường trong nước và quốc tế, tiếp tục duy trì vị thế top 10 thành viên lớn nhất trong giao dịch trái phiếu Chính phủ. Thông qua các hoạt động kinh doanh hiệu quả, HDBank đã nâng cao được uy tín, hình ảnh và mức độ ảnh hưởng trên thị trường tiền tệ, ngoại hối và thị trường vốn, được đối tác đánh giá tốt và tin cậy, tạo tiền đề cho việc tiếp tục khẳng định và phát triển trong những năm tiếp theo.

6. HOẠT ĐỘNG THẺ VÀ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ:

Năm 2018, với định hướng trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu, HDBank phát triển mạnh các kênh giao dịch điện tử, dịch vụ và phương thức thanh toán mới trên nền tảng công nghệ hiện đại. Cụ thể, HDBank thường xuyên cập nhật các xu hướng mới trên nền tảng eBanking nhằm giúp cho quá trình sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của khách hàng ngày càng dễ dàng và tiện lợi hơn. Dịch vụ eBanking của HDBank được đánh giá cao bởi yếu tố nhanh chóng, thao tác đơn giản, an toàn và bảo mật.

Bên cạnh đó, HDBank đã chọn lọc và ký kết với những thương hiệu cung cấp dịch vụ tiềm năng và nổi bật trên thị trường như Vietjet, Lazada, Shopee, Nguyễn Kim, Grab, Samsung... để cùng tạo ra những giá trị gia tăng trên nền thẻ, mang đến những ưu đãi thiết thực dành cho chủ thẻ. Cùng với sự phát triển của ngân hàng điện tử, công tác bảo mật thông tin khách hàng và an toàn trong giao dịch luôn được HDBank chú trọng, HDBank phối hợp với VISA cung cấp phương thức giao dịch thẻ an toàn và tiện lợi: Dịch vụ xác thực giao dịch thẻ trực tuyến 3D Secure và chuyển đổi tất cả thẻ quốc tế HDBank thành thẻ chip EMV.



7. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Chuyển mình cùng sự phát triển của xã hội và nhu cầu của khách hàng trong thời đại công nghệ, với vai trò hỗ trợ tích cực cho các Khối kinh doanh, HDBank đã triển khai thành công bộ sản phẩm công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển các sản phẩm Ngân hàng điện tử, giảm chi phí tiếp cận khách hàng, cải thiện năng suất bán hàng, tích hợp các ứng dụng trên website HDBank và thiết bị di động. HDBank cũng xây dựng nền tảng vận hành vững chắc, chất lượng giao dịch được cải thiện bằng việc tự động hóa, giảm thiểu giấy tờ, thủ tục trong nghiệp vụ huy động và cho vay.

Bên cạnh việc tự động hóa, hiện đại hóa các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, HDBank triển khai nhiều biện pháp phòng, chống tấn công của virus, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin khách hàng, tạo niềm tin cho khách hàng khi giao dịch với HDBank. Năm 2018, HDBank xây dựng tiêu chuẩn bảo mật ISO 27001:2013 làm nền tảng cho việc quản lý và kiểm soát an toàn bảo mật thông tin tại Ngân hàng và triển khai thành công chức năng xác thực trực tuyến cho thẻ quốc tế nhằm hạn chế và giám sát rủi ro trong hoạt động thẻ.

8. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Khung quản trị rủi ro của HDBank năm 2018 đang dần được hoàn thiện, tuân thủ tốt quy định của Ngân hàng Nhà nước và tiệm cận nhanh hơn các chuẩn mực quốc tế. Với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, HDBank tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình 3 tuyến bảo vệ theo Thông tư 13/2018/TT - Ngân hàng Nhà nước (phù hợp với Basel III); các công cụ quản lý rủi ro được rà soát, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật, hướng đến các chuẩn mực quốc tế; hệ thống hỗ trợ được xây dựng theo hướng tự động hóa nhằm phát hiện kịp thời và cảnh báo sớm các rủi ro hoạt động.

Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, định kỳ HDBank tổ chức huấn luyện diễn tập các tình huống cướp, phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn nhằm sẵn sàng ứng phó khi phát sinh sự cố. Năm 2018, HDBank vinh dự được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận là doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

9. CÔNG TÁC VẬN HÀNH

Công tác vận hành của HDBank năm 2018 được nâng cao chất lượng thông qua việc áp dụng công nghệ trong giao dịch khách hàng, quản lý hệ thống theo chuẩn mực quốc tế ISO 9001:2015 giúp HDBank rút ngắn thời gian giao dịch, tiết giảm chi phí và giảm thiểu rủi ro.

HDBank cải thiện rút ngắn quy trình vận hành, đơn giản hóa, tự động hóa trong công tác vận hành, giảm thiểu thủ tục, giấy tờ hướng đến việc bảo vệ môi trường, ngăn ngừa các hoạt động ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống.



10. CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

Năm 2018, HDBank được đánh giá cao về văn hóa, môi trường làm việc, lộ trình thăng tiến, chế độ phúc lợi dành cho nhân viên. Tổ chức HR Asia đã bình chọn HDBank là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất châu Á.

Trong năm HDBank tiếp tục nâng cao chất lượng và dịch vụ nhân sự thông qua việc đánh giá mức độ hài lòng khách hàng bên ngoài và kỹ năng xử lý nghiệp vụ thông qua chương trình khảo sát, mức độ hài lòng nội bộ. Hàng năm, Ban lãnh đạo HDBank đều thực hiện việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cán bộ nhân viên để có hình thức khen thưởng, khuyến khích kịp thời.

HDBank xây dựng chương trình cán bộ nguồn nhằm tuyển chọn và đào tạo các ứng viên ưu tú, có tố chất lãnh đạo đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng mạng lưới không ngừng của HDBank và chương trình tìm kiếm tài năng từ nhân viên và những sinh viên mới ra trường để phát hiện những nhân tố tích cực có năng lực và kỹ năng tốt để đào tạo thành Nhà quản lý tương lai.

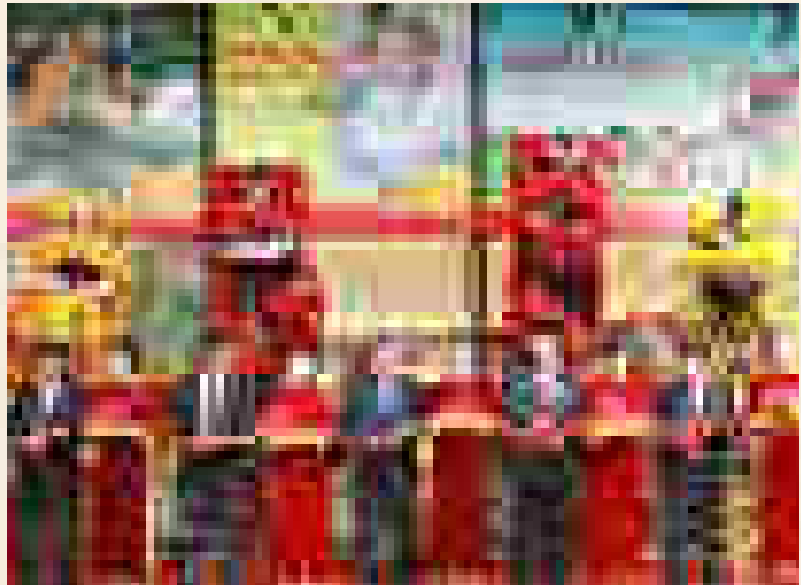
Bên cạnh việc thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự, HDBank đã và đang hoàn thiện chế độ lương, thưởng nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân sự chất lượng cao gắn bó với HDBank, hướng tới mục tiêu “Cam kết lợi ích cao nhất” cho mỗi cán bộ nhân viên và phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng thuộc Top dẫn đầu trả lương cao nhất trong hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam.

11. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Với mục tiêu trở thành ngân hàng dẫn đầu thị trường về bán lẻ, SME và tiêu dùng, mạng lưới hoạt động của HDBank trải rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc với 285 điểm giao dịch ngân hàng và 13.825 điểm giao dịch tài chính, nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân tại các khu vực còn khó khăn trong việc tiếp cận các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, giúp họ phát triển kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống.

12. CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc tăng trưởng và phát triển, HDBank luôn duy trì phát huy nét truyền thống nhân văn trong những hoạt động hướng về cộng đồng qua các hoạt động từ thiện xã hội trên khắp cả nước. Năm 2018, HDBank dành ngân sách khoảng 8 tỷ đồng thực hiện các chương trình an sinh xã hội: xây dựng nhà tình thương cho các hộ nghèo, tặng thẻ bảo hiểm y tế cho người dân có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khám và phẫu thuật mắt miễn phí cho bệnh nhân nghèo bị đục thủy tinh thể, tặng quà cho trẻ em mồ côi, khuyết tật và trao học bổng cho trẻ em nghèo, hiếu học... Đây là hoạt động không chỉ mang lại hiệu quả cao trong việc chăm lo đời sống, sức khỏe cộng đồng mà còn có những tác động tích cực trong việc tuyên truyền, vận động xã hội yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kinh tế Việt Nam năm 2019 được dự báo sẽ tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao, nhưng cũng đối mặt với nhiều rủi ro trong bối cảnh kinh tế thế giới đang suy giảm.

KINH TẾ VĨ MÔ

Cơ hội và thách thức của nền kinh tế Việt Nam trong cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung được đánh giá song hành xen kẽ, cần phải có sự điều chỉnh linh hoạt trong việc tận dụng cơ hội khi một số ngành gia công, sản xuất ở Trung Quốc có sự dịch chuyển sang Khối ASEAN. Chính phủ cần có những chính sách cải cách, cơ cấu nền kinh tế để tranh thủ thu hút nguồn vốn đầu tư, đa dạng nền kinh tế, tiếp cận các tiến bộ công nghệ từ các nước khác sẽ là cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, những tác động khó lường của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung nếu không đạt được thỏa thuận sẽ gây khó khăn cho mục tiêu tăng trưởng chung của kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam.

Các hiệp định thương mại tự do (FTAs) đã, đang và sẽ được ký kết như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA)... sẽ tạo ra tác động tích cực thông qua việc giảm thuế quan cho các doanh nghiệp Việt Nam vào các thị trường đối tác, nhưng cũng đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng tốt các tiêu chí hàng rào bảo hộ như: An toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch, nguyên tắc xuất xứ hàng hóa... thì mới tận dụng và khai thác, biến cơ hội thành kết quả cho xuất khẩu của Việt Nam.

THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Cơ hội

Thị trường tài chính - tiền tệ Việt Nam ngày càng phát triển với việc điều hành chính sách linh hoạt, hợp lý kết hợp giữa chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế vĩ mô, đạt mục tiêu kiểm soát, duy trì sự ổn định..

Khuôn khổ pháp lý đối với thị trường tài chính – tiền tệ ngày càng hoàn thiện và tiếp cận gần hơn với chuẩn mực quốc tế đáp ứng tốt nhu cầu phát triển và hội nhập.

Chính sách kiểm soát chặt tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán; tăng cường quản lý rủi ro với các dự án BOT, BT hạ tầng, tín dụng tiêu dùng, hướng dòng vốn tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, góp phần kích thích tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Thách thức

Thị trường tài chính thế giới năm 2019 được dự báo có nhiều diễn biến phức tạp với chính sách thắt chặt tiền tệ của FED và các Ngân hàng Trung ương trên Thế giới thông qua việc tăng lãi suất, hút tiền về, buộc các nền kinh tế có liên quan do hoạt động toàn cầu hóa phải điều chỉnh tăng lãi suất lên một mặt bằng mới. Trong bối cảnh đó đòi hỏi Ngân hàng Nhà nước cần phải có sự điều tiết linh hoạt, hợp lý nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn kiểm soát tốt lạm phát.

Diễn biến đồng Nhân dân tệ có thể gây khó khăn cho việc điều hành tỷ giá.

Dịch vụ ngân hàng bán lẻ như cho vay tiêu dùng trong thời gian tới có xu hướng bão hòa do sự cạnh tranh từ nhiều Ngân hàng, đòi hỏi các Ngân hàng cần phải có sự đột phá, đa dạng thêm nhiều sản phẩm mới phù hợp cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh mạng trong hệ thống thanh toán điện tử của ngân hàng.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ đồng			
CHỈ TIÊU	NĂM 2018	KẾ HOẠCH 2019	2019 SO SÁNH VỚI 2018
Tổng tài sản	216.057	250.066	16%
Tổng nguồn vốn huy động (*)	186.722	224.238	20%
Tổng dư nợ tín dụng (**)	129.624	160.811	
Tỷ lệ nợ xấu (***)	1,5%	<2%	
Lợi nhuận trước thuế	4.005	5.077	27%
ROAA	1,6%	1,7%	
ROAE	20,3%	21,2%	
Mạng lưới điểm giao dịch ngân hàng	285 điểm	308 điểm	

(*) Tổng huy động vốn bao gồm: huy động tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, vốn tài trợ ủy thác đầu tư, tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng.

(**) Dư nợ tín dụng tối đa không vượt quá hạn mức tăng trưởng do NHNN phê duyệt.

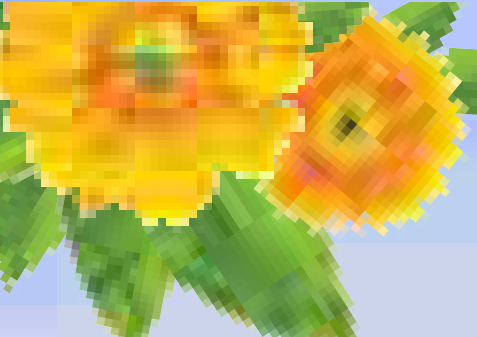
(***) Tỷ lệ nợ xấu: được tính trên dư nợ cho vay khách hàng.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

- Để đạt được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019, HDBank đề ra 5 chương trình hành động:
- Tăng trưởng hiệu quả, lợi nhuận và các chỉ số tài chính đạt theo chiến lược và cam kết với nhà đầu tư;
 - Phát triển sản phẩm, dịch vụ đặc trưng HDBank, khai thác khách hàng trong hệ sinh thái, tăng cường cấp tín dụng xanh;
 - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tốt tín dụng;
 - Phát triển mạnh mẽ dịch vụ ngân hàng điện tử và từng bước chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số hiện đại, bắt nhịp cùng xu hướng quốc tế và cuộc cách mạng công nghệ 4.0, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ;
 - Đẩy mạnh thương hiệu HDBank trên thị trường tài chính- ngân hàng trong nước và quốc tế.

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH KINH DOANH TRUNG – DÀI HẠN

- Năm 2019 là năm thứ ba HDBank thực hiện chiến lược 5 năm 2017 - 2021, với mục tiêu đạt vị thế dẫn đầu trong hệ thống Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, hiện diện tại khu vực Đông Nam Á, chiến lược của HDBank tập trung vào:
- Tiếp cận thị trường vốn trong nước và nước ngoài;
 - Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế;
 - Công khai, minh bạch thông tin về hoạt động, tuân thủ kỷ luật thị trường;
 - Xây dựng ngân hàng số đa năng, hiện đại, bắt nhịp cùng xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế;
 - Theo dõi các chỉ số quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế;
 - Tăng trưởng kinh doanh kết hợp với phát triển xã hội, môi trường nhằm đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

90


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
HDBANK

92

ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG 2019

Kết nối **sức mạnh** Khẳng định vị thế

Với nội lực vượt trội kết hợp cùng sức mạnh cộng hưởng từ hệ sinh thái đặc quyền, HDBank đang có những bước đi vững chắc để tăng cường năng lực cạnh tranh, hội nhập sâu rộng.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

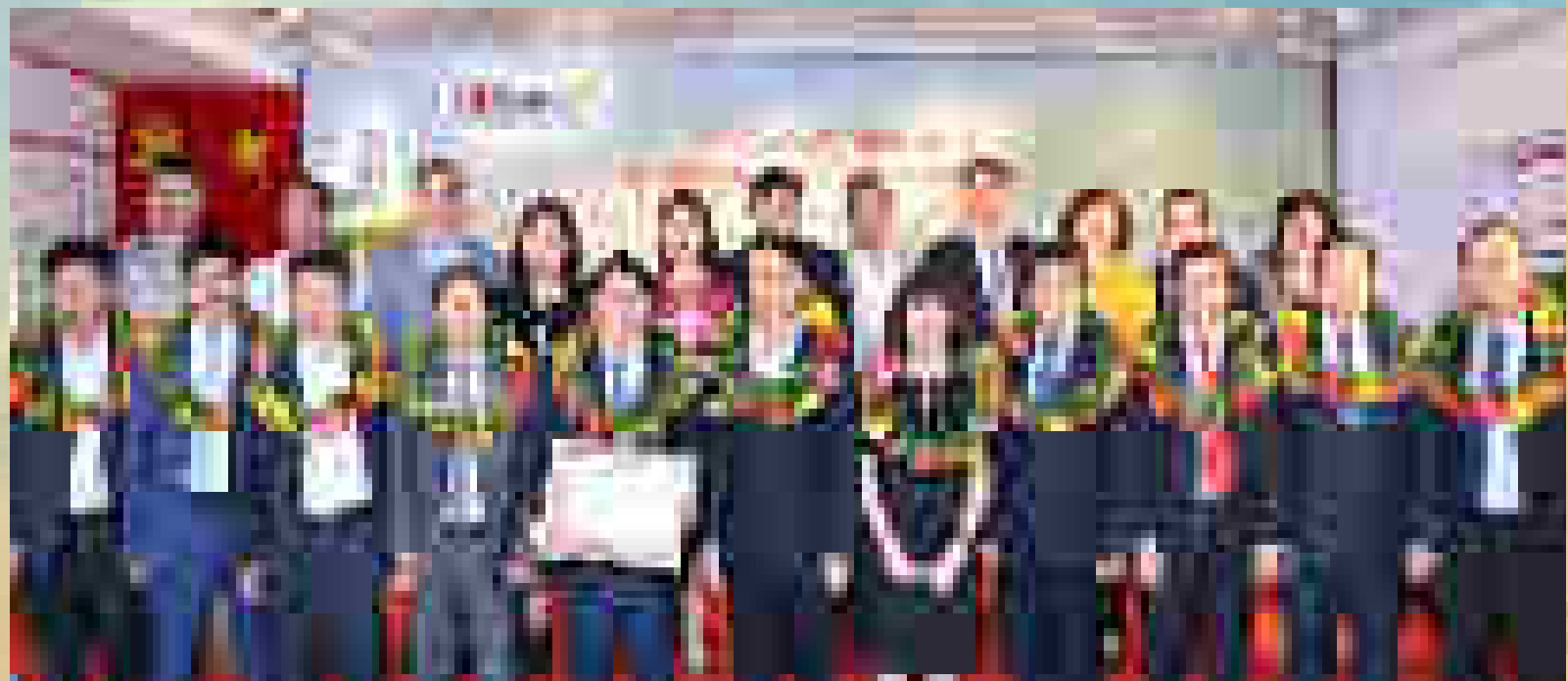
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA HDBANK

HDBank đã hoàn thành tốt kế hoạch đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, trong đó lợi nhuận trước thuế đạt 4.005 tỷ đồng, đạt 101,8% kế hoạch và tăng 65,7% so với năm 2017, tổng tài sản tăng trưởng 14,1%; tín dụng tăng trưởng 17,8%, huy động tiền gửi tăng 9,7%. Hội đồng Quản trị đã bám sát định hướng hoạt động mà Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua; thực hiện vai trò chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh, đảm bảo Ngân hàng phát triển ổn định và an toàn.

VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG:

Trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc tăng vốn điều lệ, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển HDBank, Hội đồng Quản trị đã nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng và đưa ra những quyết định thích hợp, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để phát triển, nâng cao vị thế ngân hàng, mở rộng mối quan hệ với các đối tác. Kết quả thu được cụ thể như sau:

- Về việc niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn giao dịch chứng khoán: Ngày 05/01/2018, cổ phiếu HDBank đã được chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và được thị trường đón nhận tích cực.
- Năm 2018, HDBank đang tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu, mua bán, sáp nhập Ngân hàng theo kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- Về việc mở rộng quy mô vốn: Hội đồng Quản trị HDBank đã trình và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu chuyển đổi quốc tế, đang triển khai các công việc tiếp theo để thực hiện phương án.
- Về công tác quản lý rủi ro: HDBank đã thực hiện rà soát, hoàn thiện, sửa đổi, ban hành các quy chế nội bộ phù hợp với quy định mới của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao các quy định quản lý rủi ro khung, các dữ liệu thống kê, đo lường, các Mô hình đánh giá rủi ro, các kênh kiểm soát, giám sát, kiểm tra về quản lý rủi ro, CAR và ứng dụng Công nghệ thông tin trong việc ghi nhận, tổ chức dữ liệu và tự động hóa các Mô hình đánh giá, dự báo rủi ro... nhằm áp dụng các quy định của Basel II.
- Về chính sách nhân sự: Năm 2018, HDBank đã rất nỗ lực trong việc hoàn thiện mô hình tổ chức nhân sự, ổn định nhân sự và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo cơ sở vững chắc, an toàn cho sự tăng trưởng nhanh về quy mô của Ngân hàng. Chính sách lương thưởng phúc lợi cũng được ngân hàng điều chỉnh phù hợp, theo hướng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của toàn hàng cũng như người lao động, sử dụng các phương pháp đánh giá khoa học, khách quan, ghi nhận thành tích công bằng cho cán bộ nhân viên.



VỀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Bên cạnh kết quả kinh doanh nổi bật, HDBank đã thực hiện công tác từ thiện thường xuyên để đóng góp cho sự phát triển kinh tế và an sinh xã hội. HDBank đã tới tận những vùng sâu, vùng xa thực hiện công tác từ thiện trao tặng áo ấm, tập vở cho trẻ em nghèo và người già neo đơn, mang đến ánh sáng cho hơn 500.000 người mù và thực thi trao hơn 21.000 thẻ bảo hiểm y tế thông qua chuỗi hoạt động hợp tác cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, Quỹ vì người nghèo Thành phố Hồ Chí Minh,...

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2018, Ban Điều hành đã hoàn thành tốt các kế hoạch, mục tiêu tài chính đề ra trong năm như duy trì tăng trưởng tổng tài sản, đẩy mạnh hoạt động tín dụng, huy động tiền gửi, đảm bảo thanh khoản, an toàn vốn và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu.

Bên cạnh đó, Ban Điều hành cũng rất thành công trong việc xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết người lao động trong các hoạt động của ngân hàng.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2019

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tiếp tục kinh doanh theo nguyên tắc “Tăng trưởng bền vững, tín dụng hiệu quả, lợi nhuận tối ưu”; Đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng bán lẻ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; Phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu của **Kế hoạch kinh doanh 2019**.

Tổ chức quản trị ngân hàng:

- Đảm bảo chấp hành nghiêm các quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trong hoạt động ngân hàng, nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ, điều hành và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm hạn chế các vi phạm. Tăng cường tính minh bạch, công khai trong hoạt động của ngân hàng. Tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro và xử lý nợ xấu: hạn chế tối đa rủi ro tín dụng, duy trì tỷ lệ nợ xấu trong phạm vi cho phép của Ngân hàng Nhà nước.
- Hoàn thiện mô hình tổ chức và kinh doanh ngân hàng cũng như các chi nhánh, phòng giao dịch, các công ty con, công ty thành viên theo hướng quản trị tập trung và điều hành phân cấp.
- Triển khai áp dụng Basel II vào công tác Quản trị rủi ro ngân hàng tiệm cận thông lệ quốc tế.

Tổ chức nhân sự:

Hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến cho từng chức danh, tiếp tục triển khai “Đề án đào tạo cán bộ nguồn tiềm năng” và duy trì đào tạo theo từng năm, xây dựng chính sách lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả của nhân sự toàn hệ thống, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xứng tầm một Công ty đại chúng.

Công nghệ thông tin:

Phát triển mạnh công nghệ thông tin nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử tiên tiến nhất, an toàn nhất; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và vận hành Ngân hàng.

Quan hệ đối tác, mở rộng quy mô:

Tiếp tục thực hiện chương trình tái cấu trúc, mở rộng quy mô ngân hàng, củng cố, gia tăng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế.

Trách nhiệm xã hội:

Tiếp tục thực hiện các chương trình, công tác xã hội thể hiện trách nhiệm của HDBank với cộng đồng.

Quan hệ nhà đầu tư:

Tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của hoạt động Quan hệ nhà đầu tư, tạo điều kiện tốt nhất cho cổ đông và nhà đầu tư trong việc tìm hiểu, trao đổi thông tin với Ngân hàng, đảm bảo tính kịp thời khi tiếp nhận và cung cấp thông tin đến các cổ đông, nhà đầu tư; đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin đến tất cả các bên có liên quan.

Phát triển thương hiệu:

Giữ vững và phát triển thương hiệu HDBank thông qua chất lượng sản phẩm dịch vụ vượt trội, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thân thiện với khách hàng, kết hợp với các hoạt động quảng bá, truyền thông phù hợp.





QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

96

TỔNG QUAN VỀ
QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

102

GIỚI THIỆU
BAN LÃNH ĐẠO HDBANK

118

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

140

BÁO CÁO CỦA CÁC
ỦY BAN TRỰC THUỘC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

148

BÁO CÁO CỦA
BAN KIỂM SOÁT

152

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

154

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

156

QUẢN LÝ RỦI RO

158

PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

160

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

164

THÔNG TIN VỀ CƠ CẤU
CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ
THÔNG TIN GIÁ CỔ PHIẾU

Gìn giữ môi trường Thúc đẩy kinh tế

HDBank ưu tiên vào việc tài trợ dự án thân thiện với môi trường, thúc đẩy các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

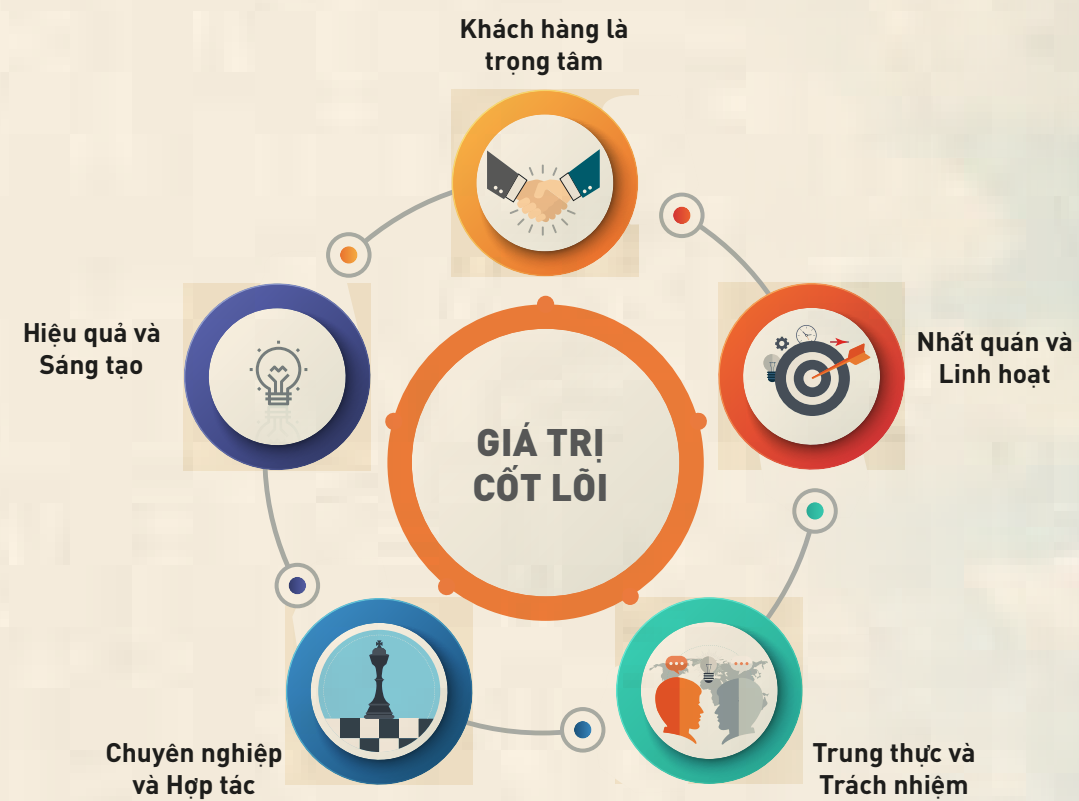
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Hệ thống quản trị ngân hàng là nền tảng và yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả quản lý và vận hành của một ngân hàng. Tại HDBank, hệ thống quản trị ngân hàng được xây dựng khoa học và chặt chẽ, tuân thủ cao nhất các quy định của pháp luật Việt Nam và tiệm cận các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại trên thế giới, nhằm đảm bảo công tác điều hành nhất quán và linh hoạt, theo sát tình hình thực tế, thông suốt và hiệu quả, giúp ngân hàng hoạt động an toàn, bền vững và đem lại giá trị cam kết với cổ đông, khách hàng, các đối tác, cán bộ nhân viên và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mô hình quản trị HDBank được xây dựng và vận hành dựa trên 05 giá trị cốt lõi sau:



Trung thực và trách nhiệm: HDBank là một tập thể đáng tin cậy, trung thực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

Khách hàng là trọng tâm: HDBank luôn coi khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của ngân hàng và luôn phấn đấu đáp ứng tốt nhất những mong đợi của khách hàng.

Nhất quán và linh hoạt: HDBank hiểu rõ mục tiêu của mình và nhất quán trong việc theo đuổi các mục tiêu đó. Trong hành động, chúng tôi luôn năng động và linh hoạt để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Hiệu quả và sáng tạo: HDBank không ngừng học hỏi, sáng tạo và tự hoàn thiện để hoạt động hiệu quả và vượt trội trong việc phục vụ khách hàng.

Chuyên nghiệp và hợp tác: HDBank làm việc và ứng xử một cách chuyên nghiệp. HDBank chia sẻ và hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và đối tác dựa trên sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.

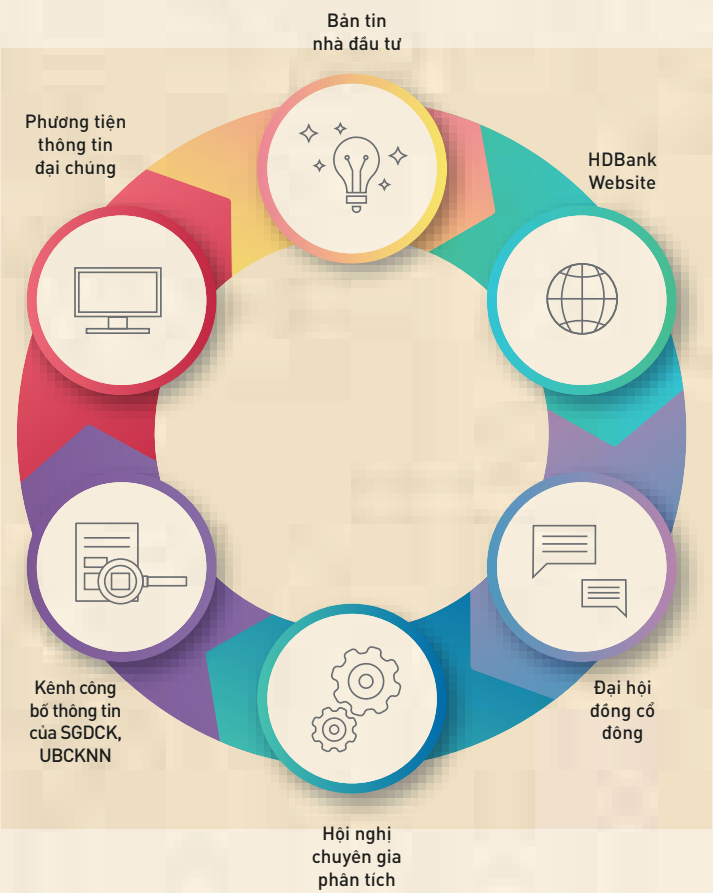
Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng của HDBank được xây dựng nhằm đảm bảo cho Ngân hàng được điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc quy định pháp luật về quản trị Ngân hàng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các Cổ đông và Ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng:

CÁC NGUYÊN TẮC TRỌNG YẾU TRONG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA HDBANK



Tuân thủ Pháp luật: HDBank kiên quyết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của ngân hàng; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế nhằm kịp thời tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của ngân hàng như Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ HDBank nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh. Trong đó, tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro hoạt động và rủi ro liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên, gắn liền với công tác đào tạo, tuyên truyền, giám sát luôn được ưu tiên thực hiện.

Hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế: HDBank không ngừng hoàn thiện, kiện toàn mô hình quản trị ngân hàng nhằm đảm bảo tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững, từng bước chuẩn hóa các quy trình, xây dựng và áp dụng các bộ chỉ số quản trị theo các chuẩn mực quốc tế như Basel II, ISO 9001:2015... và khuyến nghị của các tổ chức quốc tế Moody's, IFC, ADB.



Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông – Công khai, minh bạch trong hoạt động của HDBank: Đối với HDBank, quyền và lợi ích của cổ đông luôn là ưu tiên hàng đầu trong quản trị Ngân hàng. Các hoạt động quan hệ cổ đông luôn được chú trọng với yêu cầu đảm bảo thông tin minh bạch, đầy đủ, kịp thời, giúp cổ đông hiểu rõ hoạt động của ngân hàng và các quyền lợi của cổ đông. Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin nhằm nắm bắt và phản hồi kịp thời các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cổ đông và nhà đầu tư, qua đó củng cố mối liên kết bền chặt giữa HDBank và cổ đông.

Đối xử công bằng giữa các cổ đông: Các cổ đông của HDBank luôn được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, trong đó bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. HDBank đảm bảo cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Ngân hàng và của các cổ đông khác.

Ngăn ngừa xung đột lợi ích - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến HDBank: Cơ cấu quản trị tại HDBank tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng về trách nhiệm giải trình và ngăn ngừa các xung đột về quyền lợi, bao gồm giao dịch với cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.

HDBank cũng cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng, các quy định pháp luật về Lao động, Môi trường và Xã hội. Đối với người lao động, quy chế trả lương và hệ thống bảng lương của HDBank được xây dựng dựa trên kết quả lao động thực tế và xứng đáng với từng nhân viên, phù hợp với tình hình kinh doanh của ngân hàng và thị trường, chiến lược phát triển nguồn lực của HDBank. Chính sách lương công bằng, minh bạch của HDBank tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành của pháp luật đối với người lao động, tạo điều kiện tối ưu cho mỗi nhân viên tại HDBank phát huy năng suất lao động, nâng cao lợi thế cạnh tranh thu hút nguồn lực trong thị trường lao động hiện nay. Mỗi nhân viên tại HDBank đều được tôn trọng, lắng nghe và có quyền tham gia đề xuất kiến nghị trong việc xây dựng và phát triển HDBank. Mọi nhân viên đều có cơ hội như nhau trong hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng và cơ hội thăng tiến.

HDBank luôn tin tưởng vào sự tăng trưởng kinh tế đi đôi với trách nhiệm của ngân hàng đối với người dân, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. HDBank cam kết tiếp tục triển khai sâu rộng trên cả nước các chương trình thiện nguyện ý nghĩa: tặng nhà tình nghĩa, tình thương cho các hộ gia đình nghèo; cứu trợ đồng bào bị bão lụt, sạt lở đất; trao quà cho trẻ em khuyết tật, mồ côi; trao kinh phí xây cầu nông thôn; trao kinh phí mua trâu bò, giống cho bà con nghèo; trao áo ấm cho trẻ em nghèo vùng sâu vùng xa. Các hoạt động xã hội thường niên sẽ luôn được duy trì, đẩy mạnh và trở thành văn hóa truyền thống tốt đẹp của HDBank.

KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA HDBANK



Thành phần và Cơ cấu của Hội đồng Quản trị

- Thành phần và tổ chức
- Phân công nhiệm vụ và Thù lao cho Hội đồng Quản trị
- Hoạt động và Định hướng
(Tham khảo nội dung Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)

Hoạt động và Hiệu quả của Hội đồng Quản trị

- Nhiệm vụ và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng Quản trị
- Trách nhiệm các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị
(Tham khảo nội dung Báo cáo của Hội đồng Quản trị và các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị)

Chiến lược, Kế hoạch và Giám sát

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Quản lý nguồn lực
(Tham khảo phần Tổng quan của Báo cáo thường niên)

Trách nhiệm của Ngân hàng (nhân viên, cộng đồng và môi trường)

- Chính sách phúc lợi cho nhân viên
- Trách nhiệm xã hội, cộng đồng và môi trường
Tham khảo phần Phát triển bền vững của Báo cáo thường niên)

Minh bạch và Công bố thông tin

- Báo cáo tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo và các kênh công bố thông tin
(Tham khảo phần Báo cáo tài chính của Báo cáo thường niên)

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO HDBANK

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh nghiệm làm việc: Bà rất thành công trong lĩnh vực quản lý tài chính và ngân sách quốc gia và đặc biệt thành công trong công tác tài chính đối ngoại. Bà từng là Cục trưởng, Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước Trung ương - Bộ Tài chính; Thứ trưởng, Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Bà từng là tư vấn cấp cao cho một số tổ chức tài chính nước ngoài. Hiện tại bà cũng đồng thời đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk).

Bà từng nhận được nhiều Huân chương của Chủ tịch nước, nhiều bằng khen của Chính phủ và Bộ trưởng, các danh hiệu về thành tích đối ngoại, xây dựng chính sách, khoa học, phụ nữ,....

Bà tham gia vào HDBank từ năm 2010. Bà có đóng góp lớn trong việc quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt HDBank tham gia vào các dự án quốc tế: World Bank, ADB, các dự án lớn của Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước... Là người đứng đầu HDBank, bà đã có những đóng góp lớn, thiết thực trong các thành quả mà HDBank đạt được trong thời gian qua cũng như việc hoạch định chiến lược phát triển ngân hàng trong thời gian tới.

Trình độ học vấn: Bà tốt nghiệp khóa học Quản lý kinh tế cao cấp tại Liên Xô, Tiến sỹ Kinh tế tại Liên Xô chuyên ngành tài chính tín dụng, Chứng chỉ Tài chính quốc tế tại North University London.

BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

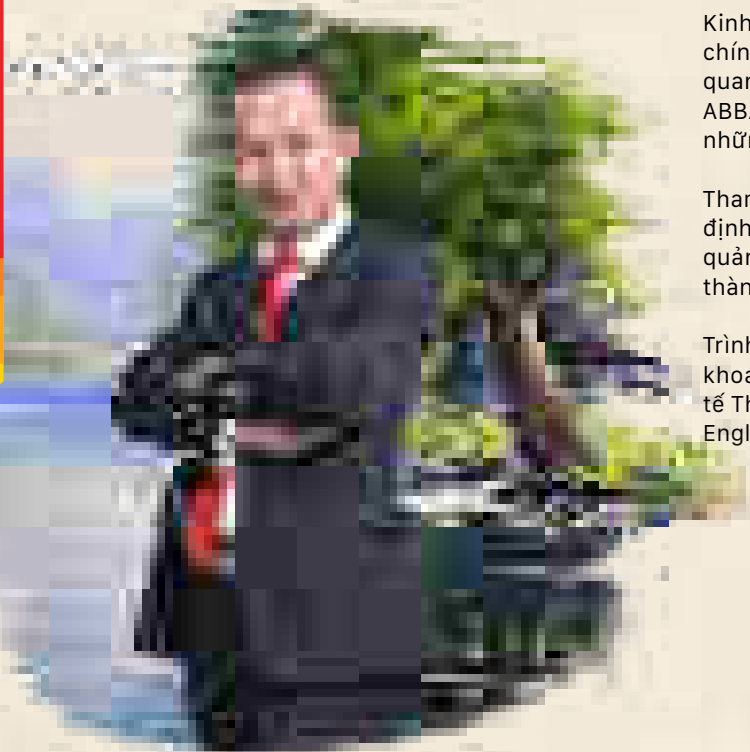


Kinh nghiệm làm việc: Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động kinh tế tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hơn 22 năm kinh nghiệm trong Tài chính - Ngân hàng và 15 năm gắn bó với HDBank. Bà đã tham gia điều hành một số ngân hàng ở nước ngoài, sáng lập và quản trị một số ngân hàng tại Việt Nam.

Bà tham gia vào HDBank từ những năm đầu chuyển đổi và là người chủ trì các chương trình đổi mới, cải cách tại HDBank, đưa HDBank từng bước vươn lên vị trí dẫn đầu hệ thống ngân hàng. Với cương vị là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị HDBank, bà đã thực hiện nhiều đổi mới, đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của HDBank. Bên cạnh việc kinh doanh hiệu quả, Bà tham gia tích cực trong các tổ chức giáo dục đào tạo, xã hội, từ thiện... với mục đích gắn kết cộng đồng.

Trình độ học vấn: Bà là Tiến sỹ Học viện Mendeleeev ngành Điều khiển học Kinh tế, Cử nhân Tài chính tín dụng tại Học viện Thương mại Matcova, Cử nhân ngành Quản lý kinh tế lao động Trường Kinh tế Quốc dân Matcova, Ủy viên sáng lập Viện Hàn Lâm Nghiên cứu Hệ thống Liên Bang Nga.

ÔNG LƯU ĐỨC KHÁNH
PHÓ CHỦ TỊCH CHUYÊN TRÁCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh nghiệm làm việc: Ông là chuyên gia của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Ông đã từng giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng tại các Ngân hàng như: HSBC, Techcombank, ABBANK... góp phần giúp các ngân hàng này đạt được những thành công vững chắc tại thị trường Việt Nam.

Tham gia vào Hội đồng Quản trị HDBank, ông đã có nhiều định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, công nghệ... nhằm phát triển HDBank trở thành ngân hàng hiện đại tiêu chuẩn quốc tế.

Trình độ học vấn: Ông có bằng Cử nhân tại Đại học Bách khoa Lvov (Liên Xô), Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và bằng MBA của Đại học New England (Úc).

ÔNG NGUYỄN THÀNH ĐÔ
PHÓ CHỦ TỊCH, THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Kinh nghiệm làm việc: Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính và công tác tài chính đối ngoại. Ông từng là Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính.

Ông gia nhập HDBank với cương vị Cố vấn cao cấp Hội đồng Quản trị từ tháng 11/2014 - tháng 04/2017 và đã có những đóng góp hiệu quả cho việc hoạch định chiến lược phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn: Ông là Tiến sỹ ngành Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Tài chính Matxcova.

ÔNG NGUYỄN HỮU ĐĂNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông từng giữ các vị trí: Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Ông đã có hơn 20 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những định hướng quan trọng, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn: Ông là Thạc sỹ ngành Ngân hàng.

BÀ NGUYỄN THỊ TÂM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh nghiệm làm việc: Bà là chuyên gia cao cấp, đã hoạt động 35 năm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Đặc biệt, bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điều hành tổ chức tín dụng và thanh toán quốc tế. Bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Vietcombank, gần đây nhất là cương vị Phó Tổng giám đốc kiêm Ủy viên Hội đồng Quản trị và Cố vấn cho Hội đồng Quản trị Vietcombank.

Trình độ học vấn: Bà là Cử nhân tiếng Anh, Chứng chỉ cao cấp lý luận ngân hàng, Chứng chỉ quản trị kinh doanh của Tổ chức hợp tác quốc tế Thụy Điển và Trường Đại học AMOS TUCK Hoa Kỳ, Lý luận cao cấp chính trị. Bà từng nhận được nhiều Huân chương, Bằng khen của Chủ tịch nước, Chính phủ và ngành ngân hàng.

ÔNG CHU VIỆT CƯỜNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kinh nghiệm làm việc: Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các tổ chức Tài chính - Tín dụng và các doanh nghiệp lớn trong nước và nước ngoài. Ông từng là Tổng Giám đốc BNP Paribas - Prevoir JV, Phó Tổng giám đốc Prudential Assurance LTD, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Đại Á...

Trình độ học vấn: Ông là Cử nhân/ Thạc sỹ kinh tế Đại học Tổng hợp Khaccop, Liên Xô, Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế Đại học Sussex Anh Quốc và Thạc sỹ MIT Hoa Kỳ/NTU Singapore.

ÔNG LÝ VINH QUANG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Kinh nghiệm làm việc: Ông có hơn 30 năm làm việc và giữ vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực giáo dục, thương mại, ngân hàng. Riêng trong ngành Ngân hàng, ông đã từng giữ các chức vụ cao tại Techcombank, BacABank, ABBank... Đặc biệt, ông nguyên là Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc HDBank giai đoạn 1999 - 2003.

Ông trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập HDBank từ tháng 4/2017.

Trình độ học vấn: Ông là Tiến sỹ kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân Matxcova mang tên Plekhanop, nay là Viện Hàn lâm kinh tế Liên bang Nga.

ÔNG LIM PENG KHOON
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Kinh nghiệm làm việc: Ông có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực: Tài chính - Ngân hàng, Chứng khoán và Công nghệ thông tin. Trước khi gia nhập HDBank, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng HSBC Malaysia và HSBC Hong Kong, Ủy ban Chứng khoán Hong Kong, Cơ quan Quản lý tiền tệ Hong Kong và thành viên Hội đồng Quản trị độc lập một số ngân hàng niêm yết tại Việt Nam.

Trình độ học vấn: Ông có chứng chỉ của Học viện đào tạo chuyên gia ngân hàng tại Anh Quốc, chứng chỉ chuyên viên cấp cao - Học viện Ngân hàng Malaysia.



BAN KIỂM SOÁT

ÔNG ĐÀO DUY TƯỜNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Kinh nghiệm làm việc: Ông có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – kế toán. Là một cán bộ vững chuyên môn, chuẩn mực, ông đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát mọi hoạt động, đảm bảo các chỉ tiêu hoạt động an toàn và hiệu quả theo đúng yêu cầu của HDBank và Ngân hàng Nhà nước. Ông gia nhập Ban Kiểm soát HDBank từ năm 2010. Trước đây, ông đã từng là Kế toán trưởng Xí nghiệp 347, Công ty Sông Hồng – Bộ Quốc phòng, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An, Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Việt.

Trình độ học vấn: Ông là Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế Toán.

BÀNGUYỄN THỊ PHỤNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Kinh nghiệm làm việc: Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính – Ngân hàng. Bà đã có những đóng góp tích cực trong sự phát triển của HDBank trong những năm qua. Bà gia nhập HDBank từ năm 2003 với vị trí kiểm soát viên và kiểm toán viên nội bộ. Từ năm 2008, bà là thành viên Ban Kiểm soát HDBank.

Trình độ học vấn: Bà là Cử nhân chuyên ngành Tiền tệ Tín dụng.

BÀ NGUYỄN THỊ TÍCH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Kinh nghiệm làm việc: Bà từng công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai, tỉnh Thái Nguyên, Agribank. Trước khi gia nhập HDBank, bà từng làm việc trong nhiều lĩnh vực nghiệp vụ của ngành ngân hàng và từng giữ vị trí Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc tại Techcombank. Bà từng nhận nhiều Huy chương của Nhà nước và ngành ngân hàng.

Trình độ học vấn: Bà là Cử nhân Kinh tế.

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN HỮU ĐĂNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông đã có hơn 20 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những định hướng quan trọng, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank.

Ông từng giữ các vị trí: Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

Trình độ học vấn: Ông là Thạc sỹ ngành Ngân hàng.

ÔNG LÊ THANH TÙNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM CHÁNH VĂN
PHÒNG LÃNH ĐẠO



Kinh nghiệm làm việc: Ông đã gắn bó với HDBank hơn 20 năm qua các chức vụ như: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc khu vực. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh, Phòng Giao dịch trong phạm vi khu vực, đóng góp không nhỏ vào công tác mở rộng mạng lưới hoạt động, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua.

Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc, quản lý trong các công ty tài chính, ngân hàng trước khi gia nhập HDBank và hiện là Bí thư Đảng bộ HDBank.

Trình độ học vấn: Ông là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Cử nhân Luật.

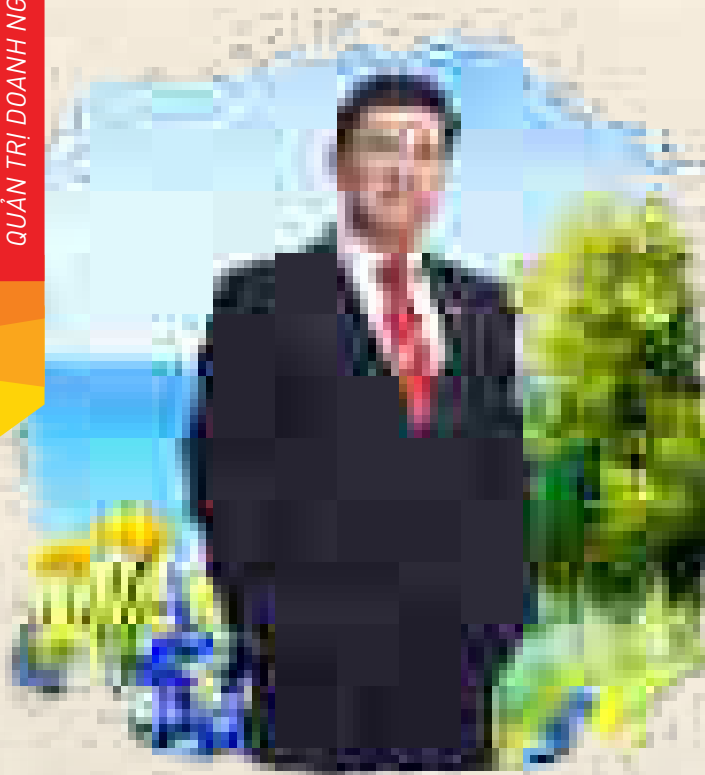
ÔNG PHẠM QUỐC THANH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông đã có hơn 25 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro, xây dựng và điều hành mảng kinh doanh khách hàng doanh nghiệp. Ông từng nắm giữ nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại các ngân hàng HSBC, ACB, ABBank, Techcombank.

Trình độ học vấn: Ông là Cử nhân ngành Tín dụng ngân hàng và Cử nhân ngoại ngữ.

ÔNG TRẦN HOÀI NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt trong quản lý các hoạt động về khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính. Ông là một lãnh đạo năng động, có nhiều sáng kiến đổi mới. Hiện tại, ông đang đảm nhiệm việc quản lý và phát triển khách hàng doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính tại HDBank, đẩy mạnh hợp tác giữa HDBank với những đơn vị lớn, uy tín trong và ngoài nước.

Ông từng nắm giữ các vị trí lãnh đạo tại các đơn vị như: Bộ Khoa học Công Nghệ, Citibank, VIB...

Trình độ học vấn: Ông là Thạc sỹ Học viện Kỹ thuật Châu Á (AIT), Cử nhân Đại học Bách Khoa Hà Nội.

ÔNG LÊ THÀNH TRUNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong và ngoài nước. Đặc biệt ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị điều hành hệ thống, tổ chức bộ máy, quản trị rủi ro, quan hệ khách hàng... Ông từng giữ các vị trí lãnh đạo cao cấp tại Công ty cho thuê tài chính Vietcombank và các ngân hàng: Vietcombank, Shinhan Vina Bank.

Trình độ học vấn: Ông là Tiến sỹ Kinh tế và là Cử nhân Luật.

ÔNG NGUYỄN MINH ĐỨC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông có trên 25 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tổ chức tài chính tín dụng. Ông đã đóng góp vào nhiều thành công của HDBank, đặc biệt là trong lĩnh vực Quản lý rủi ro, Kiểm soát tuân thủ...

Trình độ học vấn: Ông nguyên là Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Hàng Hải, đã từng giữ chức vụ cao ở một số ngân hàng tại Việt Nam.

BÀ NGUYỄN ĐOÀN DUY ÁI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Bà là một người phụ nữ năng động, tự tin và giàu kiến thức trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong suốt thời gian gắn bó với HDBank, Bà đã có đóng góp không nhỏ vào thành công của ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực Kinh doanh tiền tệ, đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống, đóng góp vào thành công của HDBank hôm nay.

Bà đã từng công tác nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tài chính ngân hàng tại Techcombank, VPBank...

Trình độ học vấn: Bà là Cử nhân ngành Tín dụng Ngân hàng.

ÔNG TRẦN THÁI HÒA
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông là người giàu kinh nghiệm làm việc và quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng với hơn 20 năm công tác tại các ngân hàng khác nhau. Trước khi gia nhập HDBank, ông đã có 17 năm làm việc tại ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh và tại VietABank với vai trò lãnh đạo như Trưởng phòng, Phó Tổng Giám đốc.

Trình độ học vấn: Ông là Cử nhân trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

ÔNG PHẠM VĂN ĐẤU
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Kinh nghiệm làm việc: Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong đó, ông am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về tín dụng, kế toán, tài chính, nguồn vốn và kế hoạch. Ông là người nắm giữ nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực tài chính của Ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của HDBank.

Trình độ học vấn: Ông là Thạc sỹ Kinh tế.

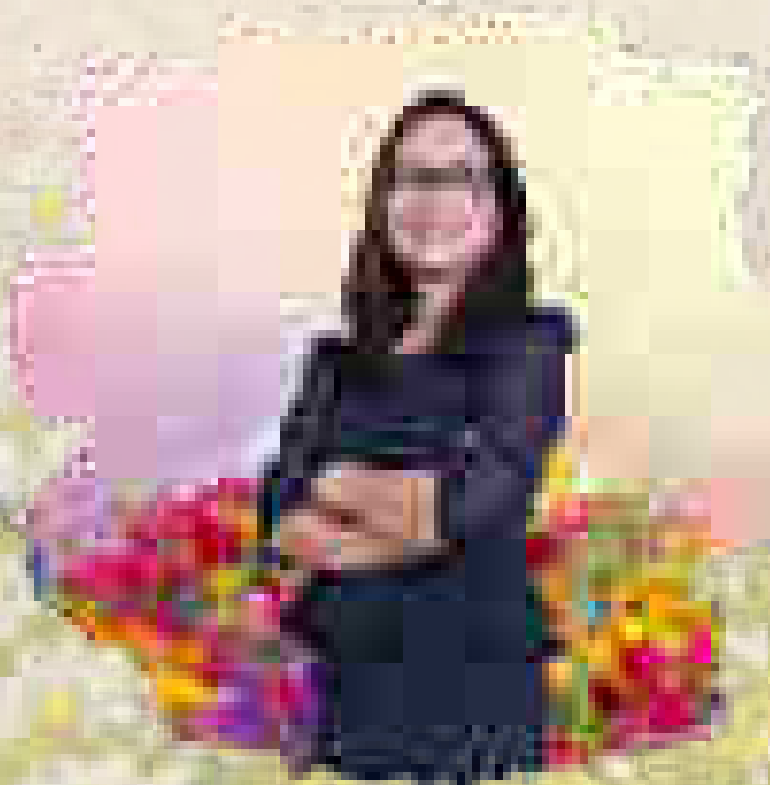
ÔNG NGUYỄN THANH PHƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Kinh nghiệm làm việc: Ông đã có 20 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có hơn 10 năm gắn bó với HDBank, trải qua các vị trí từ Phó/Trưởng phòng kinh doanh đến Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc vùng. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã góp phần phát triển hoạt động của các điểm kinh doanh trong phạm vi khu vực quản lý, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua.

Trình độ học vấn: Ông là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Cử nhân Luật.

BÀ PHAN THỊ TRÂM ANH
GIÁM ĐỐC KHỐI VẬN HÀNH



Kinh nghiệm làm việc: Bà đã có hơn 20 năm gắn bó với HDBank và kinh nghiệm qua nhiều lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng. Với năng lực lãnh đạo, sự nhạy bén, bà đã có nhiều đóng góp lớn cho HDBank trong việc điều hành hoạt động kinh doanh trong các năm qua, đặc biệt là điều hành Khối Vận hành triển khai thành công mô hình Quản lý hỗ trợ tín dụng tập trung; điều phối Quỹ tiền mặt tập trung; quản lý và giám sát công tác vận hành trên toàn hệ thống..., góp phần đổi mới chất lượng dịch vụ của HDBank.

Trình độ học vấn: Bà là Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ và Cử nhân Luật.

ÔNG TRẦN QUỐC ANH

GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Kinh nghiệm làm việc: Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Đặc biệt, ông có nhiều kinh nghiệm và đam mê kinh doanh trong lĩnh vực Ngân hàng Bán lẻ hiện đại.

Trước khi gia nhập HDBank, ông đã có nhiều năm làm việc tại ACB với nhiều vị trí quan trọng tại Khối Bán lẻ như Giám đốc Sản phẩm, Giám đốc Trung tâm tín dụng, Phó trưởng Ban Tín dụng Hội sở...

Trình độ học vấn: Ông là Cử nhân ngành Ngân hàng - Đại học Ngân hàng Tp. HCM.

BÀ HỒ ĐĂNG HOÀNG QUYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kinh nghiệm làm việc: Bà có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán. Trong đó, bà am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về kế toán, tài chính. Bà có nhiều năm gắn bó với HDBank với các vị trí thanh toán viên, chuyên viên kế toán, kiểm soát viên, phó Giám đốc chi nhánh, Trưởng Phòng Kế toán- Tài chính...

Trình độ học vấn: Bà là Thạc sỹ kinh tế.

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

ASIAMONEY
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TIỀN MẶT
TỐT NHẤT VIỆT NAM

TOP 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT
CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

HR Asia
BEST COMPANIES
TO WORK FOR
IN ASIA 2018
NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT CHÂU Á

EUROMONEY
DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TỐT NHẤT
KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Moody's
INVESTORS SERVICE
B1 XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CAO
VÀ TRIỂN VỌNG ỔN ĐỊNH

ASIAMONEY
CORPORATE
CLIENT CHOICE
SURVEY
2017
BEST BANK IN VIETNAM
NGÂN HÀNG TỐT NHẤT
VIỆT NAM

VIETNAM
BANKING
AWARDS
NGÂN HÀNG BÁN LẺ
TIÊU BIỂU NHẤT 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA HDBANK GỒM 09 THÀNH VIÊN:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ CỔ PHẦN NẤM GIỮ	CÁC CHỨC VỤ ĐANG NẤM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0,0000%	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực	3,6658%	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sovico Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch	0,2778%	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	0,0000%	Không
Ông Nguyễn Hữu Đăng	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	2,7038%	Thành viên Hội đồng Quản trị HD SAISON
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,0000%	Không
Ông Chu Việt Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,0102%	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Sovico
Ông Lim Peng Khoon	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,0000%	Không
Ông Lý Vinh Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	0,0000%	Không

HDBank tự hào có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, bản lĩnh, cam kết gắn bó lâu dài với ngân hàng. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Ngân hàng đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật. Theo đó, 8/9 thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành và 2/9 thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập. Không có thành viên Hội đồng Quản trị nào đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhằm thể hiện sự độc lập và phân định trách nhiệm rõ ràng giữa Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, tăng trách nhiệm giải trình và nâng cao tính độc lập.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

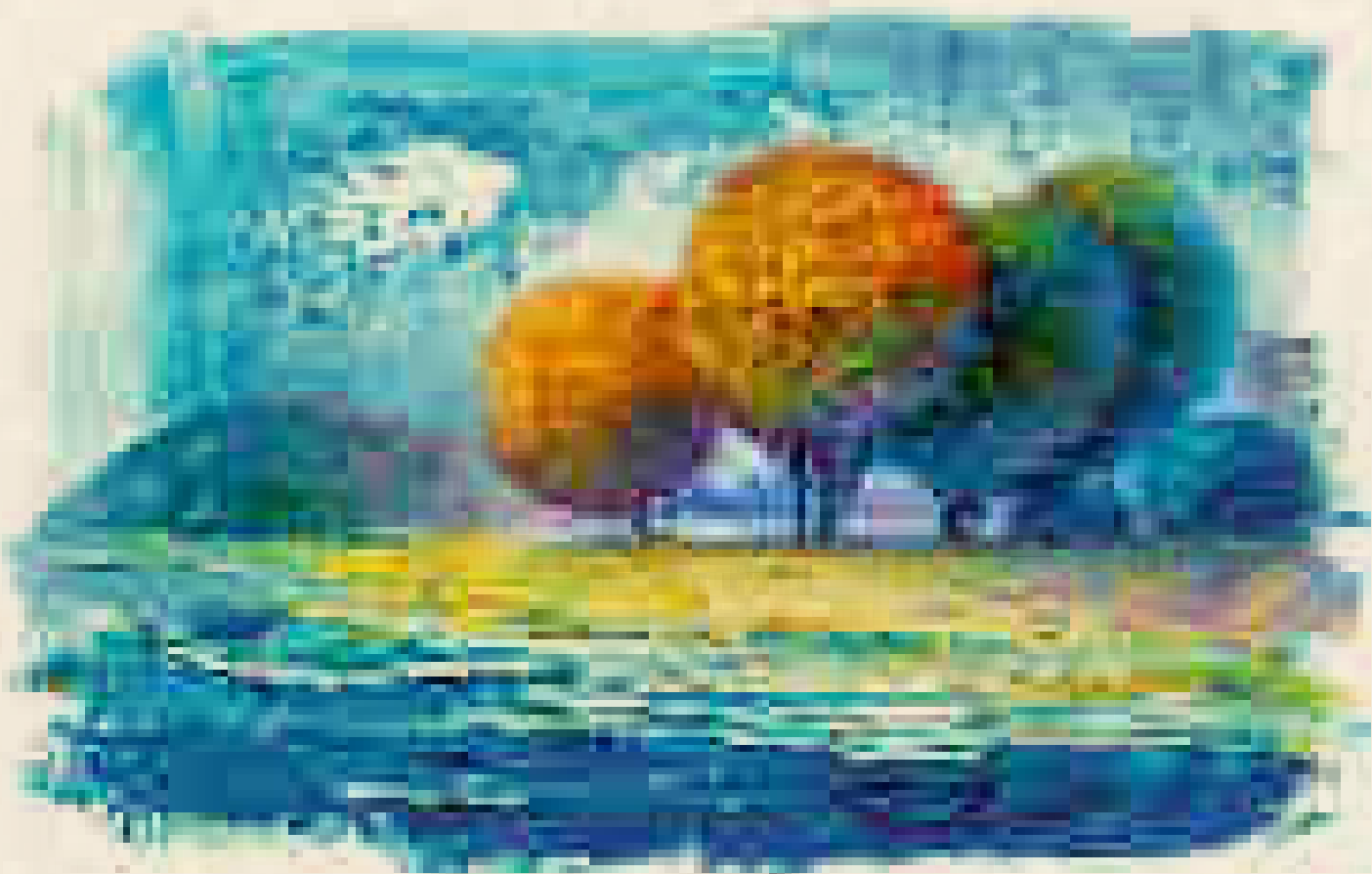
Năm 2018, Hội đồng Quản trị đã có 11 cuộc họp thường kỳ, trong đó cuộc họp ngày 29/11/2018 là phiên họp Thường trực Hội đồng Quản trị.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2018 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017 – 2021 theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Ngân hàng và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018... Các nghị quyết được Hội đồng Quản trị thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh một cách hiệu quả. Ngoài ra, trong các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát với vai trò quan sát viên.

CHI TIẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT:

TT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH	KẾT QUẢ
1	26/01/2018	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, kế hoạch kinh doanh năm 2018	Hội đồng Quản trị thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, kế hoạch kinh doanh năm 2018
2	20/04/2018	- Chương trình và nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 - Ủy quyền cho một số thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt các nội dung công việc cụ thể	Hội đồng Quản trị thông qua: - Chương trình và nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 - Ủy quyền cho một số thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt các nội dung công việc cụ thể
3	11/05/2018	Chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi cổ phần và thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán	Hội đồng Quản trị thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi cổ phần và thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán
4	08/06/2018	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt	Hội đồng Quản trị thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt
5		Ban hành Quy chế tài chính mới	Hội đồng Quản trị thông qua việc ban hành quy chế tài chính mới
6	27/07/2018	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018	- Hội đồng Quản trị thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 - Hội đồng Quản trị đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng kinh doanh, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu cả năm 2018
7	23/08/2018	Các nội dung thuyết minh, giải trình thay đổi so với Đề án sáp nhập PG Bank vào HDBank đã trình Thống đốc chấp thuận nguyên tắc sáp nhập	Hội đồng Quản trị thông qua các nội dung thuyết minh, giải trình thay đổi so với Đề án sáp nhập PG Bank vào HDBank đã trình Thống đốc chấp thuận nguyên tắc sáp nhập
8	29/08/2018	- Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản - Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 của HDBank	Hội đồng Quản trị thông qua: - Việc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản - Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020 của HDBank

TT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH	KẾT QUẢ
9	02/11/2018	- Báo cáo kết quả kinh doanh đến hết Quý III năm 2018 và Kế hoạch Quý IV năm 2018; Định hướng kinh doanh năm 2019 - Cập nhật tình hình thực hiện Chiến lược 2017 - 2021 đến Quý III năm 2018 và các công việc cần thực hiện tiếp theo từ Quý IV năm 2018 đến hết năm 2021 - Điều chỉnh hoạt động và các quy định của Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy định mới của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN	Hội đồng Quản trị thông qua: - Báo cáo kết quả kinh doanh đến hết Quý III năm 2018 và Kế hoạch Quý IV năm 2018; Định hướng kinh doanh năm 2019 - Đề xuất thời gian thực hiện các giải pháp để thực hiện thành công chiến lược 2017 - 2021 - Kiện toàn hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, các quy định của ủy ban Hội đồng Quản trị để phù hợp với quy định mới của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN
10	29/11/2018	Báo cáo chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 và kế hoạch triển khai chỉ tiêu kinh doanh 2019 của các Khối	Thường trực Hội đồng Quản trị thông qua Báo cáo chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 và kế hoạch triển khai chỉ tiêu kinh doanh 2019 của các Khối
11	12/12/2018	Chủ trương thành lập mới 5 Chi nhánh và 18 Phòng giao dịch của HDBank tại các vùng miền trên cả nước	Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương thành lập mới 5 Chi nhánh và 18 Phòng giao dịch của HDBank tại các vùng miền trên cả nước



Theo đó, tình hình tham dự các cuộc họp thường kỳ của thành viên HĐQT năm 2018 như sau:

TT	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	SỐ BUỔI HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	GHI CHÚ
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 22/10/2010	11/11	100%	Cuộc họp ngày 29/11/2018 là phiên họp Thường trực Hội đồng Quản trị.
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 30/06/2005	10/11	90,9%	- Vắng mặt có lý do. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Lưu Đức Khánh thay mặt tham dự phiên họp ngày 29/08/2018 Cuộc họp ngày 29/11/2018 là phiên họp Thường trực Hội đồng Quản trị.
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 03/07/2009	9/10	90%	Vắng mặt có lý do. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị thay mặt tham dự phiên họp ngày 20/04/2018.
4	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Bắt đầu 21/04/2017	10/10	100%	
5	Ông Nguyễn Hữu Đặng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Bắt đầu 31/12/2010	11/11	100%	Cuộc họp ngày 29/11/2018 là phiên họp Thường trực Hội đồng Quản trị.
6	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 26/04/2013	10/10	100%	
7	Ông Lim Peng Khoon	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 25/04/2014	10/10	100%	
8	Ông Chu Việt Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	Bắt đầu 25/04/2014	10/10	100%	
9	Ông Lý Vinh Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Bắt đầu 21/04/2017	09/10	90%	Vắng mặt có lý do. Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị thay mặt tham dự phiên họp ngày 27/07/2018.

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên tham gia vào các cuộc họp định kỳ của Ban Điều hành để có thể theo dõi sát sao và đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời cho Ban Điều hành trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

Trong năm 2018, thành viên độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị và các ủy ban có liên quan.

Các thành viên đã hoàn thành tốt vai trò giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành nhằm đảm bảo ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của pháp luật cũng như Điều lệ của HDBank, phù hợp với chủ trương và định hướng đề ra của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, 02 thành viên độc lập còn hoàn thành tốt vai trò tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong các lĩnh vực phù hợp với chuyên môn.

Các Nghị quyết/Quyết định được các Thành viên Hội đồng Quản trị thông qua theo hình thức này có hiệu lực và giá trị như các Nghị quyết/Quyết định được thông qua tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ và được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của Ngân hàng, làm cơ sở, định hướng cho hoạt động của Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Hội đồng Quản trị HDBank có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và tuân thủ với các quy định trong Điều lệ của Ngân hàng, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp cùng các văn bản pháp luật liên quan khác. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị HDBank cần đáp ứng việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- Đảm bảo các hoạt động của Ngân hàng tuân thủ chặt chẽ những quy định của pháp luật và Điều lệ; đối xử bình đẳng với tất cả các Cổ đông; chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về hoạt động của Ngân hàng và tôn trọng lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng;
- Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bao gồm Tiêu chuẩn thành viên, Cách thức đề cử và ứng cử vào các vị trí Thành viên, Cách thức bầu cử Thành viên, Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên và đưa ra thông báo tương ứng;
- Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị, bao gồm các nội dung như: Thông báo họp Hội đồng Quản trị, Điều kiện tổ chức, Cách thức biểu quyết, Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ghi biên bản họp và thông báo các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Xây dựng các quy trình về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quyền hạn của Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ, bao gồm Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc, Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc; Các trường hợp miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và đưa ra thông báo tương ứng;
- Xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng Quản trị và các Thành viên thuộc Ban Điều hành;
- Báo cáo các hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định nội bộ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	NHIỆM VỤ
Bà Lê Thị Băng Tâm Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<p>Điều hành, lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động chung của Hội đồng Quản trị. Phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của HDBank liên quan đến Quản trị, Kinh doanh, Đối ngoại bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển, định hướng chiến lược kinh doanh trung, dài hạn của HDBank; - Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của HDBank; - Xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm của Hội đồng Quản trị; - Phê duyệt, chỉ đạo các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị; - Phụ trách chung về hoạt động của Hội đồng Quản trị, chiến lược phát triển và kế hoạch tái cấu trúc HDBank; - Phụ trách đối ngoại, quan hệ với đối tác chiến lược trong và ngoài nước; - Hỗ trợ các hoạt động đầu tư tài chính; - Chủ tịch Ủy ban Nhân sự HDBank.
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Thay mặt Hội đồng Quản trị trực tiếp giải quyết các vấn đề theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị; - Chủ tịch Ủy ban tín dụng, Thành viên Ủy ban Nhân sự, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Quản lý rủi ro; - Thường trực xử lý các vấn đề hàng ngày thuộc phạm vi trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; - Theo dõi, giám sát hoạt động của Ban Điều hành.
Ông Lưu Đức Khánh Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp Hội đồng Quản trị chỉ đạo triển khai phương án chiến lược; - Phụ trách dự án tái cấu trúc hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh HDBank, lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài; - Phụ trách hoạt động phát triển mạng lưới; - Phó Chủ tịch Ủy ban Tín dụng.
Ông Nguyễn Thành Đô Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ trách Khu vực phía Bắc: Thay mặt Hội đồng Quản trị quản lý các hoạt động Khu vực phía Bắc.
Ông Nguyễn Hữu Đăng Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	<p>Trực tiếp triển khai thực hiện các lĩnh vực công tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, trình phê duyệt và giám sát việc tổ chức thực hiện Chiến lược, Kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn của HDBank; - Theo dõi, giám sát hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của HDBank; - Tổ chức thực hiện các nghị quyết thông qua của Hội đồng Quản trị; - Chủ nhiệm Ủy ban ALCO; - Trực tiếp chỉ đạo điều hành hoạt động của HDBank, Tổ chức thực hiện các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị trên toàn hệ thống HDBank; - Phụ trách việc tổ chức triển khai phương án tái cấu trúc hoạt động của HDBank theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; - Là thành viên của Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Tín dụng; là Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng.
Bà Nguyễn Thị Tâm Thành viên Hội đồng Quản trị	<p>Phối hợp với các thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện các công tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị ngân hàng và nâng cao kỹ năng thực hành quản trị ngân hàng tại HDBank theo quy định pháp luật và theo chuẩn quốc tế; - Quản lý nội bộ của HDBank thuộc thẩm quyền; - Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro; - Chịu trách nhiệm định hướng hoạt động, tổ chức cho Khối Khách hàng doanh nghiệp (CMB), Khối Khách hàng doanh nghiệp và Định chế tài chính (CIB); - Theo dõi Bảng cân đối Tài sản, các chỉ số hoạt động, chỉ số rủi ro của Hệ thống; - Theo dõi hoạt động của Hội đồng ALCO.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Nhân sự và Thư ký Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong quá trình thực hiện đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên trách nhiệm của Hội đồng Quản trị nêu trên và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị và thành viên Hội đồng Quản trị theo các chuẩn mực quốc tế.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Các Thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện tuân thủ đầy đủ nhiệm vụ theo quyền hạn, quy định theo Điều lệ của Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và các nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và nêu ý kiến rõ ràng về các vấn đề thảo luận trong cuộc họp. Thành viên chỉ có quyền không tham dự cuộc họp trong các trường hợp bất khả kháng hoặc vì lý do công tác;
- Báo cáo đầy đủ và kịp thời với Hội đồng Quản trị về các khoản thù lao thành viên được nhận từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác, mà thành viên là người đại diện cho phần vốn góp của Ngân hàng;
- Khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng, các thành viên Hội đồng Quản trị cùng Người Có Liên Quan có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời thực hiện việc công bố thông tin về các giao dịch này theo đúng quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn một cách trung thực, thận trọng với mục đích vì quyền lợi cao nhất của Cổ đông và của Ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đã phát huy tốt vai trò và trách nhiệm trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt nhằm kiểm soát, giám sát hoạt động và vận hành hiệu quả mô hình quản trị, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông, và hài hòa lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng. Nhờ đó, HDBank đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban điều hành, các đơn vị của HDBank nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (gồm nghị quyết thường niên và nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2018. Đến hết năm 2018, tổng tài sản của ngân hàng đạt 216.057 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2017. Dư nợ tín dụng có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 129.624 tỷ đồng, tăng trưởng 17,8%. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 4.005 tỷ đồng, tăng 65,7% so với năm 2017 và tương đương 101,8% kế hoạch. Các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho Hội đồng Quản trị các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: quản trị nhân sự; quản lý rủi ro, hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro; tăng trưởng tín dụng, đề án cải tiến hệ thống Công nghệ thông tin, chính sách phát triển vốn... nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và đáp ứng tốt nhu cầu tăng trưởng của HDBank. Các thành viên Hội đồng Quản trị được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã tích cực, nỗ lực hết mình thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần thành công cho kết quả kinh doanh năm 2018 mà Đại hội đã thông qua. Các thành viên đã phát huy hiệu quả vai trò những người lãnh đạo trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững. Với kinh nghiệm dày dặn về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, các thành viên Hội đồng Quản trị đã chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề có thẩm quyền, tạo ra môi trường minh bạch, hiệu quả góp phần đảm bảo lợi ích cho cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan. Kết quả của mô hình quản trị minh bạch và hiệu quả đã tạo ra niềm tin cho các cổ đông và nhà đầu tư. Nhờ vậy, sự kiện cổ phiếu HDBank chào sàn ngày 05/01/2018 đã tạo ra một phiên bùng nổ cả về giá và lượng. Cổ phiếu HDBank đã lọt vào top 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE và giao dịch tích cực trong thời gian qua. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phát huy hiệu quả vai trò trong việc triển khai các hoạt động của Hội đồng Quản trị, khuyến khích thành viên Hội đồng Quản trị tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị trước năm tài chính nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của cả Ngân hàng.

THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Hội đồng Quản trị HDBank luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cấp lãnh đạo ngân hàng tham gia các khóa học, thảo luận liên quan đến hoạt động quản trị ngân hàng theo chuẩn trong nước và quốc tế. Các thành viên Hội đồng Quản trị của HDBank đã từng tham dự một số hội thảo về quản trị Công ty và có nhiều kinh nghiệm quản trị nhiều tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO CHUẨN QUỐC TẾ (ASEAN)

Công tác quản trị doanh nghiệp của HDBank đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về quản trị doanh nghiệp như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP về Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Thông tư 155/2015/TT-BTC về Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư, quy định khác.

Trong năm, HDBank đã chủ động rà soát công tác quản trị doanh nghiệp với các tiêu chí tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực Asean để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các quy định về quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật, yêu cầu thực tiễn hoạt động của HDBank và tiệm cận các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại của thế giới.

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là một sáng kiến của diễn đàn thị trường vốn ASEAN (ACMF) với sự hỗ trợ và hợp tác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Đây là một dự án của 6 quốc gia ASEAN (bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) trong nỗ lực xây dựng cộng đồng kinh tế chung ASEAN.

5 lĩnh vực được đánh giá tại thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN: (i) Quyền của cổ đông; (ii) Đối xử công bằng với các cổ đông; (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; (iv) Công bố thông tin và minh bạch; và (v) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị.

PHẦN A – QUYỀN CỔ ĐÔNG

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố hoặc sau khi được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty		
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty	Tốt	
A.2.2	Cho phép phát hành thêm cổ phiếu	Tốt	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty	Tốt	
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Tốt	
A.3.2	Công ty cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên Hội đồng Quản trị	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành	Tốt	
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.6	Biên bản họp có tường thuật lại câu hỏi của các cổ đông và câu trả lời tương ứng	Tốt	
A.3.7	Công ty có công bố Nghị quyết đại hội bằng tiếng Anh	Tốt	
A.3.8	Trong Nghị quyết/ Biên bản họp nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phản đối và phiếu trắng cho từng mục	Tốt	
A.3.9	Công ty công bố danh sách thành viên Hội đồng Quản trị tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.10	Chủ tịch Hội đồng Quản trị có tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.11	Tổng Giám đốc có tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.12	Trưởng ban kiểm soát có tham dự Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.13	Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông gần nhất ở địa điểm dễ tới	Tốt	
A.3.14	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt	Tốt	
A.3.15	Tất cả các nghị quyết ở Đại hội đồng cổ đông đều được biểu quyết thông qua bằng cách bỏ phiếu, không phải bằng cách giơ tay	Tốt	
A.3.16	Công ty có cử một bên thứ ba độc lập kiểm phiếu hoặc giám sát quá trình kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.17	Kết quả kiểm phiếu được công bố rộng rãi ngay ngày làm việc tiếp theo sau Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.18	Các tờ trình cần thiết được công bố ít nhất 21 ngày trước khi diễn ra Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.3.19	Các tờ trình trong tài liệu Đại hội đồng cổ đông cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề cần được thông qua trong Đại hội đồng cổ đông	Tốt	
A.4	Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch		
A.4.1	Trong trường hợp sát nhập và hợp nhất cần phải thông qua sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có cử một bên độc lập đánh giá xem xét tính công bằng của giao dịch này	Tốt	
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức		
A.5.1	Công ty có công bố chính sách và các hoạt động nhằm khuyến khích các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức, tham dự Đại hội đồng cổ đông và tham gia vào các quyết định quan trọng của công ty	Tốt	

PHẦN B – ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	Tốt	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu	Tốt	
B.2	Thông báo của Đại hội đồng cổ đông		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung	Tốt	
B.2.2	Tài liệu Đại hội đồng cổ đông được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu Đại hội đồng cổ đông bằng tiếng Việt	Tốt	
	Thông báo của Đại hội đồng cổ đông có những chi tiết sau không:		
B.2.3	Tài liệu Đại hội đồng cổ đông có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho Hội đồng Quản trị (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí Hội đồng Quản trị đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác)	Tốt	
B.2.4	Tài liệu họp nêu danh sách công ty kiểm toán để lựa chọn	Tốt	
B.2.5	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông có giải thích về chính sách chia cổ tức	Tốt	
B.2.6	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông có công bố cụ thể mức chia cổ tức	Tốt	
B.2.7	Giấy ủy quyền Đại hội đồng cổ đông được cung cấp dễ dàng	Tốt	
B.3	Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên Hội đồng Quản trị và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	Tốt	
B.3.2	Thành viên Hội đồng Quản trị được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc	Tốt	
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông	Tốt	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia họp Hội đồng Quản trị trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích	Tốt	
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên Hội đồng Quản trị, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	Tốt	
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Có GDBLQ mang tính chất hỗ trợ tài chính cho các đơn vị không phải là công ty con trực thuộc	Tốt	
B.5.2	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường	Tốt	

PHẦN C – VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng		
Công ty có công bố chính sách:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng	Tốt	
C.1.2	Công ty có giải thích về nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp của mình	Tốt	
C.1.3	Công ty có công bố chính sách đảm bảo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững	Tốt	
C.1.4	Công ty có chính sách rõ ràng trong việc hỗ trợ cộng đồng	Tốt	
C.1.5	Công ty có công bố về chương trình và quy trình chống tham nhũng	Tốt	
C.1.6	Công ty có công bố chính sách bảo vệ các chủ nợ	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
Công ty có công bố các hoạt động mà công ty đã thực hiện để triển khai các chính sách nói trên?			
C.1.7	Công ty nêu các hành động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của khách hàng	Tốt	
C.1.8	Công ty nêu cụ thể các tiêu chí tuyển chọn nhà cung cấp	Tốt	
C.1.9	Công ty nêu cụ thể về việc thực hiện chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững	Tốt	
C.1.10	Công ty nêu rõ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng	Tốt	
C.1.11	Công ty nêu rõ các hoạt động trong chương trình chống tham nhũng	Tốt	
C.1.12	Công ty nêu rõ hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của chủ nợ	Tốt	
C.1.13	Công ty có mục riêng về trách nhiệm xã hội (trong Báo cáo thường niên hoặc tách thành một báo cáo riêng)	Tốt	
C.2	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (Ví dụ: Khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	Tốt	
C.3	Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.3.1	Công ty nêu rõ các chính sách về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	Tốt	
C.3.2	Công ty công bố các số liệu cụ thể liên quan đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	Tốt	
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên	Tốt	
C.3.4	Công ty công bố số liệu cụ thể về chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên	Tốt	
C.3.5	Công ty có chính sách khen thưởng dựa vào kết quả hoạt động của công ty trong dài hạn	Tốt	
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ		
C.4.1	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty	Tốt	
C.4.2	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty	Tốt	

PHẦN D – CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: Danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	Tốt	
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: Cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ	Tốt	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: Cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ	Tốt	
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: Cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ	Tốt	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: Cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này	Tốt	
D.2	Chất lượng của báo cáo thường niên		
Báo cáo thường niên có công bố:			
D.2.1	Các rủi ro chủ yếu của công ty ngoài các rủi ro tài chính	Tốt	
D.2.2	Mục tiêu của công ty	Tốt	
D.2.3	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROAA, ROAE và EPS	Tốt	
D.2.4	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	Tốt	
D.2.5	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	Tốt	
D.2.6	Chính sách tố giác sai phạm của công ty	Tốt	
D.2.7	Lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm đầy đủ các thông tin sau: Tuổi tác, bằng cấp, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm liên quan và các vị trí trong Hội đồng Quản trị mà thành viên đó nắm giữ ở các công ty niêm yết khác	Tốt	
D.2.8	Các chương trình đào tạo, tập huấn mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham gia trong năm đánh giá	Tốt	
D.2.9	Số lần họp của Hội đồng Quản trị	Tốt	
D.2.10	Chi tiết tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
D.2.11	Chi tiết thù lao của mỗi thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty			
D.2.12	Lời xác nhận của công ty về việc đã thực thi đầy đủ quy định Quản trị Công ty, trường hợp chưa thực hiện được thì nêu rõ vấn đề và giải thích nguyên nhân	Tốt	
D.3	Công bố giao dịch bên liên quan		
D.3.1	Yêu cầu công ty nêu chính sách xem xét và phê duyệt các giao dịch trọng yếu của các bên liên quan	Tốt	
D.3.2	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trọng yếu của các bên liên quan: Tên và mối quan hệ giữa công ty với các bên liên quan	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
D.3.3	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trọng yếu của các bên liên quan: bản chất và giá trị của mỗi giao dịch trọng yếu giữa công ty và các bên liên quan	Tốt	
D.4	Thành viên Hội đồng Quản trị và giao dịch cổ phiếu của công ty		
D.4.1	Công bố giao dịch cổ phần của cổ đông nội bộ	Tốt	
D.5	Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán		
D.5.1	Công bố phí kiểm toán	Chưa thực hiện đầy đủ	Công ty có CBTT về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí
D.6	Phương tiện truyền thông		
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.6.1	Báo cáo quý	Tốt	
D.6.2	Trang web công ty	Tốt	
D.6.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích	Tốt	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo.	Tốt	
D.7	Nộp/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tốt	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tốt	
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ Hội đồng Quản trị và các cá nhân liên quan	Tốt	
D.8	Website của Công ty		
Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	Tốt	
D.8.2	Báo cáo tài chính năm hiện tại và các năm trước	Tốt	
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	Tốt	
D.8.4	Cấu trúc sở hữu	Tốt	
D.8.5	Cơ cấu tổ chức	Tốt	
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể tải được	Tốt	
D.8.7	Thông báo, Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Tốt	
D.8.8	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	Tốt	
D.8.9	Điều lệ công ty	Tốt	
D.9	Quan hệ nhà đầu tư		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	Tốt	

PHẦN E – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị		
Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị công ty, điều lệ hoạt động Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên Hội đồng Quản trị có được công bố công khai	Tốt	
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị có được quy định rõ ràng	Tốt	
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh	Tốt	
E.1.5	Hội đồng Quản trị có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	Tốt	
E.1.6	Thành viên Hội đồng Quản trị có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty	Tốt	
E.2	Cơ cấu Hội đồng Quản trị		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	Tốt	
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: Tất cả Hội đồng Quản trị, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	Tốt	
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	Tốt	
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị			
E.2.4	Hội đồng Quản trị có tối thiểu 50% thành viên độc lập	Chưa thực hiện đầy đủ	HDBank hiện có 2/9 thành viên độc lập và tuân thủ theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP và hướng dẫn thông lệ quản trị công ty trong khu vực
E.2.5	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có độc lập với ban lãnh đạo và cổ đông lớn	Tốt	
E.2.6	Công ty có quy định giới hạn nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không quá 9 năm	Tốt	
E.2.7	Công ty có đặt ra chính sách: Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/không điều hành được giữ tối đa 05 vị trí Hội đồng Quản trị cùng lúc trong các công ty niêm yết khác	Tốt	
E.2.8	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đang nắm giữ tổng cộng hơn 05 chức vụ trong Hội đồng Quản trị ở các công ty niêm yết	Tốt	
E.2.9	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị điều hành đang nắm giữ hơn 02 chức vụ trong Hội đồng Quản trị ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	Tốt	
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.10	Công ty có tiểu ban nhân sự	Tốt	
E.2.11	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (hơn 50%)	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.2.12	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Tốt	
E.2.13	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự	Tốt	
E.2.14	Tiểu ban nhân sự họp ít nhất hai lần trong năm	Tốt	
E.2.15	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự	Tốt	
Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.16	Công ty có tiểu ban lương thưởng	Tốt	
E.2.17	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (hơn 50%)	Tốt	
E.2.18	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	Tốt	
E.2.19	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng	Tốt	
E.2.20	Tiểu ban lương thưởng họp ít nhất hai lần trong năm	Tốt	
E.2.21	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng	Tốt	
Tiểu ban Kiểm toán			
E.2.22	Công ty có Tiểu ban kiểm toán	Tốt	
E.2.23	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập	Tốt	
E.2.24	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập	Tốt	
E.2.25	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.26	BCTN có công bố lý lịch và chuyên môn của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.27	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	Tốt	
E.2.28	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có họp tối thiểu bốn lần 1 năm	Tốt	
E.2.29	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.30	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập	Tốt	
E.3	Quy trình Hội đồng Quản trị	Tốt	
Họp và tham dự họp Hội đồng Quản trị			
E.3.1	Họp Hội đồng Quản trị có được lập kế hoạch trước năm tài chính	Tốt	
E.3.2	Hội đồng Quản trị họp ít nhất 06 lần trong năm	Tốt	
E.3.3	Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp Hội đồng Quản trị trong năm đánh giá	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.3.5	Có ít nhất 01 cuộc họp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	Tốt	
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Tài liệu họp Hội đồng Quản trị được gửi tới các thành viên tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	Tốt	
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ Hội đồng Quản trị thực hiện vai trò của mình	Tốt	
E.3.8	Thư ký công ty có chuyên môn về luật, kế toán hoặc thư ký	Tốt	
Bổ nhiệm và bầu lại Hội đồng Quản trị			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị mới	Tốt	
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới	Tốt	
E.3.11	Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị phải được bầu lại tối thiểu ba năm một lần	Chưa thực hiện đầy đủ	Nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị là 05 năm theo quy định của pháp luật Việt Nam
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với thành viên Hội đồng Quản trị điều hành và Tổng Giám đốc	Tốt	
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	Tốt	
E.3.14	Cổ đông và Hội đồng Quản trị có thông qua thù lao của Ban Điều hành	Tốt	
E.3.15	Thành viên độc lập không điều hành có nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác	Tốt	
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập	Tốt	
E.3.17	Công bố danh tính của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, hoặc trưởng hợp thuê dịch vụ bên ngoài thì nêu lên tên công ty dịch vụ độc lập	Tốt	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	Tốt	
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	Tốt	
E.3.20	Hội đồng Quản trị tiến hành kiểm tra, xem xét các lĩnh vực trọng yếu cần kiểm soát (hoạt động, tài chính, tuân thủ) và hệ thống quản lý rủi ro của công ty trong năm	Tốt	
E.3.21	Công ty công bố các rủi ro chính cần được kiểm soát, ngoài rủi ro tài chính	Tốt	
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát rằng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.4	Nhân sự trong Hội đồng Quản trị		
Chủ tịch HĐQT			
E.4.1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc không cùng 01 người đảm nhiệm	Tốt	
E.4.2	Chủ tịch Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập	Chưa thực hiện đầy đủ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
E.4.3	Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Tổng Giám đốc của công ty trong vòng 03 năm trước đây	Tốt	
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Tốt	
Kỹ năng và năng lực			
E.4.5	Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty	Tốt	
E.4.6	Công ty công bố chính sách đa dạng hóa thành phần Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5	Hiệu quả Hội đồng Quản trị		
Phát triển thành viên Hội đồng Quản trị			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên Hội đồng Quản trị mới	Tốt	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn	Tốt	
Bổ nhiệm và hiệu quả của Tổng Giám đốc/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố kế hoạch Hội đồng Quản trị chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo tương lai (Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành chủ chốt)	Tốt	
E.5.4	Hội đồng Quản trị có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với Tổng Giám đốc	Tốt	
Đánh giá Hội đồng Quản trị			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.6	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.7	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.8	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.9	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
E.5.10	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị	Tốt	
Đánh giá thành viên Hội đồng Quản trị			
E.5.11	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng các tiểu ban Hội đồng Quản trị	Tốt	

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

HDBank luôn nỗ lực mang lại cho khách hàng, đối tác và xã hội các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng tốt nhất, hiệu quả nhất. Trong giai đoạn sắp tới, HDBank tiếp tục kiên định với chiến lược trở thành ngân hàng bán lẻ và tài chính tiêu dùng toàn diện, ứng dụng công nghệ hiện đại. Để hoàn thành những mục tiêu đó, Hội đồng Quản trị đề ra những định hướng hoạt động sau:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động cụ thể cho hoạt động của Ngân hàng năm 2019;
- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch mở rộng, phát triển mạng lưới đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;
- Chỉ đạo tiếp tục triển khai phương án tái cơ cấu Ngân hàng: Mua bán, sáp nhập, mở rộng mối quan hệ với các đối tác nhằm đưa HDBank trở thành ngân hàng nằm trong TOP dẫn đầu tại Việt Nam về quy mô, có chất lượng quản trị hiệu quả, phát triển bền vững;
- Chỉ đạo triển khai xây dựng, kiện toàn mô hình quản trị doanh nghiệp tiên tiến và hướng tới các chuẩn mực quốc tế;
- Tăng cường vai trò trách nhiệm của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng Quản trị trong việc tham mưu, giám sát các lĩnh vực Nhân sự, Quản lý rủi ro, Tín dụng, Chiến lược và đầu tư, Công nghệ thông tin;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, nhằm chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh;
- Tổ chức tốt các Đại hội đồng cổ đông định kỳ hàng năm, các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ.



BÁO CÁO CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Ủy ban Quản lý rủi ro hoạt động với 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Thư ký tổng hợp và 03 thành viên.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng, trình ban hành và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, của tổ chức kiểm toán độc lập và của các cơ quan chức năng khác;
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị liên quan đến vấn đề quản lý rủi ro trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị, các quy định khác của HDBank và quy định pháp luật có liên quan.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2018

Trong năm 2018, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tiến hành họp hàng tháng với sự tham dự của thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách quản lý rủi ro, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản lý rủi ro, Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro và một số lãnh đạo của các Phòng ban liên quan, trong đó đã thông qua các biên bản họp tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá tình hình quản lý rủi ro trong toàn ngân hàng về tín dụng (credit risk), thị trường (market risk), thanh khoản (liquidity risk), hoạt động (operational risk);
- Đánh giá các hành động phòng chống và/hoặc hoàn thiện hơn hệ thống quản lý rủi ro do các Khối/Phòng ban đã thực hiện theo kỳ trước;
- Đề ra các hành động phòng chống và/hoặc hoàn thiện hơn hệ thống quản lý rủi ro, và yêu cầu các Khối/Phòng ban liên quan phải thực hiện trong kỳ sau;
- Trong năm 2018, các kỳ họp Ủy ban Quản lý rủi ro đã đưa ra các khuyến nghị, các hành động các Khối/Phòng ban phải thực hiện, tỷ lệ hoàn thành đạt ở mức cao (trên 89%), các khuyến nghị còn lại đang được triển khai và sẽ hoàn thành sớm.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

Trong năm 2019, Ủy ban Quản lý rủi ro sẽ tập trung chức năng giám sát việc triển khai Hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai Chính sách Quản lý rủi ro theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN (theo Basel cơ bản – trụ cột 2), với sự tham mưu, hỗ trợ của các Hội đồng thuộc Tổng Giám đốc gồm: Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn.

Bên cạnh đó, Ủy ban Quản lý rủi ro cũng tiếp tục giám sát triển khai việc áp dụng sớm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (Basel cơ bản - trụ cột 1 & 3) và triển khai Basel Roadmap theo tư vấn của Công ty Kiểm toán EY trong năm 2019.

ỦY BAN TÍN DỤNG

Ủy ban Tín dụng hoạt động với 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 01 Thư ký và 09 thành viên.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Năm 2018, Ủy ban Tín dụng là Cơ quan phê duyệt tín dụng cao nhất của HDBank, có chức năng phê duyệt chính sách tín dụng, chính sách quản lý rủi ro tín dụng và các khoản cấp tín dụng trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Theo đó, Ủy ban Tín dụng là cơ quan tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc: phê duyệt chính sách tín dụng; phê duyệt các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị theo quy định; giám sát Tổng Giám đốc/Ban điều hành trong công tác phê duyệt tín dụng đối với các khoản tín dụng có giá trị từ 5% vốn điều lệ của HDBank do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng và Người có liên quan.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2018

Trong năm 2018, Ủy ban Tín dụng đã tổ chức trên 140 cuộc họp, xử lý nhiều các hồ sơ tín dụng doanh nghiệp và cá nhân, tiếp tục phê duyệt và quyết định các vấn đề phát sinh liên quan đến khoản cấp tín dụng cho khách hàng trong phạm vi thẩm quyền.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

Năm 2019, Ủy ban Tín dụng sẽ hoạt động theo cơ chế mới. Theo đó, Khi phát sinh hồ sơ tín dụng thuộc thẩm quyền thông qua, thực hiện quyền giám sát của Hội đồng Quản trị do Cơ quan phê duyệt tín dụng thuộc Ban điều hành trình thông qua hoặc báo cáo (đầu mối thực hiện là bộ phận tái thẩm tín dụng), Ủy ban Tín dụng tổ chức xem xét, nghiên cứu và cho kết quả đề xuất, tham mưu trình Hội đồng Quản trị xem xét.



Ủy ban Nhân sự hoạt động với 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Thư ký tổng hợp và 03 thành viên.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Đề xuất cho Hội đồng Quản trị phê chuẩn các kế hoạch khen thưởng ngắn và dài hạn;

- Soát xét, đề xuất cho Hội đồng Quản trị phê chuẩn việc áp dụng, sửa đổi các kế hoạch lương thưởng bằng tiền và các hình thức phi tiền tệ khác; Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng Quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành ngân hàng và cán bộ quản lý cấp cao theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và người lao động của ngân hàng;
- Đưa ra khuyến nghị để Hội đồng Quản trị phê chuẩn về việc lựa chọn nhân sự đảm nhiệm các vị trí Chủ tịch Ủy ban, thành viên các Ủy ban;
- Soát xét, xác định và khuyến nghị để Hội đồng Quản trị phê chuẩn các chương trình đào tạo phù hợp cho các thành viên Hội đồng Quản trị;
- Soạn lập các tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá kết quả công việc hàng năm của Hội đồng Quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, từng thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo kết quả cho Hội đồng Quản trị;
- Soát xét các chương trình hoạch định nhân sự kế thừa và quản trị nhân tài và các đối tượng của các chương trình này;
- Tìm kiếm các cá nhân có đủ năng lực, để cử cho Hội đồng Quản trị các ứng viên để đảm nhiệm các vị trí mới và/hoặc các vị trí chưa có nhân sự phụ trách;
- Xây dựng trình tự và thủ tục để cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị;
- Phụ trách các công tác liên quan đến việc bãi nhiệm, miễn nhiệm, từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Định kỳ soát xét và đề xuất Hội đồng Quản trị phê chuẩn chính sách, mức thù lao, thưởng đối với thành viên Hội đồng Quản trị;
- Soát xét việc công bố thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành;
- Đề xuất để Hội đồng Quản trị phê chuẩn các tiêu chuẩn bổ nhiệm Tổng Giám đốc và đề xuất để Hội đồng Quản trị phê chuẩn về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc và các quản lý cấp cao;
- Đánh giá kết quả công việc của Tổng Giám đốc;
- Soát xét về lương thưởng và phúc lợi của Tổng Giám đốc;
- Định kỳ soát xét kết quả công việc và đề xuất cho Hội đồng Quản trị phê chuẩn lương và các thu nhập khác của Cán bộ quản lý cấp cao. Giám sát việc đánh giá các Cán bộ quản lý cấp cao của Tổng Giám đốc;
- Soát xét và khuyến nghị để Hội đồng Quản trị phê chuẩn những thay đổi đối với những quy định của Ngân hàng về Quản trị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2018

Trong năm 2018 Tiểu ban Nhân sự thường xuyên đưa ra các ý kiến nhằm tư vấn cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề liên quan đến nhân sự cấp cao, chính sách nhân sự, tổ chức bộ máy và chiến lược phát triển nhân sự cho toàn hàng trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Cụ thể như sau:

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về công tác quản trị nguồn nhân lực:
- Đánh giá và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong công tác bổ nhiệm nhân sự cấp cao, chủ chốt: Bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc HDBank;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về cơ cấu tổ chức và nhân sự của Khối/Phòng/Ban, Đơn vị kinh doanh: Thành lập mới 05 chi nhánh và 40 Phòng giao dịch;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu tuyển dụng của HDBank thông qua công tác truyền thông qua việc chỉ đạo việc tham gia và đạt giải trong cuộc thi Nơi làm việc tốt nhất Châu Á;
- Chỉ đạo thực hiện rà soát, điều chỉnh văn bản nhân sự hiện hành nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và hạn chế rủi ro trong hoạt động nhân sự: ban hành Nội quy lao động HDBank, Sửa đổi mẫu Hợp đồng lao động, ban hành quy định về tính tì lệ nghỉ việc vào KPIs cho cấp quản lý.
- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc và chế độ đãi ngộ cho Người lao động:
- Chỉ đạo Ban điều hành và Khối Nhân sự tiếp tục tập trung, coi trọng công tác đào tạo quản lý đội ngũ kế cận. Tổ chức thành công 05 lớp cán bộ nguồn cho các chức danh Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Phòng giao dịch và cấp quản lý của mảng Dịch vụ khách hàng, chương trình đã đào tạo cho 180 cán bộ nhân viên, trong đó 45 cán bộ đã được bổ nhiệm trong năm 2018 sau khi đào tạo;
- Xem xét, tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc cải thiện lương và chế độ đãi ngộ cho cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng. Điều chỉnh Quy chế tiền lương, xây dựng khung lương, nâng sàn mức lương cho cán bộ nhân viên, đảm bảo thực hiện chính sách lương thưởng hợp lý, cạnh tranh so với mức lương trên thị trường, chế độ phúc lợi rõ ràng, tạo động lực phấn đấu cho tất cả cán bộ nhân viên, đặc biệt những cán bộ đã gắn bó, nỗ lực khẳng định bản thân tại HDBank và có những đóng góp vào sự phát triển của HDBank.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị, chỉ đạo Ban Điều hành, Khối Nhân sự hoàn thiện các chính sách về quản trị nhân sự và bộ máy nhân sự của Ngân hàng, cơ cấu lại nguồn lực để tinh gọn và nâng cao năng suất lao động đóng góp vào sự phát triển chung của toàn Ngân hàng. Mục tiêu:
- Đưa hình ảnh HDBank xuất hiện trước công chúng như một Ngân hàng Thương mại Cổ phần có điều kiện phát triển nghề nghiệp tốt nhất tại Việt Nam;
- Phát triển HDBank là thương hiệu tuyển dụng hàng đầu trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng;

- Nâng cao chất lượng & dịch vụ nhân sự trên toàn hệ thống thông qua chuẩn hóa nguyên tắc tiếp nhận, xử lý, phản hồi thắc mắc các vấn đề có liên quan về nghiệp vụ và khảo sát đánh giá mức độ hài lòng nội bộ;
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ cho công tác quản trị, điều hành và phát triển của HDBank.
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị, chỉ đạo Ban Điều hành, Khối Nhân sự triển khai thực hiện giải pháp nhân sự thông qua việc "Thành lập các tổ dự án", cụ thể:
- Dự án 1: "Xây dựng lộ trình công danh, Xây dựng chính sách, tiêu chí đánh giá năng lực và hiệu quả cá nhân," là sự kết hợp của việc Xây dựng bộ từ điển năng lực và hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, đào tạo và thăng tiến cho từng chức danh;
- Dự án 2: "Chính sách lương, thưởng và phúc lợi" nhằm đảm bảo sự minh bạch, công bằng và động viên khuyến khích;
- Dự án 3: "Rà soát, hoàn thiện bộ quy trình nhân sự" nhằm chuẩn hóa thao tác và kiểm soát quá trình, thời gian thực hiện công việc;
- Dự án 4: "Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp" nhằm tạo môi trường làm việc trong lành, thân thiện, chuyên nghiệp và hiện đại;
- Dự án 5: "Xây dựng Sổ tay nhân viên" nhằm tóm lược các nội dung liên quan đến chính sách của ngân hàng, các quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động.

ỦY BAN CÔNG NGHỆ

Ủy ban Công nghệ hoạt động với 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Thư ký và 05 thành viên.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các chính sách, chiến lược phát triển Công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến hoạt động an toàn và tin cậy của hệ thống Công nghệ thông tin đối với hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về mức độ an toàn đối với hoạt động vận hành liên tục hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng trước những nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động của hệ thống Công nghệ thông tin hiện hành;
- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc quyết định phê duyệt ngân sách đầu tư công nghệ thông tin hàng năm, các khoản đầu tư, các xu hướng công nghệ, chiến lược phát triển Công nghệ thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2018

Trong năm 2018, Ủy ban Công nghệ đã tổ chức 8 cuộc họp với sự tham gia của Tổng Giám đốc và đại diện các Quản lý từ Khối Công nghệ thông tin và các Khối kinh doanh, Tài chính để thảo luận những vấn đề mang tính chiến lược cho công nghệ của Ngân hàng với các nội dung chính như sau:

- Tham vấn kế hoạch hoạt động Công nghệ thông tin của Ngân hàng trong năm 2018;
- Tham vấn kết quả nghiên cứu, các kết quả khảo sát và nội dung làm việc với các đối tác để đưa ra định hướng cho dự án Ngân hàng điện tử & chuyển đổi kỹ thuật số với mục tiêu khai thác hệ sinh thái của Tập đoàn, tập trung xây dựng hệ sinh thái khách hàng theo chỉ đạo từ Hội đồng Quản trị;
- Giám sát việc triển khai các dự án Công nghệ thông tin đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị;
- Tham vấn các nội dung, kế hoạch triển khai các hệ thống Công nghệ thông tin trọng điểm như các dự án tăng cường khai thác hệ sinh thái của Tập đoàn;
- Xem xét, tham mưu về chi phí đầu tư, các dự án đầu tư phát sinh và theo dõi kết quả thực hiện của các dự án lớn liên quan đến Công nghệ thông tin trong năm 2018 như: Ứng dụng hỗ trợ phát triển sản phẩm CASA, thay thế ứng dụng mBanking (VNPAY), Basel II, Website, Core Banking, Tuân thủ quy định Ngân hàng Nhà nước, Công tác vận hành, bảo mật, kiểm soát tuân thủ...

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

Trong năm 2019, UBCN tiếp tục ưu tiên tham vấn các kế hoạch tạo sự đột phá trong công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tiếp thu các công nghệ hiện đại để áp dụng vào quản lý nội bộ nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện thu nhập, phát triển kinh doanh. Cụ thể:

- Tham mưu các giải pháp công nghệ nhằm chủ động khai thác khách hàng trong hệ sinh thái trong và ngoài tập đoàn:
 - Nền tảng phát triển Digital Banking; liên kết với các đối tác thanh toán trong và ngoài nước nhằm mục tiêu đưa HDBank trở thành ngân hàng đa năng;
 - Dự án thay thế hệ thống Thẻ; phối hợp thực hiện xây dựng mô hình phát triển dịch vụ thẻ cho toàn bộ tập đoàn;
 - Dự án ví điện tử trên nền tảng thẻ trả trước phi vật lý (E-Wallet "HDMoney");
 - Dự án ứng dụng hỗ trợ quản lý khách hàng thân thiết (Loyalty) dựa trên việc ứng dụng công nghệ blockchain;
 - Dự án Big Data, AI...

- Tham mưu và đưa ra chỉ đạo cho các chi phí đầu tư liên quan đến các dự án Công nghệ thông tin trọng điểm trong năm 2019 như: Paperless, Basel II, nâng cấp Core Banking, các dự án đầu tư hạ tầng dữ liệu, vận hành, bảo mật...
- Chỉ đạo nghiên cứu, triển khai áp dụng công nghệ hiện đại vào quản trị nội bộ, công việc hằng ngày của tổ chức: Đồng bộ hóa máy móc, thiết bị, phòng in ấn tập trung, công cụ hỗ trợ cuộc họp, các chiến dịch PR, Marketing thông qua mạng xã hội...

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)



Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO) hoạt động với 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 thành viên. Trong đó, bộ phận hỗ trợ của Ủy ban ALCO gồm 06 thành viên và 01 Thư ký tổng hợp.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

- Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng chiến lược, định hướng và ban hành các quy định, chính sách trong phạm vi thẩm quyền của mình liên quan đến vấn đề quản lý tài sản nợ, tài sản có của HDBank nhằm tối đa hóa lợi nhuận đồng thời đảm bảo đáp ứng nhu cầu về thanh khoản trong hoạt động ngân hàng phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ HDBank;
- Xây dựng chính sách quản lý tập trung toàn bộ mọi nguồn vốn của HDBank, đảm bảo khả năng thanh toán và nguồn vốn cho hoạt động của Ngân hàng; Xây dựng chính sách quản lý rủi ro tài sản nợ, tài sản có như rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất; Xây dựng hệ thống các giới hạn quản lý tài sản nợ, tài sản có tại HDBank; Xác định cơ cấu tài sản nợ, tài sản có tối ưu;
- Giám sát việc thực hiện các định hướng, chính sách, quy định liên quan đến quản lý tài sản nợ, tài sản có do Hội đồng Quản trị ban hành.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2018

Năm 2018, Ủy ban ALCO đã tham mưu cho Hội đồng Quản trị quản lý hiệu quả rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất, quy mô, cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản có phù hợp với chiến lược phát triển của HDBank. Bên cạnh đó, Ủy ban còn tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong công tác điều hành lãi suất cho vay, lãi suất huy động, lãi suất điều chuyển vốn nâng cao khả năng sinh lời của Ngân hàng đồng thời hỗ trợ cho các Khối, Đơn vị kinh doanh hoàn thành tốt kế hoạch năm 2018.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

Năm 2019, Ủy Ban ALCO tiếp tục tham mưu cho Hội đồng Quản trị:

- Sửa đổi, bổ sung quy định quy chế ALM phù hợp theo thông tư 13/2018/TT-NHNN;
- Ban hành hạn mức cho bộ chỉ tiêu quản trị nội bộ năm 2019;
- Ban hành Cơ cấu Tài sản Nợ - Có phù hợp với định hướng kinh doanh 2019;
- Điều hành và quản lý lãi suất phù hợp với thị trường và cơ chế điều hành lãi suất ĐCV phù hợp với định hướng kinh doanh của HDBank năm 2019;
- Quản lý chặt chẽ Rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất.

VĂN PHÒNG LÃNH ĐẠO

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Là đơn vị giúp việc, tham mưu cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, báo cáo trực tiếp cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Văn phòng Lãnh đạo có các chức năng nhiệm vụ chính như sau:

- Theo dõi các công việc được triển khai theo kế hoạch và chương trình do Hội đồng Quản trị, Ban điều hành thông qua;
- Tiếp nhận, xem xét trước khi đệ trình hồ sơ của các Đơn vị HDBank lên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành;
- Chuẩn bị các báo cáo, tài liệu phục vụ trong các phiên họp Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành;
- Bộ phận đối ngoại cổ đông: thực hiện các công tác quản lý Cổ đông;
- Ban Quản lý Dự án: rà soát, xây dựng chiến lược ngân hàng theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc từng thời kỳ, xây dựng các quy định, quy trình quản lý dự án và quản lý các dự án của toàn hệ thống HDBank.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2018

- Cung cấp thông tin và chăm sóc Cổ đông;
- Phối hợp tổ chức thành công các sự kiện xúc tiến đầu tư vào HDBank;
- Tổ chức các sự kiện lớn như: Sơ kết 6 tháng đầu năm; Lễ Tổng kết hoạt động kinh doanh 2017; Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- Tin học hóa Văn phòng Lãnh đạo;
- Thực hiện tốt công tác đánh giá các đơn vị tại hội sở, đơn vị kinh doanh về chất lượng dịch vụ, thực thi quy định 5S, quan hệ nội bộ;
- Kiểm soát và hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong công tác thực hiện chỉ tiêu kinh doanh 2017.

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019

- Hoạt động năm 2019: Trên cơ sở thành tích đã đạt được năm 2018, sang năm tới, tập thể Văn phòng Lãnh đạo sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa năng lực tham mưu, hỗ trợ cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, là cầu nối thông tin giữa ngân hàng và các công ty chứng khoán, đơn vị tư vấn;
- Kiên toàn tổ chức nhân sự và phân công chuyên môn hóa;
- Tiếp tục giám sát và hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong công tác thực hiện chỉ tiêu;
- Phối hợp tổ chức tốt các sự kiện lớn của HDBank;
- Thực hiện tốt các công tác đánh giá và nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Tích cực tham gia triển khai chương trình số hóa hoạt động của HDBank.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2018:

Tại thời điểm 31/12/2018, Ban Kiểm soát HDBank gồm có 03 thành viên chuyên trách. Cơ cấu Ban Kiểm soát không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Danh sách cụ thể các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng cổ phần HDBank sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Đào Duy Tường	Trưởng Ban Kiểm soát	2,712854(%)
2	Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên Ban Kiểm soát	0,010193(%)
3	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên Ban Kiểm soát	0,000258(%)

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16/06/2010 và Điều lệ ngân hàng, Ban Kiểm soát đã hoàn thành những nhiệm vụ chính như sau:

Nhằm bảo vệ lợi ích cho các cổ đông, trong năm, Ban Kiểm soát đại diện cho Đại hội đồng cổ đông HDBank thực hiện giám sát công tác quản trị điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm đạt được những mục tiêu hành động được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ đầu năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát trực tiếp chỉ đạo Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra giám sát tính tuân thủ của HDBank đối với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của pháp luật, điều lệ ngân hàng, chú trọng giám sát các chỉ số an toàn hoạt động và công tác xử lý nợ xấu toàn hàng; Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính. Căn cứ kết quả kiểm tra giám sát, hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng được đánh giá nhận định toàn diện, từ đó Ban Kiểm soát kiến nghị Ban Điều hành có các điều chỉnh bổ sung phù hợp nhằm nâng cao an toàn hoạt động toàn hệ thống.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2018

Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch

Cụ thể, trong năm 2018, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán hoạt động nghiệp vụ theo đoàn tại 120/283 đơn vị kinh doanh, kiểm tra đột xuất 287 cuộc tại các đơn vị kinh doanh, kiểm tra 02 chuyên đề. Kết quả kiểm toán được thông tin đến Ban Kiểm soát thường xuyên thông qua các báo cáo kiểm toán theo đoàn, báo cáo kiểm tra đột xuất, báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán hàng quý, báo cáo năm. Từ đó Ban Kiểm soát đã kịp thời chỉ đạo, định hướng, hỗ trợ kịp thời cho kiểm toán nội bộ giúp công tác kiểm toán nội bộ năm 2018 được hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Ban Kiểm soát đã chỉ đạo kiểm toán nội bộ thiết lập bổ sung, điều chỉnh báo cáo quản trị, báo cáo định kỳ, thường xuyên, đảm bảo các phát hiện trọng yếu của kiểm toán nội bộ luôn được Ban Kiểm soát nắm bắt, trao đổi kịp thời đến Ban điều hành, Hội đồng quản trị tại các cuộc họp nhằm có những giải pháp điều chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động toàn hàng.

Trong năm 2018, HDBank đã rà soát lại bộ máy hoạt động cũng như qui định hiện hành, từ đó có những cơ cấu lại bộ máy, hoàn thiện ban hành bổ sung, ban hành mới những qui định liên quan nhằm đáp ứng theo yêu cầu hệ thống kiểm soát nội bộ tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Ban Kiểm soát đã chỉ đạo kiểm toán nội bộ thường xuyên giám sát công tác chuẩn bị triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ theo TT13 cũng như triển khai Basel II. Đồng thời Ban Kiểm soát tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ, bổ sung nguồn lực, tăng cường công tác đào tạo nhằm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo đúng yêu cầu của TT13.

Đánh giá công tác quản trị Ngân hàng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị ngân hàng trong năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật, quy chế hoạt động và Điều lệ ngân hàng. Hội đồng Quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ nhằm đánh giá tình hình hoạt động ngân hàng, nắm bắt các điểm tồn tại, khó khăn vướng mắc, kịp thời chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ, giám sát chặt chẽ lĩnh vực phụ trách, từ đó tình hình hoạt động kinh doanh, chỉ số an toàn hoạt động, tình hình thực hiện các công tác khác theo nghị quyết ĐHCĐ luôn được Hội đồng Quản trị nắm bắt đầy đủ kịp thời

Giám sát quá trình tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và việc thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Ngân hàng

Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và việc thông qua các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Ngân hàng diễn ra theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Công tác giám sát đối với doanh nghiệp niêm yết của Ban Kiểm soát

Thực hiện theo quy định của Luật tổ chức tín dụng, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Ban Kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cập nhật thông tin định kỳ. Đồng thời thực hiện giám sát hoạt động công bố thông tin và quan hệ cổ đông của HDBank sau niêm yết theo hướng dẫn tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.

Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Năm 2018, Ngân hàng đã hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh cũng như các chương trình hành động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công tác niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn giao dịch chứng khoán đã được thực hiện thành công và giao dịch ổn định từ ngày 05/01/2018.

Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam và thống nhất xác nhận như sau: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của HDBank thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng Việt Nam, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, đồng thời thường xuyên trao đổi với kiểm toán nội bộ về tình hình thực hiện công tác kiểm toán nội bộ nhằm kịp thời hỗ trợ công tác kiểm toán nội bộ được hoàn thành theo đúng kế hoạch; trực tiếp trao đổi các vấn đề trọng yếu với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, đảm bảo Ngân hàng hoàn thành các nội dung được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Trong năm, các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

NGÀY	SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN THAM DỰ	NỘI DUNG HỌP
16/04/2018	3/3	Tổng kết hoạt động kiểm toán nội bộ quý 1 năm 2018.
12/07/2018	3/3	Sơ kết hoạt động kiểm toán nội bộ 06 tháng đầu năm; Thông qua kết quả thẩm tra BCTC 06 tháng năm 2018; Nhận định tình hình kinh tế vĩ mô, kinh tế thế giới định hướng triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm.
12/10/2018	3/3	Tổng kết hoạt động kiểm toán nội bộ 09 tháng đầu năm 2018.
18/01/2019	3/3	Tổng kết hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ; Triển khai kế hoạch công tác năm 2019 của Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ.



Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đã phối hợp tốt với Ban Kiểm soát, hỗ trợ tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ kiểm tra giám sát hoạt động ngân hàng theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ ngân hàng và quy chế hoạt động Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát thường xuyên tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, qua đó nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, định hướng chiến lược, tình hình tài chính, an toàn hoạt động của ngân hàng. Tại các cuộc họp, các kiến nghị của Ban Kiểm soát đều được Hội đồng Quản trị, Ban điều hành tiếp thu và chỉ đạo đến các phòng ban liên quan nghiêm túc thực hiện, phản hồi kịp thời đến Ban Kiểm soát thông qua kiểm toán nội bộ.

Định hướng hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát

Năm 2019, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng giám sát với các nhiệm vụ chính như sau:

- Giám sát hoạt động của HDBank luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ HDBank;
- Giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc quản trị điều hành hoạt động của HDBank an toàn hiệu quả, bám sát theo chương trình hành động trọng tâm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Chú trọng đánh giá hiệu quả công tác xử lý nợ xấu của Ngân hàng theo chỉ thị 05/CT-NHNN ban hành ngày 17/09/2018;
- Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch. Ngoài công tác kiểm toán các hoạt động lõi của ngân hàng như tín dụng, kế toán, ngân quỹ, hoạt động kiểm toán sẽ tập trung đánh giá hiệu quả vận hành của phòng ban HO, các công ty con, Công ty AMC HDBank... Phân công cán bộ kiểm toán vào các nhóm quản trị chuyên trách theo từng nội dung như: Quản trị hiệu quả chi phí; Quản trị nhân sự; Quản trị rủi ro; Chuyên trách tham gia họp với các Ủy ban quản trị, với Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị...;
- Thực hiện kiểm tra giám sát tính hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu tại TT13/2018/TT-NHNN, chú trọng công tác báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ đảm bảo tình hình hoạt động ngân hàng luôn được thông tin kịp thời đến các bên liên quan. Đồng thời giám sát việc triển khai Quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng tại TT18/2018/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;
- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ Kiểm toán viên nội bộ, rà soát và ban hành mới các quy định kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ quy định mới theo TT13/2018/TT-NHNN cũng như phục vụ công tác đánh giá hiệu quả triển khai Basel II;
- Trên cơ sở kế hoạch kiểm toán cho những năm tới, xem xét bổ sung nguồn lực, tăng cường nhân sự cho Kiểm toán Nội bộ và Ban Kiểm soát, đảm bảo công tác kiểm tra giám sát được triển khai hiệu quả, kịp thời;
- Tăng cường kiểm tra đột xuất các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ;
- Thẩm tra báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính;
- Giám sát hoạt động công bố thông tin và quan hệ cổ đông của HDBank sau niêm yết theo hướng dẫn tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.



KIỂM SOÁT NỘI BỘ

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

HDBank đã xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định pháp luật (Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước) và phù hợp với chuẩn mực của Hiệp ước Basel, bao gồm các hoạt động sau:

- Giám sát của cấp lãnh đạo (Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc)
- Hoạt động quản lý rủi ro (Risk Manageent)
- Hoạt động kiểm soát nội bộ (Internal Control)
- Hoạt động kiểm toán nội bộ (Internal Audit)
- Hoạt động quản lý đảm bảo chỉ số CAR (ICAAP)
- Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng và ngày càng hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo 3 tuyến phòng thủ (3 lines of defence) phù hợp với Hiệp ước Basel, bao gồm:
- Tuyến thứ 1: Bao gồm các đơn vị kinh doanh, các đơn vị Hội sở có chức năng phân bổ rủi ro, kiểm soát/giảm thiểu rủi ro đối với từng giao dịch
- Tuyến thứ 2: Bao gồm các đơn vị Hội sở có chức năng quản lý tuân thủ pháp luật, quản lý rủi ro, tham mưu lãnh đạo giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ ở trên.
- Tuyến thứ 3: Bao gồm đơn vị có chức năng kiểm toán nội bộ

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ (KSNB)

- Tổ chức hoạt động KSNB tuân thủ với quy định pháp luật, đảm bảo các nguyên tắc quan trọng sau:
 - Xây dựng, duy trì văn hóa KSNB và tất cả cán bộ nhân viên phải nhận thức đầy đủ
 - Duy trì hoạt động KSNB đối với tất cả các hoạt động, các đơn vị, trong đó có kiểm soát các xung đột lợi ích và phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.
- HDBank triển khai các hoạt động KSNB bao gồm:
 - Áp dụng Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, làm cơ sở cho tất cả CBNV tự giác có hành vi làm việc đúng đắn, phù hợp.
 - Áp dụng các mức thẩm quyền phê duyệt theo định hướng phê duyệt tập trung, làm cơ sở cho các cá nhân/Hội đồng thực hiện phê duyệt trên cơ sở năng lực, kinh nghiệm và giảm thiểu rủi ro.
 - Áp dụng phân định chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, đơn vị, đảm bảo tính độc lập, trách nhiệm và không xung đột lợi ích.
 - Áp dụng phân định trách nhiệm quản lý tài sản của các cá nhân, đơn vị, trên cơ sở phù hợp năng lực và giá trị tài sản.
 - Tổ chức hạch toán kế toán tuân thủ theo quy định pháp luật và theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế IFRS
 - Tổ chức phòng ngừa và xử lý vi phạm đối với các sai phạm, hành vi vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ
 - Tổ chức phân bổ nguồn nhân lực phù hợp, kịp thời cho từng đơn vị, từng hoạt động (kinh doanh, kiểm soát nội bộ).
 - Tổ chức kiểm soát của Hội sở đối với từng đơn vị, từng hoạt động và tổ chức các kênh cho phép khách hàng tra soát, đối chiếu trực tiếp với Hội sở.
 - Đối với hoạt động cấp tín dụng và tự doanh thị trường tiền tệ, HDBank tổ chức hoạt động theo đặc thù, nhằm đảm bảo tính độc lập, trách nhiệm giữa các khâu đề xuất (Front) – kiểm soát (Mid) – phê duyệt (Approve) – quản lý sau (Back)
- HDBank cũng tổ chức việc trao đổi thông tin thông qua các kênh khác nhau, với trợ giúp hiệu quả của hệ thống thông tin quản lý (MIS), đảm bảo các quy định, chỉ đạo, báo cáo, phản ánh được thông suốt, minh bạch, kịp thời từ các cấp cao cho đến các cấp dưới.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm toán nội bộ HDBank được thành lập theo quy định Ngân hàng Nhà nước, là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của HDBank, thuộc Ban kiểm soát HDBank. Kiểm toán nội bộ được tổ chức theo hệ thống dọc theo nguyên tắc độc lập, khách quan và chuyên nghiệp.

Điều hành hoạt động của Kiểm toán nội bộ là Trưởng Kiểm toán nội bộ với sự giúp việc của Phó trưởng kiểm toán nội bộ và các Trưởng kiểm toán nội bộ Khu vực. Đến cuối năm 2018 tổng số nhân sự của Kiểm toán nội bộ là 34 người chốt trên 03 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đồng Nai.

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

Hoạt động kiểm toán nội bộ triển khai theo cụm đơn vị, theo khu vực và theo nghiệp vụ, với phương pháp kiểm toán đan chéo, mở rộng và phối hợp. Thực hiện theo các hình thức Kiểm toán, như: Kiểm toán theo đoàn tại từng đơn vị/cụm đơn vị đối với các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị trong toàn hệ thống; Kiểm toán Chuyên đề đối với những quy trình nghiệp vụ đánh giá theo định hướng rủi ro, có yếu tố chưa đảm bảo ngăn ngừa/kiểm soát sai sót trong vận hành, kiểm toán chuyên đề đối với các hoạt động nghiệp vụ có tính hệ thống; Kiểm tra đột xuất đối với công tác an toàn kho quỹ, tiền mặt, hồ sơ tài sản đảm bảo, quản lý ấn chỉ quan trọng... nhằm phát hiện/kiểm soát các vi phạm phát sinh có tính thời điểm, giám sát từ xa nhằm phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động. Tổ chức kiểm toán trong năm theo kế hoạch hoặc theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, hoặc khi phát hiện thông tin về dấu hiệu sai phạm, về khả năng phát sinh rủi ro.

Hàng năm căn cứ vào kết quả kiểm toán năm trước nhằm xác định vùng rủi ro, căn cứ định hướng hoạt động của NH, mục tiêu quản trị của Lãnh đạo để xây dựng và thông qua Ban Kiểm Soát, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Kế hoạch Kiểm toán năm kế tiếp.



HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2018

Năm 2018, kiểm toán nội bộ đã thực hiện 100% kế hoạch gồm: Kiểm tra theo đoàn 120/283 đơn vị kinh doanh, kiểm tra đột xuất 287 cuộc tại các đơn vị kinh doanh, kiểm tra 02 chuyên đề.

Qua kết quả kiểm toán, ngoài những sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán, khuyến nghị đơn vị kinh doanh khắc phục, những sai sót hoặc phát hiện rủi ro do thiếu kiểm soát của các phòng ban Khối Hội sở, hoặc do văn bản còn bất cập, kiểm toán nội bộ làm việc và yêu cầu các Phòng, Ban, Khối nghiệp vụ Hội sở rà soát, chấn chỉnh hoặc có biện pháp tăng cường kiểm soát; làm việc với Trung tâm công nghệ thông tin thiết kế chốt chặn ngay trong chương trình nhằm ngăn chặn sai sót trong vận hành. Qua công tác kiểm toán cũng đã đánh giá được chất lượng kiểm soát theo ngành dọc đối với các phòng ban, nghiệp vụ Hội sở, góp ý sửa đổi biện pháp/tăng cường công tác kiểm soát của Hội sở.

Ngoài ra, Kiểm toán đã phân tích, đánh giá những yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của hệ thống, đến hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục tiêu quản trị hệ thống, mặt khác để cảnh báo cho lãnh đạo đơn vị kinh doanh lưu ý có biện pháp khắc phục.

Kiểm toán nội bộ triển khai Giám sát từ xa bằng các báo cáo truy xuất hàng ngày trên hệ thống theo tiêu chí giám sát để phát hiện kịp thời những bất ổn nhằm có biện pháp kiểm tra thích hợp.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2019

Ngoài những định hướng có tính chất thường xuyên, năm 2019 kiểm toán nội bộ triển khai công tác kiểm toán theo các tiêu chí kiểm soát sau:

- Tiếp tục định hướng kiểm toán theo mục tiêu tìm giải pháp ngăn chặn rủi ro bằng công nghệ thông tin và cơ chế kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ từ phân tích những sai sót được phát hiện;
- Tiếp tục triển khai giám sát từ xa nhằm phát hiện các dấu hiệu bất thường để định hướng kiểm tra, lập báo cáo và kiến nghị Tổng giám đốc chỉ đạo chấn chỉnh;
- Tổ chức kiểm toán theo cụm đơn vị nhằm có đánh giá về trách nhiệm quản lý đối với đơn vị chủ quản, triển khai kiểm toán đối với các phòng ban nghiệp vụ hội sở;



QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ BẢO TOÀN VỐN

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2018

Năm 2018, HDBank đã đánh dấu sự hoàn thiện các hệ thống quản lý rủi ro bằng việc sửa đổi các quy chế, quy định quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thiện hệ thống. HDBank đã và đang triển khai công tác tự rà soát và kiểm soát các rủi ro về tín dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động nhằm chủ động phòng chống và cảnh báo kịp thời các rủi ro có thể xảy ra. Chính vì vậy, các tỷ lệ an toàn hoạt động của HDBank luôn nằm trong giới hạn cho phép của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài ra, HDBank thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm hoàn thiện kiến thức về quản lý rủi ro, cập nhật quy định mới và nâng cao ý thức quản lý rủi ro từ cấp quản lý đến nhân viên thông qua các chương trình đào tạo.

Trong năm 2018,Công tác quản lý rủi ro của HDBank cũng dần hoàn thiện qua việc triển khai Basel Roadmap (lộ trình Basel) với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, cam kết lợi ích cao nhất cho khách hàng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ RỦI RO

HDBank tổ chức triển khai quản lý rủi ro theo mô hình 03 tuyến bảo vệ theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN: Thực hiện và Kiểm soát giao dịch tại các đơn vị kinh doanh; Xây dựng và triển khai hệ thống quy định/giám sát của các Phòng ban Hội sở; Và kiểm toán độc lập Kiểm toán nội bộ.

Cơ cấu quản trị rủi ro của HDBank được chia làm ba cấp: Quản lý rủi ro thuộc Hội đồng Quản trị, Quản lý rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc và Quản lý rủi ro thuộc các Chi nhánh, cụ thể như sau:.

- Hội đồng Quản trị giám sát về quản lý rủi ro với tham mưu của Ủy ban Quản lý Rủi ro.
- Tổng Giám đốc triển khai và giám sát quản lý rủi ro, với tham mưu của các đơn vị sau:
 - Các Hội Đồng tín dụng do Tổng Giám đốc thành lập
 - Các Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn do Tổng Giám đốc thành lập
 - Một số phòng ban Hội sở, bao gồm: Phòng quản lý rủi ro (thuộc Khối Quản lý rủi ro), Phòng quản lý tài sản nợ & có, Phòng kiểm soát tuân thủ, Phòng Pháp chế; Phòng kế toán tài chính.
 - Các Trung tâm Hội sở, bao gồm: Trung tâm tái thẩm định tín dụng cá nhân/doanh nghiệp, Trung tâm thẩm định giá tài sản bảo đảm, Trung tâm giải ngân, Trung tâm pháp lý chứng từ tín dụng, Trung tâm xử lý nợ quá hạn...
- Quản lý rủi ro thuộc các Chi nhánh: Bao gồm Ban tín dụng Chi nhánh; Phòng quản lý và hỗ trợ tín dụng và các kiểm soát viên Chi nhánh.

HỆ THỐNG QUY ĐỊNH, GIỚI HẠN, CHỈ SỐ AN TOÀN

Hệ thống các quy định, giới hạn và chỉ số an toàn tiếp tục được Ngân hàng xây dựng và hoàn thiện. Hệ thống các quy định được tổ chức theo ba cấp: Quy chế (do Hội đồng Quản trị ban hành để ra các định hướng, chính sách chung), Quy định và Hướng dẫn/Sàn phẩm (do Tổng Giám đốc ban hành, triển khai phù hợp trong từng thời kỳ), bao gồm tất cả các nghiệp vụ, nhằm chuẩn hóa hoạt động và đảm bảo an toàn cho Ngân hàng.

Từ năm 2013, Ngân hàng đã triển khai thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và tiêu chuẩn 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Sẵn sàng).

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng và điều chỉnh thường xuyên hệ thống các giới hạn liên quan đến các nghiệp vụ tín dụng, kinh doanh tiền tệ, đầu tư và các chỉ số an toàn hoạt động (KRI) liên quan về thanh khoản, tính cân đối của tài sản Nợ và Có..., phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và với đặc thù hoạt động của HDBank.

HỆ THỐNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Hệ thống giám sát, kiểm soát, kiểm tra được HDBank đặc biệt chú trọng và làm cơ sở để phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn rủi ro. Hệ thống này áp dụng đồng thời nhiều phương pháp: Tự động thông qua hệ thống Công nghệ thông tin, định kỳ (hàng ngày, hàng tháng...), thực hiện bởi các Phòng ban kiểm soát chuyên trách hoặc ngay trong từng giao dịch phát sinh, trong đó HDBank đã triển khai công tác giám sát các giao dịch đáng ngờ nếu có phát sinh tại các đơn vị.

Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra thực tế với số liệu, phân tích, cảnh báo, đề xuất cụ thể, được gửi kịp thời đến Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị để có chỉ đạo xử lý phù hợp, kịp thời.

ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ RỦI RO THEO BASEL

Trong năm 2018, HDBank đã thành lập Ban dự án triển khai Thông tư 13/2018/TT-NHNN (trụ cột 2 của Basel) áp dụng từ 01/01/2019; Triển khai Thông tư số 41/2016/TT-NHNN (trụ cột 1 & 3 của Basel) và đã tính CAR bằng phần mềm tiên tiến – sẵn sàng áp dụng chính thức trước 01/01/2020; và triển khai Basel Roadmap đã được EY tư vấn từ năm 2016.

CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

HDBank đã thiết lập hệ thống cấp tín dụng chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các đơn vị kinh doanh bao gồm đầy đủ các bộ phận ở tất cả các khâu: Bán hàng, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, thu nợ. Quy trình cấp tín dụng được áp dụng theo nguyên tắc độc lập ở các khâu đề xuất – thẩm định/định giá – phê duyệt, trong đó xác định rõ từng bước và trách nhiệm của từng đối tượng tham gia.

HDBank cũng đã xây dựng các quy định khá chặt chẽ về cấp tín dụng, tài sản bảo đảm, xây dựng các giới hạn về cơ cấu cho vay theo ngành nghề, mục đích, loại tài sản bảo đảm... nhằm hạn chế các rủi ro tập trung.

Bên cạnh đó, HDBank đã xây dựng thành công (với sự tư vấn của Công ty Kiểm toán hàng đầu) hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và đã trình Ngân hàng Nhà nước áp dụng chính thức kể từ năm 2011, làm cơ sở quan trọng trong quá trình xem xét cấp tín dụng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro. HDBank cũng đã thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng này.

HDBank đang triển khai, hoàn thiện nhiều hệ thống, công cụ nhằm cải tiến cũng như kiểm soát tốt hơn, trong đó có hệ thống quản lý khởi tạo khoản vay (Loan Origination), hệ thống quản lý giới hạn (Limit Control), hệ thống phê duyệt tập trung tại các Trung tâm phê duyệt, hệ thống giải ngân & thực hiện thủ tục hợp đồng, công chứng tập trung tại các Trung tâm quản lý hỗ trợ tín dụng.

Công tác xử lý nợ quá hạn tiếp tục được chú trọng thông qua hoạt động thường xuyên của Ủy Ban chỉ đạo xử lý nợ quá hạn với tham gia của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và phối hợp của các khu vực, áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả, phù hợp với chính sách Nhà nước. Trong năm 2018, HDBank đã triển khai rất tốt công tác xử lý nợ xấu (cho vay) phù hợp với chính sách chung của Ngân hàng Nhà nước và đạt tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ khá thấp là 1,08%.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO LÃI SUẤT, RỦI RO THỊ TRƯỜNG

HDBank tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất (với sự tư vấn của Công ty kiểm toán hàng đầu) phù hợp với chuẩn mực quốc tế như phân tích chênh lệch kỳ hạn, chênh lệch kỳ thay đổi lãi suất, độ nhạy biến động NII, phân tích kịch bản, thử sức chịu đựng... và các chỉ số theo Basel III như chỉ số đảm bảo thanh khoản (LCR), chỉ số đảm bảo nguồn vốn (NSFR).

Bộ phận Quản lý Rủi ro Thanh khoản & Thị trường đã thực hiện giám sát, cảnh báo thường xuyên các giới hạn trong kinh doanh ngoại hối, đầu tư chứng khoán nợ & vốn. Các chỉ số an toàn thanh khoản, an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (Thông Tư 36) luôn được đảm bảo.

Ngoài ra, HDBank cũng từng bước áp dụng tính VAR cho hoạt động kinh doanh ngoại hối (theo tư vấn của chuyên gia dự án JICA – Ngân hàng Nhà nước) nhằm dự báo mức tổn thất tối đa và sẽ tiếp tục triển khai cho các hoạt động tương tự khác

QUẢN TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chức năng Quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện thông qua chính sách quản lý rủi ro hoạt động và từng bước triển khai giám sát các chỉ số rủi ro liên quan đến nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin v.v.

HDBank đã từng bước triển khai hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất (LDC- Loss Data Collection) và hoạt động tự đánh giá chốt kiểm soát & rủi ro (RCSA) theo mô hình của Công ty tư vấn nước ngoài.

QUẢN LÝ RỦI RO TẬP TRUNG

HDBank tiếp tục hoàn thiện quản lý rủi ro tập trung theo 2 nghiệp vụ chính: Tập trung trong cấp tín dụng và tập trung trong tự doanh ngoại hối, trái phiếu, thông qua việc xây dựng, triển khai hệ thống hạn mức rủi ro khá chặt chẽ như hạn mức cho vay tối đa 1 khách hàng, 1 nhóm khách hàng liên quan, tỷ trọng tối đa cho vay 1 ngành nghề/lĩnh vực, tỷ trọng tự doanh một số sản phẩm ngoại hối, trái phiếu...

PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NĂM 2018

Nhận thức rõ vai trò nền tảng và xương sống của công tác pháp chế và tuân thủ trong hoạt động của một doanh nghiệp nói chung và hoạt động của doanh nghiệp trong ngành ngân hàng nói riêng, năm 2018, HDBank đã thực hiện và đạt được mục tiêu đặt ra, cụ thể như sau:

- Đảm bảo hoạt động của hệ thống HDBank an toàn pháp lý. Đặc biệt trong bối cảnh các quy định pháp luật chính, liên quan có sự thay đổi, ban hành mới cũng như rất nhiều các thông tư nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước được ban hành..., dẫn đến các hoạt động giao dịch, kinh doanh của Ngân hàng ở góc độ pháp lý sẽ có sự thay đổi theo, do đó, việc rà soát, điều chỉnh và kiểm soát pháp lý các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, sản phẩm kinh doanh và hệ thống biểu mẫu giao dịch cũng đã được thực hiện và hoàn thiện tốt. Bên cạnh đó, một phần nghiệp vụ quan trọng và thường xuyên là công tác Kiểm soát đảm bảo an toàn pháp lý, bảo vệ và gia tăng quyền, lợi ích của HDBank trong các giao dịch, hợp đồng, thỏa thuận với đối tác, khách hàng luôn được thực hiện kỹ lưỡng, chặt chẽ và kịp thời, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phát triển, an toàn của hệ thống;

- Công tác đại diện Ngân hàng tham gia tố tụng trước các cơ quan pháp luật, tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng cũng như tránh các thiệt hại liên quan xảy ra cũng được thực hiện bài bản và đúng quy định;
- Phổ biến pháp luật liên quan thông qua nhiều kênh và nhiều biện pháp để cán bộ nhân viên có thể nắm bắt, ứng dụng vào nghiệp vụ của mình;
- Cho công tác tầm vĩ mô, HDBank đã có các góp ý xây dựng các dự thảo quy định pháp luật liên quan và kiến nghị quy định cần thay đổi, góp phần hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước được phù hợp, rõ ràng, thông suốt và sát với thực tế, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh cho hệ thống các Ngân hàng thương mại.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ NĂM 2019

Tiếp nối các kết quả đạt được cũng như định hướng, chính sách hoạt động của HDBank, công tác pháp chế và tuân thủ đặt ra mục tiêu cao hơn. Do đó:

- Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện và nâng cao công tác pháp chế ngân hàng, tư vấn pháp luật cho toàn hệ thống, kiểm soát pháp lý cho các giao dịch, hoạt động của HDBank, sâu và rộng, đảm bảo chất lượng kết quả, thời gian thực hiện, vừa đảm bảo tính tuân thủ cao trong hoạt động, an toàn và phát triển bền vững, vừa đảm bảo hài hòa với mục tiêu kinh doanh. HDBank còn phải cần triển khai các công tác để bảo đảm tuân thủ các quy định trong công bố thông tin, minh bạch trong hoạt động của Công ty niêm yết, triển khai các chính sách, công tác quản trị rủi ro để hoàn thành triển khai Basel II, các công tác phòng chống rửa tiền, phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của quy định và các cơ quan hữu quan sẽ được giám sát, thực thi chặt chẽ;

- Tạo thêm lợi thế cho hoạt động của HDBank, tiếp tục tư vấn pháp lý cho các giải pháp, sản phẩm, quy định phục vụ kinh doanh, chính sách mảng kinh doanh chính của HDBank, gia tăng giá trị doanh nghiệp cao, gia tăng lợi ích cho cổ đông, cho các nhà đầu tư tin tưởng HDBank;
- Các vụ tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến hoạt động của ngành ngân hàng ngày càng phức tạp và phát sinh, cần lực lượng thiện chiến pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó, bộ phận chuyên trách công tác tham gia tố tụng sẽ được quy hoạch và bồi dưỡng, đảm bảo đủ khả năng tốt đại diện bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng theo quy định pháp luật;
- Tham gia tư vấn và thực hiện công việc pháp lý đối với các Dự án chiến lược của Ngân hàng, cho sự phát triển chung của hệ thống.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG VỀ CỔ PHIẾU HDBANK VÀ CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ 2018:

HDB là cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhiều nhất trong số các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam trong năm 2018, với tổng khối lượng 52,1 triệu cổ phiếu, trị giá hơn 2.330 tỷ đồng. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài do đó đã tăng từ 21,9% hồi đầu năm lên 27,2% vào cuối năm, cho thấy niềm tin mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài vào chiến lược phát triển và hiệu quả sinh lời của HDBank.

#1



Là tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt các cổ đông HDBank đã nhận trong năm 2018, tương ứng với số tiền 1.275 tỷ đồng. Đây là tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt cao nhất trong số các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam và tiếp nối chuỗi nhiều năm HDBank luôn thực hiện chia cổ tức cao và đều đặn cho cổ đông.

13%



Là vị trí xếp hạng theo mức vốn hóa bình quân hàng ngày trong năm 2018 của HDBank trên sàn HOSE, khẳng định vị thế trong Top các doanh nghiệp niêm yết lớn nhất và phát triển mạnh mẽ nhất tại Việt Nam.

19



Là số lượt quỹ đầu tư nước ngoài, các công ty chứng khoán, cơ quan phân tích và báo giới đã tiếp xúc và làm việc với HDBank tại các hội nghị, hội thảo trong năm 2018. Tổng cộng Ngân hàng đã tổ chức 2 roadshow, tham gia 12 hội nghị nhà đầu tư trong nước và quốc tế, thực hiện 70 cuộc họp với hơn 1.500 lượt nhà đầu tư, chuyên gia phân tích, chuyên gia môi giới và phóng viên báo chí.

424



Là tỷ lệ người tham dự đánh giá "Tốt" và "Rất tốt" về chất lượng các hội nghị, hội thảo HDBank tổ chức, trên thang điểm 4 cấp (Rất tốt, Tốt, Trung bình, Kém). Từ năm 2018, HDBank cùng đơn vị tư vấn đã tiến hành khảo sát ý kiến người tham dự tại tất cả hội nghị do HDBank tổ chức và xem đây là một trong những thước đo quan trọng về thành công của các sự kiện.

90%



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư (Investor Relations - IR) của HDBank năm 2018 đã có những bước phát triển mạnh mẽ, tích cực, được cổ đông, Hội đồng Quản trị, nhà đầu tư và các chuyên gia phân tích, chuyên gia môi giới chứng khoán đánh giá cao.

Công tác IR của HDBank được triển khai với yêu cầu xây dựng và phát triển mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp với cổ đông, nhà đầu tư để kịp thời truyền tải thông tin chính xác về HDBank, giúp Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nắm bắt kịp thời những ý kiến đóng góp, chia sẻ của nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích và cập nhật diễn biến trên thị trường. Đồng thời việc đảm bảo tuân thủ cao nhất các quy định của pháp luật và HDBank về công bố thông tin, bảo vệ quyền lợi và đối xử bình đẳng với các cổ đông luôn được lãnh đạo ngân hàng nhấn mạnh.

Để triển khai công việc nêu trên, Ban Quan hệ Nhà đầu tư (Ban IR) đã được thành lập theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 246A/2017/QĐ-HĐQT ngày 25/12/2017. Trong năm, Ban IR đã xây dựng những mục tiêu cụ thể, toàn diện gắn với chương trình hành động chi tiết, tham mưu và đề xuất những biện pháp phù hợp để nâng cao giá trị vốn hóa, sức mạnh của thương hiệu HDBank, xây dựng và phát triển các kênh thông tin, chính sách công bố thông tin hiệu quả, chặt chẽ. Nhờ vậy quan hệ của HDBank với các cổ đông, nhà đầu tư, cộng đồng chuyên gia phân tích, môi giới và các cơ quan quản lý ngày càng gắn kết chặt chẽ.

Cụ thể, trong năm 2018, HDBank tham gia tổ chức 2 roadshow tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh để giới thiệu về Ngân hàng tới thị trường trước khi chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 05/01/2018, thu hút 340 người tham dự, trong đó có đại diện 45 quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và nhà đầu tư tổ chức. Tiếp đó Ngân hàng đã tổ chức 4 hội nghị dành cho từng đối tượng khán giả riêng biệt, gồm các chuyên gia môi giới chứng khoán, nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức và các chuyên gia phân tích. Ngân hàng cũng tham dự 8 hội nghị đầu tư quốc tế để giới thiệu về câu chuyện thành công, chiến lược phát triển và sức hấp dẫn của HDBank – Ngân hàng Bán lẻ, SME hàng đầu Việt Nam. Các sự kiện này đã thu hút sự quan tâm, tham dự của khoảng 300 quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và cơ quan báo đài với hơn 1.100 lượt người tham dự. Tại mỗi sự kiện, công tác chuẩn bị luôn được thực hiện chu đáo, chuyên nghiệp, hiệu quả và tiết kiệm. Sau sự kiện, câu hỏi của cổ đông, nhà đầu tư cùng với các ý kiến đóng góp của người tham dự đều được phân tích, phản hồi hoặc tổng hợp rút kinh nghiệm cho những hội nghị tiếp theo.

Bên cạnh đó, liên tục trong năm, các cuộc tiếp xúc với nhà đầu tư đã được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như họp với các nhóm nhà đầu tư, họp riêng lẻ với từng đơn vị, họp qua điện thoại, tiếp xúc bên lề các sự kiện lớn mà lãnh đạo HDBank tham dự. Theo đó, đã có tổng cộng 70 cuộc họp được thực hiện với 115 quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, thu hút gần 400 lượt nhà đầu tư tham dự. Rất nhiều

nhà đầu tư quốc tế dù không hiện diện tại Việt Nam đã nhiều lần tham dự các sự kiện HDBank tổ chức hoặc có đại diện HDBank tham gia thuyết trình.

90% người tham dự các hội nghị nhà đầu tư do HDBank tổ chức năm 2018 đánh giá "Tốt" và "Rất tốt" về công tác tổ chức, chất lượng thông tin và khẳng định sẽ tham dự các hội nghị tiếp theo. Số lượng bài phân tích của các công ty chứng khoán về HDBank đã đạt hơn 40 bài viết với trên 70% báo cáo đánh giá tích cực hoặc khuyến nghị "Mua". Báo cáo thường niên của HDBank đạt nhiều giải thưởng quốc tế uy tín, trong đó có giải Bạch kim – Giải thưởng cao nhất trong cuộc thi Vision Award do Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Mỹ (LACP) tổ chức.

Không chỉ tích cực trong công tác tiếp xúc nhà đầu tư, HDBank còn xây dựng giao diện mới cho mục Nhà đầu tư trên website và thường xuyên cập nhật tài liệu, thông báo, báo cáo... tạo ra một kênh thông tin quan trọng để cập nhật chính xác, kịp thời tới các cơ quan quản lý, cổ đông, khách hàng, đối tác và báo chí. Định kỳ hàng tháng, HDBank xuất bản Bản tin Nhà đầu tư để cập nhật kịp thời những hoạt động nổi bật của Ngân hàng. Hàng quý, cùng với việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố báo cáo tài chính theo quy định, HDBank còn phát hành thông cáo báo chí, đăng tải tài liệu trình bày với những con số cụ thể, hình ảnh sinh động, thiết kế chuyên nghiệp.

Những nỗ lực trên cùng với hiệu quả hoạt động vượt trội, khả năng sinh lời mạnh mẽ của HDBank đã mang lại những kết quả rất tích cực. Sự tin tưởng của nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài đã không ngừng tăng cao, thể hiện ở cả số lượng và tỷ lệ sở hữu. Sức mạnh thương hiệu HDBank được khẳng định không chỉ ở trong nước mà đã vươn ra khu vực châu Á – Thái Bình Dương với giải thưởng Ngân hàng Quản lý tiền mặt tốt nhất. Trong năm 2018, dù thị trường chứng khoán và cổ phiếu ngành ngân hàng Việt Nam có nhiều biến động, nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua ròng hơn 52 triệu cổ phiếu HDB. Đặc biệt, trong số này có nhiều quỹ đầu tư danh tiếng, thuộc Top 20 quỹ đầu tư lớn nhất thế giới xét theo giá trị tài sản quản lý như JPMorgan (Mỹ, quản lý hơn 2000 tỷ USD), Amundi (Pháp, quản lý 1.709 tỷ USD), UBS (Thụy Sĩ, quản lý 1.254 tỷ USD), Wellington Management (Mỹ, quản lý hơn 1000 tỷ USD), quỹ đầu tư của chính phủ Singapore GIC, và các quỹ đầu tư, định chế tài chính uy tín tại khu vực châu Á.

Trong kỳ xét duyệt tháng 1/2019, cổ phiếu HDB đã được lựa chọn vào "rổ" VN30, tập hợp 30 cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất và thanh khoản tốt nhất thị trường.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2018 cùng kinh nghiệm đã được đúc rút trong thời gian qua, năm 2019 Ban IR sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong việc chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa mọi hoạt động. Mục tiêu đề ra đó là tiếp tục gia tăng giá trị vốn hóa của HDBank, tối ưu hóa giá trị mang lại cho cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

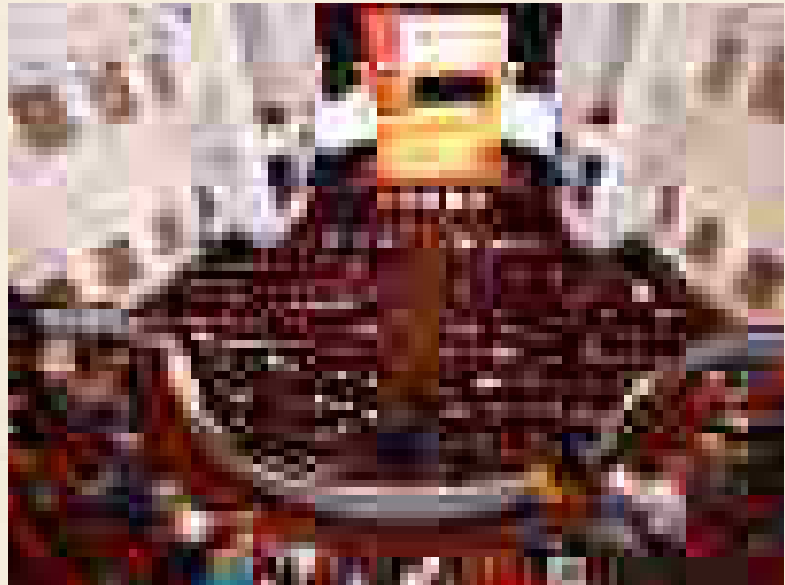
LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC QUA CÁC NĂM:

THỜI GIAN THỰC TẾ CHI TRẢ CỔ TỨC	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1. Tỷ lệ chi trả cổ tức / Vốn điều lệ	3,50%	5,00%	-	10,00%	7,00%	13,0%
2. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng / Vốn điều lệ			-	-	2,00%	-
Tổng cộng	3,50%	5,00%	0	10,00%	9,00%	13,0%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	-	Tiền mặt	Cổ phiếu	Tiền mặt

Nguồn: HDBank

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU HDBANK TRONG NĂM 2018

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
1	Bà Nguyễn Thùy Dung	Em gái Ông Nguyễn Thanh Phương (Phó Tổng Giám đốc)	0	0%	0	0%	Mua 12.500cp từ ngày 26/03/2018 đến ngày 11/04/2018 Bán 12.500cp ngày 11/04/2018
2	Ông Nguyễn Hữu Đặng (Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị)		26.149.536	2,67%	26.524.536	2,7038%	Mua 375.000cp từ ngày 19/11/2018 đến ngày 30/11/2018
3	Ông Trần Hoài Nam (Phó Tổng Giám đốc)		0	0	200.000	0,0204%	Mua 200.000cp từ ngày 20/11/2018 đến ngày 21/11/2018



THÔNG TIN VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ THÔNG TIN GIÁ CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN:

Tổng số 980.999.979 cổ phần phổ thông của HDBank (tương đương với vốn điều lệ của HDBank là 9.809.999.790.000 đồng) bao gồm:

Số lượng cổ phần lưu hành: 980.999.771 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 208 cổ phiếu

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 715.795.091 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 265.204.680 cổ phần

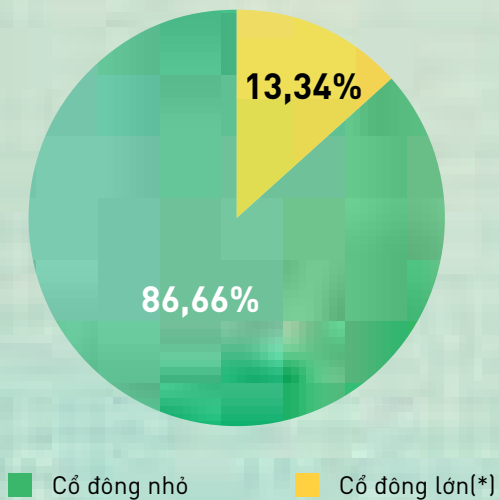
HDBank không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn - sở hữu trên 5% vốn cổ phần, cổ đông nhỏ):

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Cổ đông lớn(*)	1	130.899.221	13,34%
2	Cổ đông nhỏ	6.014	850.100.758	86,66%
Tổng cộng		6.015	980.999.979	100,0%

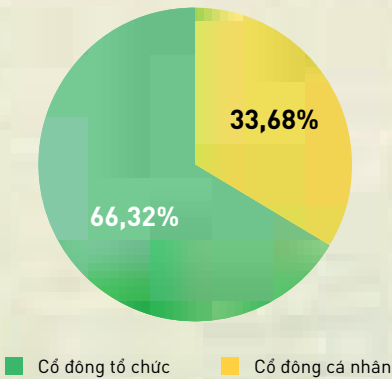
(*) HDBank chỉ có một cổ đông lớn sở hữu >5% cổ phần là Công ty cổ phần Sovico, hiện sở hữu 13,34% cổ phần của ngân hàng. Không có bất kỳ cổ đông nào khác sở hữu đến 5% cổ phần của Ngân hàng.



Theo tiêu chí cổ đông pháp nhân và thể nhân:

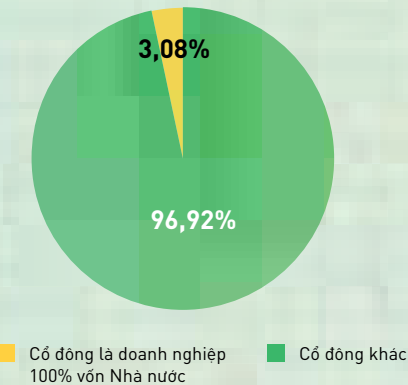
STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN (%)
I. Cổ đông trong nước		5.772	715.515.567	72,94%
1	Cổ đông cá nhân	5.707	329.313.471	33,57%
2	Cổ đông tổ chức (bao gồm 208 cổ phiếu quỹ)	65	386.202.096	39,37%
I. Cổ đông nước ngoài		243	265.484.412	27,06%
1	Cổ đông cá nhân	111	1.121.349	0,11%
2	Cổ đông tổ chức	132	264.363.063	26,95%
TỔNG CỘNG (I + II)		6.015	980.999.979	100,0%

(Nguồn: Danh sách cổ đông HDBank chốt tại ngày 28/12/2018 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam - VSD cung cấp)



Theo tiêu chí cổ đông Nhà nước và cổ đông khác

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	TỔNG SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Cổ đông là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước	5	30.167.431	3,08%
2	Cổ đông khác	6.010	950.999.548	96,92%
TỔNG CỘNG		6.015	980.999.979	100,0%



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

168

GIỚI THIỆU VỀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

172

CÁC NỘI DUNG VỀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hướng đến **bền vững** Chung tay dựng xây

Chấp cánh ước mơ cho các em học sinh nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước là động lực to lớn để hoạt động an sinh xã hội của HDBank được đẩy mạnh, vì những điều tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỚI THIỆU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là mối quan tâm toàn cầu và được khẳng định là hướng đi tất yếu để đảm bảo một tương lai tốt hơn và bền vững hơn cho toàn nhân loại. Tại Việt Nam, ngay từ năm 2012 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020. Tiếp sau đó ngày 25/9/2012, Chiến lược tăng trưởng xanh được Chính phủ ban hành cùng Kế hoạch hành động Quốc gia về tăng trưởng xanh.

Tại HDBank, kinh doanh phát triển bền vững gắn với thực thi trách nhiệm xã hội từ nhiều năm qua là định hướng xuyên suốt, được cụ thể hóa bằng những chính sách và chương trình hành động hiệu quả. Ngân hàng đã ban hành quy định về cấp tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường xã hội; áp dụng những khuyến nghị quốc tế về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; triển khai nhiều gói tín dụng xanh với quy mô hàng nghìn tỷ đồng nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn và năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, Ngân hàng còn đặc biệt chú trọng hỗ trợ những đối tượng dễ bị tổn thương, kém may mắn trong cộng đồng.

PHẠM VI, GIAI ĐOẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo phát triển bền vững được lập trong phạm vi hoạt động của HDBank trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm Ngân hàng mẹ có trụ sở chính tại Hồ Chí Minh, các công ty con và tất cả chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng và các công ty con, bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018. Các thông tin về việc làm, an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động thực tế tại HDBank; phản ánh kết quả hoạt động năm 2018; đồng thời đề cập đến định hướng và chiến lược của HDBank trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Việc công bố thông tin được xây dựng dựa trên Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, khuyến nghị của IFC và Thông tư số 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Người phụ trách công bố thông tin:	Ông Nguyễn Hữu Đặng – Tổng Giám đốc HDBank
Email:	vanphonglanhdao@hdbank.com.vn
Điện thoại:	(028) 62 915 916
Website:	www.hdbank.com.vn (mục Liên hệ - Hỗ trợ trực tuyến)
Địa chỉ:	Toà nhà HDBank, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HDBANK

Mô hình phát triển bền vững của HDBank được xây dựng nhằm mục tiêu tạo ra ảnh hưởng tích cực đến ba (03) nhóm đối tượng: Ngân hàng, các bên liên quan và xã hội.

Ảnh hưởng tích cực trong Ngân hàng:

- Tăng trưởng hoạt động kinh doanh bền vững;
- Xây dựng môi trường làm việc xanh, chuyên nghiệp, bình đẳng, mang lại nhiều giá trị lợi ích cho nhân viên;
- Tích cực đầu tư phát triển nguồn nhân lực;
- Quản trị rủi ro và giám sát tuân thủ theo các chuẩn mực tốt nhất của ngành tài chính, ngân hàng thế giới.
- Minh bạch thông tin.

Ảnh hưởng tích cực đến các bên liên quan:

- Cam kết đem lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan, gồm khách hàng, các đối tác, cổ đông và nhà đầu tư;
- Góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính, ngân hàng Việt Nam;
- Nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế;
- Thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương nói riêng và xã hội nói chung.

Ảnh hưởng tích cực trong xã hội:

- Nêu gương về thực thi các trách nhiệm tài chính với Nhà nước;
- Chung tay hành động và đóng góp vì cộng đồng;
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và góp phần thúc đẩy toàn xã hội nâng cao nhận thức về phát triển bền vững

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA HDBANK

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, HDBank thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa HDBank với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược cũng như định hướng phát triển bền vững.

Chương trình phát triển bền vững được áp dụng vào thực tiễn của công ty thông qua mô hình quản trị sau đây:

Hội đồng Quản trị:

- Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của công ty liên quan đến phát triển bền vững;
- Phê duyệt các mục tiêu và chương trình hành động.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành:

- Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các mục tiêu, chương trình hành động về phát triển bền vững của HDBank;
- Triển khai chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Ngân hàng;
- Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.

Các khối và bộ phận chức năng:

Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

Đề xuất các kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của kế hoạch phát triển bền vững.

Nhân viên:

Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững của HDBank.

GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan trọng yếu của HDBank bao gồm tất cả tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc có lợi ích từ hoạt động của Ngân hàng. Để đảm bảo tính hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, HDBank thường xuyên tương tác, gắn kết với các bên liên quan thông qua chuỗi hoạt động:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TƯƠNG TÁC	CHỦ ĐỀ TRAO ĐỔI
Khách hàng	<div><div>- Gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, email với đội ngũ cán bộ tư vấn, nhân viên quan hệ khách hàng;</div><div>- Trung tâm chăm sóc khách hàng;</div><div>- Các kênh truyền thông khác;</div><div>- Các buổi hội thảo và hội nghị;</div><div>- Hộp thư góp ý tại các điểm giao dịch.</div></div>	<div><div>- Nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng;</div><div>- Chất lượng dịch vụ tài chính ngân hàng HDBank cung cấp;</div><div>- Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;</div><div>- Các phản hồi, góp ý khác.</div></div>
Cổ đông/ Nhà đầu tư	<div><div>- Đại hội đồng cổ đông thường niên;</div><div>- Trao đổi qua điện thoại, email;</div><div>- Gặp gỡ trực tiếp tại hội nghị, hội thảo;</div><div>- Bản tin nhà đầu tư;</div><div>- Website HDBank.</div></div>	<div><div>Thông tin đã được công bố bao gồm:</div><div>- Báo cáo tài chính;</div><div>- Báo cáo thường niên;</div><div>- Cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý;</div><div>- Định hướng, chiến lược phát triển;</div><div>- Các thông tin công bố theo quy định của UBCK.</div></div>
Người lao động	<div><div>Kênh truyền thông nội bộ:</div><div>- Mạng nội bộ;</div><div>- Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên;</div><div>- Điện thoại và email;</div><div>- Các chương trình đào tạo;</div><div>- Các hoạt động giao lưu nội bộ như thể thao, văn nghệ.</div></div>	<div><div>- Các chế độ, chính sách về lương, thưởng, phúc lợi công ty đang áp dụng;</div><div>- Lộ trình thăng tiến;</div><div>- Hiệu quả công việc;</div><div>- Môi trường làm việc ;</div><div>- Đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp.</div></div>

CÁC BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TƯƠNG TÁC	CHỦ ĐỀ TRAO ĐỔI
Cơ quan quản lý	<div><div>- Các cuộc họp, làm việc song phương, đa phương;</div><div>- Tham gia các hội nghị, hội thảo do Bộ ban ngành tổ chức;</div><div>- Báo cáo xin ý kiến, hướng dẫn thực hiện;</div><div>- Các kênh truyền thông khác (website, email, điện thoại).</div></div>	<div><div>- Tình hình tài chính được công bố trong Báo cáo thường niên, Báo cáo hàng tháng/ hàng quý theo quy định;</div><div>- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;</div><div>- Những khó khăn Ngân hàng gặp phải trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của pháp luật.</div></div>
Truyền thông/ Báo chí	<div><div>- Họp báo và phỏng vấn;</div><div>- Diễn đàn và hội thảo do Báo chí tổ chức;</div><div>- Các kênh truyền thông khác: Điện thoại và email; Thông cáo báo chí.</div></div>	<div><div>- Công bố minh bạch kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm, cập nhật thông tin về chiến lược;</div><div>- Công bố thông tin khi có sự kiện quan trọng.</div></div>
Đối tác, nhà cung cấp	<div><div>- Đối thoại, gặp gỡ;</div><div>- Điện thoại, email.</div></div>	<div><div>- Chất lượng dịch vụ;</div><div>- Các yếu tố về môi trường sản xuất, an toàn trong sức khỏe người lao động.</div></div>
Cộng đồng	<div><div>- Gặp gỡ, đối thoại trực tiếp;</div><div>- Phối hợp chính quyền địa phương;</div><div>- Báo chí.</div></div>	<div><div>- Các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng;</div><div>- Các sự kiện từ thiện và quyên góp;</div><div>- Các hoạt động vì môi trường và phát triển địa phương.</div></div>

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

HDBank hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính nên hầu hết các hoạt động chỉ sử dụng năng lượng ở mức cơ bản, không tác động nguy hại tới môi trường. Dù vậy, với mục tiêu trở thành ngân hàng xanh trong mọi hoạt động, ngân hàng đã triển khai nhiều biện pháp cụ thể để giảm thiểu tác động tới môi trường.

GIẢM THIỂU KHÍ THẢI

Đối với phương tiện vận chuyển

- Ngân hàng trang bị những phương tiện vận chuyển đời mới, đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải Euro 4 theo quy định của Nhà nước;
- Ban hành quy định số 2885/2017/QĐ-TGĐ về định mức tiêu hao nhiên liệu áp dụng cho tất cả phương tiện vận chuyển trên toàn hệ thống HDBank. Mức tiêu thụ nhiên liệu của phương tiện vận chuyển luôn được theo dõi, báo cáo hàng tháng;
- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu;
- Đội ngũ nhân viên lái xe được đào tạo, liên tục nhắc nhở về công tác đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả khai thác phương tiện vận chuyển, tiết kiệm nhiên liệu;
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được kiểm tra an toàn, vệ sinh sạch sẽ, tuân thủ quy định đăng kiểm lưu thông;
- Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thực hiện rà soát và đánh giá phương tiện vận chuyển trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ có mức tiêu hao nhiên liệu, phát thải không đạt chuẩn.

Đối với khí thải từ máy phát điện

- Ngân hàng trang bị các máy phát điện hiện đại, tiết kiệm nhiên liệu và đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về khí thải và tiếng ồn. Thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy phát điện theo đúng khuyến nghị của nhà sản xuất để đảm bảo hiệu quả sử dụng và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh;
- Máy phát điện thường chỉ được sử dụng trong những trường hợp đột xuất khi phát sinh sự cố điện, mất điện. Tại vị trí lắp đặt máy phát điện, Ngân hàng thiết kế lắp đặt ống khói cao để tránh tích tụ khí thải, tăng cường khuếch tán khí, tránh ô nhiễm cục bộ. Như vậy, lượng khí thải phát sinh do máy phát điện thực tế không đáng kể và rất ít ảnh hưởng đến môi trường.

Đối với khí thải phát sinh từ hệ thống thiết bị điều hòa không khí

- Ngân hàng luôn chọn trang bị những thiết bị điều hòa không khí hiện đại, thân thiện với môi trường. Công tác bảo dưỡng được thực hiện đúng lịch trình và kỹ thuật của nhà cung cấp, đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng;
- Điều hòa nhiệt độ luôn được thiết lập ở mức nhiệt độ phù hợp nhất (26-28 độ C), đảm bảo hiệu năng cao. Ngay sau giờ làm việc hàng ngày, điều hòa được tắt đi nhằm tiết kiệm điện và hạn chế phát thải. Bên cạnh đó, hệ thống lạnh trung tâm được phân chia làm nhiều khu vực để dễ dàng điều tiết, sử dụng và tiết kiệm điện tối đa. Các đơn vị cũng thường xuyên được nhắc nhở thực hành tiết kiệm điện khi sử dụng quạt và điều hòa không khí;
- Ngân hàng luôn thay thế kịp thời thiết bị khi cũ, hư hỏng hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng tới môi trường.

TIẾT KIỆM NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

Trong đầu tư phát triển các văn phòng, chi nhánh và điểm giao dịch, cũng như trong hoạt động hàng ngày, Ngân hàng luôn ưu tiên trang bị các thiết bị tiết kiệm nước. Tại mỗi vị trí lắp thiết bị, hướng dẫn sử dụng với màu sắc nổi bật thường được gắn kèm cùng lời nhắc nhở người dùng thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí vì một môi trường xanh chung. Mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ hàng tháng. Đối với nước thải, ngân hàng luôn đầu tư hệ thống thu gom hoàn chỉnh, đồng bộ và kết nối với hệ thống nước thải của khu vực xung quanh, đảm bảo nước thải không làm ảnh hưởng tới môi trường và dân cư trong khu vực.

TIẾNG ỒN VÀ ĐỘ RUNG

Không phát sinh

CHẤT THẢI

Chất thải rắn không nguy hại

Nguồn phát sinh chất thải rắn không nguy hại gồm rác thải sinh hoạt và rác thải tái chế (phế liệu) bao gồm rác thải tái chế các loại bao bì carton, thùng giấy, giấy văn phòng....Chất thải rắn được phân loại, thu gom tại từng tầng và có nhân viên vệ sinh xử lý theo quy định. Ngân hàng cũng thường xuyên nhắc nhở mọi cán bộ nhân viên tái sử dụng bình mực máy in/photocopy bằng cách bơm mực thêm thay vì thay mới để hạn chế phát thải bình mực ra môi trường. Đèn điện hư hỏng được thay thế, các vật dụng văn phòng như bàn, ghế, tủ, bàn phím chuột máy tính, bảng hiệu, biển quảng cáo cũ...khi hư hỏng, không còn sử dụng sẽ được phân loại riêng và xử lý đúng quy trình.

Chất thải nguy hại

Không phát sinh.



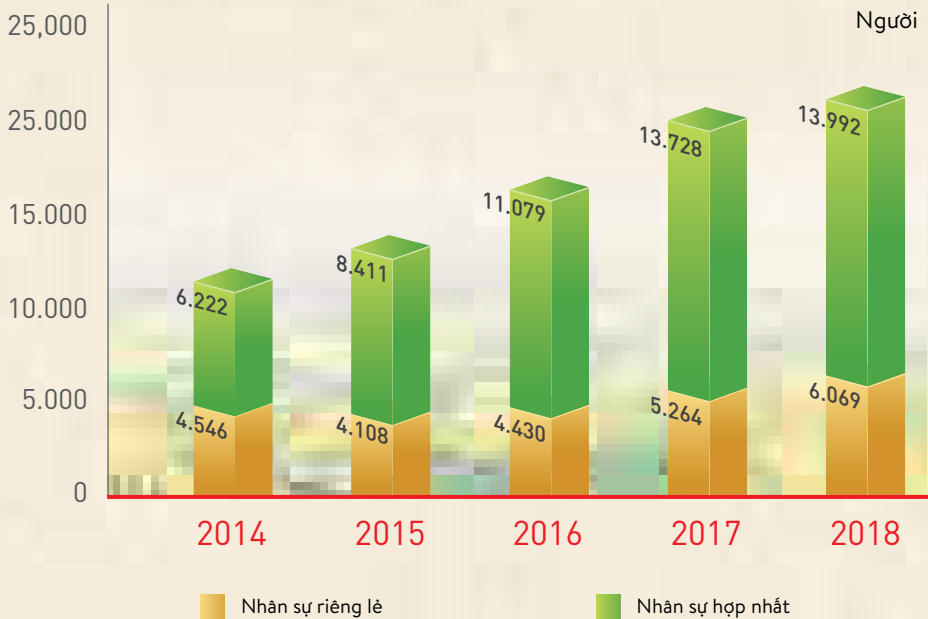
TIÊU CHUẨN VỀ XÃ HỘI

VIỆC LÀM

HDBank luôn tạo sự bình đẳng giữa mọi người lao động trong cơ hội được tuyển dụng, mức thu nhập, cơ hội được đào tạo và lộ trình nghề nghiệp.

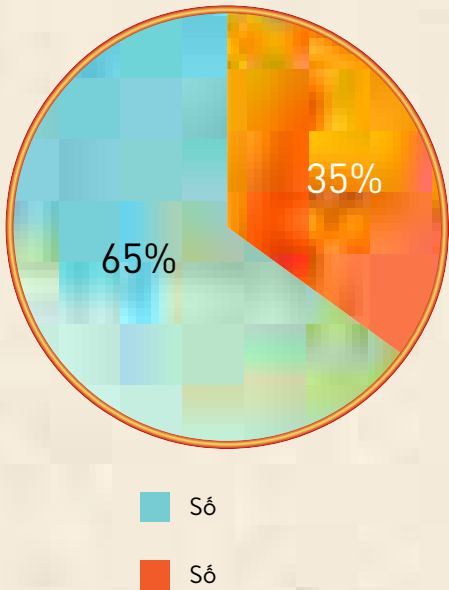
Tổng số cán bộ, nhân viên của HDBank đến 31/12/2018 là 13.992 người, trong đó nhân sự của riêng ngân hàng mẹ là 6.052 người.

LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM

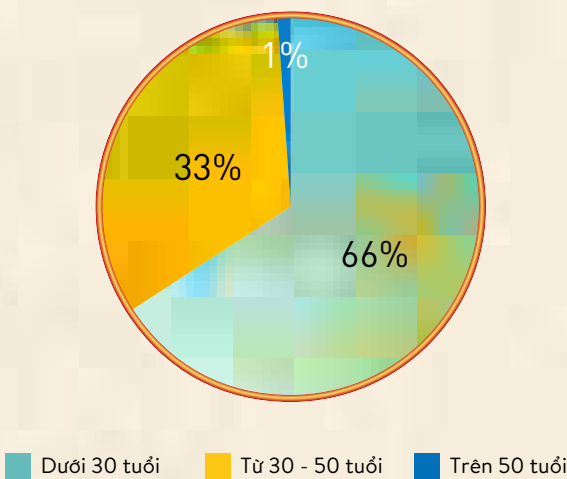


CƠ CẤU NHÂN SỰ

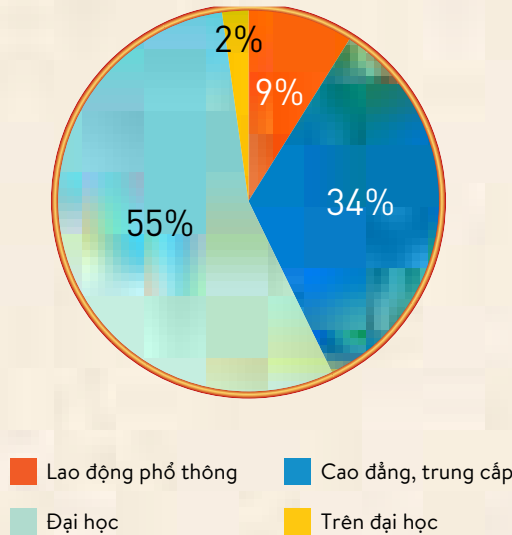
PHÂN CHIA THEO GIỚI



PHÂN CHIA THEO ĐỘ TUỔI



PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định người lao động là tài sản quý giá nhất, HDBank luôn quan tâm và mang đến cho các cán bộ công nhân viên chế độ phúc lợi cạnh tranh, phù hợp quy định của pháp luật và giúp người lao động yên tâm gắn bó và cống hiến cho Ngân hàng. Cụ thể, các bộ cấp quản lý được mua bảo hiểm sức khỏe và người lao động được mua bảo hiểm tai nạn 24/24, với mức bồi thường tối đa 30 tháng lương.

Người lao động nghỉ thai sản được hưởng trợ cấp tương đương 1,5 tháng lương. Trong năm 2018, HDBank có 278 cán bộ nhân viên đi làm lại sau nghỉ thai sản và 100% được tuyển dụng trở lại. Đối với người lao động nghỉ hưu được nhận 01 tháng lương trước tháng nghỉ hưu. Ngân hàng cũng chi trả tiền nghỉ mát, thưởng thâm niên, thưởng Tết, trợ cấp khó khăn cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn...Những lao động đủ điều kiện có nhu cầu vay vốn cải thiện chất lượng cuộc sống sẽ được Ngân hàng xem xét hỗ trợ.

MỐI QUAN HỆ GIỮA LÃNH ĐẠO VỚI LAO ĐỘNG

Ban lãnh đạo HDBank luôn thực hiện việc tham vấn ý kiến người lao động trước khi đưa ra một quyết định cụ thể. Các quy trình, quy định, chính sách về nghiệp vụ được xây dựng và lấy ý kiến thông qua email, cuộc họp trực tiếp, họp với các bên liên quan, các cấp có thẩm quyền trước khi ban hành. Đối với những việc liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động như cho nghỉ việc, kỷ luật, sa thải, thay đổi nơi làm việc... người lao động luôn được thông báo, đối thoại trước khi có quyết định chính thức. Thời hạn báo trước hay đối thoại được quy định cụ thể trong các văn bản như Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động, Quy trình xử lý kỷ luật, Quy trình nghỉ việc.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tại HDBank trong những năm qua không xảy ra trường hợp nào tử vong, có thương tích hay bệnh nghề nghiệp liên quan đến công việc.

Hàng năm, người lao động đều được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được tham gia các khóa đào tạo về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với các mối đe dọa an ninh, phòng chống bão lụt. Đối với các công việc liên quan đến vận hành máy móc, làm việc nặng nhọc... người lao động đều được tập huấn, đào tạo trước khi sử dụng, làm việc.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Năm 2018 HDBank đã tổ chức 210.100 giờ đào tạo cho 23.588 lượt nhân viên. Số giờ đào tạo trung bình/nhân viên đạt 8,9 giờ. Tổng số khóa/lớp đào tạo đã tổ chức (không gồm các khóa học trực tuyến) là 714 khóa/lớp học. Trong đó có 479 khóa học hội nhập và 235 khóa học nâng cao nghiệp vụ. Ngoài ra Ngân hàng còn tổ chức các khóa học nâng cao tiếng Anh cho cấp quản lý, các khóa học về kỹ năng mềm, khóa học về cân bằng công việc và cuộc sống (Mind Education).

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, LƯƠNG VÀ LỘ TRÌNH NGHỀ NGHIỆP

Chính sách tuyển dụng

HDBank xây dựng chính sách tuyển dụng trên nguyên tắc minh bạch, chuyên nghiệp và công bằng. Cụ thể:

- Minh bạch mọi bước trong quy trình tuyển dụng, rõ ràng trong mọi chính sách chế độ dành cho ứng viên;
- Chuyên nghiệp: Quá trình tuyển dụng nhanh gọn, thuận tiện cho mọi ứng viên trên cả nước;
- Công bằng: Cam kết mọi ứng viên đều được đối xử bình đẳng, công bằng trong suốt quá trình tuyển dụng, từ khâu tham gia phỏng vấn trực tiếp đến thi nghiệp vụ.

Chính sách lương và phụ cấp

HDBank trả lương cho người lao động theo quy chế tiền lương rõ ràng, minh bạch và thang bảng lương cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, cạnh tranh trên thị trường và gắn với mục tiêu kinh doanh. Thang bảng lương tại HDBank chia theo điểm bậc và tính theo vị trí công việc, kết quả hoàn thành, hoàn toàn không có yếu tố vùng miền, giới tính, hay bất kỳ yếu tố phân biệt đối xử nào khác.

Ngân hàng luôn quan tâm đến việc xem xét nâng bậc, trả lương đúng, đủ, trong đó đặc biệt chú trọng đến tính cạnh tranh về lương trên thị trường, nhằm phát triển và giữ chân nhân tài. Người lao động được đảm bảo thu nhập ổn định và đủ tính khuyến khích mọi cá nhân gia tăng năng suất và hiệu quả hoàn thành công việc.

Lộ trình phát triển nghề nghiệp

HDBank đã xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng vị trí chức danh để tạo cơ hội cho tất cả các nhân viên tiềm năng trở thành những nhà lãnh đạo ngân hàng trong tương lai.

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

HDBank tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm người lao động dựa trên các tiêu chí rõ ràng về trình độ chuyên môn, năng lực, kết quả công việc, tuyệt đối không có trường hợp nào phát sinh trên cơ sở phân biệt tôn giáo, quốc tịch, màu da, giới tính...

TỰ DO THÀNH LẬP HỘI, QUYỀN THAM GIA CÔNG ĐOÀN VÀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ

100% người lao động tại HDBank tham gia vào tổ chức công đoàn các cấp: Tổ chức công đoàn cơ sở, tổ chức công đoàn doanh nghiệp. HDBank và người lao động đã tiến hành thương lượng, ký kết và thực hiện Thỏa ước lao động tập thể.

Ngoài Thỏa ước lao động tập thể, các văn bản khác liên quan đến quyền của người lao động như Nội quy lao động, quy chế Dân chủ cơ sở cũng được lấy ý kiến rộng rãi thông qua các tổ chức công đoàn hoặc lấy ý kiến trực tiếp của người lao động.

KHÔNG SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM

HDBank không sử dụng lao động trẻ em trong tổ chức của mình. Người lao động làm việc tại HDBank phải ít nhất từ đủ 18 tuổi trở lên.

Người lao động có độ tuổi trẻ nhất tại HDBank là 22 tuổi (sinh năm 1997).

CHỐNG LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC VÀ ÉP BUỘC

HDBank tuân thủ nghiêm túc Luật lao động và các quy định liên quan về quyền và nghĩa vụ của người lao động. Theo đó, người lao động làm việc tại HDBank 100% được ký Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, trong đó có nêu rõ nơi làm việc, chế độ lương, thưởng, ngày nghỉ, công việc được giao và các quyền và lợi ích hợp pháp khác. Khi có thay đổi về điều kiện làm việc so với Hợp đồng lao động đã ký, hay phát sinh nhu cầu cần làm thêm giờ người lao động luôn được hỏi ý kiến rõ ràng, cụ thể. Mọi quyết định liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động chỉ được đưa ra sau khi có sự thỏa thuận, thương lượng với người lao động.

THÔNG LỆ MUA SẮM

Việc lồng ghép vấn đề phát triển bền vững trong các quyết định mua sắm hàng hóa và sử dụng dịch vụ thuê ngoài giúp HDBank bám sát mục tiêu phát triển bền vững hơn. Tại HDBank, việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng không chỉ quan trọng với HDBank mà còn với nhà đầu tư và khách hàng của Ngân hàng.

Toàn bộ hoạt động mua sắm của HDBank được thực hiện tập trung để đảm bảo tính đồng bộ, sử dụng chung cho toàn hệ thống hoặc khu vực và đạt được quy mô mua sắm lớn, tiết kiệm chi phí. Tất cả các loại hàng hóa mua sắm thường xuyên phải được quy định chuẩn hàng hóa trong từng thời kỳ, phải được tổng hợp nhu cầu mua sắm vào cuối năm và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp chính vào đầu mỗi năm tài chính. Việc mua sắm phải đảm bảo hiệu quả hợp lý và tiết kiệm, hạn chế mua sắm các sản phẩm quá đặc thù, các sản phẩm có công nghệ cũ không thân thiện với môi trường, không tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu.

Ngay từ khi lựa chọn danh sách các nhà cung cấp để gửi hồ sơ chào giá, HDBank thẩm định và chỉ lựa chọn các nhà cung cấp chiến lược đáp ứng năng lực về vốn, kinh nghiệm triển khai, khách hàng đã cung cấp. Ngân hàng cũng có thể khảo sát quy mô nhà xưởng, đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ, thời gian đáp ứng, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của luật pháp, và ưu tiên lựa chọn những nhà cung cấp có ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và có uy tín trong kinh doanh.

Trong mua sắm hàng hóa, dịch vụ cho toàn hệ thống, HDBank một mặt chú trọng việc đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời luôn hướng đến các nhà cung cấp nội địa.

	SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG	TỶ LỆ (%)	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VNĐ)	TỶ LỆ (%)
Nhà cung cấp bản địa	97	98,0%	403.166.552.192	99,0%
Nhà cung cấp nước ngoài	2	2,0%	2.401.938.000	1,0%
Tổng	99	100%	405.568.490.192	100%

CHÍNH SÁCH CHỐNG THAM NHŨNG

HDBank đã và đang thực hiện đúng tinh thần Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hiệp quốc về chống tham nhũng. Ngân hàng thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng tới toàn thể người lao động.

Đồng thời, HDBank đã ban hành quy định cụ thể về phòng chống tham nhũng, với các nội dung cụ thể về các hành vi bị cấm, chế tài xử lý người vi phạm, kênh tố cáo tham nhũng và biện pháp bảo vệ người tố cáo. Bên cạnh đó Ngân hàng đã xây dựng Nội quy lao động và quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên, thường xuyên kiểm tra, khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng, kịp thời phát hiện những trường hợp ứng xử chưa phù hợp để chấn chỉnh.

QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA

HDBank áp dụng chính sách nhân sự ưu tiên người lao động tại địa phương từ khâu tuyển dụng, điều động đến bổ nhiệm. Trong các năm qua không phát sinh sự việc nào liên quan đến việc vi phạm quyền của người bản địa/địa phương.

QUYỀN CON NGƯỜI

HDBank luôn quan tâm và đề cao về quyền con người của NLĐ trong tổ chức. Cụ thể: Tôn trọng quyền tự do tôn giáo, không phân biệt đối xử giữa các tôn giáo với nhau. Tại HDBank, cán bộ nhân viên theo nhiều tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo... HDBank cũng xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử, quy chế dân chủ cơ sở, quy định về chống quấy rối nơi công sở, quy định về bảo vệ quyền của phụ nữ... nhằm đảm bảo người lao động được bảo vệ và hưởng các quyền về tự do ngôn luận, quyền dân chủ, quyền bình đẳng theo đúng quy định của pháp luật.

BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Công tác bảo mật thông tin khách hàng được HDBank đặc biệt chú trọng, do đây vừa là một trách nhiệm pháp lý giữa ngân hàng và khách hàng, vừa là nền tảng cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của mọi ngân hàng. Thêm vào đó, thông tin của khách hàng cũng chính là tài sản của ngân hàng nên công tác bảo mật luôn được HDBank thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ.

Ngân hàng đã ban hành và phổ biến nhiều quy định, hướng dẫn chi tiết về bảo mật thông tin khách hàng, áp dụng tại tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống. Các quy định, hướng dẫn này thường xuyên được rà soát, cập nhật và truyền thông đến người lao động thông qua mạng nội bộ, email gửi trực tiếp đến từng người lao động và các khóa đào tạo nghiệp vụ định kỳ. Việc giám sát tuân thủ được thực hiện thường xuyên, liên tục. Nhờ vậy trong nhiều năm qua, HDBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, không phát sinh các vụ việc rò rỉ thông tin hoặc các trường hợp khiếu kiện từ khách hàng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2018 HDBank đã được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì vì những thành tích đóng góp cho nền kinh tế và cộng đồng xã hội. Trong năm Ngân hàng tiếp tục để lại dấu ấn về tinh thần nhân văn với nhiều hoạt động thiện nguyện ý nghĩa trên khắp cả nước.

HỖ TRỢ NÂNG CAO SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Từ năm 2012 đến nay, phối hợp với Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chương trình trao tặng gần 21.000 tấm thẻ Bảo hiểm y tế do HDBank tài trợ chi phí đến tay những người cận nghèo trên khắp cả nước. Riêng năm 2018, HDBank trao gần 3.000 thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo. Song song đó, tham gia hành trình “Đem lại ánh sáng cho người mù nghèo” do Hội Bảo trợ Bệnh Nhân nghèo tổ chức, đến nay HDBank đã tài trợ chi phí cho hơn 500.000 người nghèo bị đục thủy tinh thể được điều trị, phẫu thuật và tìm lại ánh sáng. Chỉ trong năm 2018, HDBank đã phối hợp tổ chức 1.500 ca phẫu thuật mắt cho bà con, với kinh phí 1,7 tỷ đồng.

Mỗi cán bộ nhân viên HDBank ý thức rằng họ không đơn thuần là một thành viên của ngân hàng mà còn là một phần của cộng đồng. Họ không chỉ đóng góp vào sự phát triển của định chế tài chính HDBank, kiến tạo giá trị và gia tăng lợi ích cho khách hàng, các cổ đông và tất cả những bên hữu quan mà còn phải đồng hành với sự phát triển của cộng đồng, để trong tiến trình phát triển sẽ không ai bị bỏ lại phía sau.

HDBANK TRAO CƠ HỘI HỌC TẬP, LAN TỎA YÊU THƯƠNG, CÔNG BẰNG TRONG XÃ HỘI

Giáo dục và đào tạo là nền tảng cho sự phát triển thịnh vượng của mỗi cá nhân và cả dân tộc. Hiểu được điều này, nhiều năm qua, HDBank luôn nỗ lực hỗ trợ, tiếp thêm sức mạnh cho hàng nghìn em học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để các em vững bước đến trường, trau dồi tri thức. Trong năm 2018, Ban lãnh đạo và nhân viên HDBank đã tiếp tục có thêm nhiều chuyến công tác, tặng quà ý nghĩa tại nhiều địa phương trên cả nước như: Thăm Trung tâm Bảo trợ trẻ em khuyết tật Thị Nghè (Thành phố Hồ Chí Minh), làng trẻ em SOS Nha Trang, Trung tâm Bảo trợ dạy nghề tạo việc làm cho người tàn tật TP. Hồ Chí Minh và nhiều địa điểm khác. Bên cạnh đó, HDBank phối hợp cùng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam trao tặng 1.000 suất học bổng cho các em học sinh nghèo khu vực miền núi trên cả nước. Ngoài ra, Công đoàn, Đoàn Thanh niên HDBank cũng tổ chức nhiều chuyến thăm hỏi, tặng quà tại các trường học thuộc vùng khó khăn tại các tỉnh Bình Phước, Bến Tre, Lâm Đồng, và tặng học bổng cho sinh viên xuất sắc trường Đại học Hòa Bình (Hà Nội).

TÍN DỤNG XANH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NGƯỜI NÔNG DÂN

Năm 2018, HDBank đã tài trợ kinh phí để xây dựng 21 căn nhà tình thương trên cả nước với số tiền 850 triệu đồng. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng tài trợ kinh phí xây dựng 5 cây cầu cho người dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An, trị giá 1,9 tỷ đồng. Song song hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông, HDBank còn trao tặng 50 con bò giống cho các hộ nông dân nghèo tại đây để giúp họ cải thiện sinh kế và sớm thoát nghèo.

Không chỉ dừng lại ở hoạt động hỗ trợ người dân nông thôn, năm qua HDBank còn đặc biệt đẩy mạnh việc triển khai chương trình tín dụng xanh, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với gói tín dụng 10.000 tỷ đồng. Đây chính là một trong những hành động cụ thể, minh chứng cho cam kết của ngân hàng trong việc đồng hành phát triển cùng cộng đồng xã hội.

ĐẦU TƯ CHO THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM

Trong định hướng phát triển bền vững của HDBank, so với các định chế tài chính trên thị trường hay các Tập đoàn kinh tế, HDBank hiện được xem như ngân hàng Xanh duy nhất đang chung tay vì một Việt Nam tỏa sáng, với những chương trình gắn liền thương hiệu ngân hàng.

Năm 2018, HDBank tiếp tục đồng hành cùng Giải cờ vua Quốc tế thường niên do Liên đoàn cờ vua Việt Nam tổ chức. Sau 8 năm tổ chức, giải đã giới thiệu ra thế giới những đại diện xuất sắc cho trí tuệ Việt Nam như siêu đại kiện tướng Lê Quang Liêm, các kiện tướng Đào Thiện Hải, Phạm Lê Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Mai Hưng...Với đội hình xuất sắc, trưởng thành từ cái nôi là Giải Cờ vua Quốc tế HDBank, tại Olympiad Cờ vua Thế giới 2018, đội tuyển Cờ vua Việt Nam đã thi đấu xuất sắc. Lần đầu tiên, kể từ 2012, đội tuyển lọt Top 10 của giải đấu uy tín này. Đội tuyển nam, đạt hạng 7. Đội tuyển nữ đạt hạng 15. Đại kiện tướng Nguyễn Ngọc Trường Sơn xuất sắc đạt Huy chương Vàng bàn số 2.

Ngoài cờ vua, từ năm 2017 HDBank cũng hỗ trợ phát triển bộ môn bóng đá Futsal với vai trò là nhà tài trợ kim cương cho 3 giải đấu gồm HDBank Futsal - Vô địch Quốc gia, HDBank Futsal - Cúp Quốc gia và Giải Futsal Đông Nam Á. Những giải đấu lớn này đã, đang và sẽ tiếp tục góp phần khuyến khích phong trào chơi thể thao, nâng cao thể chất và chấp cánh cho trí tuệ Việt Nam tỏa sáng trên đấu trường quốc tế.

HDBANK ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

Trong định hướng, tầm nhìn phát triển bền vững, HDBank đặt mục tiêu trở thành ngân hàng hàng đầu tài chính tiêu dùng, bán lẻ và SME.

Với nguồn lực tài chính vững mạnh, và uy tín không ngừng nâng cao, HDBank tiếp tục được chọn là đối tác của cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Ngân hàng đã có 9 năm giải ngân vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp SME với quy mô tín dụng và số lượng doanh nghiệp được hưởng lợi ngày một tăng.

NĂM	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng khách hàng tham gia lũy kế (người)	21	52	141	307	327	386	443
Doanh số giải ngân lũy kế (tỷ đồng)	34	73	167	390	558	631	839

Bên cạnh đó, với thông điệp ngân hàng Xanh đi vào vận hành trong thực tiễn, HDBank ưu tiên và hỗ trợ tối đa cho các đối tác, khách hàng tuân thủ các tiêu chí phát triển bền vững – phát triển xanh. Việc đẩy mạnh tài trợ các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch quy mô lớn, đã được HDBank triển khai trong 2018. Ngoài ra, rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội như lao động trẻ em, biến đổi khí hậu... cũng là một trong những yếu tố quan trọng để HDBank xét đến khi cân nhắc các khoản cho vay, tài trợ dự án của mình, qua đó góp phần nâng cao nhận thức của các chủ thể trong nền kinh tế về các vấn đề môi trường, xã hội.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CHƯƠNG TRÌNH “TIỀN KHÉO, TIỀN KHÔN”

HDBank là ngân hàng đi đầu trong việc hưởng ứng chủ trương của Chính phủ và ngân hàng Nhà nước trong việc thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt. Nhiều năm liền, HDBank là nhà đồng tài trợ cho chương trình trò chơi truyền hình “Tiền khéo, tiền khôn” trên kênh VTV3. Thông qua việc phổ biến kiến thức về những tiện ích, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, HDBank và đơn vị sản xuất chương trình đã góp phần nâng cao ý thức và thay đổi hành vi của người dân, giúp phòng ngừa rủi ro, sử dụng đồng tiền hiệu quả nhất với phương pháp thanh toán tối ưu nhất. “Tiền khéo, tiền khôn” đã trở thành chương trình truyền hình quen thuộc, được nhiều khán giả đón xem.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

182

THÔNG TIN CHUNG

184

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG
GIÁM ĐỐC

185

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
ĐỘC LẬP

186

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
HỢP NHẤT

189

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
HỢP NHẤT

190

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ HỢP NHẤT

192

THUYẾT MINH BÁO CÁO
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Sẻ chia **thành quả**
Tiếp thêm năng lượng

Với con đường dài tới mục tiêu xuyên suốt “Ngân hàng Xanh”, HDBank cam kết giữ vững những nỗ lực không ngừng cho môi trường, cộng đồng và xã hội.

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 2 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà HD Tower, số 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một (1) văn phòng đại diện khu vực miền Bắc, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm hai mươi mốt (221) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Đăng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lim Peng Khoon	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lý Vinh Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đào Duy Tường	Trưởng ban	Ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	Ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên	Ngày 21 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Đăng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2019 (*)
Ông Phạm Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2013
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 1 năm 2018
Ông Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2019
Ông Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2018
Ông Phạm Thiện Long	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2018

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2009
Bà Hồ Đăng Hoàng Quyền	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2011

(*) Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí ngày 1 tháng 1 năm 2019 và bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2019.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hữu Đăng, chức danh Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Quốc Thanh được Ông Nguyễn Hữu Đăng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 313/2019/QĐ-TGD ngày 28 tháng 2 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng và các công ty con.

SỰ KIỆN TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng đã thông qua giao dịch sáp nhập Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (“PGBank”) vào Ngân hàng và các tài liệu, nội dung có liên quan như Đề án sáp nhập PGBank vào Ngân hàng, Phương án phát hành cổ phiếu Ngân hàng với mục đích hoán đổi cổ phiếu của PGBank, Hợp đồng sáp nhập giữa PGBank và Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng sau khi giao dịch sáp nhập được thực hiện thành công.

Đại hội đồng Cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục, ký kết Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập và các văn bản có liên quan, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến quá trình sáp nhập PGBank vào Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “Ngân hàng”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 60752693/20426123-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và các công ty con (sau đây gọi chung là “Ngân hàng”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 81, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

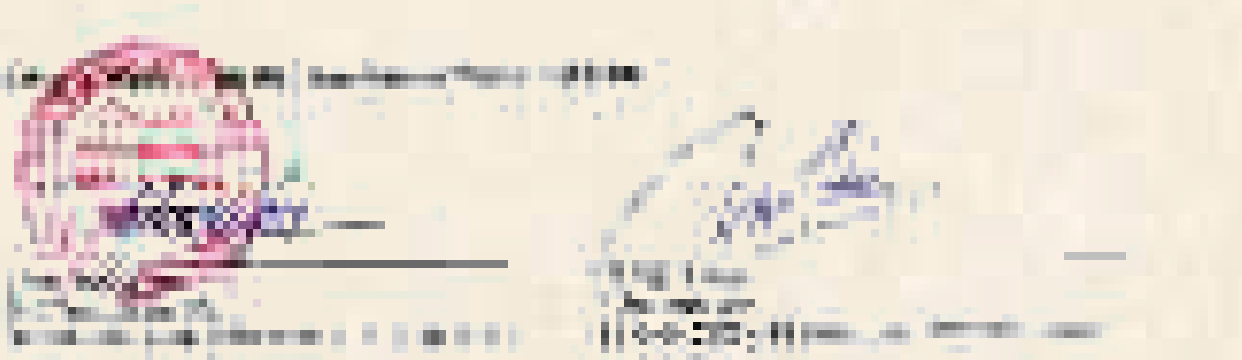
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng	6	2.096.395	1.511.629
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	5.385.604	1.922.256
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		32.425.544	21.861.168
Tiền gửi tại các TCTD khác	8.1	30.695.162	19.650.607
Cho vay các TCTD khác	8.2	1.730.382	2.210.561
Chứng khoán kinh doanh	9	2.596.626	4.690.398
Chứng khoán kinh doanh		2.603.376	4.693.398
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(6.750)	(3.000)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	208.294	-
Cho vay khách hàng		121.791.723	103.336.329
Cho vay khách hàng	11	123.131.648	104.497.028
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13.1	(1.339.925)	(1.160.699)
Hoạt động mua nợ	12	-	3.875
Mua nợ		-	7.749
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	(3.874)
Chứng khoán đầu tư		42.694.913	45.802.141
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.1	25.754.996	37.417.732
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	14.2,14.3	17.888.621	9.614.647
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	14.5	(948.704)	(1.230.238)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		164.931	378.237
Đầu tư dài hạn khác		185.117	490.087
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	15	(20.186)	(111.850)
Tài sản cố định		1.615.456	1.526.617
Tài sản cố định hữu hình	16.1	569.227	526.448
Nguyên giá tài sản cố định		1.171.919	1.078.472
Khấu hao tài sản cố định		(602.692)	(552.024)
Tài sản cố định vô hình	16.2	1.046.229	1.000.169
Nguyên giá tài sản cố định		1.240.443	1.181.235
Hao mòn tài sản cố định		(194.214)	(181.066)
Bất động sản đầu tư	17	51.955	45.769
Nguyên giá bất động sản đầu tư		52.347	46.037
Khấu hao bất động sản đầu tư		(392)	(268)
Tài sản Có khác		7.025.965	8.255.852
Các khoản phải thu	18.1	1.974.124	3.423.647
Các khoản lãi, phí phải thu	18.2	3.519.215	3.416.359
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	25.2	-	21.238
Tài sản Có khác	18.3	1.571.947	1.455.489
Trong đó: Lợi thế thương mại	5	27.851	33.614
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bằng khác	18.4	(39.321)	(60.881)
TỔNG TÀI SẢN		216.057.406	189.334.271

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	7.911.883	156.253
Tiền gửi và vay các TCTD khác	20	40.689.261	37.217.378
Tiền gửi của các TCTD khác	20.1	22.837.748	12.244.362
Vay các TCTD khác	20.2	17.851.513	24.973.016
Tiền gửi của khách hàng	21	128.060.094	120.537.469
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	10	-	70.098
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	22	3.045.666	2.927.741
Phát hành giấy tờ có giá	23	14.927.000	9.793.000
Các khoản nợ khác		4.595.362	3.873.226
Các khoản lãi, phí phải trả	24.1	3.143.348	2.695.865
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	25.2	1.585	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	24.2	1.450.429	1.177.361
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		199.229.266	174.575.165

VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		11.852.342	11.852.342
Vốn điều lệ		9.810.000	9.810.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		89	89
Thặng dư vốn cổ phần		2.042.255	2.042.255
Cổ phiếu quỹ		(2)	(2)
Các quỹ dự trữ		775.800	453.708
Lợi nhuận chưa phân phối		3.007.022	1.769.506
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.192.976	683.550
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	26.1	16.828.140	14.759.106
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		216.057.406	189.334.271

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn		8.565	9.052
Cam kết giao dịch hối đoái		74.523.122	41.764.910
- Cam kết mua ngoại tệ		4.414.221	3.880.370
- Cam kết bán ngoại tệ		3.471.919	3.166.761
- Cam kết giao dịch hoán đổi		66.636.982	34.717.779
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		4.891.115	1.073.114
Bảo lãnh khác		3.337.898	3.392.157
Các cam kết khác (*)		2.698.939	683.758
	40	85.459.639	46.922.991

(*) Số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày bổ sung hạn mức tín dụng chưa sử dụng theo Thông tư số 19/2017/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam




Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28	16.797.067	14.634.263
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	29	(9.151.374)	(8.259.439)
Thu nhập lãi thuần		7.645.693	6.374.824
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		541.049	268.640
Chi phí hoạt động dịch vụ		(102.874)	(72.207)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30	438.175	196.433
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	31	298.315	129.913
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	32	124.336	5.708
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	33	341.516	484.895
Thu nhập từ hoạt động khác		539.625	299.104
Chi phí hoạt động khác		(56.629)	(28.939)
Lãi thuần từ hoạt động khác	34	482.996	270.165
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	35	109.324	43.881
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		9.440.355	7.505.819
Chi phí cho nhân viên		(2.376.730)	(2.003.352)
Chi phí khấu hao		(88.799)	(104.447)
Chi phí hoạt động khác		(1.975.927)	(1.964.478)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	36	(4.441.456)	(4.072.277)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		4.998.899	3.433.542
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13	(994.271)	(1.016.760)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		4.004.628	2.416.782
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	(780.294)	(466.302)
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.2	(22.823)	3.927
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(803.117)	(462.375)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		3.201.511	1.954.407
Trong đó:			
Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Ngân hàng		2.842.085	1.746.487
Lợi ích của cổ đông thiểu số	26.1	359.426	207.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	27	2.897	1.963



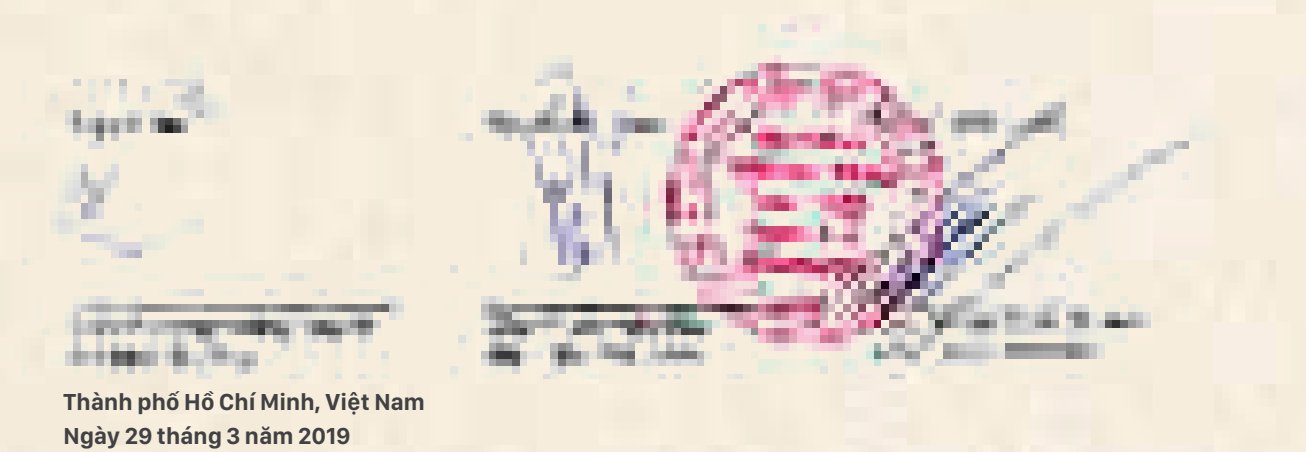

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.067.238	14.729.059
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(8.782.394)	(8.025.729)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		437.648	174.592
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		774.359	576.839
Thu nhập khác		237.015	86.840
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	34	173.957	171.947
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(4.418.126)	(3.967.519)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	25	(749.691)	(493.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		4.740.006	3.252.287
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(13.365.403)	(37.613.486)
Tăng các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		(344.382)	(106.000)
Giảm/(tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		5.129.903	(16.356.325)
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(208.294)	60.772
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(18.626.871)	(22.272.094)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn và tài sản có khác)		(1.028.303)	(560.470)
Giảm khác về tài sản hoạt động		1.712.544	1.620.631
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		24.069.351	33.974.222
Tăng/(giảm) các khoản nợ NHNN Việt Nam		7.755.630	(21.382)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		3.471.883	17.532.713
Tăng tiền gửi của khách hàng		7.522.625	17.237.698
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(70.098)	-
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		117.925	84.309
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá		5.134.000	(1.234.014)
Tăng khác về nợ phải trả hoạt động		141.563	378.498
Chi từ các quỹ của Ngân hàng và các công ty con	26.1	(4.177)	(3.600)
Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		15.443.954	(386.977)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(84.350)	(22.219)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		15.003	11.260
Mua sắm bất động sản đầu tư		(6.310)	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	56.566
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		65.771	12.527
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	35	109.324	43.881
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		99.438	102.015

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		-	3.018.656
Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(1.275.284)	(150.000)
Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(1.275.284)	2.868.656
Tiền thuần trong năm		14.268.108	2.583.694
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	37	25.189.053	22.605.359
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	39.457.161	25.189.053



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 2 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

VỐN ĐIỀU LỆ

Số vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9.810 tỷ đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 9.810 tỷ đồng).

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà HD Tower, số 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một (1) văn phòng đại diện khu vực miền Bắc, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm hai mươi mốt (221) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	3602376446 ngày 13 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, được điều chỉnh lần thứ sáu (6) vào ngày 13 tháng 1 năm 2015	Quản lý tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON (“HD SAISON”), tên gọi trước đây là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	0304990133 ngày 13 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, được điều chỉnh lần thứ mười bốn (14) vào ngày 4 tháng 12 năm 2018	Tài chính/ Ngân hàng	50%

NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào 31 tháng 12 năm 2018 là 13.992 người (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13.728 người).

SỰ KIỆN TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng đã thông qua giao dịch sáp nhập Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (“PGBank”) vào Ngân hàng và các tài liệu, nội dung có liên quan như Đề án sáp nhập PGBank vào Ngân hàng, Phương án phát hành cổ phiếu Ngân hàng với mục đích hoán đổi cổ phiếu của PGBank, Hợp đồng sáp nhập giữa PGBank và Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng sau khi giao dịch sáp nhập được thực hiện thành công.

Đại hội đồng Cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục, ký kết Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập và các văn bản có liên quan, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến quá trình sáp nhập PGBank vào Ngân hàng.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “Ngân hàng”) được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.4 CÁC CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Ngân hàng và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 14/2017/TT-NHNN quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 14/2017/TT-NHNN quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Theo đó, việc dự thu lãi cho hoạt động cấp tín dụng và dự chi lãi cho hoạt động tiền gửi được thực hiện trên cơ sở một năm là 365 ngày. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

Thông tư số 19/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 19/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, “Các cam kết khác” được trình bày trên “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” bao gồm hạn mức tín dụng chưa sử dụng mà ngân

hàng có quyền hủy ngang hoặc tự động hủy ngang khi khách hàng vi phạm điều kiện hủy ngang hoặc suy giảm khả năng thực hiện nghĩa vụ; hạn mức tín dụng chưa sử dụng của thẻ tín dụng và các cam kết khác. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2018.

Thông tư số 16/2018/TT-BTC (“Thông tư 16”) hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Các thay đổi của Thông tư 16 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung về cách quản lý và sử dụng đối với các bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ vay;
- Sửa đổi, bổ sung về cách ghi nhận doanh thu từ kinh doanh các loại chứng khoán (trừ cổ phiếu);
- Sửa đổi, bổ sung về cách ghi nhận chi phí.

Thông tư 16 có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và thay thế Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 1 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN (“Thông tư 22”)

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN (“Thông tư 22”). Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2018.

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng đã thực hiện đánh giá số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất theo Thông tư 22. Theo đó, những ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất do việc thay đổi chính sách tỷ giá là không trọng yếu. Do đó, Ngân hàng không cần thực hiện trình bày lại số liệu so sánh do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách tỷ giá.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và ngày cho vay, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”).

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

4.5 CHO VAY KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

4.6 PHÂN LOẠI NỢ VÀ MỨC TRÍCH, PHƯƠNG PHÁP TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO CHO TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC, MUA VÀ ỦY THÁC MUA TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CHƯA NIÊM YẾT, CHO VAY KHÁCH HÀNG VÀ ỦY THÁC CẤP TÍN DỤNG

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none">Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặcKhoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặcKhoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%

4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Đối với các khoản cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng và các công ty con được phép thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ một lần theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư 09.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

4.7 BÁN NỢ CHO CÔNG TY QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TCTD VIỆT NAM (“VAMC”)

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thể thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (10) năm.

Định kỳ Ngân hàng phải đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4.9 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

4.9.1 PHÂN LOẠI VÀ GHI NHẬN

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.9.2 ĐO LƯỜNG

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

4.9.3 DỪNG GHI NHẬN

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.10 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

4.10.1 PHÂN LOẠI VÀ GHI NHẬN

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

4.10.2 ĐO LƯỜNG

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Chứng khoán nợ niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

4.11 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Theo Thông tư 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

X(m)= Y n x m − (Zm + Xm-1)

Trong đó:

- X(m) là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- Xm-1 là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Zm là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp (Zm + Xm-1) ≥ (Y/n x m) thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể (X(m)) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tất toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự”.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán Nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

4.12 CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI VÀ BÁN LẠI

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4.13 GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

Mức dự phòng cho mỗi khoản đầu tư = Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế - Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế x Số vốn đầu tư của mỗi bên / Tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.14 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.15 THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

4.16 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa 10 – 40 năm

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 14 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	6 - 49 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.18 CÁC KHOẢN PHẢI THU

4.18.1 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU ĐƯỢC PHÂN LOẠI LÀ TÀI SẢN CÓ RỦI RO TÍN DỤNG

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

4.18.2 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÁC

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích h dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.19 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC VÀ CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.20 TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC, TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG VÀ PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 TÀI SẢN ỦY THÁC QUẢN LÝ GIỮ HỘ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.23 PHÂN LOẠI NỢ CHO CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.24 CÁC HỢP ĐỒNG PHÁI SINH TIỀN TỆ

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

4.25 VỐN CỔ PHẦN

4.25.1 CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4.25.2 THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

4.25.3 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25.4 CÁC QUỸ VÀ DỰ TRỮ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	TỶ LỆ PHẦN TRĂM CỦA LỢI NHUẬN SAU THUẾ	MỨC TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập Công ty.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH HD SAISON

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.26 GHI NHẬN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và Thông tư 09 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Doanh thu dịch vụ

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
- Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm tài chính của Ngân hàng;

- Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng trong năm tài chính.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Thu nhập khác

Doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

4.27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4.28 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh 51). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên tài khoản “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.29 BÙ TRỪ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được căn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.30 LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

4.30.1 TRỢ CẤP NGHỈ HƯU

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,50% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.30.2 TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.30.3 BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5. HỢP NHẤT KINH DOANH

Tại ngày 30 tháng 10 năm 2013, Ngân hàng đã mua 100% vốn của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDFinance) (tên gọi trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Việt Société Générale) theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm

2013 và Quyết định số 2532/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 629.376 triệu đồng được thanh toán bằng tiền trong năm 2013. Lợi thế thương mại phát sinh là 115.251 triệu đồng được phân bổ trong 10 năm.

Trong năm 2014, Ngân hàng đã bán 49% tỷ lệ sở hữu trong HDFinance cho Công ty Credit SaiSon, và đổi tên là Công ty Tài chính TNHH HD SAISON (“HD SAISON”). Trong tháng 5 năm 2015, Ngân hàng cũng đã tiếp tục hoàn tất việc chuyển nhượng 1,00% vốn góp tại HD SAISON cho một nhà đầu tư trong nước với tổng giá bán là 17.000 triệu đồng và ghi nhận khoản lãi thuần là 9.604 triệu đồng. Theo đó, Ngân hàng đã ghi nhận giảm lợi thế thương mại tương ứng với tỷ lệ thoái vốn trong năm tương ứng.

Thay đổi giá trị lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tổng giá trị Lợi thế thương mại (“LTTM”)	115.251	115.251
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	(81.637)	(75.874)
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	33.614	39.377
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(5.763)	(5.763)
Giá trị LTTM phân bổ trong năm (Thuyết minh 34)	(5.763)	(5.763)
Lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	27.851	33.614

6. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	1.117.755	903.430
Tiền mặt bằng ngoại tệ	962.428	585.469
Vàng tiền tệ	16.212	22.730
	2.096.395	1.511.629

7. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bằng VND	5.373.113	1.522.560
Bằng Đô la Mỹ (“USD”)	12.491	99.696
Tiền gửi phong tỏa	-	300.000
	5.385.604	1.922.256

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

7. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (tiếp theo)

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Đối với tiền gửi của khách hàng		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00

Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài

Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00
------------------------	------	------

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	1,20	1,20
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05	0,05

8. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

8.1 TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	20.524.462	12.928.307
- Bằng VND	12.809.619	5.186.600
- Bằng ngoại tệ	7.714.843	7.741.707
Tiền gửi có kỳ hạn	10.170.700	6.722.300
- Bằng VND	7.150.000	5.915.000
- Bằng ngoại tệ	3.020.700	807.300
	30.695.162	19.650.607

Mức lãi suất hàng năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Bằng VND	4,50 - 5,60	1,30 - 5,00
Bằng ngoại tệ	0,00 - 3,00	1,50 - 1,60

8.2 CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bằng VND	1.730.382	2.210.561
Trong đó: Cho vay chiết khấu, tái chiết khấu	250.382	904.561
	1.730.382	2.210.561

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay các TCTD khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Bằng VND	4,40 - 6,00	1,70 - 5,00

8.3 PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	11.901.082	8.932.861
Tiền gửi có kỳ hạn	10.170.700	6.722.300
Cho vay các TCTD	1.730.382	2.210.561

9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ	1.001.753	3.893.398
Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	401.623	400.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.200.000	400.000
	2.603.376	4.693.398
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung	(6.750)	(3.000)
	2.596.626	4.690.398

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Đã niêm yết	1.001.753	3.893.398
Chưa niêm yết	1.601.623	800.000
	2.603.376	4.693.398

9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH (tiếp theo)

Chi tiết danh mục chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế (“TCKT”) trong nước phát hành như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Mệnh giá Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Mệnh giá Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành				
- Công ty cổ phần Vinpearl	800.000	800.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo Xây dựng Địa Ốc Việt Hân	400.000	400.000	400.000	400.000
		1.200.000		400.000

Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành trình bày ở trên được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn.
Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	3.000	3.063
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 32)	3.750	(63)
Số cuối năm	6.750	3.000

10. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản Triệu đồng	Công nợ Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.884.973	-	1.142
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	33.242.955	228.205	18.769
Tổng cộng	36.127.928	228.205	19.911
Số thuần		208.294	
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.000.000	-	12.048
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	17.369.172	-	58.050
Tổng cộng	20.369.172	-	70.098
Số thuần			70.098

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	119.322.715	100.680.252
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.630.200	1.491.581
Cho vay thấu chi và thẻ tín dụng	1.039.162	2.298.173
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	131.789	20.368
Các khoản trả thay khách hàng	7.782	6.654
	123.131.648	104.497.028

11.1 PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NỢ CHO VAY

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	119.646.947	101.103.362
Nợ cần chú ý	1.599.751	1.810.425
Nợ dưới tiêu chuẩn	525.191	513.992
Nợ nghi ngờ	626.723	548.566
Nợ có khả năng mất vốn	733.036	520.683
	123.131.648	104.497.028

11.2 PHÂN TÍCH DƯ NỢ THEO THỜI GIAN CHO VAY BAN ĐẦU

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	67.115.639	56.070.884
Nợ trung hạn	24.748.486	24.238.532
Nợ dài hạn	31.267.523	24.187.612
	123.131.648	104.497.028

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

11.3 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	62.568.265	50,82	57.112.230	54,65
Công ty cổ phần khác	33.584.239	27,28	29.966.935	28,67
Công ty TNHH khác	24.016.754	19,50	22.117.947	21,17
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	2.137.205	1,74	1.860.979	1,78
Hộ kinh doanh	1.364.613	1,11	946.070	0,91
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	401.011	0,33	14.674	0,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	383.636	0,31	4.212	-
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong điều lệ của công ty	368.811	0,30	442.218	0,42
Công ty Nhà nước	210.380	0,17	1.516.054	1,45
Doanh nghiệp tư nhân	36.838	0,03	184.496	0,18
Khác	64.778	0,05	58.645	0,06
Cho vay cá nhân	60.563.383	49,18	47.384.798	45,35
	123.131.648	100,00	104.497.028	100,00

1.4 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO TIỀN TỆ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Bằng VND	113.025.679	91,79	97.056.786	92,88
Bằng ngoại tệ	10.105.969	8,21	7.440.242	7,12
	123.131.648	100,00	104.497.028	100,00

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng và công ty con tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Bằng VND	0,00 - 79,02	0,00 - 79,02
Bằng ngoại tệ	0,01 - 8,50	0,01 - 7,51

11.5 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO NGÀNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	46.370.797	37,66	41.188.784	39,42
Xây dựng	13.504.461	10,97	11.673.478	11,17
Hoạt động kinh doanh bất động sản	8.414.957	6,83	6.836.437	6,54
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7.810.834	6,34	6.607.808	6,32
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	6.977.653	5,67	5.665.539	5,42
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6.935.091	5,63	6.176.009	5,91
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	4.009.915	3,26	2.094.572	2,00
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.233.808	2,63	3.112.468	2,98
Vận tải kho bãi	2.541.493	2,06	2.076.111	1,99
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.396.710	1,13	2.450.185	2,34
Hoạt động của đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	1.165.949	0,95	1.022.695	0,98
Thông tin và truyền thông	1.235.420	1,00	87.524	0,08
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	216.099	0,18	145.459	0,14
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	200.449	0,16	364.682	0,35
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	170.462	0,14	78.569	0,08
Khai khoáng	164.212	0,13	167.306	0,16
Giáo dục và đào tạo	129.755	0,11	126.453	0,12
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	99.103	0,08	88.486	0,08
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	42.333	0,03	51.751	0,05
Hoạt động dịch vụ khác	18.512.147	15,04	14.482.712	13,87
	123.131.648	100,00	104.497.028	100,00

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mua nợ bằng VND	-	7.749
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	-	(3.874)
	-	3.875

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ (tiếp theo)

Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ gốc đã mua	-	10.442
Lãi của khoản nợ đã mua	-	-
	-	10.442

Kết quả phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2018 và dự phòng rủi ro các khoản mua nợ tương ứng cần phải trích lập theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ có khả năng mất vốn	7.749	7.429	-	7.429

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm nay như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	3.874	-	3.874
Số trích lập trong năm (Thuyết minh 13)	3.555	-	3.555
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(7.429)	-	(7.429)
Số cuối năm	-	-	-

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	3.201	-	3.201
Số trích lập trong năm (Thuyết minh 13)	1.052	-	1.052
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(379)	-	(379)
Số cuối năm	3.874	-	3.874

13. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Dự phòng hoạt động mua nợ	12	-	3.874
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13.1	1.339.925	1.160.699
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	14.3	915.890	876.077
		2.255.815	2.040.650

13. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số trích lập dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	12	3.555	1.052
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13.1	905.910	794.562
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	14.5	84.806	221.146
		994.271	1.016.760

13.1 DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Theo Điều 8 của Thông tư 02, các khoản nợ sẽ được thực hiện phân loại vào thời điểm cuối mỗi quý cho 3 quý đầu năm và vào ngày 30 tháng 11 cho Quý 4 trong năm tài chính. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu dự phòng và phân loại nợ của Ngân hàng được lập dựa trên số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Kết quả phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2018 như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	117.912.672	-	884.345	884.345
Nợ cần chú ý	1.654.802	32.014	12.411	44.425
Nợ dưới tiêu chuẩn	537.303	62.829	4.030	66.859
Nợ nghi ngờ	633.608	192.192	4.752	196.944
Nợ có khả năng mất vốn	764.315	161.909	-	161.909
	121.502.700	448.944	905.538	1.354.482

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm nay như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	401.804	758.895	1.160.699
Số trích lập đến ngày 30 tháng 11 năm 2018	688.483	146.643	835.126
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro đến ngày 30 tháng 11 năm 2018	(641.343)	-	(641.343)
Số dư dự phòng tại ngày 30 tháng 11 năm 2018	448.944	905.538	1.354.482
Số trích lập trong tháng 12 năm 2018	68.743	2.041	70.784
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12 năm 2018	(85.341)	-	(85.341)
Số cuối năm	432.346	907.579	1.339.925

13. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

13.1 DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	327.570	592.827	920.397
Số trích lập đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	569.659	163.505	733.164
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro đến ngày 30 tháng 11 năm 2017	(492.380)	-	(492.380)
Số dư dự phòng tại ngày 30 tháng 11 năm 2017	404.849	756.332	1.161.181
Số trích lập trong tháng 12 năm 2017	58.835	2.563	61.398
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12 năm 2017	(61.880)	-	(61.880)
Số cuối năm	401.804	758.895	1.160.699

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

14.1 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ	24.741.023	36.285.513
Trái phiếu Chính phủ (a)	15.074.784	30.323.311
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (b)	6.332.229	800.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (c)	3.334.010	5.162.202
Chứng khoán Vốn	1.013.973	1.132.219
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.013.973	1.132.219
	25.754.996	37.417.732
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(32.814)	(354.161)
Dự phòng giảm giá	-	(76.093)
Dự phòng chung	(32.814)	(40.327)
Dự phòng cụ thể	-	(237.741)
	25.722.182	37.063.571

- (a) Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 3 năm đến 30 năm và lãi suất từ 2,90%/năm đến 11,10%/năm, lãi trả hàng năm. Trong đó, một số trái phiếu với tổng mệnh giá là 5.892.333 triệu đồng đang được cầm cố để thực hiện vay vốn tại một số TCTD khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- (b) Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác phát hành có thời hạn từ 6 tháng đến 13 tháng và lãi suất từ 6,60%/năm đến 8,75%/năm, lãi trả định kỳ 3 tháng/lần, 6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần. Trái phiếu của các TCTD khác có thời hạn từ 1 năm đến 2 năm, lãi suất từ 6,8%/năm đến 9,00%/năm, lãi trả hàng năm.

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.1 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN (tiếp theo)

- (c) Trái phiếu của các TCKT trong nước phát hành có thời hạn từ 2 năm đến 10 năm, lãi trả định kỳ 1 tháng/lần, 3 tháng/lần, hoặc 1 năm/lần. Lãi suất hiện tại của các trái phiếu là từ 8,90%/năm đến 12,51%/năm và thay đổi định kỳ 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần tùy theo loại trái phiếu của từng Công ty. Trái phiếu của một số tổ chức kinh tế có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, dự án bất động sản, cổ phiếu.

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ	24.741.023	36.285.513
Đã niêm yết	15.074.784	30.323.311
Chưa niêm yết	9.666.239	5.962.202
Chứng khoán Vốn	1.013.973	1.132.219
Đã niêm yết	1.013.973	1.132.219
	25.754.996	37.417.732

14.2 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (KHÔNG BAO GỒM TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT DO VAMC PHÁT HÀNH)

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ (a)	7.845.362	1.474.123
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam (b)	1.673.807	503.846
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (c)	5.002.845	5.797.823
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành (d)	1.958.759	-
	16.480.773	7.775.792

- (a) Đây là các trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm với lãi suất từ 2,90%/năm đến 8,70%/năm, lãi trả hàng năm.
- (b) Đây là các trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thời hạn từ 3 năm đến 10 năm với mức lãi suất từ 5,70%/năm đến 11,50%/năm, lãi trả hàng năm.
- (c) Đây là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD trong nước phát hành. Trong đó, các trái phiếu có thời hạn từ 2 năm đến 10 năm và có lãi suất từ 7,40%/năm đến 8,50%/năm, lãi trả hàng năm; chứng chỉ tiền gửi có thời hạn từ 3 tháng đến 1 năm và có lãi suất từ 5,50%/năm đến 6,78%/năm, lãi thanh toán vào cuối kỳ.
- (d) Đây là trái phiếu do Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam phát hành có thời hạn 10 năm với lãi suất 9,00%/năm, lãi trả hàng năm.

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.2 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (KHÔNG BAO GỒM TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT DO VAMC PHÁT HÀNH) (tiếp theo)

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Đã niêm yết	9.519.169	1.977.969
Chưa niêm yết	6.961.604	5.797.823
	16.480.773	7.775.792

14.3 TRÁI PHIẾU ĐẶC BIỆT DO VAMC PHÁT HÀNH

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	1.407.848	1.838.855
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(915.890)	(876.077)
	491.958	962.778

Trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu có thời hạn 5 năm, lãi suất 0,00%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

Biến động tăng/(giảm) của trái phiếu VAMC trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	1.838.855	2.229.084
Tất toán trong năm	(431.007)	(390.229)
Số cuối năm	1.407.848	1.838.855

14.4 PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC PHÂN LOẠI LÀ TÀI SẢN CÓ RỦI RO TÍN DỤNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành		
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.230.510	4.862.202
Nợ có khả năng mất vốn	62.259	300.000
	5.292.769	5.162.202

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.5 DỰ PHÒNG RỦI RO CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	354.161	364.435
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	-	1.499
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	876.077	661.141
	1.230.238	1.027.075

Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 33)	(83.606)	(10.274)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) (Thuyết minh 33)	-	(1.499)
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh 13)	84.806	221.146
	1.200	209.373

Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(237.741)	-
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(44.993)	(6.210)
	(282.734)	(6.210)

Số cuối năm

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	32.814	354.161
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	-	-
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	915.890	876.077
	948.704	1.230.238

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	111.850	111.539
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 36)	(91.664)	311
Số cuối năm	20.186	111.850

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

16.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu đồng	TSCĐ khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Số đầu năm	466.874	155.948	191.719	253.728	10.203	1.078.472
Tăng trong năm	9.982	9.177	74.293	25.052	600	119.104
Giảm trong năm	(2.584)	(11.590)	(11.099)	(333)	(51)	(25.657)
Số cuối năm	474.272	153.535	254.913	278.447	10.752	1.171.919
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	83.356	123.802	121.099	216.145	7.622	552.024
Khấu hao trong năm	17.726	11.143	20.992	24.618	967	75.446
Thanh lý, nhượng bán	(2.185)	(11.402)	(10.824)	(316)	(51)	(24.778)
Số cuối năm	98.897	123.543	131.267	240.447	8.538	602.692
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	383.518	32.146	70.620	37.583	2.581	526.448
Số cuối năm	375.375	29.992	123.646	38.000	2.214	569.227

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 370.132 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 276.428 triệu đồng).

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

16.2 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có thời hạn Triệu đồng	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Số đầu năm	47.237	938.503	193.208	2.287	1.181.235
Tăng trong năm	44.232	7.995	6.951	1.075	60.253
Giảm trong năm	(726)	(319)	-	-	(1.045)
Số cuối năm	90.743	946.179	200.159	3.362	1.240.443
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	3.195	-	176.021	1.850	181.066
Hao mòn trong năm	1.215	-	11.552	462	13.229
Thanh lý, nhượng bán	(81)	-	-	-	(81)
Số cuối năm	4.329	-	187.573	2.312	194.214
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	44.042	938.503	17.187	437	1.000.169
Số cuối năm	86.414	946.179	12.586	1.050	1.046.229

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 161.313 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 139.679 triệu đồng).

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm các Quyền sử dụng đất không có thời hạn và nhà ở gắn liền trên đất mà Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu từ việc bán đấu giá tài sản gắn xiết nợ. Các tài sản này được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc không thể xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thông tin tại ngày kết thúc năm tài chính. Do đó, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.383	42.654	46.037
Tăng trong năm	-	6.310	6.310
Số cuối năm	3.383	48.964	52.347
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	268	-	268
Khấu hao trong năm	124	-	124
Số cuối năm	392	-	392
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.115	42.654	45.769
Số cuối năm	2.991	48.964	51.955

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC

18.1 CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tạm ứng mua sắm TSCĐ (i)	577.447	672.454
Chi phí công trình	344.231	247.247
Phải thu từ hoạt động bán chứng khoán trả chậm (ii)	239.980	1.646.701
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	162.805	164.604
Phải thu liên minh thể	104.719	27.392
Ký quỹ thuê văn phòng, TSCĐ và công cụ dụng cụ	83.684	77.404
Phải thu ngân sách Nhà nước (iii)	58.973	-
Phải thu đối tác thu hộ tiền vay	58.442	84.964
Phải thu hoa hồng đại lý (iv)	54.712	34.731
Phải thu tiền hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật (v)	51.391	-
Phải thu liên quan đến hoạt động chi trả kiểu hối	28.527	-
Tạm ứng chi phí xử lý tài sản bảo đảm	23.699	24.806
Tạm ứng cho khoản tiền gửi tiết kiệm trả lãi trao ngay	13.571	22.645
Phải thu thanh lý tài sản	-	280.000
Phải thu Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Vinashin	-	11.456
Các khoản phải thu khác	171.943	129.243
	1.974.124	3.423.647

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

18.1 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(i) Tạm ứng mua sắm TSCĐ bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mua sắm nhà, trụ sở	554.718	660.969
Phương tiện vận tải	256	7.942
Mua sắm tài sản khác	22.473	3.543
	577.447	672.454

- (ii) Trong năm, Ngân hàng đã thu được hết toàn bộ gốc, lãi của khoản phải thu trong năm trước liên quan đến các hợp đồng bán chứng khoán trả chậm với số tiền gốc còn lại là 1.611.486 triệu VND và lãi phải thu là 35.215 triệu VND.
Khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác.
- (iii) Đây là khoản phải thu ngân sách Nhà nước liên quan đến khoản thuế chuyển nhượng bất động sản đã nộp (Thuyết minh 25).
- (iv) Phải thu hoa hồng đại lý nhận được từ các chương trình khuyến mãi với các đại lý và từ hoạt động phát triển sản phẩm bảo hiểm.
- (v) Phải thu Credit Saison Co., Ltd. về phí hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật. Ngân hàng đã thu được số tiền 2.000.000 USD (tương ứng với 46.380 triệu đồng) vào ngày 30 tháng 1 năm 2019.

18.2 CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI THU

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.994.972	1.799.544
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	1.468.504	1.565.205
Lãi phải thu từ tiền gửi	25.295	14.215
Lãi và phí phải thu khác	30.444	37.395
	3.519.215	3.416.359

18.3 TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chi phí trả trước chờ phân bổ (i)	1.106.790	1.002.629
Tài sản gắn nợ chờ xử lý (ii)	389.548	377.717
Vật liệu và công cụ	44.308	38.079
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 5)	27.851	33.614
Tài sản Có khác	3.450	3.450
	1.571.947	1.455.489

- (i) Chi phí trả trước chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ trả trước, chi phí thuê tài sản, thuê đường truyền dữ liệu, chi phí bảo trì, sửa chữa tài sản, chi phí hoa hồng đã trả cho đại lý cho việc tìm kiếm khách hàng và chi phí trả trước tiền thưởng nhân viên kinh doanh.
- (ii) Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gắn nợ từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

18.4 DỰ PHÒNG RỦI RO CHO CÁC TÀI SẢN CÓ NỘI BẢNG KHÁC

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu, tạm ứng quá hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	60.881	35.458
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm		
(Thuyết minh 36)	(10.104)	36.878
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	(11.456)	(11.455)
Số cuối năm	39.321	60.881

19. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Vay Ngân hàng Nhà nước	5.911.883	156.253
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá (i)	5.753.272	-
Vay khác	158.611	156.253
- Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (ii)	157.049	132.815
- Quỹ Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ (iii)	1.562	6.608
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	-	16.830
Tiền gửi của kho bạc Nhà nước	2.000.000	-
Tiền gửi bằng VND (iv)	2.000.000	-
	7.911.883	156.253

- (i) Đây là khoản vay tái chiết khấu giấy tờ có giá với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước có thời hạn từ 7 ngày đến 14 ngày với lãi suất 4,75%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các chứng khoán với tổng mệnh giá là 5.763.916 triệu đồng.
- (ii) Đây là khoản vay theo dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và giai đoạn III do Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ thông qua NHNN Việt Nam. Theo thỏa thuận khung về cho vay tại ngày 1 tháng 11 năm 2007, Ngân hàng được vay để tài trợ cho các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiện quy định của dự án. Gốc trả theo lịch trả nợ đính kèm từng hợp đồng, lãi trả hàng quý.
- (iii) Đây là khoản vay từ Quỹ Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ (SMEDF) với lãi suất 7,00%/năm, thời hạn vay là 61 tháng. Gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.
- (iv) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng của kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng với lãi suất 4,20%/năm, lãi trả cuối kỳ.

20. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

20.1 TIỀN GỬI CỦA CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	12.100.998	5.070.339
Bằng VND	12.100.998	5.070.339
Tiền gửi có kỳ hạn	10.736.750	7.174.023
Bằng VND	10.157.000	6.508.000
Bằng ngoại tệ	579.750	666.023
	22.837.748	12.244.362

Mức lãi suất hàng năm các khoản tiền gửi của các TCTD khác như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Tiền gửi CKH bằng VND	3,90 - 5,60	1,00 - 2,60
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	2,55 - 2,75	1,60 - 1,80

20.2 VAY CÁC TCTD KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay các TCTD trong nước bằng VND	14.094.733	22.087.916
Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu	8.232.733	20.290.115
Vay các TCTD trong nước và ngoài nước bằng ngoại tệ	3.756.780	2.885.100
	17.851.513	24.973.016

Các khoản vay các TCTD khác bằng VND có thời hạn từ 7 ngày đến 48 ngày, chịu lãi suất từ 4,40%/năm đến 5,70%/năm, lãi trả cuối kỳ.

Các khoản vay các TCTD khác bằng Đô la Mỹ có thời hạn 5 năm, chịu lãi suất từ 3,37%/năm đến 5,60%/năm, trả lãi hàng năm.

Bao gồm trong các khoản tiền gửi và tiền vay này có các khoản tiền gửi và tiền vay trị giá 11.847.733 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 24.785.213 triệu đồng) được đảm bảo bằng các chứng khoán với tổng mệnh giá là 12.275.333 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 25.044.000 triệu đồng).

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

21.1 THUYẾT MINH THEO LOẠI HÌNH TIỀN GỬI

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”)	10.697.917	14.570.147
Tiền gửi KKH bằng VND	9.720.341	13.202.716
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	851.210	1.351.944
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	7.299	4.569
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	119.067	10.918
Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”)	116.391.485	104.979.472
Tiền gửi CKH bằng VND	41.994.610	28.852.055
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	268.457	1.380.851
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	73.371.890	73.915.456
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	756.528	831.110
Tiền gửi vốn chuyên dùng	248.151	537.286
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	226.586	229.300
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	21.565	307.986
Tiền ký quỹ	530.088	248.588
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	456.645	201.686
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	73.443	46.902
Các khoản phải trả khách hàng khác	192.453	201.976
Tiền gửi tiết kiệm khác	192.453	201.976
	128.060.094	120.537.469

Mức lãi suất hàng năm của các khoản tiền gửi của khách hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Tiền gửi KKH bằng VND	0,00 – 1,00	0,00 – 1,00
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	0,70	0,70
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00 – 0,20	0,00 – 0,20
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi CKH bằng VND	0,80 – 7,80	0,80 – 7,80
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	0,00 – 9,50	0,00 – 9,50
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,00 – 1,60	0,00 – 1,60

Đối với tiền gửi có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

21.2 THUYẾT MINH THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	51.123.349	43.631.327
Công ty cổ phần khác	20.213.673	20.443.288
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	10.110.800	6.315.561
Công ty TNHH khác	7.652.399	4.270.906
Công ty Nhà nước	7.464.863	4.832.887
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.239.612	885.939
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.144.567	1.386.109
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.013.501	749.557
Công ty liên doanh nước ngoài	807.580	520.122
Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	236.794	188.293
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	201.027	3.043.169
Doanh nghiệp tư nhân	22.182	21.961
Công ty hợp danh	8.269	6.054
Hộ kinh doanh	2.166	3.186
Khác	1.005.916	964.295
Tiền gửi của cá nhân	76.936.745	76.906.142
	128.060.094	120.537.469

22. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	691	1.691
Vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn	691	1.691
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	3.044.975	2.926.050
Vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn	1.145	1.191
Vốn tài trợ dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch - Giai đoạn II	75.510	54.459
Vốn tài trợ chương trình hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện - Giai đoạn III (i)	2.968.320	2.870.400
	3.045.666	2.927.741

(i) Đây là khoản vay 128 triệu Đô la Mỹ từ Bộ tài chính để tài trợ chương trình hỗ trợ chính sách cải cách ngành điện - Giai đoạn III, thời hạn 29 năm từ ngày 4 tháng 8 năm 2015 đến ngày 4 tháng 8 năm 2043 với lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng của Đô la Mỹ cộng với khoản chênh lệch biến đổi được Ngân hàng Thế giới điều chỉnh định kỳ vào ngày 1 tháng 1 và ngày 1 tháng 7 hàng năm.

23. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	779.000	1.035.000
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	5.011.000	4.206.000
Từ 5 năm trở lên	137.000	92.000
Trái phiếu thường		
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	6.000.000	1.460.000
Từ 5 năm trở lên	3.000.000	3.000.000
	14.927.000	9.793.000

Mức lãi suất hằng năm của giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm cuối năm của Ngân hàng và công ty con như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm
Chứng chỉ tiền gửi dưới 12 tháng	5,50 - 8,15	5,50 - 8,20
Chứng chỉ tiền gửi từ 12 tháng đến dưới 5 năm	7,63 - 13,00	9,00 - 13,00
Chứng chỉ tiền gửi từ 5 năm trở lên	14,00	14,00
Trái phiếu từ 12 tháng đến dưới 5 năm	6,30 - 6,80	7,60 - 12,20
Trái phiếu từ 5 năm trở lên	7,70 - 8,50	7,70 - 8,50

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

24.1 CÁC KHOẢN LÃI, PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	1.663.962	1.902.225
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	819.086	423.823
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VND	341.940	164.489
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	161.696	153.586
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch hoán đổi	89.121	11.933
Lãi phải trả cho tiền vay bằng ngoại tệ	35.573	18.853
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	30.088	20.255
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch kỳ hạn	1.387	72
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	308	349
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	187	280
	3.143.348	2.695.865

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

24.2 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	172.440	89.452
Các khoản phải trả công nhân viên	159.394	78.373
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	13.046	11.079
Các khoản phải trả bên ngoài	911.329	795.871
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	269.268	329.776
Phải trả cho đại lý (ii)	368.156	167.839
Thuế và các khoản phải trả ngân sách		
Nhà nước (Thuyết minh 25)	172.365	106.155
Hoa hồng phải trả	101.540	42.101
Phải trả từ nhận góp vốn	-	150.000
Các khoản phải trả khác	366.660	292.038
Doanh thu chờ phân bổ	129.963	86.358
Phải trả về xây dựng cơ bản	8.017	3.188
Các khoản phải trả khác	228.680	202.492
	1.450.429	1.177.361

(i) Biến động tăng/(giảm) của Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	11.079	8.994
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 26.1)	3.000	3.000
Sử dụng quỹ trong năm	(1.033)	(915)
Số cuối năm	13.046	11.079

(ii) Phải trả cho đại lý là các khoản giải ngân phải trả cho đại lý do đại lý đã cung cấp hàng hóa cho khách hàng vay mua hàng.

25. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm Triệu đồng	Phát sinh trong năm		Số cuối năm Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	
Thuế giá trị gia tăng	30.500	56.320	(77.489)	9.331
Thuế thu nhập				
doanh nghiệp	65.072	780.294	(749.691)	95.675
Các loại thuế khác	10.583	109.639	(111.836)	8.386
Thuế thu nhập cá nhân	10.174	101.579	(103.652)	8.101
Thuế nhà thầu	409	6.157	(6.281)	285
Thuế môn bài	-	280	(280)	-
Thuế khác	-	1.623	(1.623)	-
	106.155	946.253	(939.016)	113.392
Trong đó:				
Phải thu ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 18.1)	-			(58.973)
Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 24.2)	106.155			172.365

25.1 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HIỆN HÀNH

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành (Năm trước: 20%). Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.004.628	2.416.782
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con	800.926	483.356
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(20.432)	(8.776)
- Điều chỉnh dự phòng không được trừ	(18.000)	-
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(4.010)	-
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không được khấu trừ	2.724	1.325
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	3.961
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	1.153	1.152
Điều chỉnh tăng/(giảm) khác	14.743	(14.947)
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	3.190	231
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	780.294	466.302

25.2 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.438	(1.438)	3.927
Dự phòng chứng khoán đầu tư	-	19.800	(19.800)	-
	-	21.238	(21.238)	3.927
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.585)	-	(1.585)	-
(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần			(22.823)	3.927

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Cổ phiếu quỹ Triệu đồng	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu đồng	Quỹ của tổ chức tín dụng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Lợi ích cổ đông thiểu số Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	9.810.000	2.042.255	(2)	89	453.708	1.769.506	683.550	14.759.106
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	2.842.085	359.426	3.201.511
Tăng trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	300.000	300.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	326.269	(326.269)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.000)	-	(3.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(4.177)	-	-	(4.177)
Cổ tức năm 2017 (Thuyết minh 26.2)	-	-	-	-	-	(1.275.300)	(150.000)	(1.425.300)
Số cuối năm	9.810.000	2.042.255	(2)	89	775.800	3.007.022	1.192.976	16.828.140

(*) Trong năm 2018, Công ty Tài chính TNHH HD SAISON đã tăng vốn điều lệ hai (2) lần từ 800 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng và từ 1.100 tỷ đồng lên 1.400 tỷ đồng theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên số 09/2017/NQ-HĐTV ngày 19 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng thành viên số 11/2018/NQ-HĐTV ngày 11 tháng 9 năm 2018 cùng các tài liệu liên quan khác về việc tăng vốn điều lệ và chấp thuận tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Quyết định số 113/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 1 năm 2018 và Quyết định số 2247/QĐ-NHNN ngày 15 tháng 11 năm 2018.

Tình hình thay đổi các quỹ của Ngân hàng và các công ty con trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	70	361.111	47.816	44.711	453.708
Trích lập các quỹ	-	203.582	102.687	20.000	326.269
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	(4.177)	(4.177)
Số cuối năm	70	564.693	150.503	60.534	775.800

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	980.999.979	980.999.979
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	980.999.979	980.999.979
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	208	208
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	980.999.771	980.999.771

26.2 CỔ TỨC

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức phải trả đầu năm	755	755
Cổ tức phải trả trong năm	1.425.300	150.000
Cổ tức đã trả trong năm	(1.425.284)	(150.000)
Cổ tức phải trả cuối năm	771	755

Theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết số 55/2018/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Quản trị, Ngân hàng đã công bố chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ chi trả cổ tức là 13%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 21 tháng 6 năm 2018. Vào ngày 5 tháng 7 năm 2018, Ngân hàng đã thực hiện chi trả toàn bộ số tiền cổ tức nói trên bằng tiền mặt cho các cổ đông.

Ngoài ra, vào ngày 11 tháng 9 năm 2018, Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH HD SAISON đã chấp thuận phân chia 300.000 triệu đồng lợi nhuận cho các thành viên góp vốn tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp trong Vốn điều lệ của Công ty Tài chính TNHH HD SAISON.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	2.842.085	1.746.487
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (triệu đồng)	-	(3.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	2.842.085	1.743.487
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	980.999.771	888.275.115
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.897	1.963

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2018. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

28. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và TCTD khác	13.292.588	11.264.501
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	2.266.253	2.314.151
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	2.227.725	2.236.990
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	38.528	77.161
Thu nhập lãi tiền gửi	223.601	197.359
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	77.939	52.513
Thu khác từ hoạt động tín dụng (*)	936.686	805.739
	16.797.067	14.634.263

(*) Bao gồm trong thu lãi khác từ hoạt động tín dụng là khoản lãi thu được liên quan đến các hợp đồng bán chứng khoán trả chậm (Thuyết minh 18.1) với số tiền là 139.141 triệu đồng (Năm trước: 400.992 triệu đồng).

29. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	7.331.952	6.812.155
Trả lãi tiền vay	710.331	350.908
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.079.403	1.053.005
Chi phí hoạt động tín dụng khác	29.688	43.371
	9.151.374	8.259.439

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	541.049	268.640
Thu phí dịch vụ bảo hiểm	267.709	66.998
Thu từ dịch vụ thanh toán	184.209	122.376
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	16.879	12.188
Thu phí dịch vụ bảo quản tài sản	3.546	389
Thu từ dịch vụ ủy thác và đại lý	202	153
Thu khác	68.504	66.536
Chi phí hoạt động dịch vụ	(102.874)	(72.207)
Chi dịch vụ thanh toán	(71.906)	(42.078)
Chi dịch vụ ngân quỹ	(11.447)	(6.908)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(4.119)	(4.619)
Chi phí hoa hồng môi giới	(1.902)	(6.735)
Nghiep vụ ủy thác và đại lý	(661)	(159)
Chi khác	(12.839)	(11.708)
	438.175	196.433

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	9.134.623	6.115.032
Thu từ kinh doanh vàng	144.473	1.555.842
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	8.444.304	4.364.791
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	545.846	194.399
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(8.836.308)	(5.985.119)
Chi về kinh doanh vàng	(144.222)	(1.555.591)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(8.381.589)	(4.312.326)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(310.497)	(117.202)
	298.315	129.913

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	133.139	12.474
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh (Chi phí)/hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 9)	(5.053)	(6.829)
	(3.750)	63
	124.336	5.708

33. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư (*)	390.422	504.650
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	806	-
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư (*)	(133.287)	(31.528)
Chi phí về thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	(31)	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán (Thuyết minh 14.5)	83.606	10.274
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 14.5)	-	1.499
	341.516	484.895

(*) Chênh lệch giữa thu nhập thuần từ khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ (bao gồm thu nhập lãi và thu nhập thuần từ mua bán) và chi phí huy động bình quân của các khoản tiền gửi có kỳ hạn sử dụng để mua trái phiếu Chính phủ là 116.829 triệu đồng (Năm trước: 206.636 triệu đồng).

34. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	539.625	299.104
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	173.957	171.947
Thu nhập hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật (Thuyết minh 18.1)	51.391	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	45.678	10.825
Thu tiền cho thuê lại văn phòng	41.317	37.938
Thu nhập từ dịch vụ thu hộ và hỗ trợ quản lý trái phiếu	27.273	-
Thu nhập thuần từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	13.160	11.378
Thu bồi thường bảo hiểm	12.229	-
Thu nhập khác	174.620	67.016
Chi phí hoạt động khác	(56.629)	(28.939)
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 5)	(5.763)	(5.763)
Chi phí về thanh lý tài sản khác	(39.364)	(8.530)
Chi tài trợ	(7.645)	(2.449)
Chi phí khác	(3.857)	(12.197)
	482.996	270.165

35. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức nhận được từ góp vốn, mua cổ phần		
- Từ chứng khoán vốn đầu tư (i)	105.554	43.024
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	3.770	857
	109.324	43.881

(i) Đây là khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sẵn sàng để bán. Trong năm, Ngân hàng nhận được khoản cổ tức số tiền là 98.300 triệu đồng từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hàng không VietJet.

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản lệ phí	2.745	2.912
Chi phí cho nhân viên	2.376.730	2.003.352
- Chi lương và phụ cấp	2.121.318	1.811.596
- Các khoản chi đóng góp theo lương	197.980	153.798
- Chi trợ cấp	57.432	37.958
Chi về tài sản	566.012	531.612
- Chi phí thuê văn phòng	263.998	228.941
- Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	124.239	119.268
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.799	104.447
- Chi khác về tài sản	88.976	78.956
Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ	1.484.422	1.386.373
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	853.988	831.553
- Công tác phí	56.106	43.982
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	2.092	3.467
- Chi phí khác	572.236	507.371
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	113.315	110.839
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng (không tính dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán)	(101.768)	37.189
- (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng rủi ro tài sản Có khác (Thuyết minh 18.4)	(10.104)	36.878
- (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 15)	(91.664)	311
	4.441.456	4.072.277

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt và vàng	2.096.395	1.511.629
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	5.385.604	1.922.256
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	20.524.462	12.928.307
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	11.450.700	8.826.861
	39.457.161	25.189.053

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số nhân viên trung bình (người)	13.767	12.645
II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	2.018.741	1.717.945
2. Thu nhập khác	102.577	93.651
3. Tổng thu nhập (1+2)	2.121.318	1.811.596
4. Tiền lương bình quân tháng (Triệu đồng/người)	12,22	11,32
5. Thu nhập bình quân tháng (Triệu đồng/người)	12,84	11,94

39. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỐ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP

39.1 TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ NHẬN THỂ CHẤP, CẦM CỔ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thể chấp của khách hàng:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bất động sản	146.538.706	126.515.406
Giấy tờ có giá	39.109.574	52.763.956
Động sản	29.876.250	31.246.659
Tài sản khác	45.546.815	58.842.927
	261.071.345	269.368.948

Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cố và chiết khấu của TCTD khác như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Giấy tờ có giá	250.000	300.000

39. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP (tiếp theo)

39.2 TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐƯA ĐI THỂ CHẤP, CẤM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng đưa đi cầm cố, thế chấp để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Giấy tờ có giá	19.956.249	25.044.000

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết giao dịch hối đoái, cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và các công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và các công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và các công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng và các công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và các công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay là các cam kết mà Ngân hàng sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng 2 (hai) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	8.565	9.052
Cam kết giao dịch hối đoái	74.523.122	41.764.910
- Cam kết mua ngoại tệ	4.414.221	3.880.370
- Cam kết bán ngoại tệ	3.471.919	3.166.761
- Cam kết giao dịch hoán đổi	66.636.982	34.717.779
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	5.025.160	1.127.402
- Thư tín dụng trả ngay	1.528.934	472.710
- Thư tín dụng trả chậm	3.496.226	654.692
Bảo lãnh khác	3.617.557	3.569.437
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	1.446.789	1.109.368
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	668.807	759.239
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	35.161	41.994
- Cam kết bảo lãnh khác	1.466.800	1.658.836
Cam kết khác	2.698.939	683.758
	85.873.343	47.154.559
Trừ: Tiền ký quỹ	(413.704)	(231.568)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	85.459.639	46.922.991

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và các công ty con;
 - có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và các công ty con;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và các công ty con;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành (bao gồm Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng) của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Gửi tiền vào tài khoản và trả lãi tiền gửi	22.450.143	21.581.337
	Rút tiền từ tài khoản	22.077.852	21.183.882
	Thu gốc cho vay	112.680	-
	Thu nhập lãi cho vay	43.100	43.614
	Thu nhập lãi trái phiếu	31.500	31.500
Các công ty Ngân hàng đầu tư góp vốn	Gửi tiền vào tài khoản và trả lãi tiền gửi	120.891.802	62.545.631
	Rút tiền từ tài khoản	122.415.794	60.047.851
	Cho vay	13.237.076	3.513.207
	Thu gốc cho vay	12.907.570	2.758.244
	Thu nhập lãi cho vay	27.924	10.938
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Gửi tiền vào tài khoản và trả lãi tiền gửi	12.502.686	43.052.052
	Rút tiền từ tài khoản	12.829.641	42.769.518
	Cho vay, bảo lãnh và thế chấp	282.791	9.957.672
	Thu gốc cho vay	271.233	1.191.348
	Thu nhập lãi cho vay	3.804	22.228
	Lương và thưởng	53.997	48.309

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Phải thu/(phải trả)	
		Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán	(19.791)	(7.489)
	Tiền gửi có kỳ hạn	(963.177)	(603.041)
	Tiền gửi ký quỹ	(46)	(46)
	Cho vay	361.620	474.300
	Dự thu lãi cho vay	633	830
	Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	350.000	350.000
	Dự thu lãi chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	23.905	23.819
Các công ty Ngân hàng đầu tư góp vốn	Tiền gửi thanh toán và vốn chuyên dụng	(416.257)	(199.811)
	Tiền gửi có kỳ hạn	(1.509.628)	(3.206.754)
	Tiền gửi ký quỹ	(2)	(437)
	Cho vay	1.224.055	865.153
	Dự thu lãi cho vay	699	405
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Tiền gửi thanh toán	(41.496)	(93.670)
	Tiền gửi tiết kiệm	(426.404)	(729.810)
	Cho vay	17.308	5.913
	Dự thu lãi cho vay	98	92

42. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	31.834.880	590.664	32.425.544
Các công cụ tài chính phái sinh			
(Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	36.127.928	-	36.127.928
Cho vay khách hàng - gộp	123.131.648	-	123.131.648
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư - gộp	46.246.993	-	46.246.993
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	185.117	-	185.117
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	37.836.891	2.852.370	40.689.261
Tiền gửi của khách hàng	128.060.094	-	128.060.094
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	3.045.666	-	3.045.666
Phát hành giấy tờ có giá	14.927.000		14.927.000
Cam kết ngoại bảng tại			
ngày 31 tháng 12 năm 2018	85.873.342	-	85.873.342

43. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	Miền Trung Triệu đồng	Miền Nam Triệu đồng	Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng	Loại trừ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.202.905	2.143.655	28.574.846	35.921.406	(19.124.339)	16.797.067
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(3.905.747)	(1.563.241)	(22.806.725)	(28.275.713)	19.124.339	(9.151.374)
Thu nhập lãi thuần	1.297.158	580.414	5.768.121	7.645.693	-	7.645.693
Các khoản thu nhập ngoài lãi	78.675	14.889	1.701.098	1.794.662	-	1.794.662
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.375.833	595.303	7.469.219	9.440.355	-	9.440.355
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(456.788)	(263.472)	(3.721.196)	(4.441.456)	-	(4.441.456)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh						
trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	919.045	331.831	3.748.023	4.998.899	-	4.998.899
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(74.208)	(40.738)	(879.325)	(994.271)	-	(994.271)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	844.837	291.093	2.868.698	4.004.628	-	4.004.628
TÀI SẢN						
Tiền mặt và vàng	541.502	305.272	1.249.621	2.096.395	-	2.096.395
Tiền gửi tại và cho vay NHNN Việt Nam						
và các TCTD khác	68.349	36.200	37.706.599	37.811.148	-	37.811.148
Cho vay khách hàng - gộp	26.862.267	15.708.640	80.560.741	123.131.648	-	123.131.648
Đầu tư - gộp	3.830.846	11.360	42.589.904	46.432.110	-	46.432.110
Tài sản khác	9.169.990	519.237	7.672.089	17.361.316	(8.420.325)	8.940.991
TỔNG TÀI SẢN	40.472.954	16.580.709	169.778.954	226.832.617	(8.420.325)	218.412.292
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	7.911.883	7.911.883	-	7.911.883
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	1.302	40.687.959	40.689.261	-	40.689.261
Tiền gửi của khách hàng	38.277.974	11.174.023	78.608.097	128.060.094	-	128.060.094
Nợ phải trả khác	911.453	4.981.286	25.095.614	30.988.353	(8.420.325)	22.568.028
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	39.189.427	16.156.611	152.303.553	207.649.591	(8.420.325)	199.229.266

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

(i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

(ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

(iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con. Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

(iv) Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

(v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

(vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

(vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và các công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

45. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tín cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Lãi suất thực tế cho các khoản tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 7, 8, 11 và 21.

45.1 MỨC RỦI RO TÍN DỤNG TỐI ĐA CHƯA TÍNH ĐẾN TÀI SẢN THẾ CHẤP HOẶC CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO TÍN DỤNG

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng		
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	32.425.544	21.861.168
Chứng khoán kinh doanh - Chứng khoán Nợ	1.601.623	800.000
Công cụ tài chính phái sinh	208.294	-
Cho vay khách hàng		
-Cho vay khách hàng cá nhân	60.563.383	47.384.798
-Cho vay khách hàng là tổ chức	62.568.265	57.112.230
Hoạt động mua nợ	-	7.749
Chứng khoán đầu tư		
-Chứng khoán Nợ - sẵn sàng để bán	9.666.239	5.962.202
-Chứng khoán Nợ - giữ đến ngày đáo hạn	8.369.452	7.636.678
Tài sản tài chính khác	3.880.479	5.140.464
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	3.626.122	3.578.489
Các cam kết trong thư tín dụng	5.025.160	1.127.402

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

45.2 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA QUÁ HẠN HAY CHƯA BỊ GIẢM GIÁ

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Ngân hàng và các công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và các công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

45.3 CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG BỊ GIẢM GIÁ

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	
Cho vay khách hàng	430.806	69.223	87.401	289.833	877.263

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác.

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

46.1 RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con:

- Tiền mặt và vàng; chứng khoán kinh doanh; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành; các công cụ tài chính phái sinh, góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được phân loại vào khoản mục không chịu lãi;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán;
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất ;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

46.1 RỦI RO LÃI SUẤT (tiếp theo)

	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 01 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 03 tháng Triệu đồng	Từ 03 - 06 tháng Triệu đồng	Từ 06 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 05 năm Triệu đồng	Trên 05 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.096.395	-	-	-	-	-	-	2.096.395
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	5.385.604	-	-	-	-	-	5.385.604
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	27.822.204	4.603.340	-	-	-	-	32.425.544
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	2.603.376	-	-	-	-	-	-	2.603.376
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	208.294	-	-	-	-	-	-	208.294
Cho vay khách hàng - gộp	3.484.701	-	6.360.598	104.800.221	2.102.261	3.728.509	2.655.358	-	123.131.648
Chứng khoán đầu tư - gộp	62.259	2.421.821	2.228.118	3.123.103	3.259.773	10.902.833	16.277.208	5.368.502	43.643.617
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	185.117	-	-	-	-	-	-	185.117
Tài sản cố định	-	1.615.456	-	-	-	-	-	-	1.615.456
Bất động sản đầu tư	-	51.955	-	-	-	-	-	-	51.955
Tài sản Có khác - gộp	43.891	3.474.328	841.030	1.150.335	868.672	552.187	134.707	136	7.065.286
Tổng tài sản	3.590.851	12.656.742	42.637.554	113.676.999	6.230.706	15.183.529	19.067.273	5.368.638	218.412.292
Nợ phải trả									
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	7.753.272	158.611	-	-	-	-	7.911.883
Tiền gửi và vay các TCTD khác			35.018.481	2.075.800	-	742.610	2.736.420	115.950	40.689.261
Tiền gửi của khách hàng	-	322.944	45.602.057	21.405.329	26.437.519	29.242.235	5.047.892	2.118	128.060.094
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	1.836	2.968.320	-	-	-	75.510	3.045.666
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	552.000	1.219.000	916.000	2.474.000	7.129.000	2.637.000	14.927.000
Các khoản nợ khác	-	1.640.036	560.719	629.061	876.096	818.100	70.936	414	4.595.362
Tổng nợ phải trả	-	1.962.980	89.488.365	28.456.121	28.229.615	33.276.945	14.984.248	2.830.992	199.229.266
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	3.590.851	10.693.762	(46.850.811)	85.220.878	(21.998.909)	(18.093.416)	4.083.025	2.537.646	19.183.026

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

46.1 RỦI RO LÃI SUẤT (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất (kể cả các tài sản và nợ phải trả có lãi suất cố định) có ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng như sau:

	Thay đổi lãi suất	Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018		
VND	+0,20%	(20.734)
VND	-0,20%	20.734
USD	+0,20%	7.184
USD	-0,20%	(7.184)

Các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện mô hình quản lý tài sản nợ - tài sản Có (ALM), với tư vấn của công ty tư vấn nước ngoài, trong đó có phân tích rủi ro lãi suất và phân tích độ nhạy thu nhập lãi thuần thông qua các tình huống thay đổi của lãi suất thị trường.

46.2 RỦI RO TIỀN TỆ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 51.

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

46.2 RỦI RO TIỀN TỆ (tiếp theo)

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	152.696	584.584	16.212	225.148	978.640
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	12.491	-	-	12.491
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	9.846.517	772.993	-	116.033	10.735.543
Cho vay khách hàng - gộp	-	10.030.459	-	75.510	10.105.969
Tài sản Có khác – gộp	14	199.213		2.462	201.689
Tổng tài sản	9.999.227	11.599.740	16.212	419.153	22.034.332
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	4.336.530	-	-	4.336.530
Tiền gửi của khách hàng	87.592	1.905.529	-	97.149	2.090.270
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9.904.243	1.512.921	-	352.221	11.769.385
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	2.969.466	-	75.509	3.044.975
Các khoản nợ khác	37	146.713	186	1.494	148.430
Tổng nợ phải trả	9.991.872	10.871.159	186	526.373	21.389.590
Trạng thái tiền tệ nội bảng	7.355	728.581	16.026	(107.220)	644.742
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	(118.631)	-	118.742	111
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	7.355	609.950	16.026	11.522	644.853

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

46.2 RỦI RO TIỀN TỆ (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng tăng/(giảm) lợi nhuận sau thuế Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018		
EUR	+5,00%	294
EUR	-5,00%	(294)
USD	+2,00%	11.657
USD	-2,00%	(11.657)
SJC	+5,00%	641
SJC	-5,00%	(641)

46.3 RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản nợ phải trả này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường;
- Thời gian đến hạn của các khoản nợ NHNN Việt Nam; nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; phát hành giấy tờ có giá; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư, góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

46.3 RỦI RO THANH KHOẢN (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

	Quá hạn			Trong hạn				
	Trên 03 tháng Triệu đồng	Đến 03 tháng Triệu đồng	Đến 01 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 03 tháng Triệu đồng	Từ 03 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 05 năm Triệu đồng	Trên 05 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.096.395	-	-	-	-	2.096.395
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	5.385.604	-	-	-	-	5.385.604
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	27.822.204	4.603.340	-	-	-	32.425.544
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	51.418	-	508.046	1.633.034	410.878	2.603.376
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	94.273	112.812	1.209	-	-	208.294
Cho vay khách hàng - gộp	1.884.949	1.599.752	7.543.971	17.848.779	44.729.467	20.927.140	28.597.590	123.131.648
Chứng khoán đầu tư - gộp	62.259	-	3.073.045	2.117.744	11.460.920	16.172.388	10.757.261	43.643.617
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	185.117	185.117
Tài sản cố định	-	-	985.963	-	-	57.222	572.271	1.615.456
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	51.955	51.955
Tài sản Có khác - gộp	43.891	-	1.590.882	2.419.675	1.714.595	836.529	459.714	7.065.286
Tổng tài sản	1.991.099	1.599.752	48.643.755	27.102.350	58.414.237	39.626.313	41.034.786	218.412.292
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	7.753.312	56	7.652	125.235	25.628	7.911.883
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	35.018.481	2.075.800	742.610	2.736.420	115.950	40.689.261
Tiền gửi của khách hàng	-	-	45.925.001	21.405.329	55.679.754	5.047.892	2.118	128.060.094
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	691	-	3.044.975	3.045.666
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	552.000	1.219.000	3.390.000	7.129.000	2.637.000	14.927.000
Các khoản nợ khác	-	-	1.919.527	755.126	1.729.578	96.414	94.717	4.595.362
Tổng nợ phải trả	-	-	91.168.321	25.455.311	61.550.285	15.134.961	5.920.388	199.229.266
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.991.099	1.599.752	(42.524.566)	1.647.039	(3.136.048)	24.491.352	35.114.398	19.183.026

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

46.4 RỦI RO GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và các công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

47. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động	630.297	1.199.482
Trong đó:		
- Đến hạn trong 1 năm	34.295	17.558
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	328.043	372.145
- Đến hạn sau 5 năm	267.959	809.779

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và các công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:
 - a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
 - b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Các khoản cho vay và phải thu:
Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:
 - a) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - b) Các khoản được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - c) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
- Tài sản sẵn sàng để bán:
Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:
 - a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước; tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro; các khoản giấy tờ có giá phát hành; các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
 - b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ
Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản khác và nợ tài chính hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng	-	-	-	-	2.096.395	2.096.395	2.096.395
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	-	-	5.385.604	5.385.604	5.385.604
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	1.730.382	-	30.695.162	32.425.544	(*)
Chứng khoán kinh doanh	2.596.626	-	-	-	-	2.596.626	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	121.791.723	-	-	121.791.723	(*)
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	208.294	-	-	-	-	208.294	(*)
Chứng khoán đầu tư	-	16.972.731	-	25.722.182	-	42.694.913	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	164.931	-	164.931	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	3.880.479	-	-	3.880.479	(*)
	2.804.920	16.972.731	127.402.584	25.887.113	38.177.161	211.244.509	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	-	7.911.883	7.911.883	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	40.689.261	40.689.261	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	128.060.094	128.060.094	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	3.045.666	3.045.666	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	14.927.000	14.927.000	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.143.348	3.143.348	(*)
	-	-	-	-	197.777.252	197.777.252	(*)

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

49. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết như sau:

a) Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm trước (Số liệu đã trình bày) Triệu đồng	Phân loại lại Triệu đồng	Năm trước (Phân loại lại) Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	14.959.081	(324.818)	14.634.263
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(8.611.781)	352.342	(8.259.439)
Thu nhập lãi thuần	6.347.300	27.524	6.374.824
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	157.437	(27.524)	129.913

b) Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm trước (Số liệu đã trình bày) Triệu đồng	Phân loại lại Triệu đồng	Năm trước (Phân loại lại) Triệu đồng
--	--	-----------------------------	--

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	15.053.877	(324.818)	14.729.059
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(8.378.071)	352.342	(8.025.729)
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	604.363	(27.524)	576.839

50. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

51. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 Đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Đồng
USD	23.190	22.425
EUR	26.560	27.000
GBP	29.366	30.413
CAD	17.030	17.998
SGD	16.943	16.910
AUD	16.342	17.623
CNY	3.385	3.372
JPY	209,59	200,37
Vàng SJC (lượng)	36.460.000	36.400.000



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2019

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TRONG NƯỚC

- HDBANK**
- 1 Hội sở tại Thành phố Hồ Chí Minh
 - 1 Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
 - 283 Chi Nhánh, phòng Giao Dịch
 - 47 tỉnh thành trên cả nước

- MIỀN NAM**
- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Thành phố Hồ Chí Minh | 9. An Giang |
| 2. Long An | 10. Kiên Giang |
| 3. Tiền Giang | 11. Cà Mau |
| 4. Bến Tre | 12. Đồng Nai |
| 5. Vĩnh Long | 13. Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 6. Cần Thơ | 14. Bình Dương |
| 7. Sóc Trăng | 15. Bình Phước |
| 8. Đồng Tháp | 16. Tây Ninh |

- MIỀN TRUNG & TÂY NGUYÊN**
- | | |
|----------------|--------------------|
| 17. Lâm Đồng | 25. Bình Định |
| 18. Đắk Nông | 26. Quảng Ngãi |
| 19. Đắk Lắk | 27. Quảng Nam |
| 20. Gia Lai | 28. Đà Nẵng |
| 21. Kon Tum | 29. Thừa Thiên Huế |
| 22. Bình Thuận | 30. Quảng Bình |
| 23. Khánh Hòa | 31. Hà Tĩnh |
| 24. Phú Yên | 32. Nghệ An |

- MIỀN BẮC**
- | | |
|-----------------|----------------|
| 33. Thanh Hóa | 41. Bắc Giang |
| 34. Ninh Bình | 42. Lạng Sơn |
| 35. Nam Định | 43. Hưng Yên |
| 36. Hà Nội | 44. Hải Dương |
| 37. Thái Bình | 45. Hải Phòng |
| 38. Vĩnh Phúc | 46. Quảng Ninh |
| 39. Thái Nguyên | 47. Lào Cai |
| 40. Bắc Ninh | |

QUỐC TẾ

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý khoảng 400 ngân hàng và chi nhánh tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm toàn bộ các thị trường trọng yếu.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội sở chính
HDBank Nguyễn Đình Chiểu
HDBank CMT8
HDBank Tân Định
HDBank Sài Gòn
HDBank Trương Định
HDBank Nguyễn Văn Cừ
HDBank Đồng Sài Gòn
HDBank Thảo Điền
HDBank Nguyễn Duy Trinh
HDBank Nguyễn Thị Định
HDBank Duy Tân
HDBank Vạn Hạnh
HDBank Nam Kỳ Khởi Nghĩa
HDBank Khánh Hội
HDBank Hoàng Diệu
HDBank Nguyễn Trãi
HDBank Gia Định
HDBank Minh Phụng
HDBank Phú Lâm
HDBank Bình Phú
HDBank Huỳnh Tấn Phát
HDBank Phú Mỹ Hưng
HDBank Bình Điện

HDBank Nam Sài Gòn
HDBank Hiệp Phú
HDBank Phước Long
HDBank Ngô Gia Tự
HDBank 3-2
HDBank Hòa Hưng
HDBank Hồ Chí Minh
HDBank Lạc Long Quân
HDBank Cây Gõ
HDBank Tạ Uyên
HDBank Trường Chinh
HDBank Nguyễn Ảnh Thủ

HDBank Bình Hưng
HDBank Khu Nam

HDBank Hàng Xanh

HDBank Đinh Bộ Lĩnh
HDBank Bình Thạnh
HDBank Lê Quang Định
HDBank Bạch Đằng
HDBank Phan Văn Trị
HDBank Nguyễn Oanh
HDBank Gò Vấp
HDBank Thái Sơn
HDBank Phú Nhuận
HDBank Lê Văn Sỹ
HDBank Cộng Hòa
HDBank Trường Sơn
HDBank Lành Bình Thăng
HDBank Âu Cơ
HDBank Tân Bình
HDBank Hòa Bình
HDBank Tân Phú
HDBank Lê Trọng Tấn
HDBank Nguyễn Sơn
HDBank Bình Chiểu

HDBank Linh Đông
HDBank Thủ Đức

KHU VỰC HÀ NỘI

Ban đại diện phía Bắc

HDBank Hà Nội

HDBank Nguyễn Trường Tộ

HDBank Tây Hà Nội
HDBank Cầu Giấy
HDBank Trung Hòa
HDBank Tây Đô

HDBank Trung Yên

HDBank Mỹ Đình

Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1
Số 58 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q.1
Số 81 Cách Mạng Tháng 8, P. Bến Thành, Q.1
Số 85 Nguyễn Hữu Cẩu, P. Tân Định, Q.1
Số 22-24-26 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1
Số 118 -120 Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1
Số 118 -120 Nguyễn Văn Cừ, P. Nguyễn Cư Trinh, Q. 1
Số 260 KP1,Trần Nào, P. Bình An, Q.2
Số 14S1 đường số 38, KP.2P, P. Thảo Điền, Q. 2
Số 201 Nguyễn Duy Trinh, P. Bình Trưng Tây, Q.2
Số 519 Nguyễn Thị Định, KP1, P. Cát Lái, Q. 2
Số 69 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3
Số 374-374B Võ Văn Tấn, P.5, Q.3
Số 215 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q3
Số 173 Khánh Hội, P.3, Q.4
Số 1 Đinh Lễ, P. 12, Q. 4
Số 207-209 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5
Toà nhà Hà Phan, Số 1119 Trần Hưng Đạo, P.5, Q. 5
Số 169 - 171 Minh Phụng, P.9, Q.6
Số 138-140 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6
Số 30-32 Bình Phú, P.11, Q. 6
Số 705 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q.7
Số 1485 Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q.7
Sảnh văn phòng Chợ Bình Điện,
Đại lộ Nguyễn Văn Linh, KP6, P.7, Q.8
Số 123 đường số 10, P.4, Q. 8
Số 199 Lê Văn Việt, P.Hiệp Phú, Q.9
Số 93 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long B, Q.9
Số 378-380 Ngô Gia Tự, P.4, Q.10
Số 604 Đường 3 Tháng 2, P.14, Q.10
Số 459 Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10
Tòa nhà K&K, Số 159A - B Lê Đại Hành, P.13, Q.11
Số 593 Bình Thới, P.10, Q.11
Số 1172C đường 3/2, P.12, Q. 11
Số 742-744 Nguyễn Chí Thanh,P.4, Q.11
Số 2/6B Trương Chinh, P.Tân Thới Nhất, Q.12
Số 2C, 12C,14C,1515A Nguyễn Ảnh Thủ, KP3,
P. Trung Mỹ Tây, Q.12
Số A30/20 QL 50, X.Bình Hưng, H.Bình Chánh
Số 39 đường 9A KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng,
huyện Bình Chánh
Tòa nhà Broadcast Điện Biên Phủ, P.15,
Q. Bình Thạnh
Số 51D Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh
Số 132 - 134 đường D2, P.25, Q. Bình Thạnh
Số 472 Lê Quang Định, P.11 Q.Bình Thạnh
Số 145 Lê Quang Định,P.14, Q. Bình Thạnh
Số 561 Phan Văn Trị, P.5, Q. Gò Vấp
Số 679 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp
Số 871 Quang Trung, P.12, Q. Gò Vấp
Số 222 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp
Số 174 Phan Đăng Lưu, P.1, Q.Phú Nhuận
Số 185 B-C Lê Văn Sỹ, P.14, Q.Phú Nhuận
Số 18E Cộng Hòa, P.4, Q.Tân Bình
Số 8A - 10A Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình
Số 449-451 Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình
Số 516 Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình
Số 151 - 1 53 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q. Tân Bình
Số 173 Hoà Bình, P. Hiệp Tân, Q.Tân Phú
Số 21A Gò Dầu, P. Tân Quý, Q. Tân Phú
Số 445-445A Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú
Số 238 Nguyễn Sơn, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú
945 Tỉnh lộ 43, khu phố 2, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức
Số 226 Tô Ngọc Vân, P. Linh Đông, Q.Thủ Đức
Số 269 - 271 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu,
Q. Thủ Đức

Số 173 Khánh Hội, P.3, Q.4
Số 1 Đinh Lễ, P. 12, Q. 4
Số 207-209 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5
Toà nhà Hà Phan, Số 1119 Trần Hưng Đạo, P.5, Q. 5
Số 169 - 171 Minh Phụng, P.9, Q.6
Số 138-140 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6
Số 30-32 Bình Phú, P.11, Q. 6
Số 705 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q.7
Số 1485 Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q.7
Sảnh văn phòng Chợ Bình Điện,
Đại lộ Nguyễn Văn Linh, KP6, P.7, Q.8
Số 123 đường số 10, P.4, Q. 8
Số 199 Lê Văn Việt, P.Hiệp Phú, Q.9
Số 93 Đỗ Xuân Hợp, P. Phước Long B, Q.9
Số 378-380 Ngô Gia Tự, P.4, Q.10
Số 604 Đường 3 Tháng 2, P.14, Q.10
Số 459 Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10
Tòa nhà K&K, Số 159A - B Lê Đại Hành, P.13, Q.11
Số 593 Bình Thới, P.10, Q.11
Số 1172C đường 3/2, P.12, Q. 11
Số 742-744 Nguyễn Chí Thanh,P.4, Q.11
Số 2/6B Trương Chinh, P.Tân Thới Nhất, Q.12
Số 2C, 12C,14C,1515A Nguyễn Ảnh Thủ, KP3,
P. Trung Mỹ Tây, Q.12
Số A30/20 QL 50, X.Bình Hưng, H.Bình Chánh
Số 39 đường 9A KDC Trung Sơn, xã Bình Hưng,
huyện Bình Chánh
Tòa nhà Broadcast Điện Biên Phủ, P.15,
Q. Bình Thạnh
Số 51D Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh
Số 132 - 134 đường D2, P.25, Q. Bình Thạnh
Số 472 Lê Quang Định, P.11 Q.Bình Thạnh
Số 145 Lê Quang Định,P.14, Q. Bình Thạnh
Số 561 Phan Văn Trị, P.5, Q. Gò Vấp
Số 679 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp
Số 871 Quang Trung, P.12, Q. Gò Vấp
Số 222 Nguyễn Thái Sơn, P.4, Q.Gò Vấp
Số 174 Phan Đăng Lưu, P.1, Q.Phú Nhuận
Số 185 B-C Lê Văn Sỹ, P.14, Q.Phú Nhuận
Số 18E Cộng Hòa, P.4, Q.Tân Bình
Số 8A - 10A Trường Sơn, P.2, Q. Tân Bình
Số 449-451 Lý Thường Kiệt, P.8, Q.Tân Bình
Số 516 Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình
Số 151 - 1 53 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q. Tân Bình
Số 173 Hoà Bình, P. Hiệp Tân, Q.Tân Phú
Số 21A Gò Dầu, P. Tân Quý, Q. Tân Phú
Số 445-445A Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú
Số 238 Nguyễn Sơn, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú
945 Tỉnh lộ 43, khu phố 2, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức
Số 226 Tô Ngọc Vân, P. Linh Đông, Q.Thủ Đức
Số 269 - 271 Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu,
Q. Thủ Đức

HDBank Trần Duy Hưng
HDBank Nguyễn Khang
HDBank Ba Đình
HDBank Thành Đô
HDBank Kim Liên
HDBank Thành Công
HDBank Kinh Đô
HDBank Hồ Gươm
HDBank Khâm Thiên
HDBank Lương Định Của
HDBank Ô Chợ Dừa
HDBank Ngọc Thụy
HDBank Thái Thịnh
HDBank Nguyễn Chí Thanh
HDBank Quang Trung

HDBank Hà Đông
HDBank Văn Quán
HDBank Đồng Đa
HDBank Hai Bà Trưng
HDBank Hà Thành
HDBank Tràng Tiền
HDBank Nam Đô
HDBank Hoàng Mai
HDBank Lạc Trung
HDBank Nam Hà Nội
HDBank Hoàn Kiếm
HDBank Trần Hưng Đạo
HDBank Thủ Đức
HDBank Hồng Hà
HDBank Đồng Đa
HDBank Tràng An
HDBank Vĩnh Tuy
HDBank Linh Đàm

HDBank Lê Thanh Nghị
HDBank Long Biên
HDBank Hà Huy Tập
HDBank Từ Liêm
HDBank Mỹ Đình 2

HDBank Mỹ Đình 1
HDBank Hùng Vương
HDBank Tây Hồ
HDBank Yên Thái
HDBank Yên Phụ
HDBank Hoàng Văn Thái
HDBank Thanh Xuân
HDBank Thượng Đình

HDBank Triều Khúc

TỈNH LONG AN

HDBank Long An
Long An
HDBank Long Hậu
HDBank Tầm Vu
tỉnh Long An
HDBank Đức Hòa

TỈNH TIỀN GIANG

HDBank Tiền Giang

TỈNH BẾN TRE

HDBank Bến Tre
HDBank Ba Trĩ

HDBank Mỏ Cây Bấc

TỈNH VINH LONG

HDBank Vinh Long
HDBank Vũng Liêm

HDBank Tam Bình

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

HDBank Cần Thơ
HDBank Xuân Khánh

HDBank Thốt Nốt
HDBank Ô Môn

Tầng 1 Toà nhà CT3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy
Số 78 Nguyễn Khang, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy
Số 243A Đề La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa
Số 20 Tập thể T579C Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa
Số 59 Xã Đàn, P. Phương Liên, Q. Đống Đa
Số 101 và 201 – C18 Nguyễn Hồng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa
Số 198A Trương Chinh, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa
Số 165 Thái Hà, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa
Số 96-98 Khâm Thiên, P. Khâm Thiên, Q. Đống Đa
Số 02, ngõ 11+13 Lương Định Của, P. Kim Liên, Q. Đống Đa
Số 26 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa
Số 246 Ngọc Thụy, P Ngọc Thụy, Q. Long Biên
Số 61 phố Thái Thịnh, Tó 13b, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa
Số 174 Đường Láng, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa
Lô T1-03, tầng 1, tòa nhà CT2, chung cư Ngõ Thi Nhậm,
P. Hà Cầu, Q. Hà Đông
Ô số 5, lô BT1, khu đô thị Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông
Số 54 Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán, Q. Hà Đông
Số 70 Trần Đại Nghĩa, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
Số 183 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng
Số 288 phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng
Số 118 Đại Cồ Việt, P. Lê Đại Hành,Q. Hai Bà Trưng
Số 145 Phố Vọng, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
Số 86Vô Thị Sáu, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng
Số 12-14 Lạc Trung, P. Thanh Lương, Q. Hai Bà Trưng
Số 39 Tuệ Tĩnh, P. Bưởi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng
Số 32 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm
Số 33 Tràng Thi, P.Trần Hưng Đạo, Q.Hoàn Kiếm
Số 14-16 Hàm Long, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm
Số 1 Nguyễn Văn Tố, P.Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm
Số 52 Nguyễn Siêu, P. Hàng Buồm, Q. Hoàn Kiếm
Số 98B Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm
Số 40 Hàng Thiếc, P. Hàng Gai, Q. Hoàn Kiếm
BT1, Ô Số 7, Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, P. Đại Kim,
Q. Hoàng Mai

Số 142 Nguyễn An Ninh, P. Tượng Mai, Q. Hoàng Mai
Số 562 Nguyễn Văn Cừ, P. Gia Thụy, Q. Long Biên
Số 547 Ngô Gia Tự, P. Đức Giang, Q. Long Biên
Tổ 8 Tu Hoàng, P. Phương Canh, Q.Nam Từ Liêm
Lô 117 Kiểu nhà 1B khu nhà thấp tầng TT3, Tổ 4, P. Mỹ Đình 1,
Q. Nam Từ Liêm
Tầng 1, nhà A4 KĐT Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm
Số 249A Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ
Số 22 Xuân La, P. Xuân La, Q.Tây Hồ
Số 392 Thụy Khuê, P. Bưởi, Q.Tây Hồ
Số 45 đường Âu Cơ, P. Quảng An, Q. Tây Hồ
Số 142 Hoàng Văn Thái, P. Khương Mai, Q.Thanh Xuân
Số 144 Khuất Duy Tiến, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân
Tầng 1 tòa nhà Nam Anh, Số 68 Ngõ 116 Nhân Hòa,
P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân
Xóm Cầu, Xã Triều Khúc, Huyện Thanh Trì

Số 130– 132 Nguyễn Hữu Thọ, KP 3, TT Bến Lức, H. Bến Lức, tỉnh

Ấp 3 Xã Long Hậu, H. Cần Giuộc, tỉnh Long An
Số 262 Đỗ Tường Phong, Khóm 1, TT Tầm Vu, H. Châu Thành,

Số 162C Đường tỉnh 824, Khu phố 3, Thị trấn Đức Hòa ,
H. Đức Hòa, tỉnh Long An

Số 130– 132 Nguyễn Hữu Thọ, KP 3, TT Bến Lức, H. Bến Lức, tỉnh

Ấp 3 Xã Long Hậu, H. Cần Giuộc, tỉnh Long An
Số 262 Đỗ Tường Phong, Khóm 1, TT Tầm Vu, H. Châu Thành,

Số 162C Đường tỉnh 824, Khu phố 3, Thị trấn Đức Hòa ,
H. Đức Hòa, tỉnh Long An

Số 95 - 95A, Ấp Bắc, P.5, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số 257A Đại lộ Đồng Khởi, P. Phú Tâm, Tp. Bến Tre
Số 34 Đường 19/5, Kp2, Thị trấn Ba Trĩ, huyện Ba Trĩ,
tỉnh Bến Tre
Số 67A Tỉnh lộ 882, Phước Hậu, Phước Mỹ Trung,
huyện Mỏ Cây Bấc, tỉnh Bến Tre

Số 138 Phạm Thái Bường, Khóm 1, P.4, Tp. Vĩnh Long
Số 160N Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Khóm 2, TT Vũng Liêm,
tỉnh Vĩnh Long
Số 24 Phan Văn Đáng, Khóm 1, Thị trấn Tam Bình,
huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Số 162-162B Trần Hưng Đạo,P. An Nghiệp, Q. Ninh Kiều
PG1-10 Khu TM Vincom Center, Số 209A-209B Đường 30/4,
P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Số 262 Quốc lộ 91, Long Thành 1, P. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ
Số 554/6 Khu vực 4 đường 26/3, P. Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn,
Tp. Cần Thơ

TỈNH SÓC TRĂNG

HDBank Sóc Trăng
HDBank Châu Thành

HDBank Trần Đề

HDBank Ngã Năm

TỈNH ĐỒNG THÁP

HDBank Đồng Tháp
HDBank Sa Đéc

HDBank Tháp Mười

HDBank Hồng Ngự

TỈNH AN GIANG

HDBank An Giang

HDBank Châu Phú

HDBank Châu Đốc

HDBank Thoại Sơn

TỈNH KIÊN GIANG

HDBank Kiên Giang

HDBank Phú Quốc

HDBank An Biên

HDBank Minh Lương

TỈNH CÀ MAU

HDBank Cà Mau
HDBank Sông Đốc
HDBank Tắc Vân
HDBank Năm Căn

TỈNH ĐỒNG NAI

HDBank Đồng Nai
HDBank Khu Công Nghiệp AMATA

HDBank Thanh Bình
HDBank Tân Biên

HDBank Sở giao dịch Đồng Nai
HDBank Quyết Thắng
HDBank Bửu Long
HDBank Tân Phong
HDBank Tân Mai
HDBank Quang Vinh
HDBank Đồng Khởi

HDBank Hồ Nai
HDBank Tân Hiệp
HDBank Tân Hòa
HDBank Tam Hiệp

HDBank Tam Phước
HDBank Long Bình
HDBank Thanh Phú

HDBank Vĩnh An
HDBank Phước Bình

HDBank Nhơn Trạch

HDBank Long Thành

HDBank Xuân Hòa

HDBank Định Quán

HDBank Phương Lâm

HDBank Gia Ray

HDBank Thống Nhất

Số 179-179A Trần Hưng Đạo, P.3, Tp. Sóc Trăng
Số 327 Quốc Lộ 1A, Ấp Trà Quýt A, TT Châu Thành,
H.Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Số 240 Nam Sông Hậu, Ấp Đầu Giồng, TT. Trần Đề,
tỉnh Sóc Trăng
Số 27-29 Mai Thanh Thế, K1,P1, TX. Ngã Năm,
tỉnh Sóc Trăng

Số 62-64 Lý Thường Kiệt, P.2, Tp. Cao Lãnh
Số A8-10 Hùng Vương, P.2, TP Sa Đéc,
tỉnh Đồng Tháp
Số 118 Hùng Vương, Khóm 4, TT Mỹ An,
H. Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp
Số 85-87 Lê Hồng Phong, phường An Thạnh,
Thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

Số 246 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Xuyên,
Tp. Long Xuyên
Số 06-08, Nguyễn Trãi, TT Cái Dầu, H. Châu Phú,
tỉnh An Giang
Số 163-165 Lê Lợi, tổ 17, khóm Châu Long 2,
P.Châu Phú B, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang
Số 407, Nguyễn Huệ, TT Núi Sập, tỉnh An Giang

Lô A7-63+64 Ba Tháng Hai, P. Vĩnh Bảo,
Tp. Rạch Giá
Số 50 đường 30/4, Thị trấn Dương Đông,
Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
QL63, số 58B, Tổ 1, TT Thứ 3, H. An Biên,
tỉnh Kiên Giang
Số 589 KP Minh Phú, TT Minh Lương,
H. Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Số 138A- 138B Ngô Quyền, P.9, Tp. Cà Mau
Số 66 Trần Hưng Đạo, P5, Tp.Cà Mau
Số 666 Quốc lộ 1A, Xã Tắc Vân, Tp. Cà Mau
Số 221 Hùng Vương, thị xã Năm Căn,
huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Số 208D Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa
Số 50 - 52 đường Đồng Khởi, Khu phố 4,
P. Tân Hiệp, Tp. Biên Hoà
Số 93 đường 30/4, P.Thanh Bình, Tp. Biên Hòa
Số 388, đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 9,
P. Hồ Nai, Tp. Biên Hòa
Số 294-296 KP1, CMT8, P.Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa
Số 53-55 Võ Thị Sáu, P. Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa
Số 3/6C Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa
Số 378 Quốc Lộ 1, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa
Số 1/20 tổ 3 KP7, P.Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa
Số 19/1 ấp Đồng Nai, xã Hòa An, Tp. Biên Hòa
Ki-ốt 13-14 KCC Thanh Bình, Nguyễn Trãi,
P.Thanh Bình, Tp. Biên Hòa
A3-A8 KP5, P. Tân Biên, Tp. Biên Hòa
Số 433-435, KP6, Đồng Khởi,P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa
Số 58/1-60/1 KP2, P. Tân Hòa, Tp. Biên Hòa
Số 151/2, KP4, Phạm Văn Thuận, P. Tam Hiệp,
Tp. Biên Hòa
Số 246B ấp Long Đức 1, Xã Tam Phước, Tp. Biên Hòa
Số 351, quốc lộ 51, KP1, P. Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa
Số 459A, ấp 1, xã Thanh Phú, H. Vĩnh Cửu,
tỉnh Đồng Nai

KP5, Thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Tổ 5, Ấp 2, Xã Phước Bình, H. Long Thành,
tỉnh Đồng Nai
Số 357 Hùng Vương, Ấp 3, Xã Hiệp Phước,
H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Số 173/K5, Lê Duẩn, Khu Văn Hải,
Thị Trấn Long Thành, tỉnh Đồng Nai
Số 520 Hùng Vương, P. Xuân Hòa,TX Long Khánh,
H. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số 193 quốc lộ 20, ấp Hiệp Quyet, TX Định Quán,
H. Định Quán, tỉnh Đồng Nai
Số 2117 QL20 Ấp Phương Lâm 1, X.Phú Lâm,
H. Tân Phú, tỉnh Đồng Nai
Số 362, Trần Phú, KP3, TT Gia Ray, H.Xuân Lộc,
tỉnh Đồng Nai

A2/063, quốc lộ 20, ấp Bắc Sơn, xã Quang Trung,
H. Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
Số 179-179A Trần Hưng Đạo, P.3, Tp. Sóc Trăng
Số 327 Quốc Lộ 1A, Ấp Trà Quýt A, TT Châu Thành,
H.Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Số 240 Nam Sông Hậu, Ấp Đầu Giồng, TT. Trần Đề,
tỉnh Sóc Trăng
Số 27-29 Mai Thanh Thế, K1,P1, TX. Ngã Năm,
tỉnh Sóc Trăng

HDBank Xuân An

HDBank Trảng Bom

HDBank Sông Ray
HDBank Hồ Nai 3
HDBank Đồng Hòa

TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

HDBank Vũng Tàu
HDBank Lý Thường Kiệt
HDBank Rạch Dừa
HDBank Bà Rịa
HDBank Phước Tỉnh
HDBank Châu Đức

TỈNH BÌNH DƯƠNG

HDBank Bình Dương
HDBank Dĩ An
HDBank Sở Sao
HDBank Hòa Lân
HDBank Thủ Dầu Một
HDBank Bình An
HDBank Lái Thiêu

HDBank Bàu Bàng

TỈNH BÌNH PHƯỚC

HDBank Bình Phước
HDBank Thác Mơ

TỈNH TÂY NINH

HDBank Tây Ninh
HDBank Tân Châu
HDBank Xa Mát
HDBank Trảng Bàng

TỈNH LÂM ĐỒNG

HDBank Lâm Đồng
HDBank Đức Trọng

TỈNH ĐẮK NÔNG

HDBank Đăk Nong

TỈNH ĐẮK LẮK

HDBank Đăk Lăk
HDBank Chư Quynh
HDBank Krông Buk
HDBank Ea H’Leo

TỈNH GIA LAI

HDBank Gia Lai
HDBank Pleiku
HDBank Đak Đoa

HDBank Chư Sê

TỈNH KON TUM

HDBank Kon Tum
HDBank Ngọc Hới

TỈNH BÌNH THUẬN

HDBank Bình Thuận
HDBank Hàm Thuận Nam

HDBank Đức Linh

TỈNH KHÁNH HÒA

HDBank Nha Trang
HDBank Chợ Mới
HDBank Cam Ranh

HDBank Trung Tâm

TỈNH PHÚ YÊN

HDBank Phú Yên

TỈNH BÌNH ĐỊNH

HDBank Bình Định
HDBank An Nhơn

HDBank Tây Sơn
HDBank Bồng Sơn

KP1, đường Hùng Vương, P. Xuân An, TX. Long Khánh,
H. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
B4-B5, khu nhà ở Bắc, quốc lộ 1A, TT Trảng Bom, H. Trảng Bom,
tỉnh Đồng Nai
Ấp 5, xã Sông Ray, H. Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
Ấp Thanh Hóa, quốc lộ 1A, xã Hồ Nai 3, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Số 12, Khu 6, ấp Bàu Că, xã Trung Hòa, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Số 7 Nguyễn Thái Học, Tp. Vũng Tàu
Số 35 Trần Hưng Đạo, P.1, Tp. Vũng Tàu
Số 213 -215 đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu
Số 267 Cách Mạng Tháng 8, P. Phước Hưng, Tp Bà Rịa, tỉnh BRVT
Số 10 tổ 2, ấp Phước Lâm, X. Phước Hưng, H. Long Điền, tỉnh BRVT
Số 307 Hùng Vương, KP2, TT Ngải Giao, H. Châu Đức, tỉnh BRVT

Số 558 Đại Lộ Bình Dương,P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một
Số 90 đường Dĩ An Truông Tre, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Ấp 2, X. Tân Định, H. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Số 27/2 KP Bình Giao, P.Thuận Giao, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương
Lô B, ô 1 và ô 2, KP chợ Đình Bộ Lĩnh, P.Phú Cường, Tp. Thủ Dầu Một
Số 38A/3 quốc lộ 1K, Nội Hóa 2,P.Bình An, TX Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Số 41/3, Phan Đình Phùng, KP Long Thới, P.Lái Thiêu,
TX Thuận An, tỉnh Bình Dương
Đường D1-5A xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương



TỈNH QUẢNG NGÃI

HDBank Quảng Ngãi

HDBank Đức Phổ

TỈNH QUẢNG NAM

HDBank Quảng Nam

HDBank Tam Kỳ

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

HDBank Đà Nẵng

HDBank Lê Duẩn

HDBank Hải Châu

HDBank Hòa Cường

HDBank Nguyễn Văn Linh

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

HDBank Huế

HDBank Bắc Sông Hương

HDBank Hương Thủy

TỈNH QUẢNG BÌNH

HDBank Quảng Bình

TỈNH HÀ TĨNH

HDBank Hà Tĩnh

HDBank Vũng Áng

HDBank Lộc Hà

HDBank Hương Sơn

TỈNH NGHỆ AN

HDBank Nghệ An

HDBank Hưng Phúc

HDBank Quán Hành

HDBank Minh Khai

HDBank Vinh

HDBank Diễn Châu

TỈNH THANH HÓA

HDBank Thanh Hóa

HDBank Lam Sơn

HDBank Tĩnh Gia

HDBank Đào Duy Từ

TỈNH NINH BÌNH

HDBank Ninh Bình

TỈNH NAM ĐỊNH

HDBank Nam Định

HDBank Chợ Rồng

TỈNH THÁI BÌNH

HDBank Thái Bình

TỈNH VINH PHÚC

HDBank Vinh Phúc

TỈNH THÁI NGUYÊN

HDBank Thái Nguyên

TỈNH BẮC NINH

HDBank Bắc Ninh

HDBank Từ Sơn

HDBank Yên Phong

TỈNH BẮC GIANG

HDBank Bắc Giang

TỈNH LẠNG SƠN

HDBank Lạng Sơn

HDBank Đồng Đăng

HDBank Hữu Lũng

TỈNH HƯNG YÊN

HDBank Hưng Yên

TỈNH HẢI DƯƠNG

HDBank Hải Dương

HDBank Điện Biên Phủ

HDBank Thành Đông

HDBank Trường An

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HDBank Hải Phòng

HDBank Hải Đăng

HDBank Ngô Quyền

HDBank Lê Chân

TỈNH QUẢNG NINH

HDBank Quảng Ninh

HDBank Cẩm Phả

HDBank Mạo Khê

HDBank Uông Bí

TỈNH LÀO CAI

HDBank Lào Cai

HDBank Cam Đường

HDBank Sa Pa

Số 298 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trai, Tp. Lạng Sơn

119 Khu Dây Thép, TT Đồng Đăng, H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Số 10A đường Chi Lăng, khu An Ninh, Thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

Số 129 Hải Thượng Lãn Ông, P Hiến Nam, Tp. Hưng Yên

Số 360 Nguyễn Lương Bằng, Tp. Hải Dương

Số 199 Điện Biên Phủ, P. Bình Hàn, Tp. Hải Dương

Số 22 Quang Trung, P. Quang Trung, Tp. Hải Dương

Số 225 – 22 7 Trưỡng Chính, P Thanh Bình, Tp. Hải Dương

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, P. Cát Dài, Q. Lê Chân , Tp. Hải Phòng

Số 02, lô 22A, Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Số 376 Tô Hiệu, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng

Số 116C Lương Khánh Thiện, P. Lương Khánh Thiện, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Số 131 đường 25/4, P.Bạch Đằng, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Số 402 Trần Phú, P. Cẩm Trung, Tp. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Số 137 đường Hoàng Hoa Thám, P.Mạo Khê, TX. Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Số 1 Trần Quốc Toản, P. Quang Trung, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Số 143 Hoàng Liên, P. Cốc Lếu, Tp.Lào Cai

Số 6 Đại lộ Trần Hưng Đạo, P. Bắc Cường, Tp. Lào Cai

Số 417 Điện Biên Phủ, Thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

Số 219- 221 Quang Trung, P. Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi

Số 310 Nguyễn Nghiêm, TT Đức Phổ, H.Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Số 244 Lý Thường Kiệt, P. Sơn Phong, Tp. Hội An

Số 237-239 Phan Chu Trinh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Số 74 – 76 – 78 Chi Lăng, P.Hải Châu 2, Q. Hải Châu

Số 185 Đống Đa,P.Thạnh Thang, Q. Hải Châu

Lô 500A Điện Biên Phủ,P. Hoà Khê, Q. Thanh Khê

Số 376 Núi Thành, P. Hoà Cường, Q. Hải Châu

Số 194-196 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê

Số 41-43 Bến Nghé, P. Phú Hội, Tp. Huế

Số 81 Mai Thúc Loan, phường Thuận Thành, Tp. Huế

Số 153 Nguyễn Tất Thành, P. Hương Thủy, TX Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 352 Trần Hưng Đạo, P.Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Số 75 Phan Đình Phùng, P. Bắc Hà, Tp. Hà Tĩnh

Tổ dân phố Liên Giang, P. Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Số 22/12 thôn Hồng Lạc, X.Thạch Châu, H. Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Số 56 Nguyễn Tuấn Thiện, Khối phố 1, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Số 39 Lê Hồng Phong, P. Hưng Bình, Tp. Vinh

Số 282 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Phúc, Tp. Vinh

Khối 04 TT Quán Hành, H. Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Số 78 Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Vinh

Số 22, Quang Trung, P. Quang Trung, Tp.Vinh

Thôn 7, xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Số 13+14 phố Phan Chu Trinh, P. Điện Biên, Tp. Thanh Hóa

Số 488 Quang Trung, P. Đông Vệ, Tp. Thanh Hóa

Số 232 Quang Trung, tiểu khu 3, TT Tĩnh Gia, H Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

LK1-19 phố Đào Duy Từ, P. Ba Đình, tỉnh Thanh Hóa

Số 185 Lương Văn Thăng, P. Đồng Thành, Tp Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Số 9 Nguyễn Du, P.Nguyễn Du, Tp. Nam Định

Số 97 Thành Chung, P. Cửa Bắc , Tp. Nam Định

Lô 7 – 8 đường Trần Phú, P Trần Hưng Hưng Đạo, Tp. Thái Bình

Số 03 đường Mê Linh, P Liên Bảo, Tp. Vinh Yên

Tổ 23, Đường Bắc Sơn, P Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên

Tăng 1 Viglacere, số 15 Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh

198 Trần phú, P. Đồng Ngàn, Thị xã Từ sơn, tỉnh Bắc Ninh

Số 178 đường 286 TT Chử, H. Yên Phong, Tp. Bắc Ninh

Số 772 Lê Lợi, P.Dĩnh Kế, Tp. Bắc Giang



NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP HCM - HDBANK HỘI SỞ

25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: +84 2862 915 916 | Fax: +84 2862 915 900

Call Center: 1900 6060 | www.hdbank.com.vn